

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BÁO CÁO  
TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH  
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
(GIAI ĐOẠN 2019 - 2023)**

*(Theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT  
các trình độ GDDH của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành  
tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016)*

**Nghệ An, tháng 01 năm 2024**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH  
Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học  
ngành Quản trị kinh doanh**

(Kèm theo Quyết định số: 2763/QĐ-ĐHV ngày 11 tháng 10 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| TT | Họ và tên                 | Chức danh, chức vụ                   | Nhiệm vụ     | Chữ ký |
|----|---------------------------|--------------------------------------|--------------|--------|
| 1  | Ông Nguyễn Huy Bằng       | Hiệu trưởng                          | Chủ tịch     |        |
| 2  | Bà Nguyễn Thị Thu Cúc     | Phó Hiệu trưởng                      | Phó Chủ tịch |        |
| 3  | Bà Nguyễn Thị Minh Phượng | Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế       | Phó Chủ tịch |        |
| 4  | Ông Nguyễn Thanh Diệu     | Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL       | Thư ký       |        |
| 5  | Bà Hoàng Phan Hải Yến     | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL           | Thành viên   |        |
| 6  | Ông Nguyễn Văn Phú        | Trưởng phòng Đào tạo SDH             | Thành viên   |        |
| 7  | Ông Thiều Đình Phong      | Trưởng phòng TCCB                    | Thành viên   |        |
| 8  | Ông Nguyễn Hồng Soa       | Trưởng phòng CTCT-HSSV               | Thành viên   |        |
| 9  | Ông Mai Văn Chung         | Trưởng phòng KH&HTQT                 | Thành viên   |        |
| 10 | Ông Hoàng Việt Dũng       | Trưởng phòng KH-TC                   | Thành viên   |        |
| 11 | Ông Nguyễn Đức Bình       | Giám đốc Trung tâm TT-TV NTH         | Thành viên   |        |
| 12 | Ông Trần Đình Luân        | Trưởng phòng QT&ĐT                   | Thành viên   |        |
| 13 | Ông Lê Công Đức           | Giám đốc Trung tâm DV, HTSV & QHDN   | Thành viên   |        |
| 14 | Bà Hồ Thị Diệu Ánh        | Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh      | Thành viên   |        |
| 15 | Ông Trần Quang Bách       | Phó Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh  | Thành viên   |        |
| 16 | Bà Trần Thị Lê Na         | Phó Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh  | Thành viên   |        |
| 17 | Ông Đặng Thành Cương      | Trưởng Khoa Tài chính - Ngân hàng    | Thành viên   |        |
| 18 | Bà Hồ Mỹ Hạnh             | Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế       | Thành viên   |        |
| 19 | Ông Lê Thanh Tùng         | HVCH Khóa 30 A2, Quản trị kinh doanh | Thành viên   |        |

Danh sách này gồm có 19 người./.

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                           |            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH THEO BỘ TIÊU CHUẨN CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.....</b>                                | <b>i</b>   |
| <b>MỤC LỤC .....</b>                                                                                                                                                                      | <b>ii</b>  |
| <b>DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT .....</b>                                                                                                                                                    | <b>vi</b>  |
| <b>DANH MỤC CÁC BẢNG.....</b>                                                                                                                                                             | <b>vii</b> |
| <b>PHẦN I. KHÁI QUÁT .....</b>                                                                                                                                                            | <b>1</b>   |
| 1.1. Đặt vấn đề.....                                                                                                                                                                      | 1          |
| 1.2. Tổng quan chung .....                                                                                                                                                                | 4          |
| 1.2.1. Tổng quan về Trường Đại học Vinh .....                                                                                                                                             | 4          |
| <b>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ .....</b>                                                                                                                           | <b>8</b>   |
| Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT) .....                                                                                                              | 8          |
| Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với Mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học ..... | 8          |
| Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.....               | 11         |
| Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai .....                                         | 13         |
| Kết luận về tiêu chuẩn 1 .....                                                                                                                                                            | 15         |
| Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo .....                                                                                                                                        | 17         |
| Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật ....                                                                                                            | 17         |
| Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.....                                                                                                                     | 19         |
| Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận .....                                                  | 21         |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 2.....                                                                                                                                                             | 22         |
| Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học .....                                                                                                                             | 23         |
| Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CDR.....                                                                                                                        | 23         |
| Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng.....                                                                                                           | 25         |
| Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....                                                                                | 26         |
| Kết luận về tiêu chuẩn 3.....                                                                                                                                                             | 28         |
| Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học .....                                                                                                                             | 29         |
| Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CDR.....                                                                                                                        | 29         |
| Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng.....                                                                                                           | 31         |
| Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....                                                                                | 32         |
| Kết luận về tiêu chuẩn 3.....                                                                                                                                                             | 34         |
| Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học .....                                                                                                                                    | 35         |
| Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.....                                                                  | 35         |

|                                                                                                                                                                                                                                            |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR.....                                                                                                                                                          | 39 |
| Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học .....                                                                                                         | 42 |
| Kết luận Tiêu chuẩn 4 .....                                                                                                                                                                                                                | 44 |
| Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học .....                                                                                                                                                                                 | 45 |
| Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra. ....                                                                                                                     | 45 |
| Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học .....               | 47 |
| Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....                                                                                                                            | 49 |
| Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.....                                                                                                                                             | 50 |
| Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.....                                                                                                                                                   | 52 |
| Kết luận về tiêu chuẩn 5 .....                                                                                                                                                                                                             | 53 |
| Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên .....                                                                                                                                                                                                     | 54 |
| Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng..... | 54 |
| Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng .....                              | 59 |
| Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....                                                                  | 64 |
| Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá.....                                                                                                                                                          | 67 |
| Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....                                                                  | 71 |
| Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng .....   | 74 |
| Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....                                                                                            | 78 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 6.....                                                                                                                                                                                                              | 82 |
| Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên .....                                                                                                                                                                                                      | 85 |
| Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ                                                                                                |    |

|                                                                                                                                                                                                         |     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng .....                                                                                                          | 85  |
| Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai .....                                                                          | 89  |
| Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá .....                                                                                                                       | 91  |
| Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó .....                                             | 94  |
| Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng ..... | 97  |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 7.....                                                                                                                                                                           | 100 |
| Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....                                                                                                                                              | 101 |
| Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.....                                                                                                 | 101 |
| Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.....                                                                                                  | 104 |
| Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học .....                                                            | 105 |
| Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học .....            | 107 |
| Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.....                                                         | 109 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 8.....                                                                                                                                                                           | 111 |
| Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....                                                                                                                                                     | 113 |
| Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo.....                                                          | 113 |
| Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo.....                                                                                              | 116 |
| Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .....                                                                | 119 |
| Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .....                                     | 120 |
| Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.....                                                        | 123 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 9.....                                                                                                                                                                           | 126 |
| Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....                                                                                                                                                                 | 127 |
| Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.....                                                          | 127 |
| Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....                                                                                          | 129 |

|                                                                                                                                                                                    |            |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra ..... | 131        |
| Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học .....                                                                                      | 132        |
| Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.....  | 134        |
| Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....                                                                              | 137        |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 10.....                                                                                                                                                     | 140        |
| Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....                                                                                                                                                 | 141        |
| Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thời học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....                                                                          | 141        |
| Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....                                                                      | 144        |
| Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....                                                                     | 146        |
| Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....                                        | 149        |
| Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....                                                                | 151        |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 11.....                                                                                                                                                     | 153        |
| <b>PHẦN III. KẾT LUẬN .....</b>                                                                                                                                                    | <b>154</b> |

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| TT | Chữ viết tắt | Chữ đầy đủ             |
|----|--------------|------------------------|
| 1  | BGD&ĐT       | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 2  | CB           | Cán bộ                 |
| 3  | CBQL         | Cán bộ quản lý         |
| 4  | CĐR          | Chuẩn đầu ra           |
| 5  | CTDH         | Chương trình dạy học   |
| 6  | CTĐT         | Chương trình đào tạo   |
| 7  | ĐBCL         | Đảm bảo chất lượng     |
| 8  | GD&ĐT        | Giáo dục và đào tạo    |
| 9  | GS           | Giáo sư                |
| 10 | GV           | Giảng viên             |
| 11 | KHCL         | Kế hoạch chiến lược    |
| 12 | NCKH         | Nghiên cứu khoa học    |
| 13 | PGS          | Phó giáo sư            |
| 14 | QTKD         | Quản trị kinh doanh    |
| 15 | SĐH          | Sau đại học            |
| 16 | SV           | Sinh viên              |
| 17 | TS           | Tiến sĩ                |

## DANH MỤC CÁC BẢNG

|                                                                                                                                                                                       |     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Bảng 3.1. Kết cấu của chương trình dạy học.....                                                                                                                                       | 23  |
| Bảng 3.1. Kết cấu của chương trình dạy học.....                                                                                                                                       | 29  |
| Bảng 6.1.1: Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu đào tạo trình độ SDH ngành Quản trị kinh doanh theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2023-2024 (tính đến tháng 1/2024): ..... | 55  |
| Bảng 6.1.2: Thống kê số liệu đội ngũ GV, NCV được tuyển mới của Trường Kinh tế trong 5 năm qua .....                                                                                  | 56  |
| Bảng 6.2.1. Số GV quy đổi tham gia giảng dạy chương trình thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh của giai đoạn 2018 – 2022 .....                                                           | 60  |
| Bảng 6.2.2. Tỷ lệ HV/GV tham gia giảng dạy thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh giai đoạn 2018 - 2022 .....                                                                              | 60  |
| Bảng 6.2.3. Bảng thống kê khối lượng các hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ hàng năm của giảng viên khoa Quản trị kinh doanh năm học 2022 -2023 .....                                  | 61  |
| Bảng 6.3.1. Số lượng giảng viên được tuyển dụng từ 2018-2022.....                                                                                                                     | 65  |
| Bảng 6.5.1. Danh sách GV Khoa Quản trị kinh doanh học tập nâng cao trình độ trong giai đoạn đánh giá .....                                                                            | 72  |
| Bảng 6.6.1. Danh hiệu thi đua khen thưởng của CB-GV Khoa Quản trị kinh doanh (Từ năm 2018 đến 2022) .....                                                                             | 75  |
| Bảng 6.7.1. Tình hình nghiên cứu khoa học của giảng viên của Trường Kinh tế.....                                                                                                      | 79  |
| Bảng 6.7.2. Hình thức và số lượng ấn phẩm nghiên cứu của trường Kinh tế.....                                                                                                          | 80  |
| Bảng 8.1. Tình hình nhập học của người học chuyên ngành QTKD trong giai đoạn đánh giá.....                                                                                            | 101 |
| Bảng 8.2: Thống kê tình hình nhập học của HV cao học năm thứ nhất.....                                                                                                                | 104 |
| Bảng 8.3: Thống kê tình hình tốt nghiệp của học viên cao học QTKD .....                                                                                                               | 106 |
| Bảng 11.1. Tỷ lệ người học tốt nghiệp, thôi học theo các khóa học từ năm 2020 - 2023 ngành Quản trị kinh doanh .....                                                                  | 141 |
| Bảng 11.2: Đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế, Kinh tế chính trị Trường Kinh tế.....                                                      | 142 |
| Bảng 11.3: Đối sánh tỷ lệ người học thôi học các ngành tại trường Kinh tế .....                                                                                                       | 142 |
| Bảng 11.4: Thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình ngành QTKD .....                                                                                                                  | 144 |
| Bảng 11.5: Tỷ lệ tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn và trễ hạn của người học ngành QTKD .....                                                                                             | 145 |
| Bảng 11.6: Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành Quản trị kinh doanh với các ngành khác trong Trường.....                                                                | 145 |
| Bảng 11.7: Khu vực làm việc của người học ngành QTKD .....                                                                                                                            | 147 |
| Bảng 11.8: Đối sánh tỷ lệ có việc làm việc của người học ngành QTKD với các ngành khác trong trường.....                                                                              | 148 |

## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1.1. Đặt vấn đề

Tự đánh giá CTĐT là quá trình cơ sở giáo dục dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành để tự xem xét, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT, làm căn cứ để cơ sở giáo dục tiến hành điều chỉnh các nguồn lực cũng như quá trình thực hiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Trong quá trình triển khai CTĐT Thạc sĩ ngành QTKD, Trường Kinh tế - Trường ĐH Vinh luôn quan tâm đến chất lượng đào tạo cũng như đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Tự đánh giá CTĐT Thạc sĩ QTKD là một khâu quan trọng trong toàn bộ quá trình phát triển CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng CTĐT theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành.

Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT Thạc sĩ QTKD cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng theo *Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*, thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT (GD&ĐT); Hướng dẫn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 và Công văn số 774/ QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021, Hướng dẫn số 1074/ QLCL-KĐCLGD ngày 28/6/2016, Hướng dẫn số 1669/ QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục quản lý chất lượng.

Báo cáo tự đánh giá gồm 03 phần: Phần I. Khái quát; Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Phần III. Kết luận và Phụ lục. Cụ thể như sau:

#### - Phần 1. Khái quát

Phần *Khái quát* của báo cáo tự đánh giá CTĐT Thạc sĩ QTKD) giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính theo các tiêu chuẩn. Phần khái quát mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, giải thích cách mã hóa minh chứng trong báo cáo tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá, sự tham gia của các bên liên quan. Phần này cũng nêu lên mục đích, quy trình, phạm vi, sứ mạng tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách đảm bảo chất lượng của khoa QTKD, Trường Kinh tế - Trường ĐH Vinh.

#### - Phần 2. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Phần *Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí* của báo cáo tự đánh giá CTĐT Thạc sĩ GDH (GDMN) được trình bày theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí, ban hành kèm Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT (GD&ĐT) Kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của

*Cục Quản lý chất lượng*). Cụ thể, đó là nội dung tự đánh giá về: TC1. Mục tiêu và CDR của CTĐT; TC2. Bản mô tả CTĐT; TC3. Cấu trúc và nội dung CTDH; TC4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; TC5. Đánh giá kết quả học tập của người học; TC6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên (NCV); TC7. Đội ngũ nhân viên (NV); TC8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học; TC9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị; TC10. Nâng cao chất lượng; TC 11. Kết quả đầu ra.

- Phần 3. Kết luận:

Phần *Kết luận* của báo cáo mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT, đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng.

Mục đích tự đánh giá là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT ThS QTKD

Tự đánh giá hướng tới:

- Nâng cao chất lượng CTĐT Thạc sĩ QTKD bằng việc tự rà soát và đánh giá thực trạng của CTĐT tại thời điểm tự đánh giá, từ đó xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; đảm bảo tính khoa học trong việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn.

- Làm căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài, là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong hoạt động đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội.

- Xác định rõ ràng mục tiêu cần đạt của CTĐT thạc sĩ QTKD để cán bộ GV của Khoa biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT, từ đó có hướng giải quyết nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT đáp ứng được yêu cầu của nghề nghiệp trong bối cảnh đổi mới chương trình và sách giáo khoa.

Phạm vi tự đánh giá:

Trường Kinh tế, Trường ĐH Vinh thực hiện tự đánh giá CTĐT Thạc sĩ QTKD dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu Nhà trường và sự cung cấp thông tin của các phòng chức năng trong Trường với các thông tin và minh chứng trong 3 năm gần đây, cụ thể là từ năm 2020 đến 2022 (sau khi có 2 khoá tốt nghiệp)

Hội đồng tự đánh giá:

Hội đồng tự đánh giá CTĐT Thạc sĩ QTKD được thành lập theo Quyết định số 3263/QĐ-ĐHV ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHV. Hội đồng gồm có thành viên và thành viên của các bên liên quan: cán bộ quản lý Trường, Khoa, GV, viên chức trong Trường. Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban Thư ký gồm 22 thư kí và 5 nhóm chuyên trách bao gồm 55 thành viên.

Phương pháp đánh giá:

Hoạt động tự đánh giá CTĐT Thạc sĩ QTKD dựa theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học, thực hiện theo hướng dẫn của Thông

tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn 2085/QLCL ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng giáo dục; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021; Hướng dẫn số 1074/QLCL-KĐCLGD ngày 28/6/2016; Hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục quản lý chất lượng.

Đối với mỗi tiêu chí, Khoa tiến hành xem xét theo trình tự sau: Mô tả thực trạng của CTĐT; Phân tích và chỉ ra những điểm mạnh và những điểm còn tồn tại; Lên kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

Quy trình tự đánh giá:

Các bước thực hiện tự đánh giá như sau:

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký, các nhóm công tác;

Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Hoàn thiện tổng thể báo cáo tự đánh giá;

Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Trường để đọc và góp ý kiến;

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phương pháp mã hóa minh chứng:

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp  $n \geq 10$  thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01)

ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...).

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1;

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4.

H8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8.

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

- Sự tham gia của các bên liên quan

Hội đồng tự đánh giá CTĐT thạc sĩ QTKD được thành lập theo Quyết định số 3263/QĐ-ĐHV ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh gồm Ban Giám hiệu, Chủ tịch Hội đồng Trường, cán bộ GV của Trường Kinh tế, khoa QTKD, các cán bộ phòng, ban, trung tâm trong trường.

Sự phản hồi của học viên, các cựu học viên là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá.

Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, Phòng Đào tạo sau đại học Phòng Khoa học & Hợp tác Quốc tế cung cấp thông tin về đề tài khoa học các cấp, các công trình sách, giáo trình, các bài báo. Phòng Tổ chức Cán bộ, phòng Hành chính tổng hợp cung cấp minh chứng về các quyết định. Trường Kinh tế, Khoa QTKD tiến hành viết báo cáo tự đánh giá và tìm các minh chứng liên quan đến các nhiệm vụ của Trường, Khoa.

## **1.2. Tổng quan chung**

### ***1.2.1. Tổng quan về Trường Đại học Vinh***

Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng.

Trường Đại học Vinh mà tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Quyết định Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NQ. Sau đó ba năm, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962, chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh là đào tạo giáo viên có trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành đào tạo khác phù hợp với khả năng của Trường và nhu cầu nhân lực của xã hội, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Trường Đại học Vinh đã xác định mục tiêu là xây dựng Trường thành một cơ sở đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ; đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học đa ngành; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học - công nghệ gắn với đào tạo; thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống xã hội; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề và các cơ sở khác trong khu vực. Với khẩu hiệu hành động "Đoàn kết - Đổi mới - Hội nhập - Phát triển" quyết tâm xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á, với phương châm: đón đầu, hiệu quả, đồng bộ và hiện đại.

Ngày 25/4/2001, Trường Đại học Sư phạm Vinh được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định đổi tên thành Trường Đại học Vinh. Để phù hợp với giai đoạn phát triển

mới, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của khu vực Bắc Trung bộ, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nhà trường đã tuyên bố sứ mạng: "Trường Đại học Vinh là trường đại học đảm bảo có uy tín trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học, các chuyên gia giáo dục và cán bộ kỹ thuật với chất lượng cao, là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cả nước, đặc biệt là các tỉnh Bắc Trung Bộ".

Đến ngày 11/7/2011, Trường được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Với vai trò, vị trí mới, Trường đã điều chỉnh sứ mạng như sau "Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa cấp và đa hệ; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thế giới việc làm, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước".

Như vậy, sứ mạng của Trường được trình bày rõ ràng, mang tính chiến lược, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Sứ mạng cũng là lời tuyên bố, cam kết về những trọng trách mà Nhà trường coi là chủ yếu nhất của mình đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo.

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, tình hình kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước có nhiều biến chuyển. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Nghệ An đến năm 2020 chỉ rõ "Xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc vào năm 2015, tạo cơ sở đến năm 2020 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp; là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ; quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo". Như vậy, Nghệ An phải đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung là rất cần thiết và cấp bách.

Thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo (năm 2013) Trường đã điều chỉnh sứ mạng thành: "*Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ*". Năm 2019, Trường Đại học Vinh ban hành kèm theo quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2019 về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường trong giai đoạn mới phù hợp với bối cảnh mới đến năm 2030 của trường. Sứ mạng mới của trường được định hướng và hoàn thiện hơn: "*Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo*

viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học”. Tầm nhìn của Nhà trường vươn xa hơn: “Trường Đại học Vinh trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN”. Tiếp đến, để thực hiện sự phát triển giáo dục đại học theo định hướng mới của đất nước giai đoạn 2021-2025, Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 18/10/2022 về sứ mạng: *Trường Đại học Vinh là CSGD đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển GD&ĐT của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế* ; Tầm nhìn là : *“Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, xếp hạng top 1.000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045”*. Như vậy, sứ mạng, tầm nhìn của Trường được xác định phù hợp, gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Trường đã tiến hành tự đánh giá lần đầu vào năm 2016, được đánh giá ngoài cơ sở GDDH vào năm 2017 và được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục năm 2017. Năm 2022, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá CSGD chu kỳ 2, cũng trong năm 2022 đã được đánh giá ngoài CSGD và được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục năm 2023. Từ kết quả tự đánh giá, đặc biệt là kết luận của Đoàn đánh giá ngoài năm các 2017 và 2023, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại mà báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài chỉ ra. Đến nay, Trường đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn được Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học trọng điểm. Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá nhằm thấy được một bức tranh toàn cảnh về một Trường Đại học Vinh đa ngành được đánh giá chân thực, toàn diện các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo và trước xã hội.

Ra đời trong hoàn cảnh đất nước đổi mới và nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh đa ngành, Khoa Kinh tế không ngừng phát triển cả về quy đội ngũ cán bộ và số lượng sinh viên và trở thành đơn vị đào tạo nguồn nhân lực khối ngành kinh tế chất lượng cao hàng đầu khu vực Bắc Trung Bộ, tạo dựng được niềm tin, uy tín trong xã hội. Thực hiện chủ trương tái cấu trúc Trường Đại học Vinh, từ tháng 9/2021, Trường Kinh tế thuộc trường Đại học Vinh được thành lập trên cơ sở tổ chức lại các đơn vị đào tạo của khoa Kinh tế. Đến nay Trường có quy mô hơn 4.000 học viên, sinh viên đại học, sau đại học. Nhiều cựu học viên, sinh viên của Trường đã trở thành những nhà quản lý kinh tế giỏi, những giám đốc doanh nghiệp tài ba.

Năm 2021, nằm trong chủ trương tái cấu trúc của trường Đại học Vinh, để

khẳng định vai trò và nâng cao hơn nữa vị thế đào tạo giáo viên của nhà trường, các khoa đào tạo giáo viên được sát nhập thành trường thuộc. Khoa QTKD được thành lập theo Quyết Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 21/7/2021 của Hội đồng Trường ĐH Vinh về việc thành lập Trường Kinh tế thuộc Trường Đại học Vinh.

Khoa QTKD, Trường Kinh tế, Trường ĐH Vinh thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.
- Đào tạo trình độ đại học các ngành: Quản trị kinh doanh, Thương mại điện tử, Quản trị kinh doanh Chất lượng cao.
- Đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành: Quản trị kinh doanh
- NCKH về lĩnh vực giáo dục nhằm phục vụ đào tạo và phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

Trong thời gian qua, Khoa QTKD đã đào tạo trên 3000 Cử nhân hệ chính quy, 62 Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Hiện nay, khoa đang đào tạo hơn 1200 sinh viên, 68 học viên cao học. SV, HV tốt nghiệp từ Khoa QTKD có thể đảm nhận và thành đạt ở nhiều vị trí việc làm khác nhau trong các tổ chức và doanh nghiệp.

Tháng 4 năm 2019, Khoa Quản trị kinh doanh vinh dự được cấp Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-CEA) cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình cử nhân Quản trị kinh doanh (hệ chính quy) đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Tháng 12 năm 2021, chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh được trao quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học và kết quả xếp hạng theo khung xếp hạng Đại học của Việt Nam UPM với đánh giá chất lượng đạt mức 4\* plus

Hiện nay, đội ngũ GV của Khoa có 12 người, được đào tạo đại học và sau đại học ở các trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế, trong đó 2 PGS, 05 tiến sĩ, 03 GV chính, và 05 thạc sĩ. Hầu hết GV của Khoa được tham gia tập huấn và học tập nâng cao trình độ thường xuyên. Và cùng tham gia đào tạo cho hệ đại học chính quy và thạc sĩ có đội ngũ giảng viên công tác ở các đơn vị trong trường Kinh tế, trường ĐH Vinh. Ngoài ra, Khoa còn có mối quan hệ thường xuyên với các cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước.

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

### **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)** **Mở đầu**

Trường Đại học Vinh ra quyết định cho phép đào tạo thạc sĩ ngành QTKD vào tháng 9 năm 2020. Việc mở mã ngành đào tạo thạc sĩ QTKD cho thấy xu thế phát triển hội nhập kinh tế thế giới. Chính vì vậy, ngay từ khi nghiên cứu xây dựng CTĐT Nhà trường đã xác định rất rõ mục tiêu CTĐT phải phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, nhu cầu xã hội và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra (CĐR) bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT và thường xuyên được rà soát, cập nhật để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với Mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

#### *1. Mô tả hiện trạng*

*Mục tiêu của CTĐT thạc sĩ ngành QTKD được xác định rõ ràng.*

Từ năm 2020, Trường Đại học Vinh ra quyết định cho phép đào tạo thạc sĩ ngành QTKD [H1.01.01.01]. Trong quá trình đào tạo, mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường ứng với từng giai đoạn cụ thể [H1.01.01.02], phù hợp với Mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học hiện hành [H1.01.01.03].

Thạc sĩ QTKD là ngành học có tính ứng dụng cao vì vậy mục tiêu CTĐT được xác định tập trung nâng cao kiến thức và rèn luyện thuần thục kỹ năng quản trị hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu điều hành quản lý tổ chức, doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay. Vì vậy, ngay từ khi xây dựng mục tiêu CTĐT năm 2020 đã có sự cân nhắc lựa chọn tập trung vào các mục tiêu phát triển năng lực quản lý cho người học. Cụ thể “Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành **Quản trị kinh doanh** định hướng ứng dụng có kiến thức chuyên sâu quản trị kinh doanh, có năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn đến quản trị kinh doanh, có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc đào tạo tiến sĩ trong nước và nước ngoài.” [H1.01.01.04].

Nhà trường đã xây dựng mục tiêu CTĐT thạc sĩ QTKD gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể đáp ứng các điều kiện nêu trên và được thể hiện đầy đủ trong CTĐT bản mô tả CTĐT [H1.01.01.05] của các năm 2023. Mục tiêu chung mô tả khái quát kỳ vọng về năng lực, triển vọng nghề nghiệp của học viên sau tốt nghiệp từ 3 đến 5 năm; mục tiêu cụ thể mô tả chi tiết về năng lực kiến thức, kỹ năng, phẩm chất thái độ và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của học viên sẽ đạt được nhằm đáp ứng mục tiêu

chung của CTĐT. Mục tiêu CTĐT được xác định rõ ràng, cụ thể bao gồm kiến thức, kỹ năng, phẩm chất thái độ và được xây dựng Khoa học để có thể đo lường đánh giá được, từ đó làm căn cứ quan trọng triển khai xây dựng CDR, mà trận đóng góp của các học phần [H1.01.01.06] và đề cương chi tiết (ĐCCT) học phần [H1.01.01.07].

Năm 2023 trên cơ sở các Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như phân tích nhu cầu của người học, chiến lược đào tạo định hướng ứng dụng của Nhà trường, CTĐT thạc sĩ QTKD được thiết kế lại theo hướng tăng thời lượng thực hành và rèn nghiệp vụ kỹ năng vì vậy mục tiêu trong CTĐT cũng có sự điều chỉnh rất mạnh mẽ so với các phiên bản trước. Cụ thể, mục tiêu CTĐT 2022 thể hiện nội hàm của cả năng lực kiến thức kỹ năng phẩm chất thái độ với cấp độ thuần thực, hiện đại và linh hoạt đáp ứng sự phát triển của môi trường, có năng lực học tập suốt đời đáp ứng nhu cầu công việc, có chuẩn trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh).

*Mục tiêu CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường:*

Căn cứ vào quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam của Chính phủ, các quyết định, văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H1.01.01.08], tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Vinh [H1.01.01.02], các văn bản quy định của Nhà trường về đào tạo trình độ thạc sĩ [H1.01.01.08] và đặc biệt là nhu cầu của thị trường và đơn vị sử dụng lao động [H1.01.01.09] trong từng giai đoạn tương ứng. Nhà trường đã tiến hành đối sánh mục tiêu của CTĐT thạc sĩ ngành QTKD với mục tiêu của Khung trình độ quốc gia và một số trường đại học. [H1.01.01.10]

Năm 2022 Trường Đại học Vinh đã thay đổi chiến lược tổng thể và có sự điều chỉnh trong tầm nhìn và sứ mệnh [H1.01.01.02], trong đó các ngành QTKD luôn được chọn là ngành mũi nhọn trong cung cấp nguồn nhân lực chất lượng phục vụ mục tiêu kinh tế-xã hội, phù hợp với nhu cầu chung của cả nước. [H1.01.01.02].

Năm 2023 trên cơ sở các Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như phân tích nhu cầu của người học, chiến lược đào tạo định hướng ứng dụng của Nhà trường, CTĐT thạc sĩ QTKD được thiết kế lại theo hướng tăng thời lượng thực hành và rèn nghiệp vụ kỹ năng vì vậy mục tiêu trong CTĐT cũng có sự điều chỉnh rất mạnh mẽ so với các phiên bản trước. Như vậy mục tiêu CTĐT 2023 đã có sự điều chỉnh và được xác định rõ ràng hơn, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với Mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học và các quy định hiện hành. [H1.01.01.10],

*Mục tiêu CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.*

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học: *Mục tiêu giáo dục đại học được quy định tại Điều 5, Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật giáo dục đại học Số*

42/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018, Cụ thể “Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức Khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực Khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo” [H1.01.01.03]. Từ đó, Nhà trường chỉ đạo xây dựng mục tiêu của CTĐT thạc sĩ QTKD bám sát các tiêu chí cơ bản của Luật Giáo dục đại học như “Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành **Quản trị kinh doanh** định hướng ứng dụng có kiến thức chuyên sâu quản trị kinh doanh, có năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn đến quản trị kinh doanh, có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc đào tạo tiến sĩ trong nước và nước ngoài.” [H1.01.01.03].

Năm 2020 thực hiện kế hoạch xây dựng đề án mở ngành đào tạo thạc sĩ QTKD [[H1.01.01.07], Khoa Kinh tế đã thực hiện việc xây dựng mục tiêu CTĐT, khảo sát các bên liên quan kết quả khảo sát nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động trong từng giai đoạn tương ứng làm căn cứ pháp lý và căn cứ thực tiễn để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đề án. Việc xây dựng các nội dung đề án đều phân tích rất kỹ các văn bản quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và đào tạo [H1.01.01.03], [H1.01.01.04] tầm nhìn sứ mệnh của Nhà trường [H1.01.01.02],

Năm 2023 trên cơ sở các Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như phân tích nhu cầu của người học, chiến lược đào tạo định hướng ứng dụng của Nhà trường, CTĐT thạc sĩ QTKD được thiết kế lại theo hướng tăng thời lượng thực hành và rèn nghiệp vụ kỹ năng vì vậy mục tiêu trong CTĐT cũng có sự điều chỉnh rất mạnh mẽ so với các phiên bản trước.

## 2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT thạc sĩ ngành QTKD đã được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu của Luật giáo dục đại học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội về nguồn nhân lực quản trị kinh doanh.

Mục tiêu của CTĐT bậc thạc sĩ ngành QTKD gắn với mục tiêu sứ mệnh của Nhà trường trong từng giai đoạn, phù hợp với Mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học và các văn bản quy định hiện hành và được xây dựng dựa trên kết quả khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh và cập nhật các nội dung mới của ngành QTKD phù hợp với thực tế xã hội.

## 3. Điểm tồn tại

Trong quá trình xây dựng mục tiêu CTĐT có khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến của các bên liên quan nhưng đối tượng khảo sát chưa đa dạng; Sau tổng hợp ý kiến các bên liên quan chưa tổ chức được hội thảo để thống nhất ý kiến mục tiêu CTĐT.

Chưa thực hiện khảo sát độc lập về nhu cầu và xu hướng phát triển của thị trường lao động, chủ yếu dựa trên số liệu thứ cấp từ các báo cáo, văn bản đã được công bố.

#### 4. Kế hoạch hành động

| Stt | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị, cá nhân thực hiện                    | Thời gian                                   |
|-----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1   | Khắc phục điểm tồn tại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu số liệu thống kê về cựu người học và xu hướng nhu cầu thị trường để xây dựng kế hoạch lấy mẫu đảm bảo đảm.</li> <li>- Tổ chức hội thảo thống nhất ý kiến về mục tiêu CTĐT sau khảo sát.</li> <li>- Nghiên cứu độc lập về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT trong vòng 5 năm.</li> </ul> | Phòng Đào tạo SDH, Trường Kinh tế, Khoa QTKD | Đầu và cuối mỗi khoá tuyển sinh từ năm 2023 |
| 2   | Phát huy điểm mạnh     | Xây dựng kế hoạch rà soát cập nhật, điều chỉnh CTĐT thường xuyên hơn đáp ứng với những thay đổi về xu hướng, chính sách và nhu cầu đào tạo.                                                                                                                                                                                                                  | Phòng Đào tạo SDH, Trường Kinh tế, Khoa QTKD | Đầu và cuối mỗi khoá tuyển sinh từ năm 2023 |

#### 5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

##### 1. Mô tả hiện trạng

*CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng.*

Chuẩn đầu của CTĐT bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT thạc sĩ QTKD. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng dựa vào các trình độ năng lực CDIO thiết kế rõ ràng cho từng nhóm năng lực, có áp dụng thang đo năng lực của Bloom trong đo lường kiến thức, thang đo tâm vận động trong đo lường kỹ năng và thái độ. CĐR cũng được ban hành độc lập và được công bố công khai trên các website và kênh truyền thông của Nhà trường.

Năm 2020 khi thực hiện xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo thạc sĩ QTKD chưa có bản CĐR được ban hành độc lập mà là một mục được thể hiện trong bản CTĐT hoặc bản mô tả CTĐT tương ứng [H1.01.02.01]. Năm 2023, Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 [H1.01.02.02]. Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 [H1.01.02.03], Nhà trường đã ban hành các quyết định, quy

định rất rõ ràng và hướng dẫn cụ thể về quy trình, cách thức, thể thức xây dựng CDR cho CTĐT 2023 như Kết luận số 87 ngày 30/05/2023 [H1.01.02.04] về sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo thạc sĩ cũng như căn cứ vào nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động. Ngày 26/4/2023 Trường Đại học Vinh ban hành Quyết định 1037/QĐ-ĐHV Khung Chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh. [H1.01.02.05]. Kế hoạch số 64/KH-ĐHV ngày 6/6/2023 về hướng dẫn chi tiết việc thực hiện đề tài CDIO xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ cập nhật mẫu và hướng dẫn viết chuẩn đầu ra, CTĐT, Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ [H1.01.02.06].

CDR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, bao gồm các chuẩn cho khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở chuyên ngành, khối kiến thức chuyên ngành từ đó làm căn cứ để xây dựng ĐCCT và các chuẩn đầu ra cho từng học phần học phần trong ĐCCT [H1.01.02.07] giúp cho người học và giảng viên dễ dàng xác định mục tiêu phương pháp tiếp cận trong quá trình học tập và giảng dạy. Từ CDR của CTĐT và ĐCCT các học phần(HP) sẽ tổng hợp nên ma trận mức độ đóng góp của các CDR cho mục tiêu CTĐT và ma trận mức độ đóng góp của các học phần cho CDR của CTĐT (ma trận kỹ năng) [H1.01.02.08] và được thể hiện trong bản mô tả CTĐT.

*CDR của CTĐT phải nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.*

Chuẩn đầu của CTĐT bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT thạc sĩ QTKD. Chuẩn đầu ra được xây dựng đảm bảo tính liên thông dọc, liên thông ngang trong CTĐT bậc thạc sĩ. [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], Nhà trường đã ban hành Quyết định 1037/QĐ-ĐHV Khung Chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh các CDR được xây dựng căn cứ trên cơ sở khung chuẩn chung của Nhà trường. Khung CDR chung của Nhà trường được ban hành kèm theo QĐ 655 ngày 28/3/2022 bao gồm 8 CDR cấp độ 2 và 20 CDR cấp độ 3.

Nhà trường cũng khuyến khích các Khoa có nhiều chuyên ngành đào tạo thạc sĩ thuộc cùng nhóm ngành nên có những học phần dùng chung, chính vì vậy sẽ có một số CDR chung được áp dụng cho các chương trình của Nhà trường như năng lực vận dụng kiến thức về triết học Mác - Lênin, năng lực ngoại ngữ - tiếng Anh - đạt mức 4/6 theo khung năng lực quốc gia Việt Nam và năng lực học tập suốt đời. [H1.01.02.05].

CDR ngành QTKD đáp ứng yêu cầu của nhóm cơ sở ngành như có kiến thức nâng cao về kinh doanh và quản lý, đồng thời có những CDR thể hiện tính chuyên ngành mang đặc thù của CTĐT như kiến thức, kỹ năng về quản trị hiện đại, tư duy phân biện và tư duy sáng tạo, khả năng bao quát, kỹ năng điều hành tổ chức [H1.01.02.11].

Ngoài những kiến thức và kỹ năng chung, CDR của CTĐT thạc sĩ ngành

QTKD đặc biệt chú trọng đến những năng lực chuyên biệt trong định hướng nghề nghiệp ở những vị trí lãnh đạo cấp cao trong doanh nghiệp và tổ chức như giám đốc, tổng giám đốc. Nếu như CĐR của CTĐT đại học QTKD tập trung vào hình thành và phát triển năng lực quản lý và hướng đến vị trí nghề nghiệp ban đầu là chuyên viên, quản trị viên cấp cơ sở thì CĐR của CTĐT thạc sĩ QTKD tập trung nhấn mạnh vào những năng lực quản trị hiện đại, chuyên nghiệp với những yêu cầu rất cao về mức độ nhận thức và kỹ năng (chuyên sâu, thành thạo, sáng tạo, độc lập) để đáp ứng các vị trí công việc của quản trị viên cấp trung trở lên và tiếp tục mở rộng cơ hội phát triển nghề nghiệp ở môi trường năng động hơn như khu vực và môi trường quốc tế.

## 2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT thạc sĩ ngành QTKD được xác định rõ ràng, đã xác định rõ những yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể đối với người tốt nghiệp. Nội dung CĐR hướng tới hình thành năng lực chủ động, sáng tạo của người học, đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT và khuyến khích khả năng học tập suốt đời cho người học. CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa và Nhà Trường.

## 3. Điểm tồn tại

Một số CĐR còn khó đo lường, việc sắp xếp các chuẩn đầu ra đóng góp trong ma trận còn một số chỗ chưa khoa học.

## 4. Kế hoạch hành động

| Stt | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                  | Đơn vị, cá nhân thực hiện                    | Thời gian                                   |
|-----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1   | Khắc phục điểm tồn tại | - Cần có kế hoạch tham vấn ý kiến các bên liên quan về CĐR<br>- Cần tham khảo ý kiến các nhà tuyển dụng khung năng lực nghề nghiệp để xây dựng CĐR phù hợp.               | Phòng Đào tạo SDH, Trường Kinh tế, Khoa QTKD | Đầu và cuối mỗi khoá tuyển sinh từ năm 2023 |
| 2   | Phát huy điểm mạnh     | Xây dựng kế hoạch rà soát cập nhật, điều chỉnh CĐR thường xuyên hơn đáp ứng với những thay đổi về xu hướng, chính sách và nhu cầu đào tạo được điều chỉnh trong Mục tiêu. | Phòng Đào tạo SDH, Trường Kinh tế, Khoa QTKD | Đầu và cuối mỗi khoá tuyển sinh từ năm 2023 |

Rà soát, hoàn thiện chuẩn đầu ra cho Khoa học, đáp ứng mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

## 5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

### *1. Mô tả hiện trạng*

Triển khai xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo thạc sĩ ngành QTKD, Nhà trường đã thực hiện khảo sát ý kiến và tham vấn ý kiến các bên liên quan, tuy nhiên việc xây dựng các CDR chưa được tham vấn một cách cụ thể rõ ràng. Năm 2023, Nhà trường triển khai Kế hoạch số 64/KH-ĐHV ngày 6/6/2023 về hướng dẫn chi tiết việc thực hiện đề tài CDIO xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ cập nhật mẫu và hướng dẫn viết chuẩn đầu ra, CTĐT, Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành QTKD được xây dựng bản dự thảo sau khi tham khảo đối sánh từ các CDR của Bộ Giáo dục Đào tạo, CDR của Trường Đại học Vinh và đối sánh CDR của các Trường Đại học. Sau đó bản dự thảo CDR được thực hiện khảo sát trên cơ sở điều tra, khảo sát yêu cầu nhân lực của thị trường lao động [H1.01.03.01]. Sau khi thực hiện khảo sát, kết quả khảo sát được tổng hợp [H1.01.03.02] có sự tham gia đóng góp ý kiến của nhà tuyển dụng lao động, giảng viên, người học.

Dựa trên kết quả lấy ý kiến của các bên liên quan tổ soạn thảo đã phân tích và nhận diện một số nhu cầu cần điều chỉnh trong xây dựng CDR cho CTĐT thạc sĩ QTKD như tăng khối lượng thực hành, thực tế; tăng cường rèn luyện các kỹ năng quản trị điều hành hiện đại. Riêng đối với đơn vị sử dụng lao động thì đề xuất tăng thêm các môn học về kỹ năng giải quyết vấn đề, lãnh đạo, kỹ năng tư duy sáng tạo và tư duy phản biện, kỹ năng quản trị nhân sự CDR được điều chỉnh, bổ sung trong từng giai đoạn theo hướng ngày càng cụ thể, rõ ràng với các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ đạo đức nghề nghiệp, khả năng công tác sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường [H1.01.03.03]

Kết quả soạn thảo CDR được báo cáo trước Hội đồng chuyên môn Khoa QTKD [H1.01.03.04]. Sau khi tiếp nhận các góp ý của Khoa chuyên môn, nhóm soạn thảo điều chỉnh CDR đề xuất bản dự thảo trình lên Hội đồng khoa học Trường Kinh tế. [H1.01.03.05]. Sau khi tiếp thu các ý kiến của Hội đồng khoa học Trường Kinh tế nhóm soạn thảo chỉnh sửa hoàn thiện và đề xuất thẩm định ở cấp trường trước khi phòng Sau đại học tham mưu trình Hiệu trưởng ra quyết định ban hành theo quy định.

CDR của CTĐT thạc sĩ ngành QTKD đã thể hiện được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm người học cần đạt được sau quá trình đào tạo, đồng thời phản ánh được yêu cầu của đối tượng có liên quan

Việc rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT thạc sĩ ngành QTKD được xây dựng trong kế hoạch của Khoa QTKD và được thực hiện 2 năm 1 lần. CDR được công bố công khai trên website của Khoa và Nhà trường giúp cho người học, giảng viên, nhà tuyển dụng và xã hội dễ dàng tiếp cận [H1.01.03.06].

### *2. Điểm mạnh*

Chuẩn đầu ra CTĐT thạc sĩ ngành QTKD được xây dựng trên cơ sở các quy định hiện hành, có sự tham gia của các bên liên quan và tham khảo các chuẩn năng lực của lao động đến năm 2025.

Chuẩn đầu ra của CTĐT được định kỳ rà soát và công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Nội dung cụ thể của CDR được phản ánh trong Bản mô tả chương trình và trong từng học phần cụ thể của chương trình đào tạo và được chỉnh sửa hàng năm; được công bố công khai cho học viên ngay từ năm thứ nhất, và được cụ thể trong từng năm học.

### 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan để góp ý, xây dựng, chỉnh sửa CDR trước khi ban hành chưa được đồng bộ, số lượng ý kiến phản hồi chưa cao so với số phiếu thăm dò ý kiến đã gửi. Chưa đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến, một số cuộc thăm dò ý kiến được tích hợp trong các chuyển thực tế doanh nghiệp nhưng không được ghi chép thành biên bản.

Sự tham gia của các bên liên quan chưa được cụ thể hoá và điều chỉnh trong việc xây dựng CDR.

### 4. Kế hoạch hành động

| Stt | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị, cá nhân thực hiện    | Thời gian         |
|-----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------|
| 1   | Khắc phục điểm tồn tại | Đa dạng hoá đối tượng lấy ý kiến khảo sát trong xây dựng mục tiêu CTĐT để điều chỉnh và cập nhật phù hợp với thực tế xã hội.                                                                                                                                   | Phòng Đào tạo SDH, Khoa QTKD | Năm học 2023-2024 |
| 2   | Phát huy điểm mạnh     | Xây dựng kế hoạch rà soát cập nhật, điều chỉnh CDR thường xuyên hơn đáp ứng với những thay đổi về xu hướng, chính sách và nhu cầu đào tạo được điều chỉnh trong Mục tiêu.<br>Công bố CDR công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. | Phòng Đào tạo SDH, Khoa QTKD | Năm học 2023-2024 |

### 5. Tự đánh giá: 5/7

#### **Kết luận về tiêu chuẩn 1**

CTĐT thạc sĩ ngành QTKD đã thể hiện mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng người học đạt được khi tốt nghiệp. Mục tiêu và CDR được xây dựng khoa học đã phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học đáp ứng được yêu cầu xã hội. CDR của CTĐT thạc sĩ ngành QTKD được định kỳ rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung có sự tham gia của các bên liên quan, được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau tới

người học và các bên liên quan.

## **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

### **Mở đầu**

Bản mô tả CTĐT thạc sĩ ngành QTKD được thiết kế, xây dựng theo đúng cấu trúc chương trình do Bộ GD&ĐT quy định, phù hợp với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và yêu cầu của thực tiễn hội nhập kinh tế quốc tế. Đây là tài liệu cung cấp thông tin về CTĐT bậc thạc sĩ ngành QTKD tới người học, nhà tuyển dụng và được công bố công khai, dễ dàng tiếp cận. Trên cơ sở CTĐT, Bản mô tả CTĐT đã được phê duyệt, Khoa QTKD đã tổ chức xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết các học phần đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin và cập nhật được thông báo công khai tới các đối tượng liên quan.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả chương trình đào tạo được xây dựng với đầy đủ các thông tin liên quan và liên tục được cập nhật, Cấu trúc bản mô tả CTĐT rõ ràng, tuân thủ theo quy định của Trường ĐH Vinh [H2.02.01.01], và Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học [H2.02.01.03, H2.02.01.04]

Bản mô tả CTĐT cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết về nội dung của CTĐT.  
Cụ thể:

- Tên CSGD
- Tên chuyên ngành và ngành đào tạo
- Mã số chuyên ngành đào tạo
- Hình thức đào tạo
- Trình độ và thời gian đào tạo
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp (bằng tiếng Việt và tiếng Anh)

Mô tả chương trình đào tạo: Giới thiệu về chương trình đào tạo, thông tin chung về chương trình, mục tiêu đào tạo của chương trình, tiêu chí tuyển sinh, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, nội dung CTĐT, cấu trúc chương trình dạy học, đề cương các học phần.

CTĐT được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các chương trình đào tạo thạc sĩ QTKD của các trường đại học lớn trong nước như, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học KTQD, Trường Đại học kinh tế Đà Nẵng, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; Các chương trình đào tạo thạc sĩ QTKD của các trường đại học trên thế giới như Trường Đại học Harvard, USA, Đại học Latrobe, Úc. [H2.02.01.08].

Bản mô tả CTĐT được cập nhật đầy đủ những vấn đề, thông tin mới nhất theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới. Khối kiến thức chuyên ngành và ngành được

thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh nội dung thực hành, thực tế của các kiến thức được đào tạo và các văn bản quy định hiện hành, Bản mô tả CTĐT được hoàn thiện và công bố vào tháng 9/2020 và chỉnh sửa bổ sung vào tháng 10/2022. Cụ thể các nội dung cập nhật của bản mô tả CTĐT như sau:

Năm 2020, Trường đã ban hành Quyết định số 2476/QĐ-ĐHV tháng 9 năm 2020 về việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ QTKD [H2.02.01.03]. Tại bản mô tả CTĐT được kèm theo đề án năm 2020, nội dung thông tin chung về CTĐT được giới thiệu khá cơ bản. Mục tiêu đào tạo được chi tiết thành 2 mục tiêu là mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, trong đó: mục tiêu cụ thể được chi tiết thành các mục tiêu về kiến thức, về năng lực và thái độ; CDR của CTĐT được mô tả cụ thể về kiến thức và năng lực chuyên môn, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, những vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.

Năm 2022, trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ ngành [H2.02.01.04] và để chuẩn hoá CTĐT, nâng cao chất lượng đào tạo, tiếp cận với CTĐT thạc sĩ tiên tiến trong và ngoài nước, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định và tổ chức điều chỉnh CDR, CTĐT, Bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ QTKD theo định hướng ứng dụng phù hợp với những nội dung quy định mới do Nhà trường ban hành năm 2022 [H2.02.01.03, H2.02.01.07]. Nội dung điều chỉnh Bản mô tả CTĐT bao gồm: mục tiêu chương trình đào tạo, mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu đào tạo của chương trình đã có sự thay đổi đáng kể so với bản mô tả năm 2020. Mục tiêu cụ thể được mã hóa theo các mã PO1, PO2, PO3, PO4. Chuẩn đầu ra của CTĐT và ma trận phân nhiệm CDR CTĐT cho các học phần cũng được rà soát, chỉnh sửa.

Để đảm bảo người học đạt được các yêu cầu về chuẩn kiến thức và kỹ năng, chương trình luôn có sự điều chỉnh cập nhật, bổ sung học phần mới, các học phần tự chọn...với các yêu cầu được chi tiết hóa trong đề cương học phần [H2.02.01.02]; đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra - đánh giá,... để giúp người học phát triển toàn diện hơn các kiến thức và kỹ năng như CDR đã tuyên bố, đồng thời đáp ứng tốt hơn các yêu cầu ngày càng cao của người học cũng như nhà tuyển dụng/sử dụng lao động.

Khoa QTKD phát triển CTĐT thạc sĩ ngành QTKD bằng việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, cụ thể năm 2023 Khoa QTKD triển khai thực hiện đề tài phát triển CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QTKD theo tiếp cận CDIO, các sản phẩm của đề tài gồm mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra CTĐT, khung chương trình dạy học, ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra, bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần [H2.02.01.09]. Các sản phẩm được hội đồng khoa học cấp khoa, cấp trường thẩm định và xét duyệt. Khi thực hiện đề tài, Khoa QTKD triển khai lấy ý kiến các bên liên quan về nội dung, chất lượng của các học phần, rà soát khối lượng, nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ từng học phần; đóng góp ý kiến cho đề cương

Việc xây dựng, điều chỉnh Bản mô tả CTĐT có sự tham gia của các bên liên quan đảm bảo đủ thông tin, cập nhật và được công bố kịp thời trên hệ thống website của Khoa và Nhà trường. Trước khi trình Hiệu trưởng ký ban hành, Khoa đã tổ chức lấy ý kiến các giảng viên tham gia giảng dạy, các đơn vị sử dụng lao động và học viên ngành QTKD trình độ thạc sĩ QTKD để chỉnh sửa, hoàn thiện bản mô tả CTĐT [H2.02.01.06]. Kết quả lấy ý kiến đội ngũ giảng viên trực tiếp giảng dạy CTĐT thạc sĩ ngành QTKD trong năm 2022 cho thấy trên 80% ý kiến đồng ý về mục tiêu, cấu trúc và các nội dung khác thuộc bản mô tả CTĐT.

## 2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT đã phản ánh rõ mục tiêu đào tạo và CDR của chương trình, bao gồm CDR về kiến thức và năng lực chuyên môn, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng hỗ trợ và phẩm chất đạo đức. Bản mô tả CTĐT cung cấp đầy đủ thông tin, có cấu trúc hợp lý và được cập nhật theo quy định, giúp các bên có liên quan nắm được thông tin một cách toàn diện, đồng thời là cơ sở cho người học xây dựng kế hoạch và lộ trình học tập phù hợp.

## 3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh học phần trong bản mô tả CTĐT với các chương trình tương ứng mới dừng lại ở mức độ so sánh, đối chiếu, chưa thể hiện sự phân tích về bối cảnh và điều kiện vận hành CTĐT.

## 4. Kế hoạch hành động

| Stt | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                               | Đơn vị, cá nhân thực hiện        | Thời gian                         |
|-----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|
| 1   | Khắc phục điểm tồn tại | Lấy ý kiến đánh giá từ phía cựu sinh viên về Bản mô tả CDR                                                                                                             | Khoa QTKD                        | Năm học 2024-2025                 |
| 2   | Phát huy điểm mạnh     | Từ năm học 2024-2025, triển khai rà soát, cập nhật, chỉnh sửa bản mô tả CTĐT ngoài việc tham khảo ý kiến từ phía các doanh nghiệp, các chuyên gia, đội ngũ giảng viên. | Phòng SĐH<br>Chủ nhiệm ngành SĐH | Đầu khóa tuyển sinh (từ năm 2024) |

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

### 1. Mô tả hiện trạng

Đề cương môn học thuộc CTĐT thạc sĩ ngành QTKD thể hiện đầy đủ, rõ ràng các thông tin cần thiết: i) tên đơn vị phụ trách; ii) thông tin chung về giảng viên đảm nhận giảng dạy; iii) thông tin chung về học phần (tên ngành, tên học phần, mã học

phần, số tín chỉ; mục tiêu, CDR của học phần, mô tả học phần, nội dung của học phần) (Trong phần nội dung học phần các kiến thức cần chuẩn bị được chi tiết đến từng chương, mục rõ ràng và tỉ mỉ), lịch trình giảng dạy, phần học liệu được chia thành hai mục: tài liệu chính và tài liệu tham khảo, các tài liệu đều cập nhật và được cung cấp trong cơ sở dữ liệu của thư viện của Nhà trường, [H2.02.02.01, H2.02.02.02]. Việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần tuân thủ theo các văn bản hướng dẫn của Nhà trường. [H2.02.02.03]

Đề cương đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CDR của học phần; phương pháp giảng dạy/học tập để có thể đạt được các CDR đã nêu; phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy và CDR của học phần. Các học phần được công bố cho người học và các bên liên quan ở Website của Phòng Đào tạo SDH [H2.02.02.04]. Các học phần được phân nhiệm CDR của CTĐT [H2.02.02.05].

Đề cương các học phần theo định kỳ được cập nhật điều chỉnh theo CTĐT. Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, CTĐT được phê duyệt, Khoa QTKD đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần theo quy trình hướng dẫn tại các văn bản của Trường Đại học Vinh ban hành [HD 06, mẫu đề cương], cụ thể: Đề cương chi tiết học phần do nhóm giảng viên xây dựng, bộ môn góp ý và nghiệm thu, Khoa thẩm định, ký ban hành và Nhà trường thực hiện đánh giá thường kỳ [H2.02.02.02].

Đề cương các học phần trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch nhà trường [H2.02.02.07]. Đề cương học phần được rà soát nội dung, điều chỉnh, bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá. Trường đã lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về nội dung, chất lượng của các học phần [H2.02.02.06]. Từ năm 2022, trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan, để đảm bảo tính hiệu quả của CTĐT, việc cập nhật ĐCCT học phần được thực hiện theo tiếp cận đề án CDIO.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định về việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung đề cương chi tiết học phần đào tạo theo hệ thống tín chỉ; 100% đề cương chi tiết học phần được chuẩn hóa theo quy định của Nhà trường, được Khoa chuyên môn thẩm định, phê duyệt và Nhà trường nghiệm thu.

Đề cương chi tiết thuộc CTĐT thạc sĩ QTKD bám sát mục tiêu, nội dung CTĐT và được cập nhật. Trong quá trình biên soạn, cập nhật đề cương đã có sự tham gia của các bên liên quan.

## **3. Điểm tồn tại**

Trong ĐCCT của một số học phần, kế hoạch đánh giá chưa chi tiết.

## **4. Kế hoạch hành động**

| Stt | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị, cá | Thời gian |
|-----|----------|----------|------------|-----------|
|-----|----------|----------|------------|-----------|

|   |                        |                                                                                     | <b>nhân thực hiện</b>            |                                   |
|---|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Chi tiết hóa việc đánh giá học phần trong ĐCCT                                      | Khoa QTKD                        | Năm học 2024-2025                 |
| 2 | Phát huy điểm mạnh     | Rà soát cập nhật, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần, theo định kỳ từng năm học. | Phòng SĐH<br>Chủ nhiệm ngành SĐH | Đầu khóa tuyển sinh (từ năm 2024) |

*5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm.*

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

*1. Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT thạc sĩ QTKD được thực hiện và ban hành tháng 9/2020 và được chỉnh sửa bổ sung vào tháng 10/2022 [H2.02.03.01]

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đã được Phòng Đào tạo Sau đại học, Khoa QTKD của Trường Đại học Vinh thông báo công khai đến người học ngay sau khai giảng khóa học, thông qua buổi họp theo từng lớp chuyên ngành đào tạo. Bản mô tả CTĐT ngành đào tạo thạc sĩ QTKD được công bố công khai bằng nhiều hình thức như: Website của Phòng Đào tạo SĐH [H2.02.03.02, H2.02.03.03].

Tất cả ĐCCT học phần trong CTĐT đều được công bố đầy đủ thông tin trên trang e-learning của Nhà trường [H2.02.03.04], cho phép người học và các đối tượng quan tâm có thể tra cứu dễ dàng. Trong suốt quá trình học, thông qua hệ thống E-learning, người học được hướng dẫn và tiếp cận đầy đủ thông tin về học phần nhằm xác định kế hoạch học tập phù hợp [H2.02.03.05].. Ngoài ra, trong buổi học đầu tiên của học phần, giảng viên công bố công khai ĐCCT học phần cho người học [H2.02.03.05]. Như vậy, việc công khai ĐCCT học phần bằng nhiều hình thức khác nhau sẽ giúp người học có nhiều kênh khác nhau để tiếp cận nội dung và phương pháp học của từng học phần.

Đối với các bên liên quan khác, CTĐT và ĐCCT học phần được xin ý kiến của các đối tượng có liên quan trong việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật [H2.02.03.06].. Thông qua việc thu thập ý kiến này, nội dung CTĐT và ĐCCT học phần trong CTĐT được phổ biến tới các bên liên quan. Ngoài ra, các đối tượng có liên quan (doanh nghiệp, nhà tuyển dụng...) đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần một cách dễ dàng bằng việc truy cập vào website ...

Khoa QTKD xây dựng kế hoạch tổ chức, lấy ý kiến các bên liên quan về nội dung và sự thuận lợi dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT, đề cương học phần [H2.02.03.06]..

*2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được cung cấp cho người học và các bên liên quan đầy đủ, giúp cho người học có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi; giúp cho giảng viên phụ trách học phần trong CTĐT hiểu rõ kiến thức người học cần nắm được sau khi kết thúc học phần; giúp cho nhà tuyển dụng biết được các kỹ năng của người học khi tốt nghiệp.

### 3. Điểm tồn tại

Chưa có công cụ thống kê, đánh giá mức độ tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần của các bên liên quan

### 4. Kế hoạch hành động

| Stt | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                     | Đơn vị, cá nhân thực hiện        | Thời gian                        |
|-----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Khắc phục điểm tồn tại | Xây dựng công cụ hỗ trợ thống kê, báo cáo về số lượt, tỉ lệ truy cập của người học và các bên liên quan nhằm đánh giá tính hiệu quả của các hình thức công khai.             | Khoa QTKD                        | Năm học 2024-2025                |
| 2   | Phát huy điểm mạnh     | Dẫn đường link trang website đăng CTĐT và bản mô tả lên các mạng xã hội; gửi trực tiếp những nội dung này tới các Nhà sử dụng/ tuyển dụng để họ có thể tiếp cận dễ dàng hơn. | Phòng SDH<br>Chủ nhiệm ngành SDH | Đầu khóa tuyển sinh(từ năm 2024) |

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

## Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Nội dung bản mô tả CTĐT cung cấp đầy đủ thông tin, cấu trúc hợp lý và được cập nhật theo quy định, giúp các bên liên quan nắm được thông tin một cách toàn diện, đồng thời là cơ sở cho người học xây dựng kế hoạch và lộ trình học tập phù hợp. Các ĐCCT học phần của CTĐT thạc sĩ ngành QTKD được rà soát thường xuyên, giúp việc điều chỉnh và cập nhật mang tính kịp thời và hiệu quả. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần được công bố công khai dưới nhiều hình thức, giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, nội dung phân tích đối sánh học phần trong bản mô tả CTĐT với các chương trình tương ứng chưa thể hiện các mức độ phân tích chuyên sâu về bối cảnh và điều kiện vận hành CTĐT. Một số ĐCCT học phần, tài liệu tham khảo chưa được cập nhật kịp thời. Các công cụ thống kê, đánh giá tính hiệu quả của các hình thức công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần cần được bổ sung để giúp đánh giá việc tiếp cận của các bên liên quan hiệu quả hơn.

### Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

#### Mở đầu

Xác định cấu trúc và xây dựng chương trình dạy học là một khâu rất quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng đào tạo. Ngay từ khâu xây dựng chương trình đào tạo, khoa luôn xác định rõ mục tiêu chung của ngành cũng như mục tiêu cụ thể của từng học phần gắn với chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo. Chương trình dạy học được xây dựng với cấu trúc hợp lý giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính liên mạch, bổ sung hỗ trợ nhau trong quá trình triển khai. Nội dung chương trình dạy học được giảng viên biên soạn cho từng học phần, bao gồm đầy đủ các thông tin về phương pháp giảng dạy, cách thức học tập nghiên cứu, đánh giá kiểm tra, tài liệu tham khảo nhằm giúp người học từng bước đạt CĐR sau quá trình học tập. Nội dung chương trình dạy học được cập nhật, thay đổi thường xuyên dựa trên những ý kiến đóng góp của các chuyên gia, người học nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo bậc thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh.

#### Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CĐR

##### 1. Mô tả hiện trạng

CĐR là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở giáo dục cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện [H3.03.01.01]. CĐR giúp xây dựng chương trình đào tạo và từ đó, chương trình dạy học gắn kết và xây dựng dựa trên việc đáp ứng CĐR. Chương trình dạy học bậc thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm [H3.03.01.02] [H3.03.01.03] [H3.03.01.04]. Thông qua quá trình khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan, chương trình dạy học thường xuyên được cập nhật, đổi mới gắn với mức độ phù hợp của CĐR và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H3.03.01.05] [H3.03.01.06] [H3.03.01.07].

**Bảng 3.1. Kết cấu của chương trình dạy học**

| TT | Khối kiến thức                      | Số tín chỉ | Tỷ lệ % |
|----|-------------------------------------|------------|---------|
| 1  | Khối kiến thức chung                | 6          | 10      |
| 2  | Khối kiến thức cơ sở ngành          | 24         | 40      |
|    | <i>Học phần bắt buộc</i>            | 12         |         |
|    | <i>Học phần tự chọn</i>             | 12         |         |
| 3  | Khối kiến thức chuyên ngành         | 15         | 25      |
|    | <i>Học phần bắt buộc</i>            | 9          |         |
|    | <i>Học phần tự chọn</i>             | 6          |         |
| 4  | Luận văn/Thực tập, đồ án tốt nghiệp | 15         | 25      |

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, trong quá trình xây dựng chương trình dạy

học, khoa luôn có sự tham khảo ý kiến từ các bên liên quan như các chuyên gia, người học [H3.03.01.08]. Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của tất cả các học phần trong chương trình dạy học đảm bảo sự phù hợp. Chương trình dạy học luôn được cập nhật một cách đầy đủ, được lồng ghép các phương pháp giảng dạy, học tập, tự nghiên cứu, phương pháp đánh giá đảm bảo phù hợp và hỗ trợ việc đạt được CĐR [H3.03.01.07].

Mỗi nội dung giảng dạy trong chương trình dạy học đều cơ sở chuẩn bị một cách chu đáo từ việc thiết kế bài giảng, nội dung kiểm tra, đánh giá, thảo luận giúp người học có thể dễ dàng tiếp cận với các kiến thức chuyên môn sâu, đồng thời tăng cường rèn luyện các kỹ năng phù hợp với nhu cầu việc làm [H3.03.01.09], từ đó nâng cao khả năng sáng tạo, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của người học góp phần đạt được các CĐR [H3.03.01.10].

## 2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Các đề cương chi tiết trong từng học phần đều thể hiện tính gắn kết giữa dạy học và đánh giá để đạt được CĐR.

Chương trình dạy học được lồng ghép các phương pháp giảng dạy, học tập, tự nghiên cứu, phương pháp đánh giá đảm bảo phù hợp và hỗ trợ việc đạt được CĐR.

## 3. Điểm tồn tại

Nội dung chương trình dạy học chưa thể hiện được sự đa dạng, chi tiết các phương pháp giảng dạy theo hướng chủ động, độc lập trong nghiên cứu, đề cương một số học phần chưa được chi tiết và bao hàm đầy đủ các nội dung cần thiết.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                      | Đơn vị, người thực hiện                      | Thời gian thực hiện                         |            |
|----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|
|    |                        |                                                                                                                                                               |                                              | Bắt đầu                                     | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Hoàn thiện chi tiết các đề cương học phần, đa dạng các phương pháp dạy học theo hướng chủ động, độc lập trong nghiên cứu, sáng tạo và tự chủ trong công việc. | Phòng Đào tạo SDH, Trường Kinh tế, Khoa QTKD | Đầu và cuối mỗi khoá tuyển sinh từ năm 2023 | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh     | Thường xuyên tiến hành kiểm tra, rà soát để đảm bảo đáp ứng yêu cầu của CĐR.                                                                                  | Phòng Đào tạo SDH, Trường Kinh tế, Khoa QTKD | Đầu và cuối mỗi khoá tuyển sinh từ năm 2023 | Hàng năm   |

## 5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh ban hành Quyết định 1037/QĐ-ĐHV ngày 26/4/2023 về khung Chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh [H3.03.02.01], Kế hoạch số 64/KH-ĐHV ngày 6/6/2023 về hướng dẫn chi tiết việc thực hiện đề tài CDIO xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ cập nhật mẫu và hướng dẫn viết CĐR, CTĐT, Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ [H3.03.01.04] [H3.03.01.02]. Nhằm đảm bảo sự phù hợp của chương trình dạy học với yêu cầu của CĐR theo kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, các đề cương chi tiết các học phần trong chương trình dạy học được định kỳ rà soát, đánh giá theo từng năm và đảm bảo 100% các học phần trong chương trình dạy học có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR [H3.03.01.08] [H3.03.01.09].

Đề cương chi tiết của tất cả học phần trong chương trình dạy học đều đưa ra các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của người học [H3.03.01.03]. Đề cương các học phần được thiết kế rõ ràng, chi tiết bao gồm mục tiêu, CĐR học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá, xác định cụ thể trọng số đóng góp của CĐR học phần cho CĐR chương trình đào tạo [H3.03.02.03]. 100% các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR [H3.03.02.03] [H3.03.01.05].

Dựa trên ý kiến tham vấn của các chuyên gia và các bên liên quan, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo sự phù hợp với yêu cầu của CĐR, toàn bộ các đề cương học phần trong chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung. Việc rà soát, điều chỉnh đề cương học phần trong chương trình dạy học được xây dựng trong kế hoạch của Khoa QTKD và được thực hiện 2 năm 1 lần [H3.03.01.08] [H3.03.01.09]. Nội dung các học phần trong chương trình dạy học được thiết kế phù hợp, thể hiện việc đạt được CĐR [H3.03.02.04] và được công bố công khai trên website của Khoa và Nhà trường giúp cho người học, giảng viên, nhà tuyển dụng và xã hội dễ dàng tiếp cận [H3.03.02.02].

### *2. Điểm mạnh*

Nội dung chương trình dạy học bao gồm các học phần được thiết kế có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR.

Đề cương chi tiết các học phần được thiết kế rõ ràng thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

### *3. Điểm tồn tại*

Chưa thường xuyên lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt CĐR. Việc lấy ý kiến của các bên liên quan để góp ý, xây

dụng, chỉnh sửa chương trình dạy học chưa được thực hiện đồng bộ, số lượng ý kiến phản hồi chưa nhiều.

#### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu                 | Nội dung                                                                                                                                                                                  | Đơn vị, người thực hiện                      | Thời gian thực hiện                         |            |
|----|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|
|    |                          |                                                                                                                                                                                           |                                              | Bắt đầu                                     | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại i | Có kế hoạch cụ thể và thường xuyên tiến hành lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan nhằm cập nhật, bổ sung các nội dung trong chương trình dạy học đảm bảo phù hợp với yêu cầu xã hội. | Phòng Đào tạo SDH, Trường Kinh tế, Khoa QTKD | Đầu và cuối mỗi khoá tuyển sinh từ năm 2023 | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh       | Tiếp tục rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần đảm bảo sự gắn kết và phù hợp với yêu cầu của CDR.                                                                            | Phòng Đào tạo SDH, Trường Kinh tế, Khoa QTKD | Đầu và cuối mỗi khoá tuyển sinh từ năm 2023 | Hàng năm   |

#### 5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

##### 1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Vinh ban hành Quyết định 1037/QĐ-ĐHV ngày 26/4/2023 về khung Chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh [H3.03.02.01]. Xuất phát từ yêu cầu của CDR và ma trận kỹ năng, các học phần được xác định nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của CDR [H3.03.01.03]. Chương trình dạy học được xây dựng theo 3 khối kiến thức: kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành [H3.03.01.02], đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức khi khối kiến thức trước sẽ là nền tảng để học và nghiên cứu cho các khối kiến thức sau [H3.03.01.03]. Thứ tự các học phần thuộc khối các kiến thức chung, cơ sở ngành, chuyên ngành được sắp xếp một cách logic, đảm bảo sự cân đối, hài hòa và đáp ứng các yêu cầu của CDR, hướng tới sự phù hợp với yêu cầu của xã hội [H3.03.01.05] [H3.03.01.09]. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất [H3.03.02.03].

Việc rà soát, điều chỉnh đề cương học phần và chương trình dạy học được xây dựng trong kế hoạch của Khoa QTKD và được thực hiện theo định kỳ 2 năm 1 lần

[H3.03.01.08] tương ứng với kế hoạch rà soát và điều chỉnh CDR chương trình đào tạo [H3.03.01.04] và được thông báo công khai cho người học trên các phương tiện truyền thông [H3.03.02.02]. Bên cạnh đó, để đảm bảo chương trình dạy học được thiết kế một cách tối ưu, đảm bảo sự phù hợp với các CDR [H3.03.01.05], nội dung chương trình dạy học cũng thường xuyên được rà soát, điều chỉnh đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp dựa trên quá trình nghiên cứu, tham khảo và đối sánh với các chương trình đào tạo tiên tiến trong nước và quốc tế [H3.03.02.04].

## 2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, liên mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Kết cấu chương trình dạy học được thiết kế hợp lý.

Chương trình dạy học được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật phù hợp với CDR. Chương trình dạy học khi được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung có tham khảo, so sánh với các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế.

## 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các bên liên quan chưa được thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất và có kế hoạch cụ thể. Sự đóng góp của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, điều chỉnh chương trình dạy học còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị, người thực hiện                      | Thời gian thực hiện                         |            |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|
|    |                    |                                                                                                                                                                                                                           |                                              | Bắt đầu                                     | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại  | Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan một cách rõ ràng, đa dạng các đối tượng lấy ý kiến.<br>Tăng cường sự hiện diện của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh chương trình dạy học. | Phòng Đào tạo SDH, Trường Kinh tế, Khoa QTKD | Đầu và cuối mỗi khoá tuyển sinh từ năm 2023 | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục tăng cường rà soát, bổ sung chương trình dạy học theo hướng tiên tiến dựa trên cơ sở đối sánh với các chương trình đào tạo quốc tế đảm bảo đáp ứng với yêu cầu                                                   | Phòng Đào tạo SDH, Trường Kinh tế, Khoa QTKD | Đầu và cuối mỗi khoá tuyển sinh từ năm 2023 | Hàng năm   |

|  |  |                     |  |  |  |
|--|--|---------------------|--|--|--|
|  |  | và gắn kết với CĐR. |  |  |  |
|--|--|---------------------|--|--|--|

5. Tự đánh giá: 4/7

### **Kết luận về tiêu chuẩn 3**

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Cấu trúc của chương trình đào tạo được thiết kế một cách cụ thể, rõ ràng, phù hợp, đảm bảo sự gắn kết hỗ trợ giữa các khối kiến thức, giúp học viên dễ dàng tiếp cận, chủ động xây dựng kế hoạch học tập và hướng tới đáp ứng CĐR chương trình đào tạo.

Chương trình dạy học được thiết kế một cách logic, rõ ràng, định kỳ được rà soát, cập nhật, bổ sung. Các học phần trong chương trình dạy học xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.

Chương trình dạy học được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật phù hợp với CĐR. Chương trình dạy học khi được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung có tham khảo, so sánh với các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế.

Nội dung chương trình dạy học chưa thể hiện được sự đa dạng, chi tiết các phương pháp giảng dạy theo hướng chủ động, độc lập trong nghiên cứu, đề cương một số học phần chưa được chi tiết và bao hàm đầy đủ các nội dung cần thiết.

Việc lấy ý kiến các bên liên quan chưa được thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất và có kế hoạch cụ thể. Sự đóng góp của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, điều chỉnh chương trình dạy học còn hạn chế.

### Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

#### Mở đầu

Xác định cấu trúc và xây dựng chương trình dạy học là một khâu rất quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng đào tạo. Ngay từ khâu xây dựng chương trình đào tạo, khoa luôn xác định rõ mục tiêu chung của ngành cũng như mục tiêu cụ thể của từng học phần gắn với chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo. Chương trình dạy học được xây dựng với cấu trúc hợp lý giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính liên mạch, bổ sung hỗ trợ nhau trong quá trình triển khai. Nội dung chương trình dạy học được giảng viên biên soạn cho từng học phần, bao gồm đầy đủ các thông tin về phương pháp giảng dạy, cách thức học tập nghiên cứu, đánh giá kiểm tra, tài liệu tham khảo nhằm giúp người học từng bước đạt CĐR sau quá trình học tập. Nội dung chương trình dạy học được cập nhật, thay đổi thường xuyên dựa trên những ý kiến đóng góp của các chuyên gia, người học nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo bậc thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CĐR

#### 1. Mô tả hiện trạng

CĐR là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở giáo dục cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện [H3.03.01.01]. CĐR giúp xây dựng chương trình đào tạo và từ đó, chương trình dạy học gắn kết và xây dựng dựa trên việc đáp ứng CĐR. Chương trình dạy học bậc thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm [H3.03.01.02] [H3.03.01.03] [H3.03.01.04]. Thông qua quá trình khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan, chương trình dạy học thường xuyên được cập nhật, đổi mới gắn với mức độ phù hợp của CĐR và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H3.03.01.05] [H3.03.01.06] [H3.03.01.07].

**Bảng 3.1. Kết cấu của chương trình dạy học**

| TT | Khối kiến thức                      | Số tín chỉ | Tỷ lệ % |
|----|-------------------------------------|------------|---------|
| 1  | Khối kiến thức chung                | 6          | 10      |
| 2  | Khối kiến thức cơ sở ngành          | 24         | 40      |
|    | <i>Học phần bắt buộc</i>            | 12         |         |
|    | <i>Học phần tự chọn</i>             | 12         |         |
| 3  | Khối kiến thức chuyên ngành         | 15         | 25      |
|    | <i>Học phần bắt buộc</i>            | 9          |         |
|    | <i>Học phần tự chọn</i>             | 6          |         |
| 4  | Luận văn/Thực tập, đồ án tốt nghiệp | 15         | 25      |

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, trong quá trình xây dựng chương trình dạy học, khoa luôn có sự tham khảo ý kiến từ các bên liên quan như các chuyên gia, người

học [H3.03.01.08]. Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của tất cả các học phần trong chương trình dạy học đảm bảo sự phù hợp. Chương trình dạy học luôn được cập nhật một cách đầy đủ, được lồng ghép các phương pháp giảng dạy, học tập, tự nghiên cứu, phương pháp đánh giá đảm bảo phù hợp và hỗ trợ việc đạt được CDR [H3.03.01.07].

Mỗi nội dung giảng dạy trong chương trình dạy học đều cơ sở chuẩn bị một cách chu đáo từ việc thiết kế bài giảng, nội dung kiểm tra, đánh giá, thảo luận giúp người học có thể dễ dàng tiếp cận với các kiến thức chuyên môn sâu, đồng thời tăng cường rèn luyện các kỹ năng phù hợp với nhu cầu việc làm [H3.03.01.09], từ đó nâng cao khả năng sáng tạo, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của người học góp phần đạt được các CDR [H3.03.01.10].

## 2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Các đề cương chi tiết trong từng học phần đều thể hiện tính gắn kết giữa dạy học và đánh giá để đạt được CDR.

Chương trình dạy học được lồng ghép các phương pháp giảng dạy, học tập, tự nghiên cứu, phương pháp đánh giá đảm bảo phù hợp và hỗ trợ việc đạt được CDR.

## 3. Điểm tồn tại

Nội dung chương trình dạy học chưa thể hiện được sự đa dạng, chi tiết các phương pháp giảng dạy theo hướng chủ động, độc lập trong nghiên cứu, đề cương một số học phần chưa được chi tiết và bao hàm đầy đủ các nội dung cần thiết.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                      | Đơn vị, người thực hiện                      | Thời gian thực hiện                         |            |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|
|    |                    |                                                                                                                                                               |                                              | Bắt đầu                                     | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại  | Hoàn thiện chi tiết các đề cương học phần, đa dạng các phương pháp dạy học theo hướng chủ động, độc lập trong nghiên cứu, sáng tạo và tự chủ trong công việc. | Phòng Đào tạo SDH, Trường Kinh tế, Khoa QTKD | Đầu và cuối mỗi khoá tuyển sinh từ năm 2023 | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Thường xuyên tiến hành kiểm tra, rà soát để đảm bảo đáp ứng yêu cầu của CDR.                                                                                  | Phòng Đào tạo SDH, Trường Kinh tế, Khoa QTKD | Đầu và cuối mỗi khoá tuyển sinh từ năm 2023 | Hàng năm   |

## 5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh ban hành Quyết định 1037/QĐ-ĐHV ngày 26/4/2023 về khung Chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh [H3.03.02.01], Kế hoạch số 64/KH-ĐHV ngày 6/6/2023 về hướng dẫn chi tiết việc thực hiện đề tài CDIO xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ cập nhật mẫu và hướng dẫn viết CĐR, CTĐT, Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ [H3.03.01.04] [H3.03.01.02]. Nhằm đảm bảo sự phù hợp của chương trình dạy học với yêu cầu của CĐR theo kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, các đề cương chi tiết các học phần trong chương trình dạy học được định kỳ rà soát, đánh giá theo từng năm và đảm bảo 100% các học phần trong chương trình dạy học có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR [H3.03.01.08] [H3.03.01.09].

Đề cương chi tiết của tất cả học phần trong chương trình dạy học đều đưa ra các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của người học [H3.03.01.03]. Đề cương các học phần được thiết kế rõ ràng, chi tiết bao gồm mục tiêu, CĐR học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá, xác định cụ thể trọng số đóng góp của CĐR học phần cho CĐR chương trình đào tạo [H3.03.02.03]. 100% các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR [H3.03.02.03] [H3.03.01.05].

Dựa trên ý kiến tham vấn của các chuyên gia và các bên liên quan, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo sự phù hợp với yêu cầu của CĐR, toàn bộ các đề cương học phần trong chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung. Việc rà soát, điều chỉnh đề cương học phần trong chương trình dạy học được xây dựng trong kế hoạch của Khoa QTKD và được thực hiện 2 năm 1 lần [H3.03.01.08] [H3.03.01.09]. Nội dung các học phần trong chương trình dạy học được thiết kế phù hợp, thể hiện việc đạt được CĐR [H3.03.02.04] và được công bố công khai trên website của Khoa và Nhà trường giúp cho người học, giảng viên, nhà tuyển dụng và xã hội dễ dàng tiếp cận [H3.03.02.02].

### *2. Điểm mạnh*

Nội dung chương trình dạy học bao gồm các học phần được thiết kế có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR.

Đề cương chi tiết các học phần được thiết kế rõ ràng thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

### *3. Điểm tồn tại*

Chưa thường xuyên lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về đóng góp của

mỗi học phần trong việc đạt CĐR. Việc lấy ý kiến của các bên liên quan để góp ý, xây dựng, chỉnh sửa chương trình dạy học chưa được thực hiện đồng bộ, số lượng ý kiến phản hồi chưa nhiều.

#### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                  | Đơn vị, người thực hiện                      | Thời gian thực hiện                         |            |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|
|    |                    |                                                                                                                                                                                           |                                              | Bắt đầu                                     | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại  | Có kế hoạch cụ thể và thường xuyên tiến hành lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan nhằm cập nhật, bổ sung các nội dung trong chương trình dạy học đảm bảo phù hợp với yêu cầu xã hội. | Phòng Đào tạo SDH, Trường Kinh tế, Khoa QTKD | Đầu và cuối mỗi khoá tuyển sinh từ năm 2023 | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần đảm bảo sự gắn kết và phù hợp với yêu cầu của CĐR.                                                                            | Phòng Đào tạo SDH, Trường Kinh tế, Khoa QTKD | Đầu và cuối mỗi khoá tuyển sinh từ năm 2023 | Hàng năm   |

#### 5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

##### 1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Vinh ban hành Quyết định 1037/QĐ-ĐHV ngày 26/4/2023 về khung Chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh [H3.03.02.01]. Xuất phát từ yêu cầu của CĐR và ma trận kỹ năng, các học phần được xác định nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của CĐR [H3.03.01.03]. Chương trình dạy học được xây dựng theo 3 khối kiến thức: kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành [H3.03.01.02], đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức khi khối kiến thức trước sẽ là nền tảng để học và nghiên cứu cho các khối kiến thức sau [H3.03.01.03]. Thứ tự các học phần thuộc khối các kiến thức chung, cơ sở ngành, chuyên ngành được sắp xếp một cách logic, đảm bảo sự cân đối, hài hòa và đáp ứng các yêu cầu của CĐR, hướng tới sự phù hợp với yêu cầu của xã hội [H3.03.01.05] [H3.03.01.09]. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất [H3.03.02.03].

Việc rà soát, điều chỉnh đề cương học phần và chương trình dạy học được xây dựng trong kế hoạch của Khoa QTKD và được thực hiện theo định kỳ 2 năm 1 lần [H3.03.01.08] tương ứng với kế hoạch rà soát và điều chỉnh CĐR chương trình đào tạo [H3.03.01.04] và được thông báo công khai cho người học trên các phương tiện truyền thông [H3.03.02.02]. Bên cạnh đó, để đảm bảo chương trình dạy học được thiết kế một cách tối ưu, đảm bảo sự phù hợp với các CĐR [H3.03.01.05], nội dung chương trình dạy học cũng thường xuyên được rà soát, điều chỉnh đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp dựa trên quá trình nghiên cứu, tham khảo và đối sánh với các chương trình đào tạo tiên tiến trong nước và quốc tế [H3.03.02.04].

### 2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, liên mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Kết cấu chương trình dạy học được thiết kế hợp lý.

Chương trình dạy học được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật phù hợp với CĐR. Chương trình dạy học khi được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung có tham khảo, so sánh với các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế.

### 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các bên liên quan chưa được thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất và có kế hoạch cụ thể. Sự đóng góp của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, điều chỉnh chương trình dạy học còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị, người thực hiện                      | Thời gian thực hiện                         |            |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|
|    |                    |                                                                                                                                                                                                                           |                                              | Bắt đầu                                     | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại  | Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan một cách rõ ràng, đa dạng các đối tượng lấy ý kiến.<br>Tăng cường sự hiện diện của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh chương trình dạy học. | Phòng Đào tạo SDH, Trường Kinh tế, Khoa QTKD | Đầu và cuối mỗi khoá tuyển sinh từ năm 2023 | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục tăng cường rà soát, bổ sung chương trình dạy học theo hướng tiên tiến dựa trên cơ sở đối sánh với các                                                                                                            | Phòng Đào tạo SDH, Trường Kinh tế,           | Đầu và cuối mỗi khoá tuyển sinh             | Hàng năm   |

|  |  |                                                                              |           |             |  |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|--|
|  |  | chương trình đào tạo quốc tế đảm bảo đáp ứng với yêu cầu và gắn kết với CĐR. | Khoa QTKD | từ năm 2023 |  |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|--|

5. Tự đánh giá: 4/7

### **Kết luận về tiêu chuẩn 3**

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Cấu trúc của chương trình đào tạo được thiết kế một cách cụ thể, rõ ràng, phù hợp, đảm bảo sự gắn kết hỗ trợ giữa các khối kiến thức, giúp học viên dễ dàng tiếp cận, chủ động xây dựng kế hoạch học tập và hướng tới đáp ứng CĐR chương trình đào tạo.

Chương trình dạy học được thiết kế một cách logic, rõ ràng, định kỳ được rà soát, cập nhật, bổ sung. Các học phần trong chương trình dạy học xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.

Chương trình dạy học được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật phù hợp với CĐR. Chương trình dạy học khi được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung có tham khảo, so sánh với các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế.

Nội dung chương trình dạy học chưa thể hiện được sự đa dạng, chi tiết các phương pháp giảng dạy theo hướng chủ động, độc lập trong nghiên cứu, đề cương một số học phần chưa được chi tiết và bao hàm đầy đủ các nội dung cần thiết.

Việc lấy ý kiến các bên liên quan chưa được thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất và có kế hoạch cụ thể. Sự đóng góp của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, điều chỉnh chương trình dạy học còn hạn chế.

## Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học

### Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn lấy người học làm trung tâm, phương pháp dạy học đa dạng và sáng tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra đã được Trường Đại học Vinh tuyên bố trong nhiều văn bản liên quan đến hoạt động đào tạo, đặc biệt là các chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế theo hướng tiếp cận CDIO, bám sát mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình, phù hợp với nhu cầu xã hội hiện đại. Trong đó, chú trọng đến phương pháp dạy học phát triển năng lực người học, đảm bảo người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo phải đạt được các chuẩn đầu ra phù hợp với Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã có văn bản chính thức trong đó triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Nhà trường đã ban hành Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc ban hành sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục Trường Đại học Vinh [H4.04.01.01]. Tiếp đó, Hội đồng trường Đại học Vinh đã ban hành Nghị quyết số 18/NQ-HĐT về Chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn 2045 [H4.04.01.02]. Trong đó, Sứ mạng được Nhà trường xác định là: *“Sứ mạng “Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế”*. Tầm nhìn của trường Đại học Vinh: *“Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045”* với mục tiêu tổng quát là *“Tạo dựng môi trường học thật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công”* Giá trị cốt lõi: *“Trung thực, Trách nhiệm, Say mê, Sáng tạo và Hợp tác”*. Với Triết lý giáo dục là *“Hợp tác - sáng tạo”* thể hiện trong Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30 tháng 12 năm 2019 về Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục với nội dung cụ thể: *“Trường Đại học Vinh xác định **Hợp tác** (Collaboration) trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. Hợp tác là tôn trọng sự khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. Hợp tác là con đường để cùng phát triển và đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan. Nhà trường tạo dựng môi trường hợp tác để thực hiện các hoạt động đào*

tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng. Người học được khuyến khích phát triển năng lực hợp tác thông qua chương trình đào tạo với các phương pháp dạy học tích cực chú trọng đến năng lực hợp tác. Trường Đại học Vinh coi **Sáng tạo** (Creativity) là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. Sáng tạo là tạo ra những tri thức và giá trị mới. Sáng tạo là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá và không ngừng cải tiến. Nhà trường đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình “Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành” trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm”. Tuyên bố chính thức về Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của nhà trường cũng được đăng tải trên website chính thức của trường tại đường link: <https://vinhuni.edu.vn/truong-dai-hoc-vinh-gioi-thieu-c0110v0p0a33.html> [H4.04.01.03].

Nghị quyết số 18/NQ-HĐT về Chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn 2045 cũng đã chỉ rõ: *Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Vinh hiện nay là nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế, trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia và là thành viên của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á* [H4.04.01.02].

Triết lý giáo dục/mục tiêu giáo dục của nhà trường được tất cả cán bộ, giảng viên, người học của trường hiểu rõ và thực hiện thông qua việc vận dụng vào trong việc thiết kế chương trình dạy học.

Triết lý giáo dục/mục tiêu giáo dục của Trường được cụ thể hóa trong mục tiêu đào tạo của từng Khoa, Viện và được thể hiện trong nội dung chương trình đào tạo và CDR chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo tiếp cận CDIO. Trong đó, mục tiêu chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh được mô tả là: *Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng có kiến thức chuyên sâu quản trị kinh doanh, có năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn đến quản trị kinh doanh, có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc đào tạo tiến sĩ trong nước và nước ngoài* [H4.04.01.04]. Các CDR tập trung vào 4 nhóm mục tiêu chính: (1) Áp dụng thành thạo các kiến thức thực tế và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; (2) Vận dụng tư duy phản biện, phân tích, tổng hợp để đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học, tiên tiến; phát triển kỹ năng nghiên cứu, chuyển đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; (3) Thể hiện kỹ năng quản lý và quản trị, truyền đạt tri thức, có kỹ năng làm việc độc lập hoặc phối hợp với chuyên gia để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; (4) Hình thành ý tưởng, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh [H4.04.01.04].

Quá trình tổ chức dạy học và triển khai hệ thống các phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học học phần đều nhằm thực hiện mục tiêu học phần, mục tiêu của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh và mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục của trường Đại học Vinh.

Chương trình đào tạo được công khai, phổ biến trên trang thông tin điện tử của Khoa, Trường, có thể truy cập dễ dàng qua đường link: [https://phongdaotaosdh.vinhuni.edu.vn/DATA/3/upload/590/documents/2022/02/33\\_q\\_uan\\_tri\\_kinh\\_doanh.pdf](https://phongdaotaosdh.vinhuni.edu.vn/DATA/3/upload/590/documents/2022/02/33_q_uan_tri_kinh_doanh.pdf) [H4.04.01.05].

Triết lý giáo dục/mục tiêu giáo dục của nhà trường được giới thiệu/phổ biến tới các bên liên quan gồm học viên đang học, học viên đã tốt nghiệp, các đơn vị liên kết,... thông qua hệ thống ioffice và website của nhà trường, thông qua các hoạt động quảng bá tuyển sinh, các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa, đặc biệt là việc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của giảng viên, các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính,... có đáp ứng các yêu cầu nhằm đạt được mục tiêu đề ra không. Từ kết quả đó để giảng viên, khoa và nhà trường có những điều chỉnh cho phù hợp. Trường Đại học Vinh đã ban hành Quyết định số 1138/QĐ-ĐHV Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện kế hoạch lấy ý kiến người học và phụ huynh học sinh [H4.04.01.06]; triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học (các hệ chính quy, vừa làm vừa học, giáo dục từ xa, học viên cao học) với người học đang học tập tại trường và cả người học đã tốt nghiệp về hoạt động giảng dạy, các hoạt động của Nhà trường, các đơn vị hành chính,...; Từ các kết quả thu thập được, Trường và khoa đã đưa ra báo cáo kết quả triển khai công tác lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, ý kiến người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính, ý kiến về chương trình đào tạo, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết ngành Quản trị kinh doanh. Việc xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh được tiến hành xây dựng trên cơ sở kết quả của việc xử lý thông tin, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy mục tiêu giáo dục của nhà trường và của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội [H4.04.01.07].

## *2. Điểm mạnh*

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường được tuyên bố rõ ràng trong các văn bản chính thức và phổ biến rộng rãi cho các bên liên quan và người học nắm rõ trên hệ thống ioffice và website của nhà trường. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của nhà trường được tất cả cán bộ, giảng viên và người học của trường hiểu rõ và thực hiện thông qua việc xây dựng, đổi mới chương trình đào tạo, và chuẩn đầu ra, cải tiến phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận CDIO.

## *3. Điểm tồn tại*

Công tác quảng bá, truyền thông về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của

nhà trường, của Trường Kinh tế và khoa QTKD đôi khi chưa hiệu quả tới các bên liên quan.

#### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị, người thực hiện                                                                           | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Ban truyền thông của Trường Đại học Vinh và Trường Kinh tế tiếp tục triển khai truyền thông quảng bá mạnh mẽ hơn nữa với nhiều hình thức: thông qua website của trường, của khoa, qua mạng xã hội, trực tiếp,... đặc biệt vào các thời điểm như dịp hè, thời điểm tuyển sinh, kết thúc các kỳ học, năm học để các bên liên quan đều có thể biết đến Trường Đại học Vinh, Trường Kinh tế và ngành QTKD, biết rõ Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường, của khoa và cải thiện cách thức tiếp cận để có thể tìm hiểu về trường, khoa và ngành QTKD một cách dễ dàng. | - Trường Kinh tế<br>- Phòng Đào tạo trường Đại học Vinh<br>- Ban truyền thông trường Đại học Vinh | Hàng năm                            |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Ban truyền thông Trường Kinh tế có các chương trình, hoạt động đặc biệt ở các thời điểm vào kỳ hè, chuẩn bị năm học mới và kết thúc năm học tại các địa phương nhiều hơn nữa để truyền bá được mục tiêu giáo dục của nhà trường, của khoa và mục tiêu của ngành QTKD.                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Trường Kinh tế, Khoa QTKD                                                                         | Hàng năm                            |         |

| TT | Mục tiêu | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|---------|
|    |          | Trường Kinh tế là một trong những đơn vị có số lượng học viên và sinh viên nhiều nhất trường, vì vậy Trường có thể sử dụng đội ngũ cựu sinh viên, cựu học viên tại các địa phương để phổ biến, giới thiệu tới các bên liên quan hiểu rõ Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục. |                         |                                     |         |

#### 5. Tự đánh giá: 5/7

#### Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR

##### 1. Mô tả hiện trạng

Các chương trình dạy học được thiết kế để tương thích và đạt được các CĐR. Ngay sau khi có quyết định mở ngành đào tạo thạc sĩ QTKD, Trường Đại học Vinh đã ban hành chương trình đào tạo thạc sĩ ngành QTKD theo tiếp cận CDIO [H4.04.02.01], Khung CĐR trình độ thạc sĩ. Tiếp đó, ngày 11/10/2022, Nhà trường ban hành Công văn số 1252/ĐHV-SĐH về rà soát Đề cương chi tiết các học phần đào tạo trình độ thạc sĩ, trong đó nhấn mạnh yêu cầu và mẫu đề cương chi tiết học phần phải theo đúng Phụ lục 8, Kế hoạch số 06/KH-ĐHV ngày 21/01/2022 [H4.04.02.02]. Trên cơ sở các văn bản này của nhà trường, Khoa QTKD đã xây dựng ĐCCT học phần, thông qua đó GV xây dựng hoạt động dạy học với nhiều phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp như thuyết giảng, làm việc nhóm, dạy học dự án... để đạt được CĐR của HP và của CTĐT. Bên cạnh đó, hệ thống phần mềm học tập trực tuyến đang được Nhà trường sử dụng là hệ thống các phần mềm: LMS, Zoom, Microsoft Team.... Trang học tập trực tuyến giúp tăng sự tương tác của GV và học viên ngoài lớp học truyền thống và còn cung cấp thêm thông tin cho học viên các hoạt động khác như tham gia diễn đàn, chat trực tuyến,...

Trường Đại học Vinh và Trường Kinh tế, Khoa QTKD đã có những cuộc hội nghị, tập huấn liên quan đến việc thảo luận trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy, tổ hợp giảng dạy đa dạng, hiệu quả trong hoạt động dạy học để đạt CĐR [H4.04.02.04]. Qua kết quả các hội nghị này, các khoa, viện và giảng viên tiếp tục đổi mới các hoạt động dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá theo chuẩn đầu ra.

Trường Kinh tế, Khoa QTKD có xây dựng và chỉnh sửa bổ sung các phương pháp giảng dạy hiệu quả trong hoạt động dạy học để đạt CĐR thông qua biên bản dự giờ, họp và seminar của Trường và Khoa [H4.04.02.05]. Nhà trường còn triển khai kế hoạch xây dựng tổ hợp công nghệ dạy học hiệu quả trong hoạt động dạy học để đạt CĐR, hướng dẫn giảng viên và học viên trong quá trình sử dụng các phần mềm hỗ trợ việc dạy và học: Công văn, kế hoạch về việc tổ chức giảng dạy học tập trực tuyến của nhà trường (Số 16/KH-ĐHV ngày 19/02/2021 và số 168/ĐHV-CNTT ngày 19/02/2021); Kế hoạch số 382/KH-ĐHV ngày 28/09/2020 về hỗ trợ, giám sát hoạt động dạy học trực tuyến trình độ thạc sĩ khóa 28 [H4.04.02.06].

Đối với các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt CĐR, Nhà trường có tổ chức các chương trình hỗ trợ người học sử dụng các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, chủ động lĩnh hội kiến thức nhằm đạt CĐR: Trường Kinh tế, Khoa QTKD tổ chức chương trình nghiên cứu thực tế đối với học phần dạy học theo hình thức đồ án/dự án để cho học viên rèn luyện kỹ năng và đạt CĐR (Tham quan thực tế tại địa phương). [H4.04.02.08]. Trường Kinh tế, Khoa QTKD và giảng viên hướng dẫn người học sử dụng phương pháp nghiên cứu và học tập hiệu quả, lĩnh hội kiến thức: Quy định, hướng dẫn thực hiện luận văn cuối khóa; Tổ chức seminar đề cương luận văn cao học; Đăng tải Đề cương chi tiết các học phần, trong đó mô tả rõ các hoạt động học tập phù hợp để người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt CĐR của CTĐT và CTĐT của học phần [H4.04.02.09]. Trường Đại học Vinh, Trường Kinh tế, Khoa QTKD áp dụng tổ hợp công nghệ để việc học tập của học viên đạt hiệu quả, đạt CĐR: Cổng thông tin học tập trực tuyến; một số trang học trực tuyến LMS, elearning, usvinhmart... [H4.04.02.10].

Phương pháp giảng dạy, hình thức, tài liệu, tác phong... của người giảng viên đều được học viên đánh giá và phản hồi qua sự thu thập ý kiến phản hồi từ người học của Trường Đại học Vinh thông qua phiếu lấy ý kiến theo hình thức trực tuyến và trực tiếp. Hàng năm, trường đưa ra các kế hoạch và thông báo việc triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học và phụ huynh về sự hài lòng đối với cán bộ và các hoạt động nhà trường, cựu sinh viên/học viên về chương trình đào tạo, tổng hợp và báo cáo kết quả. Đa số học viên có những phản hồi tích cực đến việc tổ chức dạy học của giảng viên và cho rằng dạy học theo tiếp cận CDIO đã mang lại hiệu quả cao trong việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp để đạt được CĐR [H4.04.02.07].

## 2. Điểm mạnh

Trường Kinh tế, Khoa QTKD đã và đang quan tâm rất lớn đến việc học tập của học viên cũng như việc thực tập, thực tế tại các địa phương. Đội ngũ cán bộ giảng dạy ngành Quản trị kinh doanh thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, phương pháp giáo dục đa dạng và phong phú, có nhiều buổi sinh hoạt chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển tính tích

cực, sáng tạo của người học, phát triển năng lực học viên, rút ra được những kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác dạy và học để đạt được chuẩn đầu ra.

### 3. Điểm tồn tại

Học viên tham gia vào quá trình học còn có thói quen học tập theo tiếp cận nội dung thay vì tiếp cận năng lực, đây là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa về phương pháp tiếp cận dạy và học.

Việc cho học viên có môi trường tiếp xúc với thực tế tại các địa phương thời gian còn ngắn; áp dụng kiến thức đã học vào thực tế là đang hạn chế.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị, người thực hiện         | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo, tọa đàm về phương pháp dạy học tiếp cận CDIO cho giảng viên và học viên;</li> <li>- Hướng dẫn học viên chủ động tự xây dựng kế hoạch học tập, kế hoạch thực hiện luận văn;</li> <li>- Chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia, cố vấn trong việc tư vấn về phương pháp dạy và học cho GV và HV;</li> <li>- Tăng cường tổ chức hàng năm các chương trình thực tế tham quan các doanh nghiệp, nhà máy tại địa phương để học viên có kinh nghiệm thực tiễn về công việc tương lai, gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn</li> </ul> | Trường/Trường Kinh tế/Khoa QTKD | Hàng năm                            |         |
| 2  | Phát huy điểm     | - Quan tâm nhiều hơn nữa đến việc học tập, nghiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Trường Kinh tế/ Khoa            | Hàng năm                            |         |

| TT | Mục tiêu | Nội dung                                                                                  | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|---------|
|    | manh     | cứu, làm luận văn tốt nghiệp của học viên;<br>- Chú ý trau dồi các phương pháp giảng dạy. | QTKD                    |                                     |         |

#### 5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

##### 1. Mô tả hiện trạng

Để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, và nâng cao khả năng học tập của HV, nhà trường đã tiến hành đổi mới phương pháp dạy và học. Người học là trung tâm, chuyển từ trạng thái bị động tiếp thu sang học tập chủ động. Để làm vậy, Trường đã yêu cầu GV từng bước thay đổi cách thức giảng dạy, tăng cường yêu cầu HV tự học, nghiên cứu trước khi đến lớp, GV đóng vai trò hướng dẫn, giải đáp, điều này được thể hiện trong đề cương từng môn học. GV phải sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Tất cả đề cương chi tiết các học phần mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như hoạt động nhóm, dự án, thực tập, trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp... [H4.04.03.01] [H4.04.03.02].

100% đề cương chi tiết các học phần đã nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Đối với hoạt động tự học, tự nghiên cứu, tất cả các ĐCHP đều thiết kế yêu cầu HV nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp thông qua hệ thống Elearning [H4.04.03.02] [H4.04.04.03]. Việc tự học, tự nghiên cứu của học viên còn được hỗ trợ bởi hệ thống tài liệu trên thư viện, thư viện số [H4.04.03.04] và các tài liệu được hướng dẫn chi tiết trong đề cương học phần [H4.04.03.02].

Ngoài ra còn có học phần luận văn tốt nghiệp để HV vận dụng kiến thức đã học vào thực tế. Điều này đã kích thích người học ham học hỏi, rèn luyện kỹ năng tự học để người học có khả năng học tập suốt đời, thúc đẩy và rèn luyện các kỹ năng tiếp nhận và xử lý thông tin, trong đó có việc thúc đẩy khả năng tự khám phá kiến thức, khả năng tạo ra kiến thức mới, khả năng vận dụng kiến thức và đặc biệt là khả năng truyền đạt kiến thức cho người khác. Việc khuyến khích HV hoàn thiện các kỹ năng nghiên cứu, thuyết trình được thực hiện qua các buổi thuyết trình nhóm, làm tiểu luận

thay vì làm các bài kiểm tra tại lớp [H4.04.03.02], [H4.04.03.08].

Tùy thuộc vào đặc thù của mỗi học phần, GV lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm đạt được CDR. Đối với học phần lý thuyết GV thường sử dụng các phương pháp dạy học như phương pháp thuyết trình, bài tập nhóm, tiểu luận... Đối với các học phần dự án thường được sử dụng các phương pháp dạy học như nghiên cứu tình huống, thực hiện đồ án, bài thu hoạch đi thực tế ngoài trường... Các phương pháp GV lựa chọn nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng cần thiết để nâng cao năng lực tự học tập, tự nghiên cứu độc lập, qua đó hướng đến mục tiêu học tập suốt đời của người học. [H4.04.03.01] [H4.04.03.02] [H4.04.03.07],.

Ngoài ra, các hoạt động trong dạy và học trong CTĐT thạc sĩ QTKD được thực hiện hướng đến rèn luyện năng lực tự học suốt đời cho người học thông qua việc định hướng người học về việc không ngừng học tập để đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh [H4.04.03.05]. Việc người học có nền tảng tiếng Anh tốt giúp người học có thể thực hiện hoạt động tự học thông qua việc giao tiếp quốc tế và truy cập thông tin từ các tài liệu nước ngoài. Bên cạnh đó trong CTĐT có học phần phương pháp nghiên cứu Khoa học [H4.04.03.02] giúp học viên nắm được kỹ thuật và các bước cần thực hiện một các có hệ thống từ đó gia tăng kiến thức về quản lý, quản trị và những vấn đề quan tâm khác. Các kiến thức của học phần phương pháp nghiên cứu Khoa học hỗ trợ người học trong việc viết Luận văn tốt nghiệp, đây là một sản phẩm nghiên cứu Khoa học vừa có giá trị về lý luận và thực tiễn đáp ứng các tiêu chuẩn Khoa học [H4.04.03.02].

Định kỳ, Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên để có những điều chỉnh kịp thời. Trong những năm gần đây hoạt động giảng dạy của giảng viên của Khoa đều được người học đánh giá tốt [H4.04.03.06].

## *2. Điểm mạnh*

Cấu trúc các học phần trong CTDH và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn, thuyết trình trong từng học phần giúp HV rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, thu nhận, xử lý và truyền đạt thông tin đảm bảo; Phương pháp giảng dạy mới hiện nay coi người học là trung tâm đã khuyến khích HV ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số học phần thiết kế phần tự học còn nặng về nghiên cứu lý thuyết

## *4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện |
|----|----------|----------|-------------------------|---------------------|
|----|----------|----------|-------------------------|---------------------|

|   |                        |                                                                                 |                 |                 |
|---|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Điều chỉnh hoạt động tự học với vận dụng trong thực tiễn công việc của học viên | CB GV giảng dạy | Năm 2023 - 2024 |
| 2 | Phát huy điểm mạnh     | Phát huy sự tự học tự nghiên cứu của học viên                                   | CB GV giảng dạy | Năm 2023 - 2024 |

#### 5. Tự đánh giá: 5/7

#### Kết luận Tiêu chuẩn 4

Trong thời gian gia, Trường Kinh tế, Khoa QTKD đã và đang quan tâm rất lớn đến việc học tập của học viên cũng như việc thực tập, thực tế tại các địa phương. Đội ngũ cán bộ giảng dạy ngành Quản trị kinh doanh thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, phương pháp giáo dục đa dạng và phong phú, có nhiều buổi sinh hoạt chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển tính tích cực, sáng tạo của người học, phát triển năng lực học viên, rút ra được những kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác dạy và học để đạt được chuẩn đầu ra. Cấu trúc các học phần trong CTDH và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn, thuyết trình trong từng học phần giúp HV rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, thu nhận, xử lý và truyền đạt thông tin đảm bảo; Phương pháp giảng dạy mới hiện nay coi người học là trung tâm đã khuyến khích HV ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tuy nhiên, hiện nay việc cho học viên có môi trường tiếp xúc với thực tế tại các địa phương thời gian còn ngắn; áp dụng kiến thức đã học vào thực tế là đang hạn chế.

## **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

### **Mở đầu**

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong đào tạo SDH. Khoa QTKD thực hiện đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các quy định của Trường Đại học Vinh. Việc đánh giá kết quả của học viên căn cứ vào chuẩn đầu ra và nội dung của chương trình. Việc đánh giá được thể hiện ở cả ba giai đoạn: tuyển sinh đầu vào, trong quá trình học tập và khi học viên tốt nghiệp.

Mục đích của việc kiểm tra đánh giá là nhằm xác định mức độ kiến thức cũng như kỹ năng mà học viên đạt được so với mục tiêu học phần, đồng thời là kênh thông tin phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT đều được thông báo công khai tới học viên qua nhiều kênh để đảm bảo tất cả người học đều hiểu rõ. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và nghiên cứu của mình, đồng thời tạo điều kiện cho người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh có các quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học (tuyển sinh đầu vào, quá trình, đầu ra) để đạt được CĐR (08 chuẩn đầu ra cấp 2 và 18 chuẩn đầu ra cấp 3). Với mục tiêu đảm bảo CĐR cho người học, trường đã xây dựng hệ thống đánh giá kết quả học tập của người học từ giai đoạn tuyển sinh đến khi bảo vệ luận văn. Khoa tuân thủ các quy định về kiểm tra đánh giá HV theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H5.05.01.01] và theo Quy định của Trường tại Quyết định 863/QĐ-ĐHV ngày 20/07/2016 về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ [H5.05.01.02] và Quyết định 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021 về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh [H5.05.01.03], Hướng dẫn số 08/HD-ĐHV ngày 16/10/2018 về Hướng dẫn công tác khảo thí trong đào tạo trình độ Thạc sĩ [H5.05.01.04]. Các văn bản này được Nhà trường công bố công khai, rộng rãi trên website và các kênh truyền thông của Nhà trường [H5.05.01.05]

Ở giai đoạn tuyển sinh đầu vào, Trường đã tiến hành phân hoá thí sinh dựa theo đối tượng tuyển sinh phù hợp với ngành đào tạo, ưu tiên những đối tượng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp được dự thi ngay [H5.05.01.06], đối với những đối tượng tốt nghiệp khác ngành dự thi thì phải học bổ sung kiến thức nhằm đảm bảo có nền tảng kiến thức nhất định khi theo học chính thức, việc tổ chức lớp bổ sung kiến

thức được tổ chức như đối với lớp học chính thức [H5.05.01.07] Thông báo tuyển sinh được đăng trên website của Nhà trường [H5.05.01.08]. Việc tổ chức thi tuyển sinh luôn được thực hiện theo đúng quy chế của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường, đảm bảo công bằng, khách quan, và bảo mật nhằm tuyển chọn được những học viên thật sự muốn tham gia và có năng lực học tập.

Trong quá trình đào tạo, các hoạt động kiểm tra đánh giá KQHT được thiết kế nhằm đánh giá mức độ HV đạt CDR từng HP, từ đó đạt CDR của CTĐT ngành QTKD. Việc kiểm tra đánh giá của HP trong CTĐT được thực hiện liên tục trong suốt khóa học, trong đó học kỳ cuối HV được đánh giá thông qua làm luận văn tốt nghiệp. Hướng dẫn công tác khảo thí trong đào tạo trình độ thạc sĩ (áp dụng từ khoá 26) của Trường nêu rõ các quy định về đánh giá KQHT HP gồm đánh giá quá trình (chiếm 50%) và điểm thi kết thúc HP (chiếm 50%) [H5.05.01.04]. Thời gian và cách thức thực hiện đánh giá HP được Khoa xác định và lên kế hoạch cụ thể: (1) Trường ban hành kế hoạch tổ chức đào tạo hàng năm, lịch thi, các văn bản hướng dẫn tổ chức thi và Khoa sẽ căn cứ vào đó để triển khai [H5.05.01.09].; (2) GV công bố cho HV các cách thức đánh giá trong ĐCCT [H5.05.01.10]. Quy định về kiểm tra đánh giá được công bố trong bản mô tả chương trình đào tạo ngành QTKD [H5.05.01.11].

Để đảm bảo việc thiết kế các phương pháp, công cụ đánh giá KQHT đo lường được mức độ đạt được mục tiêu đào tạo và CDR, Khoa QTKD (1) Áp dụng các tài liệu hướng dẫn thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá của Nhà trường, (2) Tuân thủ quy chế đào tạo (các quy định về hình thức thi, thời lượng thi, duyệt đề thi) và các hướng dẫn được thể hiện trong ĐCCT trong mẫu do Trường ban hành [H5.05.01.12]. Ngoài ra, Khoa tổ chức các buổi họp, seminar thảo luận về phương pháp đánh giá kết quả HV để bảo đảm các phương pháp, công cụ sử dụng trong kiểm tra, đánh giá HP đo lường được mức độ đạt CDR của HP cũng như CDR của học phần, cập nhật vào ĐCCT [H5.05.01.12].

ĐCCT các HP mô tả rõ ràng các phương pháp, công cụ, bảng tiêu chí đánh giá (rubrics)/thang điểm/mẫu phiếu đánh giá học phần, luận văn, được thiết kế nhằm đo lường mức độ đạt được CDR, được Khoa và Bộ môn ký duyệt [H5.05.01.10]. Mỗi HP đều xác định rõ CDR của HP, mỗi CDR HP đều đóng góp cho CDR CTĐT. Tùy theo tính chất của CDR nhằm đo lường kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, nhóm GV phụ trách HP cân nhắc, lựa chọn (1) Các phương pháp, công cụ đánh giá phù hợp và (2) Đánh giá cá nhân hay theo nhóm. CDR kiến thức HV được đo lường qua nhiều hình thức đa dạng như phát biểu ý kiến cá nhân về vấn đề học tập và thực tế, làm bài kiểm tra tại lớp (trắc nghiệm hay tự luận), bài tập, bài thi (trắc nghiệm hay tự luận); CDR kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm được đánh giá thông qua bài thuyết trình, tiểu luận, vấn đáp, bài thi. Tuy nhiên, CDR về mức độ tự chủ và trách nhiệm chỉ có thể thực hiện đánh giá kèm với đánh giá kiến thức trong quá trình học tập và thái độ

hợp tác làm việc nhóm chứ chưa thể đánh giá riêng biệt và toàn diện.

Đối với luận văn, HV cần đảm bảo việc trình bày luận văn theo Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh [H5.05.01.03]. Việc đánh giá luận văn cũng được thực hiện theo quy định. Từ khoá 29 (năm 2021-2023), việc đánh giá luận văn được thực hiện theo CĐR đảm bảo việc thực hiện luận văn có đáp ứng CĐR [H5.05.01.14], [H5.05.01.15].

## 2. Điểm mạnh

- Có các quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học (tuyển sinh đầu vào, quá trình, đầu ra) để đạt được CĐR và được công bố công khai, rộng rãi đến các bên liên quan.

- Có các quy trình/tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR, như là mẫu ĐCCT, mẫu bản mô tả CTĐT, mẫu đánh giá CĐR.

- Việc thực hiện đánh giá CĐR cho các học phần, cho luận văn tốt nghiệp được thực hiện rất tốt, đúng quy định.

## 3. Điểm tồn tại

Đánh giá CĐR CTĐT chưa được thể hiện rõ.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                            | Đơn vị, người thực hiện          | Thời gian thực hiện |
|----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Rà soát các phương pháp đánh giá của các học phần, tiến tới đánh giá CĐR CTĐT QTKD. | Khoa QTKD                        | Năm học 2023-2024   |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Công khai các quy trình về đánh giá kết quả người học qua nhiều kênh.               | Phòng SDH<br>Chủ nhiệm ngành SDH | Năm học 2023-2024   |

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

### 1. Mô tả hiện trạng

Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh [H5.05.02.01] quy định chung về quy trình đánh giá kết quả học tập của người học (tuyển sinh đầu vào, quá trình, đầu ra) để đạt được CĐR (08 chuẩn đầu ra cấp 2 và 18 chuẩn đầu ra cấp 3) đã được công bố công khai, đầy đủ trên website của Nhà trường [<https://phongdaotaosdh.vinhuni.edu.vn/chu%CC%9Bo%CC%9Bng-tri%CC%80nh-da%CC%80o-ta%CC%A3o/seo/cac-van-ban-cua-truong-dai-hoc-vinh-91958>]. Trong

đề cương chi tiết học phần cũng quy định rõ thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số đánh giá điểm (tỷ lệ điểm kiểm tra quá trình là 50% và điểm thi kết thúc học phần là 50%) [H5.05.02.02].

Các tài liệu/hướng dẫn các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học được công bố công khai tới người học trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần. Đầu năm học/học kỳ, Nhà trường ban hành kế hoạch học, thời khóa biểu của các lớp cho học viên [H5.05.02.03]. Lịch thi kết thúc học phần do Khoa đăng ký với Trung tâm đảm bảo chất lượng và công bố cho người học ít nhất 1 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu (đối với các học phần thi trực tiếp, báo cáo đồ án [H5.05.02.04], còn đối với hình thức tiểu luận, đồ án thì GV công bố trên hệ thống elearning trong quá trình học và ngay khi kết thúc giảng dạy.

Hàng năm Nhà trường, Khoa có lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan về các quy định kiểm tra, đánh giá: thể hiện trong các buổi họp bộ môn, họp Khoa, buổi giao ban công tác đào tạo hàng năm của Nhà trường [H5.05.02.05]

HV ngành QTKD được phổ biến chi tiết những quy định kiểm tra, đánh giá KQHT thông qua các kênh như: (1) Trong buổi học đầu tiên, GV các HP cung cấp thông tin kế hoạch kiểm tra đánh giá, giải thích phương pháp kiểm tra, đánh giá của HP nếu HV chưa nắm rõ, và thường xuyên nhắc nhở trong quá trình dạy; (2) Ngoài ra, trong buổi sinh hoạt đầu năm, HV được phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá (Khoa làm việc trực tiếp với học viên tại lớp học).

Toàn bộ điểm thường xuyên, điểm giữa kỳ được giảng viên nhập điểm trực tiếp vào phần mềm elearning [<http://elearning.vinhuni.edu.vn/login/index.php>], cuối kỳ bảng điểm được trích xuất excel, có chữ ký xác nhận của GV giảng dạy, lãnh đạo BM, cán bộ văn phòng và lãnh đạo Khoa, bảng điểm được in và lưu tại văn phòng Trường Kinh tế. Việc thông báo kết quả điểm thi, điểm toàn học phần được công bố công khai cho người học tại Khoa đào tạo hoặc người học có thể tra cứu trên hệ thống elearning của Nhà trường bằng tài khoản cá nhân [H5.05.02.06] Trường hợp người học có yêu cầu khiếu nại kết quả học tập, bộ phận chức năng là Trung tâm đảm bảo chất lượng giải quyết kịp thời, thỏa đáng theo đúng quy trình, quy định chấm phúc khảo [H5.05.02.07].

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có quy định cụ thể về thời gian, hình thức, trọng số về kiểm tra, đánh giá và Các quy định này được phổ biến một cách chi tiết và thường xuyên đến với HV thông qua nhiều kênh.

## *3. Điểm tồn tại*

Nhiều học viên chưa ý thức để nắm vững các qui định về đánh giá kết quả học tập, dẫn đến nộp thiếu bài, làm GV chậm trễ quá trình tổng kết điểm.

## *4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                | Đơn vị, người thực hiện          | Thời gian thực hiện |
|----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Tăng cường tổ chức các buổi tư vấn để quán triệt và nhắc nhở người học. | Khoa QTKD                        | Năm học 2023-2024   |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Công khai các qui trình về phản hồi KQĐG người học qua nhiều kênh.      | Phòng SĐH<br>Chủ nhiệm ngành SĐH | Năm học 2023-2024   |

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

#### 1. Mô tả hiện trạng

Phương pháp đánh giá kết quả học tập ngành thạc sĩ QTKD, Trường Đại học Vinh được xây dựng đa dạng, đảm bảo có giá trị, công bằng và đáng tin cậy xuyên suốt quá trình từ khi công nhận trúng tuyển đầu vào và cả quá trình học tập. Các phương pháp đánh giá được thực hiện theo từng học phần, tùy thuộc vào mức độ ứng dụng thực tế của học phần đó. Sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để đánh giá như đi thực tế [H5.05.03.01], thuyết trình, thực hiện tiểu luận nhóm hoặc cá nhân, làm bài kiểm tra/thi viết, trắc nghiệm [H5.05.03.02]... Đối với các học phần đánh giá cuối kỳ bằng hình thức thi tự luận, để đánh giá kết quả học tập được chính xác, Nhà trường ban hành quy định về xây dựng đề thi nhằm đảm bảo đánh giá đúng kiến thức người học với phương pháp phù hợp và cũng để bảo mật đảm, bảo công bằng cho người học [H5.05.03.03]. Để đảm bảo sự công bằng và độ tin cậy trong đánh giá kết quả học tập, công tác tổ chức thi luôn đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, đúng quy trình đã được quy định trước [H5.05.03.04]. Trong đó, quy định cụ thể các hình thức kiểm tra, đánh giá học phần (tại Hướng dẫn công tác khảo thí trong đào tạo trình độ Thạc sĩ số 08/HD-ĐHV ngày 16/10/2018); và để đáp ứng tình hình mới khi dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Nhà trường cũng đã ban hành quy định về tổ chức thi học phần theo hình thức trực tuyến [H5.05.03.05].

Đối với việc đánh giá luận văn tốt nghiệp, luận văn được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng, buổi bảo vệ được tổ chức công khai. Hội đồng bảo vệ phải có 05 thành viên (có ít nhất 02 thành viên là người ngoài Trường Đại học Vinh, trong đó có 1 phản biện). Tiêu chuẩn của các thành viên hội đồng là có trình độ Tiến sĩ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo, có kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài đề án trong 05 năm. Các tiêu chí để đánh giá luận văn được quy định cụ thể trong

Mẫu phiếu đánh giá luận văn (gồm phiếu thông thường và phiếu đánh giá theo CDR - áp dụng cho K29) [H5.05.03.06].

*2. Điểm mạnh*

Trường sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá HP đa dạng và có tiêu chí đánh giá rõ ràng.

*3. Điểm tồn tại*

Chưa có kế hoạch cụ thể điều chỉnh các phương pháp đánh giá theo ý kiến góp ý từ HV.

*4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                              | Đơn vị, người thực hiện          | Thời gian thực hiện |
|----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Tổ chức buổi họp nhằm đề ra cách thức cải tiến phương pháp đánh giá theo ý kiến khảo sát từ người học | Khoa QTKD                        | Năm học 2023-2024   |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Công khai các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá, tiêu chí đánh giá qua nhiều kênh.           | Phòng SDH<br>Chủ nhiệm ngành SDH | Năm học 2023-2024   |

*5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.*

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

*1. Mô tả hiện trạng:*

Trên hệ thống cổng thông tin của Phòng Đào tạo Sau Đại học, Người học sau khi nhập học có thể truy cập vào hệ thống dữ liệu để nắm bắt các thông tin đầy đủ thông qua các văn bản được đưa lên trên hệ thống như: quy định chung, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét và thực hiện luận văn thạc sĩ... giúp người học nắm bắt được các quy trình nội dung nhằm kịp thời cải thiện được việc học tập của cá nhân [H5.05.04.01].

Nhằm tạo điều kiện cho người học nhanh chóng biết được kết quả đánh giá học tập để có kế hoạch điều chỉnh học tập của bản thân, Trường có quy định tổ chức thi kết thúc học phần, về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học [H5.05.04.02], Quy định về việc giao đề tài luận văn, kết quả đánh giá được công bố công khai đến giảng viên và người học để thực hiện và kiểm tra giám sát được thực hiện [H5.05.04.03].

Các giảng viên tham gia giảng dạy phải công bố công khai các yêu cầu và hình thức đánh giá học phần cho học viên vào buổi đầu tiên của học phần, điểm đánh giá quá trình, danh sách học viên đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần cho học viên vào buổi cuối cùng trên hệ thống LMS và nạp bảng điểm quá trình, danh sách học viên

không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần về văn phòng Khoa. Đồng thời, giảng viên phối hợp với cán bộ văn phòng Khoa nhập điểm đánh giá quá trình vào phần mềm Quản lý đào tạo sau đại học chậm nhất 07 ngày kể từ ngày kết thúc việc giảng dạy học phần [H5.05.04.02].

Đối với các học phần tổ chức thi thì giảng viên phải hoàn thành việc chấm thi và phối hợp với cán bộ văn phòng Khoa, việc nhập điểm vào phần mềm Quản lý đào tạo sau đại học chậm nhất 30 ngày kể từ ngày tổ chức thi kết thúc học phần, trường hợp thi vấn đáp, giảng viên công khai kết quả thi cho học viên ngay sau khi kết thúc buổi thi, trường hợp áp dụng hình thức thi viết tiểu luận, giảng viên hoàn thành việc chấm thi chậm nhất 15 ngày kể từ hạn nộp bài tiểu luận. Nội dung này được quy định rõ trong công văn số 08/HD - ĐHV hướng dẫn công tác khảo thí trong đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng từ K26 [H5.05.04.02].

Bên cạnh đó, Học viên vào cổng thông tin cá nhân của mình có thể tra cứu kết quả học tập của mình từ đó có phương án cải thiện việc học tập 1 cách nhanh nhất. [<http://sinhvien.vinhuni.edu.vn/sinh-vien-dang-nhap.html>]. [H5.05.04.04]. Ngoài ra để cho học viên có thể theo dõi việc học tập một cách sát sao thì Khoa còn có giáo viên chủ nhiệm chuyên ngành đào tạo để có sự nhắc nhở, đốc thúc trong quá trình học [H5.05.04.05].

Nhà trường ban hành và công khai các quy định về thủ tục đăng ký, làm luận văn và bảo vệ luận văn Thạc sĩ tại Trường Đại học Vinh được công bố công khai trên Website của Nhà trường [H5.05.04.03] để người học nắm bắt được nhiệm vụ và các thông tin để cải thiện quá trình làm luận văn, ra trường đúng tiến độ.

Ngoài ra, trường còn ban hành và công khai các thông tin danh mục tên đề tài và giáo viên hướng dẫn luận văn; các thông tin công nhận tốt nghiệp trên website của phòng QLĐT SDH (đường Link của phòng sau đại học giúp người học có đầy đủ thông tin để có phương án cải thiện quá trình học tập cá nhân [H5.05.04.06]

Cách thức phản hồi và thời gian phản hồi kết quả học tập được người học đánh giá 100% mức độ hài lòng thông qua đánh giá các tiêu chí hàng năm từ phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí và thông qua đối các Hội nghị đối thoại người học [H5.05.04.07].

## *2. Điểm mạnh*

Có các qui trình về phản hồi KQĐG người học được công khai và qua nhiều kênh. Phòng QLĐT Sau đại học luôn hỗ trợ giảng viên một cách kịp thời trong quá trình lỗi nhập điểm trên hệ thống.

## *3. Điểm tồn tại*

Phần mềm QLĐT đôi khi còn bị quá tải nên ảnh hưởng đến việc tra cứu thông tin về đánh giá tình hình học tập.

Khó khăn trong việc nắm bắt thông tin về phương án cải thiện việc học tập của

người học sau khi họ nhận được kết quả đánh giá học tập.

#### 4. Kế hoạch hành động

| <b>T<br/>T</b> | <b>Mục tiêu</b>        | <b>Nội dung</b>                                                                                                                             | <b>Đơn vị,<br/>người thực<br/>hiện</b> | <b>Thời<br/>gian thực<br/>hiện</b> |
|----------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------|
| 1              | Khắc phục điểm tồn tại | Nâng cấp đường truyền internet giúp cho Cán bộ, GV, người học và các bên liên quan cập nhật tốt hơn các thông tin về kết quả của người học. | Phòng Quản trị                         | Năm học 2023-2024                  |
| 2              | Phát huy điểm mạnh     | Công khai các qui trình về phản hồi KQĐG người học qua nhiều kênh.                                                                          | Phòng SDH<br>Chủ nhiệm ngành SDH       | Năm học 2023-2024                  |

#### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

##### 1. Mô tả hiện trạng

Kết quả của người học phản ánh chất lượng của công tác đào tạo. Vì vậy; để tạo điều kiện tốt nhất cho người học, trong quá trình học tập, người học được quyền phúc tra khiếu nại kết quả học tập theo các quy định, quy trình khiếu nại. Đối với điểm quá trình, người học khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp. Đối với điểm thi kết thúc học phần; Khi người học có yêu cầu khiếu nại kết quả học tập, bộ phận chức năng giải quyết kịp thời, thỏa đáng theo đúng quy định phúc khảo điểm đánh giá cuối học kỳ [H5.05.05.01]; với 4 bước (tiếp nhận đề nghị phúc khảo điểm, thực hiện Phúc khảo điểm, trả kết quả, xử lý kết quả và rà soát phúc khảo điểm) và kèm theo là có các biểu mẫu liên quan và thời gian lưu như: Phiếu đề nghị phúc khảo điểm, Sổ theo dõi phúc khảo điểm, Phiếu phúc khảo điểm, Phiếu thống nhất điểm, bảng tổng hợp kết quả phúc khảo [H5.05.01.01]. Các quy định quy trình được công bố công khai trên Web Trung tâm Đảm bảo chất lượng để người học có thể tiếp cận dễ dàng [<http://trungtamdbcl.vinhuni.edu.vn>]. Ngoài ra tại các Khoa còn có các trợ lý sau đại học hỗ trợ kịp thời trong quá trình giải quyết khiếu nại [H5.05.05.02].

Điểm phúc tra sẽ được công bố trực tiếp trên tài khoản cá nhân của người học trên hệ thống Website của trường. Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học hàng năm thông qua đối thoại người học, cho thấy người học khá hài lòng với phương pháp đánh giá tiếp cận quy trình khiếu nại về kết quả học tập, vì không có ý kiến thắc mắc trong vấn đề này [H5.05.04.07].

##### 2. Điểm mạnh

- Trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại nhằm hỗ

trợ người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại.

- Trường có các bộ phận chuyên trách để hỗ trợ người học trong quá trình giải quyết khiếu nại, Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ người học.

### 3. Điểm tồn tại

Chưa có kênh đánh giá sự hài lòng của người học về việc tiếp cận quy trình khiếu nại.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                     | Đơn vị, người thực hiện   | Thời gian thực hiện |
|----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Thực hiện khảo sát đánh giá việc tiếp cận quy trình khiếu nại của người học. | Phòng quản lý đào tạo SDH | Năm học 2023-2024   |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Các bộ phận trợ lý cần phát huy nội lực hơn nữa hỗ trợ người học             | Các trợ lý SDH            | Năm học 2023-2024   |

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm.

### Kết luận về tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT thạc sĩ QTKD được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD-ĐT, các văn bản quy định về đánh giá kết quả học tập của Trường Đại học Vinh, bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu từng học phần. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai cho người học. Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ chính xác và an toàn. Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập tại trường. Trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học, giúp người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

## **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên**

### **Mở đầu**

Trong chiến lược phát triển của Nhà trường, phát triển đội ngũ GV được xác định là chiến lược trọng tâm, là tiền đề quan trọng để giữ vững và phát triển quy mô và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh nói chung và của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh nói riêng. Để đáp ứng về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng Nhà trường và ngành quản trị kinh doanh luôn chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, tích cực tham gia hoạt động NCKH và tham gia các hoạt động xã hội. Việc phân công nhiệm vụ được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng của GV. Việc tuyển dụng đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, có tiêu chí rõ ràng, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật.

Đội ngũ GV tham gia giảng dạy và hướng dẫn chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ của ngành quản trị kinh doanh được quy hoạch đầy đủ đáp ứng về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng thể hiện qua tỷ lệ GV/Người học đáp ứng đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường có quy định phân công cụ thể khối lượng công việc hàng năm đối với đội ngũ GV. Ngoài ra GV luôn được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nhằm phát triển chuyên môn và kỹ năng. Bên cạnh đó việc quản lý kết quả theo công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho GV hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn góp phần thực hiện tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và trách nhiệm đối với xã hội.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Để thực hiện thành công sứ mạng và tầm nhìn trong chiến lược phát triển của Nhà trường, đáp ứng được yêu cầu về đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu nhằm phục vụ yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Trường Đại học Vinh đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045, trong đó có kế hoạch /quy hoạch phát triển đội ngũ GV thông qua công tác xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự (có đề cập đến việc thu hút, tiếp nhận, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý). Nhà trường cũng đặt ra giải pháp xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, phù hợp về cơ cấu để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học, theo đó đặt ra mục tiêu tỉ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ tăng 5% năm, tỉ lệ giảng viên

có học hàm phó giáo sư tăng 5% năm [H6.06.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành các Quy chế về công tác cán bộ như: Đề án vị trí việc làm, Quy chế về tổ chức hoạt động Trường Đại học Vinh, Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh, Quy định tuyển dụng, sử dụng đội ngũ GV, Quy định bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GVCC, GVC, Quy định về việc chấm dứt hợp đồng, cho nghỉ hưu, kéo dài thời gian lao động... Trong Đề án vị trí việc làm có quy định rõ giảng viên có thể làm việc tại các vị trí gắn với công việc lãnh đạo, quản lý điều hành như Trưởng khoa, Phó trưởng khoa hoặc làm việc theo vị trí gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp với các tiêu chuẩn cụ thể, [H6.06.01.02]. Trên cơ sở chiến lược và các quy định đã được ban hành, nhà trường và trường Kinh tế đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh cho từng giai đoạn [H6.06.01.03]. Việc quy hoạch đội ngũ GV luôn được Trường Kinh tế chú trọng, được xem như là một trong các nhiệm vụ then chốt và được thể hiện trong kế hoạch năm học, được rà soát, bổ sung hàng năm dựa trên báo cáo về nhu cầu nhân lực của từng bộ môn [H6.06.01.04].

Để thực hiện đúng kế hoạch phát triển đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh, đảm bảo về số lượng và chất lượng của đội ngũ. Đầu mỗi năm học, Trường Kinh tế đều tổ chức thống kê số liệu quy hoạch đội ngũ GV, NCV trong từng năm. Tính đến nay (tháng 1/2024), Tổng số CB, GV cơ hữu tham gia giảng dạy thạc sĩ ngành QTKD là 58 giảng viên và 14 GV thỉnh giảng. Tất cả các GV ngành quản trị kinh doanh đều có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo đúng với chuyên ngành giảng dạy, thành thạo máy tính và có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc [H6.06.01.05]. Cơ cấu về giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn của GV, NCV được thể hiện (ở bảng 6.1.1).

**Bảng 6.1.1: Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu đào tạo trình độ SDH ngành Quản trị kinh doanh theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2023-2024 (tính đến tháng 1/2024):**

| TT | Trình độ/học vị  | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Phân loại theo giới tính (ng) |    | Phân loại theo tuổi (người) |       |       |       |      |
|----|------------------|----------|-----------|-------------------------------|----|-----------------------------|-------|-------|-------|------|
|    |                  |          |           | Nam                           | Nữ | < 30                        | 30-40 | 41-50 | 51-60 | > 60 |
| 1  | Giáo sư, Viện sĩ |          |           |                               |    |                             |       |       |       |      |
| 2  | Phó Giáo sư      | 5        | 10,6      |                               | 5  |                             |       | 4     | 1     |      |
| 3  | Tiến sĩ khoa học |          |           |                               |    |                             |       |       |       |      |
| 4  | Tiến sĩ          | 42       | 89,4      | 3                             | 39 |                             | 30    | 12    |       |      |
|    | <b>Tổng</b>      | 47       | 100       | 3                             | 44 |                             | 30    | 16    | 1     |      |

Trên cơ sở đó, Ban Giám hiệu trường Kinh tế đã thảo luận, phân tích về sự thiếu hụt giảng viên của ngành. Từ đó, xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong từng

nằm nhằm đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ đã nghỉ hoặc sắp nghỉ hưu. Trường Kinh tế xác định số lượng GV cần tuyển dụng mới tương ứng với các vị trí thiếu hụt trong bản mô tả công việc, căn cứ vào nhu cầu công việc, chỉ tiêu biên chế, tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm cần bổ sung và tình hình thực tế đội ngũ cán bộ của Khoa, Trường đơn vị đề xuất số lượng cần bổ sung, trình thành viên BGH phụ trách trực tiếp cho ý kiến gửi về phòng Tổ chức Cán bộ để tổng hợp nhu cầu tuyển dụng viên chức của toàn trường trình Hiệu trưởng. Hiệu trưởng thông qua chỉ tiêu cần tuyển dụng tại phiên họp giao ban BGH để thống nhất chỉ tiêu. Trên cơ sở kết luận của BGH, Hiệu trưởng báo cáo Ban thường vụ Đảng ủy xét duyệt chỉ tiêu cần tuyển. Trên cơ sở chỉ tiêu đã được duyệt, Phòng Tổ chức Cán bộ lập kế hoạch tổ chức thi tuyển, thông báo tiêu chuẩn, điều kiện, chỉ tiêu, thời hạn tuyển dụng và địa điểm tiếp nhận hồ sơ trên website trường Đại học Vinh, trên phương tiện thông tin đại chúng và tại phòng Tổ chức Cán bộ, kết quả thi tuyển được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, phòng Tổ chức Cán bộ thông báo bằng văn bản gửi tới người dự tuyển kèm theo thông báo về thời gian và địa điểm người trúng tuyển đến ký hợp đồng làm việc và hoàn thiện thủ tục tuyển dụng trong thời hạn quy định [H6.06.01.06]. Nhà trường cũng đã thực hiện các chính sách thu hút, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài để tuyển dụng được đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao. Do vậy, Trường Kinh tế và Trường Đại học Vinh không chỉ tuyển được những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc do Trường đào tạo mà còn tuyển được những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc do các trường khác đào tạo [H6.06.01.07]. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ mới được tuyển dụng đều theo đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo. Đội ngũ cán bộ được tuyển dụng đang trong thời kỳ được bồi dưỡng để tham gia giảng dạy chương trình thạc sĩ QTKD. Đội ngũ GV được tuyển dụng mới của ngành quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác, số lượng cán bộ tuyển mới được thể hiện ở (bảng biểu 6.1.2).

**Bảng 6.1.2: Thống kê số liệu đội ngũ GV, NCV được tuyển mới của Trường Kinh tế trong 5 năm qua**

| Trình độ       | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 | Năm học<br>2022-2023 | Năm học<br>2023-2024 |
|----------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <b>GS, TS</b>  | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    |
| <b>PGS, TS</b> | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    |
| <b>TS</b>      | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 1                    |
| <b>Th.S</b>    | 2                    | 0                    | 1                    | 0                    | 0                    | 2                    |
| <b>Tổng số</b> | 2                    | 0                    | 1                    | 0                    | 0                    | 3                    |

Hàng năm Trường Kinh tế cũng như Nhà trường đã tiến hành khảo sát và phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại

ngành Quản trị kinh doanh được thực hiện theo quy hoạch các nhóm chuyên môn sâu để phù hợp với nhu cầu đào tạo của Khoa [H6.06.01.08]. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của GV, Nhà trường và Trường Kinh tế đã triển khai thực hiện các kế hoạch cho các GV đi học nâng cao trình độ cả về chuyên môn và lý luận chính trị [H6.06.01.09]. Về kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV, Trường Đại học Vinh có quy chế chi tiêu nội bộ quy định rõ chế độ kinh phí cho việc đào tạo, trong đó cấp học phí và kinh phí hỗ trợ, giảm giờ chuẩn cho CB, GV đi học; tặng quà và cấp máy tính xách tay cho các CB, GV hoàn thành việc bảo vệ luận án tiến sĩ... [H6.06.01.10].

Việc chuyển đổi đội ngũ CB-GV-NV cũng được Nhà trường thực hiện thường xuyên để phù hợp với tình hình thực tế và năng lực của từng vị trí [H6.06.01.11].

Việc quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo của Khoa dựa trên năng lực công tác và thành tích NCKH của CB để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như quản lý. Quy trình bổ nhiệm CB lãnh đạo Khoa đều thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường. [H6.06.01.12].

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu hay kéo dài thời gian công tác của GV cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch theo quy định rõ ràng tại Quy chế công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh [H6.06.01.13].

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Vào cuối mỗi năm học, các GV thực hiện việc tự đánh giá thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học về công tác giảng dạy, NCKH, chuyên môn nghiệp vụ..., sau đó việc đánh giá được tiến hành ở Bộ môn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Khoa và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Ngoài ra Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của người học đối với hoạt động giảng dạy của GV, cung cấp thông tin cho GV và các cán bộ quản lý để có biện pháp cải tiến chất lượng. Thông qua việc lấy ý kiến của người học đối với hoạt động giảng dạy của GV, Nhà trường và khoa Quản trị kinh doanh có định hướng chiến lược thích hợp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.14] [H6.06.01.15]. Nhà trường có chính sách khen thưởng đối với các GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được hưởng các khoản khác như: phụ cấp tăng thêm, nâng lương trước thời hạn, giấy khen, bằng khen các cấp và các hình thức khen thưởng khác... [H6.06.01.16].

Nhà trường thường xuyên rà soát xem xét sự phù hợp của các quy định cũ và ban hành các quy chế, quy định mới về công tác tổ chức, cán bộ nhằm bổ sung hoặc thay thế các quy định cũ, thực hiện việc cải tiến về số lượng và chất lượng GV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD [H6.06.01.17].

## 2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã có kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.

- Công tác quy hoạch đội ngũ của Trường Kinh tế được chú trọng thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa Quản trị kinh doanh theo đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD.

- Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí đều rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.

## 3. Điểm tồn tại

Việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành quản trị kinh doanh đang gặp khó khăn. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên như Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của ngành quản trị kinh doanh chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới còn bị động.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị, người thực hiện                  | Thời gian thực hiện |            |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------|------------|
|    |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                          | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại  | - Ngành Quản trị kinh doanh cần làm rõ chính sách về nhân sự, tạo nguồn quy hoạch giảng viên cho phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên như Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa cần đầy đủ các nội dung cốt lõi<br>- Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho giảng viên; | Nhà trường<br>Khoa/Viện<br>Phòng TCCB    | 6/2022              | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Thường xuyên rà soát kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.                                                                                                                                                                                                                | Nhà trường<br>Trường<br>Kinh tế<br>Phòng | 6/2022              | Hàng năm   |

| TT | Mục tiêu | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện |            |
|----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|------------|
|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                         | Bắt đầu             | Hoàn thành |
|    |          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường rà soát quy trình quy hoạch đội ngũ của ngành Quản trị kinh doanh, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD.</li> <li>- Tiếp tục công tác lập kế hoạch quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, rà soát các quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí để mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.</li> </ul> | TCCB                    |                     |            |

#### 5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

##### 1. Mô tả hiện trạng

Công tác quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện dựa trên kế hoạch phát triển nhân sự của Trường và kế hoạch phát triển của Trường Kinh tế giảng dạy trình độ Thạc sĩ của Ngành Quản trị kinh doanh là 12 giảng viên, ngoài ra có 35 giảng viên bao gồm giảng viên trường Kinh tế và giảng viên thỉnh giảng tham gia đào tạo chương trình thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Tất cả các GV đều đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển dụng của Trường, có trình độ chuyên môn cao phù hợp với chuyên ngành đào tạo và đáp ứng được yêu cầu quy định về đào tạo SDH (TT09/2017/TT-BGDĐT, ngày 04/4/2017) [H6.06.02.03]. Định kỳ hàng năm ngành Quản trị kinh doanh thực hiện việc rà soát, đánh giá và bổ sung đội ngũ GV đảm bảo tỷ lệ GV/NH đúng quy định theo từng khối ngành đào tạo. Hiện nay tỷ lệ GV/NH tham gia đào tạo trình độ Thạc sĩ của ngành là 3,1/1 đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ Thạc sĩ hiện thành theo Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT

quy định. Có được kết quả này là nhờ Khoa đã thực hiện tốt công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, bố trí công việc, phát triển đội ngũ và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ GV [H6.06.02.04] [H6.06.02.05].

Số lượng GV cần thiết để đáp ứng yêu cầu và nhu cầu giảng dạy cho Khoa Quản trị kinh doanh được thể hiện ở bảng biểu 6.2.1 và bảng tỷ lệ GV/NH bảng 6.2.2 sau:

**Bảng 6.2.1. Số GV quy đổi tham gia giảng dạy chương trình thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh của giai đoạn 2018 – 2022**

| Trình độ                                                       |                              | Giảng viên cơ hữu |      |         |         | Giảng viên cơ hữu kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |      |         |         | GV thỉnh giảng | Tổng số GV quy đổi |
|----------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------|------|---------|---------|------------------------------------------------|------|---------|---------|----------------|--------------------|
|                                                                |                              | GS                | P.GS | Tiến sĩ | Thạc sĩ | GS                                             | P.GS | Tiến Sĩ | Thạc sĩ |                |                    |
|                                                                |                              | (1)               | (2)  | (3)     | (4)     | (5)                                            | (6)  | (7)     | (8)     |                |                    |
| <b>Hệ số quy đổi</b><br>(GV là quản lý thì nhân với hệ số 0.3) |                              | 5                 | 3    | 2       | 1       | 1.5                                            | 0.9  | 0.6     | 0.3     | 0.2            |                    |
| Năm học                                                        | Tổng số GV cơ hữu ngành QTKD |                   |      |         |         |                                                |      |         |         |                |                    |
| 2018-2019                                                      |                              |                   |      |         |         |                                                |      |         |         |                |                    |
| 2019-2020                                                      |                              |                   |      |         |         |                                                |      |         |         |                |                    |
| 2020-2021                                                      | 54                           |                   | 1    | 20      | 27      |                                                | 1    | 5       |         | 15             | 76,6               |
| 2021-2022                                                      | 52                           |                   | 1    | 23      | 22      |                                                | 3    | 3       |         | 15             | 74,45              |
| 2022-2023                                                      | 58                           |                   | 1    | 37      | 11      |                                                | 4    | 5       |         | 15             | 89,98              |

- Tổng số GV quy đổi = [(1)+(2)+...+(9)]\*Hệ số quy đổi

- Tổng số GV= (1)+(2)+...+(9)

**Chú ý:** Giảng viên cơ hữu kiêm nhiệm là cán bộ quản lý ((cột (5); (6); (7); (8)) thì không tính ở các cột giảng viên cơ hữu nữa ((cột (1); (2); (3); (4))

**Bảng 6.2.2. Tỷ lệ HV/GV tham gia giảng dạy thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh giai đoạn 2018 - 2022**

| Năm       | Số lượng GV quy đổi | Số lượng HV<br>Ngành quản trị kinh<br>doanh trình độ thạc sĩ | Tỷ lệ HV/GV |
|-----------|---------------------|--------------------------------------------------------------|-------------|
| 2018-2019 | 0                   | 0                                                            | 0           |
| 2019-2020 | 0                   | 0                                                            | 0           |

|           |       |    |               |
|-----------|-------|----|---------------|
| 2020-2021 | 76,6  | 20 | <b>0,26/1</b> |
| 2021-2022 | 74,45 | 53 | <b>0,69/1</b> |
| 2022-2023 | 89,98 | 83 | <b>0,92/1</b> |

Tỷ lệ GV/NH theo từng năm ở bảng 6.2.2 như vậy về cơ bản là đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

Việc quy đổi về khối lượng công việc đối với GV theo giờ chuẩn được Nhà trường ban hành, hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện theo quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H6.06.02.06], trong đó có các quy định về quy đổi theo giờ chuẩn, hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo chuẩn và đo lường để giám sát, đánh giá và cải tiến. Phòng TCCB, trường Đại học Vinh là đơn vị giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn với sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm quản lý. Khối lượng công việc của GV đều được quy đổi thành giờ chuẩn: *giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn nghiên cứu khoa học, giờ chuẩn các hoạt động chuyên môn khác*.

Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản Quy định chế độ làm việc của GV, NCV trong đó có các quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV, NCV. Cụ thể về khối lượng và thời gian làm việc đối với từng đối tượng; quy định về tiết chuẩn nghĩa vụ; hướng dẫn quy đổi tiết chuẩn, tiết miễn giảm; thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác của GV,... theo chuẩn và đo lường được để giám sát, đánh giá và cải tiến. Đối với mỗi GV, khối lượng công việc phải hoàn thành là 220 tiết chuẩn giảng dạy và 110 tiết chuẩn NCKH. Ngoài ra, GV còn tham gia các hoạt động khác như: viết tài liệu giảng dạy học tập, hướng dẫn HV NCKH, viết ĐCCT HP và tham gia xây dựng, cập nhật, sửa đổi CTĐT, chấm thi, công tác đoàn thể, tham gia học tập bồi dưỡng để nâng cao năng lực cá nhân. Về NCKH, tùy theo chuyên môn, Khoa chia nhiệm vụ NCKH phù hợp với chuyên môn và học vị của từng GV, NCV qua nhiều hình thức khác nhau: nghiên cứu các đề tài cấp Trường; viết bài đăng công bố trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín; viết các bài báo hoặc báo cáo tham luận tại các hội thảo/hội nghị; biên soạn tài liệu giảng dạy/học tập; hướng dẫn HV làm NCKH [H6.06.02.07][H6.06.02.08].

Căn cứ vào năng lực GV, nhu cầu tuyển sinh, đào tạo, cân đối nhân lực, hằng năm Khoa/ngành quản trị kinh doanh phân công khối lượng công tác, khối lượng hướng dẫn chuyên đề nghiên cứu, luận văn tốt nghiệp của mỗi chức danh theo đúng quy định của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác.

**Bảng 6.2.3. Bảng thống kê khối lượng các hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCD hàng năm của giảng viên khoa Quản trị kinh doanh năm học 2022 -2023**

| STT | Họ và tên | Giờ giảng dạy | Giờ NCKH | Giờ PVCD (hoạt động khác) |
|-----|-----------|---------------|----------|---------------------------|
|-----|-----------|---------------|----------|---------------------------|

|   |                      |         |        |       |
|---|----------------------|---------|--------|-------|
| 1 | Hồ Thị Diệu Ánh      | 1025    | 237,5  | 196,5 |
| 2 | Trần Quang Bách      | 740.225 | 106,8  | 175   |
| 3 | Trần Văn Hào         | 679,6   | 333    | 359   |
| 4 | Đỗ Thị Phi Hoài      | 312,87  | 316,67 | 111   |
| 5 | Trần Thị Lê Na       | 984,75  | 200    | 100,5 |
| 6 | Hoàng Thị Cẩm Thương | 1045,5  | 117,86 | 222,5 |
|   | <b>Tổng số</b>       | 744273  | 1312   | 1165  |

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được giám sát và đánh giá định kỳ để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng kỳ, Ngành Quản trị kinh doanh thực hiện phân công chuyên môn cho GV dựa trên bản mô tả công việc của từng GV. Sau khi thực hiện theo bảng phân công chuyên môn, Nhà trường thống kê khối lượng công việc của GV theo giờ chuẩn và thực hiện qui đổi [H6.06.02.09]. Nhà trường cũng có quy định cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV để làm cơ sở đánh giá và phân loại công chức, viên chức; Ban hành Quy định, đánh giá phân loại viên chức và người lao động để xác định mức độ đáp ứng công việc của GV. Cuối năm học, căn cứ vào Bản mô tả vị trí công việc và phân công khối lượng giảng dạy, NCKH và các biên bản giao nhận nhiệm vụ hằng năm, các GV thực hiện việc tự đánh giá thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học về công tác giảng dạy, NCKH, chuyên môn nghiệp vụ... GV đối sánh với kế hoạch cá nhân đề ra vào đầu năm theo 4 mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó việc đánh giá được tiến hành ở Bộ môn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Khoa/Viện và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Nhà trường có chính sách đối với GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao được hưởng các khoản khác như: phụ cấp tăng thêm, các hình thức khen thưởng khác [H6.06.02.10]. Ngoài ra, việc đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn còn được hỗ trợ bởi Cổng thông tin cán bộ là phần mềm nằm trong hệ thống thông tin tổng thể của Trường Đại học Vinh ([canbo.vinhuni.edu.vn](http://canbo.vinhuni.edu.vn)). Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy định về quản lý các hoạt động KHCN của trường ĐH Vinh [H6.06.02.11]. Phòng thanh tra-pháp chế, Phòng ĐTSĐH, Phòng NCKH&HTQT và Khoa cùng tham gia vào việc giám sát khối lượng công việc của các CB-GV-NV, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó đảm bảo cho kết quả giảng dạy, NCKH và các mặt hoạt động khác của Trường, Khoa ngày càng được cải tiến và chất lượng. Việc quy định cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV có điều chỉnh hằng năm. Ví dụ, để tăng cường công tác NCKH và PVCD, Nhà trường đã thay đổi quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên [H6.06.02.12].

Để hỗ trợ cho công tác đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của HV đối với hoạt động giảng dạy của GV, cung cấp thông tin cho

GV và các cán bộ quản lý để có biện pháp cải tiến chất lượng. Thông qua việc lấy ý kiến của HV đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên, Nhà trường và Khoa Quản trị kinh doanh có định hướng chiến lược thích hợp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong 5 năm gần đây, hầu hết các GV Khoa Quản trị kinh doanh đều hoàn thành hoặc vượt định mức được giao cả về giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn. Hầu hết các GV Khoa Quản trị kinh doanh đều được đánh giá ở mức lao động tiên tiến trở lên. Các GV đều rất hài lòng về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá các công việc [H6.06.02.13].

### 2. Điểm mạnh

- Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho HV trình độ thạc sĩ Khoa Quản trị kinh doanh, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/NH và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCD.

- Có các tiêu chí rõ ràng, minh bạch để đo lường khối lượng công việc của GV. Khối lượng công việc của GV được đo lường, giám sát thường xuyên, kết quả đánh giá việc hoàn thành khối lượng công tác làm căn cứ cho việc cải tiến các hoạt động đào tạo của Khoa và Nhà trường.

### 3. Điểm tồn tại

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị, người thực hiện                               | Thời gian thực hiện |            |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------|------------|
|    |                    |                                                                                                                                                                                                                          |                                                       | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại  | Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cần được quy định, định lượng rõ ràng và quy đổi thành giờ chuẩn. Chất lượng công việc của GV thỉnh giảng cần được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc. | Nhà trường<br>Khoa Quản trị kinh doanh;<br>Phòng TCCB | 6/2022              | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Tăng cường công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của GV để đảm                                                                                                                                       | Nhà trường<br>Khoa Quản trị kinh                      | 6/2022              | Hàng năm   |

| TT | Mục tiêu | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện |            |
|----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|------------|
|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                         | Bắt đầu             | Hoàn thành |
|    |          | bảo Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/sinh viên và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCĐ.<br>- Thường xuyên rà soát các tiêu chí để đo lường khối lượng công việc của GV. Định kỳ đánh giá, đo lường khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao hằng năm của GV. | doanh, Phòng TCCB       |                     |            |

#### 5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

##### 1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Trường Đại học Vinh đã xây dựng các kế hoạch về chiến lược phát triển qua từng giai đoạn, trong đó kế hoạch về phát triển đội ngũ GV là yếu tố cốt lõi [H6.06.03.01]. Bên cạnh đó Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển, ban hành các kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV [H6.06.03.02] [H6.06.03.03]. Việc tìm kiếm các ứng viên phù hợp với các yêu cầu phát triển của Khoa và của Nhà trường đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Để tuyển chọn được đội ngũ GV cho các vị trí Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực hoạt thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ. Các tiêu chí tuyển dụng GV bao gồm: 1) *Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;* 2) *Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên*

đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3) Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5) Lý lịch bản thân rõ ràng. Các tiêu chí này có thể được điều chỉnh theo từng thời điểm, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV [H6.06.03.04] [H6.06.03.05]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, viên chức, rà soát đề án việc làm và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng giảng viên cho các đơn vị. Quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị, tổ chức thi giảng và phỏng vấn (đối với cán bộ giảng dạy). Với các ứng viên thi tuyển vào ngạch giảng viên thì phải có trình độ ngoại ngữ bậc 3/6, phải vượt qua sát hạch năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo hình thức giảng và phỏng vấn: mỗi ứng viên soạn giáo án nội dung 01 tín chỉ của chuyên ngành dự tuyển, phân chia theo tiết giảng quy định (tương đương 15 tiết), bốc thăm giảng 01 trong 15 tiết đã soạn và trả lời câu hỏi của Hội đồng tuyển dụng. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, Nhà trường thông báo công khai chỉ tiêu và các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV trên website của Nhà trường và các phương tiện truyền thông đại chúng... [H6.06.03.06]. Kết quả thi tuyển được thông báo trên trang thông tin của Nhà trường. Trong 1 năm tập sự, GV mới thường được Khoa phân công một GV có kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ. Sau khi hết 01 năm tập sự và đạt được các yêu cầu của Trường và Khoa sẽ được chính thức ký hợp đồng vào ngạch giảng viên. Trong 5 năm qua Trường Kinh tế đã tuyển dụng được 3 cán bộ giảng dạy đáp ứng các tiêu chí đề ra nêu trên. Cụ thể số lượng tuyển dụng trong 5 năm qua như sau:

**Bảng 6.3.1. Số lượng giảng viên được tuyển dụng từ 2018-2022**

| Năm học     | Giảng viên                             | Trình độ chuyên môn | Tốt nghiệp loại |
|-------------|----------------------------------------|---------------------|-----------------|
| 2017 - 2018 |                                        |                     |                 |
| 2018 - 2019 | 1. Trần Diệu Linh<br>2. Nguyễn Thị Yến | Thạc sĩ             | Giỏi            |
| 2019 - 2020 |                                        |                     |                 |
| 2020 - 2021 | Nguyễn Vũ Minh Thúy                    | Thạc sĩ             | Giỏi            |
| 2021- 2022  |                                        |                     |                 |
| 2022-2023   | Nguyễn Nữ Hải Sao                      | Thạc sĩ             | Giỏi            |
|             | Nguyễn Thị Thanh Hoài                  | Thạc sĩ             | Giỏi            |
|             | Nguyễn Đăng Đức                        | Tiến sĩ             | Giỏi            |

Hàng năm, Nhà Trường cũng đã mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho toàn thể CB-GV-NV trong toàn trường [H6.06.03.07].

Về việc bổ nhiệm cán bộ, Trường có các quy định hết sức cụ thể với các tiêu

chí rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Trong đó có quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (Giảng viên chính, Giáo sư, Phó Giáo sư). Ngoài ra, Trường cũng đề ra những tiêu chuẩn cho từng chức vụ quản lý cụ thể như Trưởng khoa, Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm chức danh Lãnh đạo còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của CB và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ CB lãnh đạo quản lý của Khoa và Nhà trường [H6.06.03.08][H6.06.03.09]. Việc bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Trường Kinh tế được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định [H6.06.03.10] [H6.06.03.11]. Hằng năm, Nhà trường và Khoa đã thực hiện thống kê, rà soát lại đội ngũ GV, NCV được tiếp nhận, bổ nhiệm để có cơ sở đánh giá, xác định lại các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để có những điều chỉnh cho phù hợp với xu thế phát triển của xã hội. Các nội dung quy định về tiêu chí đánh giá năng lực GV được Nhà trường triển khai đến toàn thể CB-GV-NV và lấy ý kiến thông qua các thông báo góp ý, qua các buổi sinh hoạt bộ môn, Khoa, qua khảo sát ý kiến CB-GV-NV ở tổng kết năm học,... nhằm đảm bảo tính thống nhất và công khai các tiêu chí đánh giá năng lực CB-GV-NV trước khi ban hành chính thức [H6.06.03.12].

## 2. Điểm mạnh

- Trường Đại học Vinh đã ban hành những quy định cụ thể trong tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển trên cơ sở vận dụng các văn bản pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, các nội dung các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên do Nhà trường ban hành cũng được thảo luận rộng rãi, công khai trước khi đưa ra quy định chính thức bằng văn bản, cập nhật trên I-office của Nhà trường.

- Công tác CB của Ngành Quản trị kinh doanh được thực hiện theo Quy định về quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV rõ ràng, minh bạch, công khai. Đội ngũ GV của Khoa đạt đầy đủ các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, NCKH và nghiệp vụ sư phạm.

## 3. Điểm tồn tại

- Việc thu thập thông tin góp ý xây dựng văn bản quy định của Nhà trường bằng hình thức thủ công, gây tốn kém thời gian và nhân lực để tổng hợp thông tin phản hồi. Dữ liệu điện tử trên I-Office khó tìm kiếm và chưa đầy đủ.

- Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa phong phú.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị, người thực | Thời gian thực hiện |
|----|----------|----------|--------------------|---------------------|
|----|----------|----------|--------------------|---------------------|

|    |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | hiện                                 | Bắt đầu | Hoàn thành |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|------------|
| 1. | Khắc phục Tồn tại  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để thu thập các ý kiến như Google form.</li> <li>- Về IOffice cần tải đầy đủ hơn các văn bản cũ, phân loại thông tin, từ khóa tìm kiếm.</li> <li>- Đa dạng hóa các hình thức thông báo tuyển dụng để thông tin tuyển dụng rộng rãi hơn, giúp nâng cao số lượng và chất lượng ứng viên. Ngoài Website của Trường, có thể thông báo trên Báo điện tử, Truyền hình, mạng lưới cựu sinh viên.</li> </ul> | Nhà trường<br>Khoa;<br>Phòng<br>TCCB | 6/2022  | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Phát huy và duy trì tốt những điểm mạnh đã có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ngành<br>Quản trị<br>kinh doanh      | 6/2022  | Hàng năm   |

5. Tự đánh giá: 4/7

**Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá**

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực là yếu tố tiên quyết quyết định đến sự phát triển của Nhà trường cũng như quyết định đến chất lượng đào tạo, NCKH. Trong đó, năng lực của GV đóng vai trò then chốt. Chính vì vậy trong định hướng phát triển của Nhà trường nói chung và của ngành Quản trị kinh doanh nói riêng, việc đầu tư đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu phấn đấu hàng đầu. Nhà trường có quy định rõ ràng đối với năng lực của giảng viên dựa trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức giảng dạy (số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014; số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 [H6.06.04.01], bao gồm tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng giảng viên. Ngay từ khâu tuyển dụng, năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành. Trường Đại học Vinh đã phát hành Sổ tay Giảng viên, theo đó, năng lực của của giảng viên được xác định rõ ràng, bao gồm:

năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực tổ chức cho sinh viên NCKH; năng lực ngoại ngữ. Ngoài ra tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ GV được mô tả chi tiết trong bản mô tả vị trí công việc [H6.06.04.02]. Hiện nay, tất cả các GV của ngành Quản trị kinh doanh đều có khả năng tự thiết kế và thực hiện CTDH. Đây là cơ sở để có thể thực hiện hoạch định nguồn nhân lực, kế hoạch kế cận đồng thời hỗ trợ cho kế hoạch tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, xây dựng chế độ chính sách và đánh giá nhân sự. Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV, NCV [H6.06.04.03].

Năng lực của GV, NCV được đánh giá hằng năm. Nhà trường có kế hoạch và văn bản hướng dẫn để thực hiện quy trình đánh giá năng lực của GV theo quy định. Nhà trường và Khoa TC-TM đã xác định năng lực của mỗi GV thể hiện qua trình độ chuyên môn (TS, ThS,...), chức danh (GS, PGS), trình độ ngoại ngữ (văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ), trình độ tin học (văn bằng chứng chỉ theo quy định), năng lực sư phạm (chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm).

Về định lượng, năng lực của GV được đánh giá trên các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Năng lực đào tạo của GV được thể hiện ở hoạt động giảng dạy trên lớp (ý kiến đánh giá nhận xét của NH và đồng nghiệp), hướng dẫn luận văn ThS và luận án TS; năng lực của GV về NCKH được xác định từ kết quả NCKH như số lượng đề tài, dự án các cấp chủ trì hoặc tham gia thực hiện, số lượng và chất lượng các công trình khoa học được công bố, các sản phẩm khoa học được ứng dụng trong thực tiễn, biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo... Đối với GV, các năng lực về giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác được quy định rất rõ trong Quy định về chế độ làm việc đối với GV. Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của GV còn được triển khai thông qua hệ thống thanh tra, kiểm tra của Trường và Khoa..., thông qua hoạt động dự giờ và ý kiến đánh giá của bộ môn, thông qua khảo sát ý kiến của NH về hoạt động giảng dạy [H6.06.04.04], [H6.06.04.05].

Nhà trường ban hành các quy định và các văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV, nghiên cứu viên để đánh giá kết quả thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thành tích lao động của CB-GV-NV [H6.06.04.06]. Các chính sách này giúp Nhà trường, Khoa đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành các quy định, chính sách về đánh giá và khen thưởng và được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương. Hàng năm, vào những ngày lễ lớn (*Ngày thành lập trường, ngày Khai giảng, ngày Hiến chương Nhà giáo 20/11 và Lễ tổng kết năm học*) Nhà trường tổ chức khen

thường những cá nhân, tập thể đã đạt thành tích cao trong đào tạo, NCKH và PVCĐ [H6.06.04.07]. Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; mức độ chấp hành nội quy, kỷ luật lao động; đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác, làm lợi cho Trường và mức độ tham gia các hoạt động khác từ sự theo dõi của VPT, thông tin ghi nhận và báo cáo của Ban thanh tra; P.ĐT-KT, thông tin ghi nhận và báo cáo của Công đoàn, Đoàn thanh niên, kết quả tự đánh giá của cá nhân, đánh giá của BCN Khoa đối với từng cá nhân của Khoa TC-TM. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể đối với các nhóm đối tượng khác nhau như:

*Đối với GV:* Khối lượng, chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Chất lượng thực hiện các công tác chung của Khoa, Trường theo sự phân công của lãnh đạo; Mức độ chấp hành nội quy của Trường. Ngoài ra, đối với các GV giảng dạy trình độ ThS trở lên có thêm tiêu chí hướng dẫn học viên viết luận văn ThS, hướng dẫn nghiên cứu sinh viết chuyên đề và luận án TS (đối với GV có bằng TS).

*Đối với CBQL, NV:* Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao; Mức độ chấp hành nội quy của Trường; Mức độ tham gia các công tác chung, phong trào của đơn vị và Trường. Kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác năm học là kết luận cuối cùng về mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của CB-GV-NV.

Hàng năm, Trường Đại học Vinh thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên trên cơ sở bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức do Nhà trường ban hành. Cuối mỗi năm học, các giảng viên đều tiến hành tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh được giao; Bộ môn và lãnh đạo Khoa đánh giá; cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá; bình xét xếp loại thi đua theo các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó, Bộ môn, Khoa..... tiến hành họp với toàn bộ GV để thống nhất lấy ý kiến bình xét thi đua theo đúng quy định của Nhà trường và gửi kết quả cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá để bình xét kết quả thi đua cuối năm [H6.06.04.06]. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Hiệu trưởng Nhà trường ban hành văn bản quyết định công nhận danh hiệu thi đua theo từng năm học. Kết quả đánh giá năng lực hằng năm của GV của Khoa Quản trị kinh doanh trong 5 năm liên tiếp từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 cho thấy, tất cả các giảng viên của ngành Quản trị kinh doanh đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H6.06.04.07].

Ngoài ra năng lực của đội ngũ GV còn được đánh giá thông qua kết quả khảo sát HV về chất lượng giảng dạy của GV trong năm học, đây là một kênh quan trọng để xác định năng lực chuyên môn của đội ngũ GV. Sau khi tổng hợp phân tích kết quả khảo sát ý kiến của HV về hoạt động giảng dạy của GV. Nhà trường sẽ gửi kết quả cho Khoa để giúp GV tổng kết lại hoạt động giảng dạy của mình [H6.06.04.05], để từ đó

có thể có thể phát huy điểm mạnh và khắc phục những hạn chế nếu có, nhằm ngày càng nâng cao năng lực và có căn cứ để xây dựng kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng để đạt chuẩn GV theo quy định.

## 2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV, NCV có quy trình cụ thể, rõ ràng để triển khai đánh giá, đảm bảo việc đánh giá chính xác góp phần cải thiện và nâng cao năng lực đội ngũ.

- Đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành vượt mức nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và hoạt động cộng đồng hàng năm. Nhiều GV được tặng danh hiệu thi đua bậc cao về thành tích giảng dạy và NCKH.

## 3. Điểm tồn tại

- Còn một số năng lực cần thiết cho giảng viên đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế.

- Các thông tin về định mức của giảng viên cập nhật chưa kịp thời như định mức giờ dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác.

- Trình độ ngoại ngữ và năng lực NCKH của các GV trong Khoa chưa đồng đều.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị, người thực hiện          | Thời gian thực hiện |            |
|----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------|------------|
|    |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                  | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường cần bổ sung yêu cầu cụ thể về những năng lực cần thiết cho giảng viên hiện nay như giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế.</li> <li>- Cần cập nhật thông tin về định mức giờ dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác của GV vào đầu năm học.</li> <li>- Khoa cần yêu cầu tất cả các CB, GV xây dựng kế hoạch cụ thể tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, thường xuyên nghiên cứu sách báo, tài liệu, tham gia các buổi nghiệm thu các đề tài NCKH của</li> </ul> | Nhà trường; Trường Kinh tế; TCCB | 6/2022              | Hàng năm   |

|    |                    |                                                                                                                                   |                |        |          |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------|----------|
|    |                    | các đồng nghiệp để học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức, kỹ năng về NCKH cho bản thân, khắc phục những điểm còn yếu trong NCKH |                |        |          |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá giảng viên, nghiên cứu viên theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường đề ra | Trường Kinh tế | 6/2022 | Hàng năm |

#### 5. Tự đánh giá: 5 /7

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

##### 1. Mô tả hiện trạng

Quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế đòi hỏi Nhà trường và mỗi CB-GV-NV không ngừng nỗ lực để từng bước đổi mới và nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ tin học ngoại ngữ để không lạc hậu so với các trường Đại học trong khu vực và trên thế giới. Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường theo từng giai đoạn, trong đó có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đóng vai trò then chốt [H6.06.05.01]. Việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực là bước đầu tiên quan trọng trong xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường. Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Trường Đại học Vinh và Ngành Quản trị kinh doanh đã thực hiện khảo sát và tìm hiểu nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Việc đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của GV chủ yếu được thực hiện trên cơ sở khảo sát nhu cầu của từng Bộ môn thông qua Kế hoạch phát triển năm học của các Bộ môn, đồng thời thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá nhu cầu trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường và của Khoa [H6.06.05.02], [H6.06.05.03].

Trên cơ sở xác định nhu cầu đào tạo của từng Khoa, ngành Quản trị kinh doanh đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dài hạn, trung hạn và kế hoạch đào tạo hàng năm. Trên cơ sở đó, Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ GV giai đoạn 2018 - 2022; Kế hoạch bổ nhiệm các chức danh GS, phó GS cũng như kế hoạch thi thăng hạng viên chức đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng phát triển đội ngũ của từng đơn vị. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên của ngành Quản trị kinh doanh được xây dựng dựa trên yêu cầu thực tế. Hàng năm, căn cứ vào thực tiễn hoạt động và nhiệm vụ của từng giảng viên, ngành Quản trị kinh doanh rà soát và bổ sung nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đưa vào kế hoạch năm học trình Nhà trường tổng hợp và phê duyệt.

Nhà trường đã tổng hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, đặc biệt là đào tạo GV có trình độ cao.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện nhằm đáp ứng kế hoạch dài hạn của Khoa: có đầy đủ đội ngũ GV tiến sĩ chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ học viên chất lượng cao. Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ GV trẻ tham gia [H6.06.05.04] [H6.06.05.05].

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được triển khai thực hiện. Có ít nhất 75% số GV, NCV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Nhà trường. Nhờ việc xác định đúng nhu cầu và có kế hoạch phù hợp, thực hiện kế hoạch hiệu quả, từ năm 2020 đến nay ngành đã có thêm 17 tiến sĩ, nâng số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên trong ngành lên hiện nay lên 72,4 %. Khoa và Nhà trường có chủ trương khuyến khích giảng viên phát triển chuyên môn, trao đổi kết quả nghiên cứu thông qua việc tham gia các Hội thảo khoa học ở các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước hoặc quốc tế [H6.06.05.06].

***Bảng 6.5.1. Danh sách GV Khoa Quản trị kinh doanh học tập nâng cao trình độ trong giai đoạn đánh giá***

| TT | Họ và tên            | Nâng học hàm/năm | Bậc học (TS, Th.S) | Nước theo học | Thời gian học |
|----|----------------------|------------------|--------------------|---------------|---------------|
| 1  | Trần Quang Bách      | 2021             | TS                 | Việt Nam      | 4 năm         |
| 2  | Trần Thị Lê Na       | 2021             | TS                 | Việt Nam      | 4 năm         |
| 3  | Hoàng Thị Cẩm Thương | 2023             | TS                 | Việt Nam      | 5 năm         |
| 4  | Trần Văn Hào         | 2023             | TS                 | Việt Nam      | 7 năm         |

Trường đã tổ chức các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, các lớp ngoại ngữ, tin học, các khóa bồi dưỡng về quản lý hành chính, lý luận chính trị, an ninh-quốc phòng cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý cũng như cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo khác. Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đã được nhà trường triển khai hoàn thành kế hoạch đặt ra hàng năm [H6.06.05.07]. Trường luôn tạo điều kiện cả vật chất và tinh thần để các GV được học tập nâng cao trình độ. Những GV đi học TS được trường miễn, giảm giờ, hỗ trợ học phí và có chế độ hỗ trợ khác. Nhà trường còn có các chế độ, chính sách khuyến khích, hỗ trợ GV tham gia học tập, nâng cao trình độ, trong đó có qui định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán

bộ, GV tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng [H6.06.05.08].

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường giám sát, đánh giá hàng năm. Phòng Tổ chức cán bộ là đơn vị được phân công thực hiện việc giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của GV. Thông qua hoạt động báo cáo, đánh giá, phân loại viên chức cuối năm, quá trình học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát và ghi nhận. Các GV tham gia các khóa đào tạo dài hạn trong và ngoài nước phải báo cáo tình hình, kết quả cũng như tiến độ học tập cho Khoa và Nhà trường. Sau khi hoàn thành khóa học, GV báo cáo kết thúc chương trình để làm cơ sở cho Nhà trường tiếp nhận và bố trí công tác hợp lý theo nhu cầu. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã có những điều chỉnh và kế hoạch triển khai cho các năm học tiếp theo giúp công tác phát triển đội ngũ nguồn nhân lực ngày càng đa dạng và đạt hiệu quả cao [H6.06.05.09].

## 2. Điểm mạnh

- Khoa và Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV.

- Nội dung đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú, phù hợp với nhu cầu của GV.

- Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo,...).

## 3. Điểm tồn tại

- Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và ngành Quản trị kinh doanh được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa.

- Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                      | Đơn vị, người thực hiện    | Thời gian thực hiện |            |
|----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|------------|
|    |                   |                                                                                                                               |                            | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên | Nhà trường, Trường Kinh tế | 6/2022              | Hàng năm   |

|    |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                            |        |          |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------|----------|
|    |                    | - Cần có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.                                                                                                                                                                                                                                                         |                            |        |          |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục thường xuyên khảo sát lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV.</li> <li>- Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ</li> <li>- Tiếp tục có các chính sách hỗ trợ cán bộ, giảng viên hoàn thành nhiệm vụ học tập</li> </ul> | Phòng TCCB, Trường Kinh tế | 6/2022 | Hàng năm |

#### 5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

##### 1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện thành công sứ mạng và tầm nhìn trong chiến lược phát triển của Nhà trường. Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ GV, NCV trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD đóng vai trò then chốt. Trường Đại học Vinh đã xây dựng và ban hành các quy định, quy chế với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV trong công tác giảng dạy, NCKH và PVCD đáp ứng theo đúng quy định hiện hành. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể đối với các nhóm đối tượng khác nhau, riêng đối với GV sẽ đánh giá dựa trên: Khối lượng, chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Khối lượng, chất lượng các hoạt động chuyên môn khác [H6.06.06.01] [H6.06.06.02]. Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.03] [H6.06.06.04]. Quá trình xây dựng các quy chế, quy định đánh giá hiệu quả công việc được công khai xin ý kiến của các GV trong nhà trường thông qua các buổi họp của Khoa và các đợt lấy ý kiến chung của toàn trường [H6.06.06.05].

Trên cơ sở các quy định và tiêu chí đã được ban hành, Nhà trường và ngành .. Quản trị kinh doanh có kế hoạch công tác cụ thể hàng năm đối với GV, trong đó có phân công cụ thể, mô tả chi tiết các công việc, nhiệm vụ cho từng ngạch cán bộ giảng dạy theo quy định đối với ngành giáo dục như hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCD,

nhu cầu ĐTBĐ và các hoạt động khác, đồng thời đăng ký danh hiệu thi đua năm học. Đầu mỗi năm học, các Bộ môn dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao, phân công cho từng GV theo quy định. Từ đó, mỗi GV sẽ lập kế hoạch năm học cụ thể, thể hiện nội dung công việc của bản thân và tiến độ thời gian hoàn thành để thuận tiện cho việc quản lý, theo dõi, giám sát lao động. Hệ thống quản lý việc thực hiện của Nhà trường được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỷ luật. Hệ thống các quy chế, quy định này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học. Trong đó, định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Vinh. Kết quả NCKH và việc đánh giá, khen thưởng được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN [H6.06.06.06].

Nhà trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc trong hoạt động giảng dạy nghiên cứu, NCKH và hoạt động chuyên môn. Việc đánh giá kết quả công việc của CB - GV - NV luôn được công khai, minh bạch thông qua hệ thống quản lý online trên phần mềm, có minh chứng kèm theo các sản phẩm NCKH như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học... [H6.06.06.07]. Cuối năm học, GV thực hiện việc TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và đối sánh với kế hoạch đề ra đầu năm và TĐG mức độ hoàn thành công việc của bản thân để tự xếp loại theo các mức: *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; Không hoàn thành nhiệm vụ; Không xếp loại*. Căn cứ trên kế hoạch phân công giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác từng học kỳ của GV. Bộ môn tổng hợp khối lượng công việc để tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, sau đó trình Hội đồng thi đua Khoa xem xét. Ngoài ra, lãnh đạo Khoa còn căn cứ vào bản mô tả công việc của GV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công việc được giao trong năm học [H6.06.06.08]. Hội đồng thi đua Khoa sẽ tiến hành đánh giá nhân sự thuộc Khoa, xem xét, đánh giá, xếp loại và bình bầu các danh hiệu thi đua. Căn cứ vào đề xuất của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Khoa, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường họp xét, bỏ phiếu tín nhiệm và đề nghị Hiệu trưởng quyết định công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng như: *Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng*. Đây cũng là căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, thu nhập tăng thêm sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm [H6.06.06.09] [H6.06.06.10].

**Bảng 6.6.1. Danh hiệu thi đua khen thưởng của CB-GV Khoa Quản trị kinh doanh (Từ năm 2018 đến 2022)**

| Năm học | Họ và tên CB-GV    | Danh hiệu thi đua, khen thưởng |
|---------|--------------------|--------------------------------|
| Năm học | 1. Hồ Thị Diệu Ánh | Chiến sĩ thi đua               |

| <b>Năm học</b>         | <b>Họ và tên CB-GV</b>                                                                                                           | <b>Danh hiệu thi đua, khen thưởng</b>                                                                                                     |
|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2017 - 2018            | 2. Trần Quang Bách<br>3. Trần Văn Hào<br>4. Trần Thị Lê Na<br>5. Hoàng Thị Cẩm Thương                                            | Lao động tiên tiến<br>Hoàn thành nhiệm vụ<br>Lao động tiên tiến<br>Hoàn thành nhiệm vụ                                                    |
| Năm học<br>2018 - 2019 | 1. Hồ Thị Diệu Ánh<br>2. Trần Quang Bách<br>3. Trần Văn Hào<br>4. Trần Thị Lê Na<br>5. Hoàng Thị Cẩm Thương<br>6. Trần Diệu Linh | Chiến sĩ thi đua<br>Lao động tiên tiến<br>Hoàn thành nhiệm vụ<br>Lao động tiên tiến<br>Lao động tiên tiến<br>Hoàn thành nhiệm vụ (tập sự) |
| Năm học<br>2019 - 2020 | 1. Hồ Thị Diệu Ánh<br>2. Trần Quang Bách<br>3. Trần Văn Hào<br>4. Trần Thị Lê Na<br>5. Hoàng Thị Cẩm Thương                      | Lao động tiên tiến<br>Chiến sĩ thi đua<br>Lao động tiên tiến<br>Lao động tiên tiến<br>Lao động tiên tiến                                  |
| Năm học<br>2020 - 2021 | 1. Hồ Thị Diệu Ánh<br>2. Trần Quang Bách<br>3. Trần Văn Hào<br>4. Trần Thị Lê Na<br>5. Hoàng Thị Cẩm Thương                      | Lao động tiên tiến<br>Lao động tiên tiến<br>Lao động tiên tiến<br>Lao động tiên tiến<br>Lao động tiên tiến                                |
| Năm học<br>2021 - 2022 | 1. Hồ Thị Diệu Ánh<br>2. Trần Quang Bách<br>3. Trần Văn Hào<br>4. Trần Thị Lê Na<br>5. Hoàng Thị Cẩm Thương                      | Lao động tiên tiến<br>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ<br>Lao động tiên tiến<br>Lao động tiên tiến<br>Lao động tiên tiến                      |

Tất cả các CB-GV-NV của Trường đều hài lòng về kết quả đánh giá hàng năm, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và của các cấp có thẩm quyền (Bộ GD&ĐT, Tỉnh/Thành phố). Cuối mỗi năm học, Hội đồng thi đua của Khoa, của Trường dựa trên quy chế để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác năm học của các CB-GV-NV làm cơ sở để tính tiền lương bổ sung và xem xét xếp lại ngạch, bậc lương, hệ số lương áp dụng cho năm học mới của CB-GV trong Khoa. Do đó, điều này khuyến khích được các CB, GV phấn đấu hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao, tăng cường cải tiến chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác [H6.06.06.11] [H6.06.06.12].

Việc quản trị theo kết quả công việc đã giúp CB, GV Trường Kinh tế nói chung, Ngành QTKD nói riêng nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành và nhà trường. Trong các năm học giai

đoạn 2018-2022, GV của Ngành QTKD luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy theo kế hoạch năm học. 100% GV Ngành QTKD hoàn thành hoặc vượt mức thực hiện giờ chuẩn, NCKH và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả đánh giá viên chức hằng năm giai đoạn 2018-2022 cho thấy gần 100% GV Ngành QTKD được xếp loại lao động tiên tiến trở lên. Tất cả các CB, GV đều hài lòng với cách quản trị theo kết quả công việc của CB, GV và kết quả đánh giá viên chức hằng năm của Nhà trường [H6.06.06.13].

## 2. Điểm mạnh

- Nhà trường có hệ thống văn bản với các quy định, quy chế cụ thể với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hoạt động của GV, NCV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

- Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong CB, viên chức.

- Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD của GV trong Khoa.

## 3. Điểm tồn tại

- Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng.

- Một số GV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều, khối lượng còn đạt mức khá thấp. Chưa thấy nhiều các hoạt động phục vụ cho cộng đồng.

- Chưa có hệ thống theo dõi và đánh giá được mức độ và hiệu quả hành động của GV sau đánh giá.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                        | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện |            |
|----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|------------|
|    |                   |                                                                                                                                                                 |                         | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Nhà trường cần xem lại việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị để kịp thời động viên nhiều cán bộ có thành tích và tăng tính tự chủ tự chịu trách nhiệm. | Nhà trường              | 06/2022             |            |
|    |                   | - Khoa cần điều phối hợp lý hơn để một số GV có khối lượng, hiệu quả công việc được đồng đều, đạt mức độ và hiệu                                                | Khoa QTKD               | 06/2022             |            |

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện |            |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|------------|
|    |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                         | Bắt đầu             | Hoàn thành |
|    |                    | <p>quả cao. Kế hoạch cụ thể cần có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng.</p> <p>- Nhà trường cần có hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động của GV sau đánh giá.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nhà trường              | 06/2022             |            |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | <p>- Rà soát thường xuyên hệ thống văn bản với các quy định, quy chế cụ thể để đánh giá hoạt động của GV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.</p> <p>- Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</p> <p>- Tăng thêm chính sách khen thưởng về kết quả công việc để tạo động lực cho GV trong hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.</p> | Nhà trường              | 06/2022             |            |

#### 5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

##### 1. Mô tả hiện trạng

Trong kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, nghiên cứu, phát triển và đổi mới về KHCN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao chất lượng đào tạo. Các chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới được Nhà trường ban hành và tiến hành rà soát, điều chỉnh định kì cho phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển KHCN, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và phù hợp với điều kiện về CSVN, đội ngũ nhân lực hiện tại và tương lai của Nhà trường [H6.06.07.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành các văn bản có quy định cụ thể về

các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện, cũng như các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ bao gồm seminar khoa học cấp Khoa, Bộ môn; seminar khoa học mời chuyên gia báo cáo; tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, quốc gia; tổ chức hội thảo, hội nghị cấp Trường. Thông qua các hội thảo, Hội nghị trao đổi học thuật với các Nhà khoa học, việc quảng bá hình ảnh của Nhà trường và của Khoa ngày càng được tăng cao và hiệu quả [H6.06.07.02]. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập rõ ràng, trong đó có quy định số giờ NCKH cho các giảng viên theo hệ số lương như sau: hệ số lương > 6,2: 315 giờ; >5,76: 260 giờ; >4,40: 220 giờ; >4,32: 200 giờ; >3,33: 175 giờ; >2,34: 165 giờ (*trích từ quy định chế độ làm việc đối với giảng viên số 1181/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2021*) [H6.06.07.03].

Trong bản kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra các mục tiêu NCKH cụ thể của từng cá nhân, trong đó ghi rõ các loại hình, các công trình nghiên cứu sẽ tham gia (tham gia đề tài, dự án, viết báo khoa học, hướng dẫn HV NCKH) đảm bảo số giờ phải nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh, ngoài ra còn quy định rõ tiến độ, thời gian thực hiện và các nguồn lực cần thiết để hoàn thành nghiên cứu. Ban lãnh đạo Khoa và Trường căn cứ vào bản kế hoạch theo dõi, giám sát, tạo động lực, thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động NCKH của GV [H6.06.07.04].

**Bảng 6.7.1. Tình hình nghiên cứu khoa học của giảng viên của Trường Kinh tế**

*DVT: Tác phẩm*

| Năm học                           | 2017-2018 | 2018-2019 | 2019-2020  | 2020-2021 | 2021-2022 | Cộng       |
|-----------------------------------|-----------|-----------|------------|-----------|-----------|------------|
| Sách giáo trình, tài liệu học tập | 2         | 2         | 5          | 2         | 3         | 14         |
| Tài liệu tham khảo                | 1         | 3         | 5          | 2         | 2         | 13         |
| Đề tài NCKH cơ sở                 | 5         | 15        | 14         | 6         | 3         | 43         |
| Đề tài NCKH Cấp tỉnh              | 1         | 0         | 2          | 0         | 3         | 6          |
| Đề tài NCKH Bộ                    | 2         | 2         | 2          | 5         | 1         | 12         |
| Tạp chí trong nước                | 26        | 33        | 30         | 26        | 30        | 145        |
| Tạp chí quốc tế (SCOPUS)          | 9         | 15        | 44         | 36        | 32        | 136        |
| Hội thảo KH trong nước            | 19        | 13        | 5          | 12        | 4         | 53         |
| Hội thảo quốc tế                  | 3         | 7         | 3          | 4         | 4         | 21         |
| <b>Tổng</b>                       | <b>68</b> | <b>90</b> | <b>110</b> | <b>93</b> | <b>82</b> | <b>443</b> |

**Bảng 6.7.2. Hình thức và số lượng ấn phẩm nghiên cứu của trường Kinh tế**

| Năm học            | Hình thức xuất bản |                 |                            |                         | Tổng số    |
|--------------------|--------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------|------------|
|                    | Tạp chí trong nước | Tạp chí quốc tế | Kỷ yếu Hội thảo trong nước | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế |            |
| <b>2021 - 2022</b> | 30                 | 32              | 4                          | 4                       | <b>70</b>  |
| <b>2020 - 2021</b> | 26                 | 36              | 12                         | 4                       | <b>78</b>  |
| <b>2019 - 2020</b> | 30                 | 44              | 5                          | 3                       | <b>82</b>  |
| <b>2018 - 2019</b> | 33                 | 15              | 13                         | 7                       | <b>68</b>  |
| <b>2017 - 2018</b> | 26                 | 9               | 19                         | 3                       | <b>57</b>  |
| <b>Cộng</b>        | <b>145</b>         | <b>136</b>      | <b>53</b>                  | <b>21</b>               | <b>355</b> |

Số lượng và các loại nghiên cứu của GV Trường Kinh tế trong 5 năm chu kỳ đánh giá vừa qua được thống kê cụ thể (*trong bảng 6.7.1; 6.7.2*). Từ năm 2018 - 2022, Trường Kinh tế có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, giáo trình, sách tham khảo được nghiệm thu, nhiều báo cáo khoa học của GV Trường Kinh tế được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành [H6.06.07.05][H6.06.07.06]. Trong thời gian qua, Trường Đại học Vinh cũng có nhiều chính sách ưu tiên nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên, giúp học viên phát huy năng lực tư duy sáng tạo, hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, biến các ý tưởng sáng tạo thành hiện thực, góp phần phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ cho đất nước [H6.06.07.07]. Về kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của trường [H6.06.07.08].

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng nghiên cứu khoa học của Trường Kinh tế và của Nhà trường cũng như các tổ chức khác trong và ngoài nước. Các ấn phẩm khoa học bao gồm sách chuyên khảo; Giáo trình phục vụ giảng dạy các môn chuyên ngành; Tài liệu học tập các học phần chuyên ngành do Khoa quản lý; Các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; Các bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín và các Hội thảo khoa học các cấp có Hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng.

Kết thúc năm học, trong báo cáo tổng kết năm học, Trường Kinh tế, khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, NCV quy đổi sang giờ NCKH theo Quy định đối với từng chức danh công tác nhằm đảm bảo các GV đều hoàn thành nghĩa

vụ nghiên cứu khoa học. Trong giai đoạn 2018 đến 2022, các GV Ngành Quản trị kinh doanh đã thực hiện nhiều đề tài, bài báo khoa học có liên quan đến nội dung chương trình đào tạo, số lượng đề tài các cấp, các báo cáo khoa học đăng trên các Kỷ yếu hội thảo các cấp và các bài báo khoa học được đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành tăng lên đã góp phần truyền tải thông tin, kiến thức cùng với việc đưa ra những giải pháp thực tiễn về NCKH và phục vụ cộng đồng. Tất cả GV trong Khoa đều hoàn thành định mức giờ chuẩn NCKH. Hầu hết GV chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài được tiến hành và nghiệm thu đúng tiến độ, một số kết quả nghiên cứu của đề tài được ứng dụng trong thực tiễn: đổi mới phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá trong đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. [H6.06.07.09] [H6.06.07.10]. Kết quả NCKH của Khoa sẽ được nghiên cứu, đối sánh giờ NCKH từng GV phải thực hiện với số giờ NCKH thực tế đã thực hiện của mỗi cán bộ, từ đó nghiên cứu điều chỉnh nhằm cải tiến số lượng và chất lượng NCKH được thể hiện qua sổ tay NCKH hàng năm của GV và kết quả đánh giá, phân loại giảng viên hàng năm. Sau mỗi lần đối sánh, số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV đã có sự cải thiện [H6.06.07.11][H6.06.07.12]. Nhà trường cũng có hình thức khen thưởng đối với các GV có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí, các nhà xuất bản có uy tín để tạo động lực cho các GV [H6.06.07.13] [H6.06.07.14]. Với các thành tích về NCKH, hàng năm Khoa... đã có nhiều GV được Hội đồng thi đua cấp Trường xếp loại hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học [H6.06.07.15].

Hàng năm, thông qua các Hội nghị công chức viên chức đầu năm học, hội nghị tổng kết cuối năm, tổng kết công tác Đảng, bộ môn, Khoa và Nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ giảng dạy về kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn và các đề xuất trong NCKH. Việc làm thường niên này giúp từng giảng viên đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ NCKH của mình. Từ đó, có những định hướng chiến lược thích hợp nhằm nâng cao chất lượng, số lượng các công trình NCKH, trao đổi xu hướng mới, định hướng phát triển NCKH trong tương lai, đồng thời thúc đẩy phong trào NCKH của Khoa [H6.06.07.16].

## *2. Điểm mạnh*

- Có hệ thống văn bản cụ thể về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH mà GV và NCV phải thực hiện.

- Các hoạt động nghiên cứu khoa học của GV và NCV được định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng, được giám sát và đối sánh hàng năm bởi các cá nhân, Khoa/Viện, phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế và có cải tiến chất lượng qua hàng năm.

- Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau, bao gồm đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ. Bên cạnh đó, các GV còn xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí uy tín cũng

chiếm tỷ lệ cao trong hồ sơ NCKH của GV.

### 3. Điểm tồn tại

- Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước còn ít, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế.

- Số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế còn ít.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị, người thực hiện        | Thời gian thực hiện |            |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------|------------|
|    |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại  | - Tăng cường đầu thầu các chương trình nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước.<br>- Tăng cường số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế.                                                                                                                                             | Phòng KH&HTQT, Trường Kinh tế  | 6/2022              | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Thường xuyên rà soát lại các hệ thống văn bản các loại hình hoạt động NCKH.<br>- Định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng và giám sát, đối sánh, cải tiến hàng năm các hoạt động NCKH<br>- Thường xuyên có kế hoạch bổ sung, nâng cao số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV trong Khoa. | Phòng KH&HTQT, Trường Kinh tế. | 6/2022              | Hàng năm   |

### 5. Tự đánh giá: 5/7

### Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trường ĐH Vinh đã có kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. Nhà trường đã quan tâm xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên thực hiện các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Công tác quy hoạch đội ngũ của Ngành Quản trị kinh doanh được chú trọng thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa theo đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí đều rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.

Khoa có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu để giảng dạy cho sinh viên Ngành Quản trị kinh doanh, đảm bảo hợp lý khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên/sinh viên. Công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi ra giờ chuẩn, được giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

Trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ về tiêu chuẩn và tiêu chí lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên, làm cơ sở cho công tác lựa chọn và tuyển dụng bổ nhiệm giảng viên được tiến hành một cách công khai, minh bạch, xuất phát từ nhu cầu nhân lực của các đơn vị trong Trường.

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Hàng năm, Trường Kinh tế và Nhà trường đều thực hiện đánh giá năng lực giảng viên với nhiều hình thức đa dạng và ở nhiều cấp độ khác nhau.

Nhà trường và Trường Kinh tế đã xác định đúng nhu cầu đào tạo, có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên. Việc thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được giám sát, đánh giá hàng năm.

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của giảng viên đã tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên Ngành Quản trị kinh doanh.

Do làm tốt công tác quy hoạch cán bộ cũng như bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên nên hoạt động NCKH của giảng viên Ngành Quản trị kinh doanh phong phú, đa dạng với nhiều công trình có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản. Nhiều đề tài NCKH cấp Trường và cấp Bộ đã được các giảng viên Ngành Quản trị kinh doanh hoàn thành với kết quả tốt. Chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên Ngành Quản trị kinh doanh được cải thiện theo từng năm.

Việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên Ngành Quản trị kinh doanh đang gặp khó khăn. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới chưa đầy đủ các nội dung cốt lõi. Năng lực NCKH của đội ngũ giảng viên còn hạn chế.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó

khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

Một số năng lực cần thiết cho giảng viên đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế...Khoa chưa xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

Hiện tại, hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên được Nhà trường và Ngành Quản trị kinh doanh tiến hành nhưng chưa đa dạng, chưa thường xuyên và còn bị chậm, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CĐR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng. Qua thống kê đánh giá theo dõi cho thấy một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều. Kế hoạch cụ thể của từng giảng viên chưa đầy đủ và chưa có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH của ngành chưa nhiều. Chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH của ngành chưa nhiều chưa đáp ứng được yêu cầu; Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước còn ít, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế. Số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và công bố trên các tạp chí quốc tế ở các cấp độ khác nhau trên đầu giảng viên chưa tương xứng tiềm năng và thế mạnh của Khoa. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường còn hạn chế. Việc đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường chưa được triển khai nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng.

## **Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên**

### **Mở đầu**

Trường Đại học Vinh có đội ngũ nhân viên trình độ chuyên môn cao, nghiệp vụ vững vàng hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo của Nhà trường nói chung và Khoa Quản trị kinh doanh nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, trung tâm ĐBCL, các dịch vụ hỗ trợ khác...) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên được Nhà trường thường xuyên tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Việc đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện qua nhiều hình thức đảm bảo tính công bằng, khách quan và ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng hợp lí.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Để phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường trong từng giai đoạn. Trường Đại học Vinh đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045, đề ra chiến lược phát triển đội ngũ thông qua công tác xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự của trường trong giai đoạn này, trong đó có giải pháp tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp điều kiện thực tế [H7.07.01.01].

Để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự, Nhà trường có phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào nhu cầu và quy mô đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành đánh giá, phân tích tình trạng đội ngũ nhân viên của Trường và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên trong tương lai. Từ đó, Nhà trường thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ dựa trên chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được các yêu cầu, Trường cũng đã xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định rõ nhiệm vụ, tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm của nhân viên [H7.07.01.02]. Mặt khác, Trường cũng xây dựng Quy định tuyển dụng với tiêu chí tuyển dụng, quy trình tuyển dụng chặt chẽ, công khai minh bạch để tuyển dụng được CB, nhân viên có chất lượng cho bộ máy nhân sự của trường. Những cá nhân thi tuyển vào vị trí viên chức của Trường, sau khi trúng tuyển đều phải trải qua thời gian

tập sự theo quy định. Trong thời gian tập sự viên chức được làm quen với môi trường công tác, tập làm những công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng; người hướng dẫn và các đơn vị thuộc Trường có liên quan đến công tác tập sự của viên chức. Trong thời gian thực hiện chế độ tập sự, Trường quan tâm cử viên chức tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp trước khi bổ nhiệm. Thời gian tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng được tính vào thời gian thực hiện chế độ tập sự. Đối với các trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ tập sự Trường đã cho chấm dứt hợp đồng theo quy định. Vì vậy, các cán bộ, viên chức, người lao động sau khi được tuyển dụng, tiếp nhận hầu hết đã thể hiện được năng lực, khả năng đáp ứng yêu cầu công việc [H7.07.01.03].

Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng đội ngũ nhân viên hỗ trợ được Nhà trường ưu tiên cho những người có bằng cấp cao, phù hợp với công việc; ưu tiên ứng viên tốt nghiệp loại giỏi ở các trường Đại học; ưu tiên người có nhiều kinh nghiệm... Ngoài ra những SV tốt nghiệp tại trường có kỹ năng mềm tốt, có khả năng sử dụng ngoại ngữ và CNTT được giữ lại phục vụ ở các trung tâm thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành tin học, ngoại ngữ, phòng xử lý học vụ, hành chính [H7.07.01.04]. Về thu nhập hàng tháng, ngoài thu nhập từ tiền lương theo ngạch bậc, mỗi nhân viên còn được hưởng thêm một khoản thu nhập tăng thêm theo từng vị trí công tác Bên cạnh đó, cũng như tất cả các viên chức khác, các nhân viên hỗ trợ cũng được nhận thêm các khoản tiền hỗ trợ vào những dịp lễ, Tết. Ngoài ra, Trường cũng cam kết tạo điều kiện cho nhân viên hỗ trợ được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ khi có nhu cầu, chính sách khen thưởng, tăng lương trước thời hạn trong trường hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H7.07.01.05].

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được Nhà trường thực hiện dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên. Đầu mỗi năm học, căn cứ vào nhiệm vụ của mình, các phòng, ban, trung tâm phân tích nhu cầu về đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với Đề án vị trí việc làm của Nhà trường. Nhà trường tổng hợp, phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên toàn trường, đối chiếu với đề án vị trí việc làm. Trên cơ sở đó, Nhà trường phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị [H7.07.01.06]. Bên cạnh đó, nhằm phát triển năng lực và linh hoạt đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã có chính sách luân chuyển nhân viên hành chính. Sau 05 năm làm việc, mỗi nhân viên sẽ được luân chuyển đến đơn vị mới (trừ một số vị trí đặc thù), đảm bảo cho đội ngũ nhân viên có thể “giỏi một việc và biết làm nhiều việc”, tạo ra sự linh hoạt, tươi mới trong công việc, đồng thời cũng đảm bảo sự công bằng đối với tất cả các nhân viên, cán bộ hành chính ở các đơn vị khác nhau [H7.07.01.07].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác đào tạo trường Kinh tế được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm của Nhà trường. Trường Đại học Vinh hiện có .... nhân viên làm việc ở các trung tâm, phòng, viện, trạm, nhà xuất bản, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và xây dựng cơ sở vật chất của Trường. Đội ngũ nhân viên làm việc ở các Trung tâm như Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Trung tâm Công nghệ thông tin.... Đội ngũ nhân viên của các phòng ban như phòng ĐTSĐH, phòng công tác chính trị HSSV, phòng TCCB, phòng Quản trị - Đầu tư, phòng KH&HTQT, phòng KH-TC... đa số có trình độ thạc sĩ trở lên, có nghiệp vụ chuyên môn đáp ứng tốt các yêu cầu công việc; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được qui định theo chức danh nghề nghiệp do Nhà nước ban hành. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và đề án vị trí việc làm của mỗi đơn vị hành chính, Trường đơn vị mô tả công việc của từng thành viên trong đơn vị và xây dựng bản phân công nhiệm vụ từng người, công khai lên website để tiện cho người khác liên hệ công việc [H7.07.01.08]. Bên cạnh đó, Trường Kinh tế trong (đó có khoa QTKD) cũng được hỗ trợ trực tiếp bởi đội ngũ các chuyên viên chuyên quản, các chuyên viên chuyên quản có nhiệm vụ là đầu mối tiếp nhận, xử lý thông tin do các đơn vị đào tạo phản ánh thuộc lĩnh vực công tác, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị [H7.07.01.09]. Phòng ĐTSĐH hỗ trợ các công tác đào tạo, hành chính,... đây cũng là nơi liên lạc hành chính cho HV của Trường. Phối hợp với Viện, Khoa hướng dẫn HV quy trình thủ tục giao đề tài, phản biện và bảo vệ luận văn, luận án tốt nghiệp theo quy định của BGDDT và của Nhà trường; Tiếp nhận và phối hợp với các đơn vị xử lý các giấy tờ, hồ sơ liên quan đến đào tạo SDH; Đề xuất tổ chức và quản lý các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn SDH để nâng cao trình độ chuyên môn cho các đối tượng đã tốt nghiệp đại học và SDH. Ngoài ra, Trường Kinh tế còn có đội ngũ cán bộ hỗ trợ cấp chương trình đào tạo gồm: 1 chuyên viên phụ trách công tác văn phòng, 1 chuyên viên phụ trách quản lý công tác chính trị HV; có 4 trợ lý đào tạo (trợ lý đào tạo chuyên trách và trợ lý đào tạo trực tuyến) và 1 trợ lý Đảm bảo chất lượng; có 2 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập cho các khóa đào tạo từ năm thứ nhất đến năm cuối; các lớp học viên cũng được phân công 3 giảng viên làm nhiệm vụ chủ nhiệm lớp thạc sĩ ngành QTKD [H7.07.01.10]. Các cán bộ hỗ trợ và giảng viên kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như kỹ năng tin học, công tác văn thư. Các nhân viên chuyên trách làm việc hành chính, các giảng viên kiêm nhiệm chủ động đăng ký lịch trực, làm việc tùy theo yêu cầu công việc và được hưởng các chế độ theo quy định của Trường.

Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan khác về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên. Kết quả khảo

sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ NV cho thấy người học khá hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ NV của Nhà trường nói chung, trường Kinh tế và khoa QTKD nói riêng trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ [H7.07.01.09]. Kết quả phản hồi từ các bên liên quan giúp Nhà trường và các đơn vị có liên quan có thêm cơ sở để quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành các chính sách thu hút, tuyển dụng để đảm bảo đội ngũ nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV cụ thể đáp ứng yêu cầu công việc theo từng năm từng giai đoạn rõ ràng.

Từ những chính sách chung về quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa QTKD đã có những chính sách về nhân sự cho nhân viên hỗ trợ như bản mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế làm việc của Khoa. Cán bộ hỗ trợ cấp chương trình đào tạo của khoa làm việc rất hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ người học.

## 3. Điểm tồn tại

Tính chuyên nghiệp và năng lực của một vài nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ (quản lý nhà học, thư viện...) còn hạn chế, đặc biệt là năng lực về công nghệ thông tin. Vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện mô tả thật cụ thể vị trí việc làm, những yêu cầu có tính chất đặc thù của đơn vị mình.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | <p>Thường xuyên tổ chức rèn luyện, bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp cho đội ngũ nhân viên phục vụ.</p> <p>Trường đẩy mạnh phát triển đội ngũ nhân viên trẻ, có năng lực về CNTT để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Trường.</p> <p>Rà soát hoàn thiện và cập nhật đề án vị trí việc làm của nhân viên từng đơn vị và trong toàn</p> | Phòng Tổ chức cán bộ    | Định kỳ hàng năm                    |         |

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị, người thực hiện                | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------|---------|
|    |                    | Trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                        |                                     |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Làm tốt công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên dựa trên nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.<br>Tiếp tục định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm đối với đội ngũ chuyên viên/nhân viên/kỹ thuật viên làm việc tại các đơn vị hành chính cũng như ở các đơn vị đào tạo, bảo đảm về số lượng, tiêu chuẩn phù hợp với sự phát triển của Trường cũng như các yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. | Ban giám hiệu;<br>Phòng Tổ chức cán bộ | Định kì hàng Năm                    |         |

5. Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

#### 1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào Điều lệ Trường đại học được Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2010, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Trường đại học Vinh đã ban hành các quy định cụ thể về việc tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên như: Nghị quyết ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Trường Đại học Vinh số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023; Quy định về luân chuyển cán bộ của Trường Đại học Vinh số 06/QĐ-ĐU ngày 27/2/2023,... trong đó nêu rõ phạm vi áp dụng, điều kiện, tiêu chuẩn, hội đồng tuyển dụng, hình thức tuyển dụng..., xác định rõ ràng các tiêu chí và quy trình chặt chẽ để tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên. Về tiêu chuẩn tuyển dụng, ngoài tiêu chuẩn chung, còn có các tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh.

*Tiêu chuẩn chung:* Được quy định tại điều 4 Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023 của Trường Đại học Vinh.

*Tiêu chuẩn cụ thể:* Đối với chức viên chức hành chính: được quy định cụ thể tại

điều 6, điều 7 Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023.

Trong đó, tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn [H7.07.02.01]. Các yêu cầu, mô tả công việc của đội ngũ nhân viên ở các trung tâm, phòng ban chức năng được mô tả tại mục chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và phân công nhiệm vụ trên Subweb của từng đơn vị chức năng của Trường [H7.07.02.02].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Trường xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/ khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý rộng rãi trong toàn Trường.

Nhà trường gửi Bản dự thảo cho các đơn vị trong Trường góp ý. Sau góp ý của các đơn vị trong Trường, Phòng Tổ chức Cán bộ tiến hành bổ sung, chỉnh sửa nội dung Quy chế. Hồ sơ góp ý cho bản Quy chế được gửi về Trường (qua phòng Tổ chức Cán bộ) hoặc qua địa chỉ Email, ngoài ra toàn văn dự thảo được đăng trên trang Web của Phòng Tổ chức Cán bộ, địa chỉ: <https://vinhuni.edu.vn> và eoffice của Trường. Căn cứ đề xuất tuyển dụng mới nhân sự của các phòng, ban, trung tâm và khoa, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ nhân viên, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng cho các đơn vị; đồng thời, ban hành Thông báo tuyển dụng viên chức, lao động hợp đồng với các tiêu chí cụ thể cho từng vị trí việc làm. [H7.07.02.03]. Cụ thể, đối với ngạch chuyên viên gồm các tiêu chí sau: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc làm cần tuyển; có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; có chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT. Quy trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước theo quy trình tuyển dụng: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị; tổ chức thi chuyên môn nghiệp vụ; thi phỏng vấn tại Hội đồng tuyển dụng Trường.

Đội ngũ cán bộ quản lý các phòng ban chức năng của Trường chủ yếu được lựa chọn từ lực lượng GV, được bồi dưỡng thêm về công tác quản lý. Trường thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý cho các đơn vị phòng ban chức năng, đảm bảo tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ [H7.07.02.04]. Việc xác lập tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển chủ yếu chỉ dựa trên nhu cầu cụ thể từng năm của các đơn vị nên còn thiếu sự đồng bộ, thống nhất. Hiện nay, Nhà trường đã triển khai tái cấu trúc lại bộ máy để góp phần tinh giản đội ngũ cán bộ, giảm số lượng các tổ chức không cần thiết, đặc biệt là đội ngũ cán bộ hành chính để tạo tiền đề cho việc tự chủ của trường trong vài năm tới theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H7.07.02.05].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới

toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và công khai bằng nhiều hình thức bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường, trên hệ thống thông tin eOffice và trên các phương tiện thông tin đại chúng [H7.07.02.06]. Việc làm này đã giúp cho công tác tuyển dụng nhân viên của Nhà trường được công khai, minh bạch và công bằng. Vì vậy, cho đến nay, Nhà trường không nhận được các khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên.

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển. Các tiêu chí này được phổ biến công khai. Nhờ vậy, đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT của Trường Kinh tế học đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển còn chưa hiệu quả.

### *4. Kế hoạch hành động*

| <b>TT</b> | <b>Mục tiêu</b>    | <b>Nội dung</b>                                                                                                                                                                         | <b>Đơn vị, người thực hiện</b>                                               | <b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|
| 1         | Khắc phục tồn tại  | Định kỳ phân tích, kết quả khảo sát ý kiến góp ý của các bên để ban hành bộ tiêu chí tuyển dụng nhân viên thống nhất, hiệu quả.                                                         | Phòng Tổ chức cán bộ                                                         | Năm 2022                                   |                |
| 2         | Phát huy điểm mạnh | Hoàn thiện và cập nhật các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường trong từng thời điểm và giai đoạn. | Phòng Tổ chức cán bộ, Các phòng, ban, trung tâm và Trường Kinh tế, khoa QTKD | Định kỳ hàng năm                           |                |

### *5. Tự đánh giá: 4/7.*

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng trong Quy chế về công

tác cán bộ của Trường Đại học Vinh và được xác định rõ ràng từng vị trí trong Đề án vị trí việc làm và vị trí công việc tại các đơn vị [H7.07.03.01]. Đối với nhân viên làm việc tại Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào thì đội ngũ Thư viện viên, Chuyên viên làm việc phải đạt trình độ Đại học trở lên; Kỹ thuật viên tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật. Nhân viên làm việc tại Trung tâm công nghệ thông tin yêu cầu đối với Chuyên viên là tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành công nghệ thông tin; kỹ thuật viên phải tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật, có trình độ tin học và khả năng sử dụng thành thạo các trang thiết bị phục vụ công tác. Đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm Thực hành thí nghiệm yêu cầu đối với Chuyên viên là trình độ Đại học trở lên các chuyên ngành có thực hành, thí nghiệm; đối với cán sự, nhân viên yêu cầu tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên, sử dụng thành thạo các phương tiện phục vụ thực hành thí nghiệm và các thiết bị văn phòng. Bên cạnh đó, nhân viên phải nắm vững các quy định pháp luật, chế độ chính sách của ngành, lĩnh vực và các kiến thức cơ bản về lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ được giao.

Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Nhà trường ban hành các văn bản quy định tiêu chí đánh giá, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.02]. Phiếu đánh giá được thiết kế rõ ràng, thể hiện đầy đủ các tiêu chí đánh giá về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ [H7.07.03.03]. Các tiêu chí này là căn cứ để Trường Kinh tế, các phòng, ban Nhà trường đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên của đơn vị mình theo quy trình chặt chẽ, góp phần xây dựng được đội ngũ nhân viên có đủ phẩm chất và năng lực để nâng cao chất lượng đào tạo.

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc được xếp loại hằng tháng và hằng năm theo 04 mức: A (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ); B (Hoàn thành tốt nhiệm vụ); C (Hoàn thành nhiệm vụ từ 70% trở lên); D (Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ). Công tác đánh giá được tổ chức thường xuyên theo quy trình chặt chẽ, thống nhất qua các bước: nhân viên tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá. Hằng tháng, các đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại viên chức cho các nhân viên làm cơ sở để thực hiện chế độ thu nhập tăng thêm. Quy trình đánh giá, xếp loại được thực hiện qua 5 bước: *Bước 1.* Tập hợp lỗi vi phạm (theo mẫu) của các cá nhân trong tháng (nếu có) từ các phòng ban liên quan, gửi về các đơn vị có cá nhân vi phạm và Phòng Tổ chức Cán bộ trước ngày 02 hằng tháng; *Bước 2.* Các đơn vị tự đánh giá, xếp loại kết quả lao động của tháng trước căn cứ theo các tiêu chí, thực hiện từ ngày 03 đến 05 hằng tháng; *Bước 3.* Các đơn vị gửi kết quả đánh giá, xếp loại về phòng Tổ chức cán bộ trước ngày 8 hằng tháng; *Bước 4.* Phòng Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tổng hợp, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra; *Bước 5.* Phòng Tổ chức Cán bộ trình Hiệu trưởng ký

bảng kết quả tổng hợp, đánh giá, xếp loại lao động và phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính tính toán thanh toán thu nhập tăng thêm vào tháng sau liền kề theo quy định [H7.07.03.04]. Định kỳ cuối năm học, cán bộ được đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học gồm 4 bước: (i) cán bộ tự đánh giá; (ii) tổ chuyên môn hợp đánh giá xếp loại; (iii) ban lãnh đạo đơn vị đánh giá xếp loại và đệ trình lên Trường; (iv) Hội đồng thi đua - khen thưởng của Trường đánh giá và phê duyệt xếp loại. Nhân viên hỗ trợ tự đánh giá bằng phiếu chấm điểm thi đua cá nhân dành cho khối CB hành chính theo tiêu chí thi đua của Nhà trường, bao gồm các tiêu chí về *Tư tưởng, chính trị, phẩm chất, đạo đức lối sống; Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; Tổ chức kỷ luật, chế độ báo cáo, hội họp, tham gia các hoạt động tập thể, xây dựng khối đoàn kết; Học tập, bồi dưỡng chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ*. Sau đó, Trường Kinh tế và Trường ĐH Vinh sẽ lần lượt đánh giá thông qua các cuộc họp Hội đồng Thi đua; đưa ra kết luận về điểm số và xếp loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan [H7.07.03.05]. Tuy nhiên, đối với tiêu chí, công cụ đánh giá riêng cho các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, hoạt động đoàn thể còn chưa có. Việc đánh giá này cũng gặp khó khăn do giờ làm việc của giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, hoạt động đoàn, công đoàn chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy của những giảng viên kiêm nhiệm này trong các kỳ học.

Nhà trường cũng định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và hoạt động chung của Nhà trường. Người học thực hiện khảo sát trực tuyến trong trang cá nhân trên phần mềm CMC của trường. Các mức đánh giá bao gồm: *Tốt* (mức độ đáp ứng từ 80% trở lên); *Khá* (mức độ đáp ứng từ 65 đến 79%); *Trung bình* (mức độ đáp ứng từ 50 đến 64%); *Chưa đạt* (mức độ đáp ứng dưới 50%). *Chưa tiếp xúc*. Từ đó, Nhà trường có báo cáo về việc phản hồi người học đối với các đơn vị hành chính. Việc đánh giá giúp các đơn vị hành chính cũng như Nhà trường có thể quản lý chất lượng phục vụ tốt hơn và là một cơ sở để đánh giá xếp loại nhân viên [H7.07.03.06]. Kết quả đánh giá thi đua hàng năm cũng cho thấy năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ của ngành đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% đội ngũ này đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu về vị trí việc làm [H7.07.03.07].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy trình và phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên chặt chẽ, hiệu quả. Việc đánh giá được thực hiện thường xuyên.

## 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên mới chỉ tiến hành đối với việc lấy ý kiến của người học. Chưa triển khai lấy ý kiến của đội ngũ giảng viên về hoạt động của đội ngũ nhân viên.

Chưa có tiêu chí, công cụ đánh giá riêng cụ thể cho các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, hoạt động đoàn thể. Việc sử dụng các kết quả đánh giá làm căn cứ để cải tiến, nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên chưa thực sự triệt để.

#### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Trường cần mở rộng đối tượng khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên để có kết quả khách quan hơn và chính xác hơn<br>Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực cho từng đối tượng cụ thể (giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm công tác hoạt động hỗ trợ đào tạo và nhân viên).<br>Cần nghiên cứu kỹ các kết quả đánh giá, từ đó xây dựng các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân viên | Phòng TCCB              | Hàng năm                            |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá đội nhân viên các phòng ban, trung tâm và cán bộ chuyên trách các Khoa/Viện qua nhiều hình thức khác nhau.                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Phòng TCCB              | Định kỳ hàng năm                    |         |

#### 5. Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

##### 1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Trường Đại học Vinh đã xây dựng các kế hoạch về chiến lược phát triển qua từng giai đoạn, trong đó kế hoạch về phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, viên chức là yếu tố cốt lõi. Chính vì vậy trong định hướng phát triển của Nhà trường nói chung và của Trường Kinh tế nói riêng, việc đầu tư đội ngũ cán bộ, viên chức cả về số lượng và

chất lượng luôn là một trong những mục tiêu phấn đấu hàng đầu. Bên cạnh đó Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định về việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động [H7.07.04.01].

Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Nhà trường đã tiến hành khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc cho từng chức danh. Hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức theo nội dung đào tạo, bồi dưỡng. Trường gửi thông báo và các biểu mẫu hướng dẫn các đơn vị, cá nhân đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đến tất cả các đơn vị trong trường. Các đơn vị tổ chức lấy ý kiến nhân viên trong đơn vị, tổng hợp danh sách đăng ký đào tạo, bồi dưỡng gửi về Phòng Tổ chức - Cán bộ. Trên cơ sở đó, Phòng Tổ chức - Cán bộ đã thống kê, phân tích kết quả khảo sát, sắp xếp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo thứ tự ưu tiên, trong đó có yêu cầu về bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ... Ngoài ra, Hàng năm vào cuối năm học Trường Kinh tế cũng đánh giá khối lượng công việc, khảo sát và tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên. Kết quả khảo sát này được thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường Kinh tế [H7.07.04.02],[H7.07.04.03].

Trường Kinh tế và Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển nâng cao chất lượng cán bộ, nhân viên và kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ căn cứ trên kết quả khảo sát nhu cầu bồi dưỡng của nhân viên [H7.07.04.04]. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, Nhà trường và Khoa tạo mọi điều kiện thuận lợi, hỗ trợ kinh phí để nhân viên được học tập, rèn luyện. Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Ngân sách này được phê duyệt tăng dần theo từng năm, thể hiện Nhà trường rất quan tâm đến nhu cầu đào tạo cán bộ hỗ trợ trong vòng 5 năm gần đây (2018-2022), Nhà trường đã chi... triệu đồng (bình quân hơn... triệu đồng/năm) dành riêng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhân viên của Trường. Bên cạnh các chính sách hỗ trợ nêu trên, Nhà trường còn hỗ trợ tìm học bổng và thực hiện các thủ tục cần thiết đối với cán bộ, viên chức cơ hữu có nguyện vọng và năng lực theo học các CTĐT TS, ThS theo chương trình học bổng trong hoặc ngoài nước. Sau khi hoàn thành khóa học, các cán bộ, viên chức này sẽ được tiếp nhận và bố trí công tác tại đơn vị cũ hoặc bổ nhiệm vào các vị trí cao hơn, đồng thời được hưởng các chế độ đãi ngộ tương đương học hàm, học vị mới. Thời gian theo học các chương trình này vẫn được tính vào thâm niên công tác tại Trường. Nhờ vậy Nhà trường đã kịp thời đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, đáp ứng nhu cầu của Nhà trường trong việc phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ [H7.07.04.05].

Nhà trường triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên dựa trên kế hoạch đã được thông qua. Các lĩnh

vực bồi dưỡng bao gồm: Bồi dưỡng chuyên môn (học thạc sĩ, tiến sĩ đúng chuyên ngành); Bồi dưỡng lý luận chính trị (trung cấp, cao cấp chính trị); chuyên môn nghiệp vụ quản lý như: Quản lý hành chính Nhà nước, Quốc phòng - an ninh (đối với cán bộ nhân viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý); ngoại ngữ; tin học [H7.07.04.06]. Hàng năm Nhà trường cử các đoàn cán bộ đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham quan, học hỏi kinh nghiệm quản lý của các cơ sở đào tạo ở trong và ngoài nước. Ngoài ra, Nhà trường có chính sách hỗ trợ đội ngũ nhân viên học lên bậc ThS, TS, tạo điều kiện và khuyến khích nhân viên thi thăng hạng khi đủ điều kiện [H7.07.04.07].

Kết quả, trong 5 năm qua, toàn trường đã có hơn .... nhân viên được cử đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và ở nước ngoài, tham gia thực hiện các đề tài NCKH... Về phía trường Kinh tế, tính đến năm 2022, trong số ... nhân viên hỗ trợ chuyên trách có 4 nhân viên đã đạt học vị thạc sĩ [H7.07.04.08]. Đến nay, Trường ĐH Vinh và Trường Kinh tế có đội ngũ nhân viên hỗ trợ có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lý sinh viên và các hoạt động khác liên quan đến công tác giảng dạy và NCKH của giảng viên, sinh viên và học viên.

#### 2. Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

#### 3. Điểm tồn tại

Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa được tiến hành thường xuyên để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ. Việc triển khai hoạt động bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên chủ yếu lồng ghép trong công tác đào tạo bồi dưỡng chung của toàn Trường nên hiệu quả chưa cao.

#### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị, người thực hiện                | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | Tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm nhằm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ.<br><i>Khoa phát huy hiệu quả quyền tự</i> | Phòng Tổ chức cán bộ và Trường Kinh tế | Định kỳ hàng năm                    |         |

|   |                    |                                                                                                                                                                                                                               |                                    |                     |  |
|---|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------|--|
|   |                    | <i>chủ đề xuất về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, phù hợp với vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên tại đơn vị.</i>                                                                                      |                                    |                     |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Triển khai mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngay khi có nhu cầu.<br>Tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ tài chính để đội ngũ nhân viên có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. | Phòng<br>TCCB<br>Trường<br>Kinh tế | Định kì<br>hàng năm |  |

#### 5. Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

##### 1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên trong toàn Trường đóng vai trò rất quan trọng đối với chất lượng đào tạo và sự phát triển của Nhà Trường. Nhằm đảm bảo và góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của đội ngũ, Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ này, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Hệ thống các quy định, quy chế này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học, bao gồm: Quy định về tổ chức hoạt động của Trường; Quy định về chế độ làm việc đối với cán bộ, viên chức; Quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương. Kế hoạch công việc của từng NV được quy định cụ thể về nội dung, khối lượng công việc, tiến độ thực hiện, nguồn lực thực hiện, thời gian hoàn thành trong bảng phân công nhiệm vụ chi tiết của Trường Kinh tế.

Ngoài ra, để việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên đạt hiệu quả, Trường Đại học Vinh ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm, nhân viên làm việc tại văn phòng khoa, đặc biệt là đối với Phòng ĐT SDH là đơn vị trực tiếp hỗ trợ công tác đào tạo, hành chính đối với các CTĐT thạc sĩ và tiến sĩ. Với từng chức danh công việc, Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc cho từng đối tượng nhân viên [H7.07.05.01]. Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành quy định về theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên bao gồm các quy định về đánh giá xếp loại cán bộ và bình xét thi đua khen thưởng, các chính sách về đánh giá và khen thưởng được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương đã giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để

có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường. Hàng năm, vào những ngày lễ lớn (*Ngày thành lập trường, ngày Khai giảng, ngày Hiến chương Nhà giáo 20/11 và Tổng kết năm học,...*) Nhà trường tổ chức khen thưởng những cá nhân, tập thể đạt thành tích cao trong công tác các cấp (*Trường, Thành phố, Trung ương,...*). Đây chính là yếu tố động lực cho đội ngũ NV hỗ trợ tích cực hơn trong công tác, sẵn sàng đóng góp công sức cho hoạt động của Khoa và Nhà trường. Ngoài việc công nhận và khen thưởng, Nhà trường còn có quy định về việc xét nâng bậc lương trước hạn đối với các cán bộ nhân viên đạt được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ NV phấn đấu hoàn thành thành xuất sắc nhiệm vụ được giao qua từng năm học [H7.07.05.02].

Nhà trường và Trường Kinh tế đã triển khai theo dõi, giám sát và đánh giá công việc của đội ngũ cán bộ, nhân viên dựa trên các quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công, dựa trên kế hoạch công tác cá nhân mà mỗi cán bộ, nhân viên đã xây dựng. Công tác đánh giá nhân sự được Nhà trường và BCN Trường Kinh tế thực hiện nghiêm túc, khoa học và thông qua hệ thống đánh giá đồng cấp và hệ thống phần mềm quản lý nhân sự. Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; mức độ chấp hành nội quy, kỷ luật lao động; đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác, làm lợi cho Trường và mức độ tham gia các hoạt động khác từ sự theo dõi đánh giá của Phòng TCCB, thông tin ghi nhận và báo cáo của Phòng Thanh tra - Pháp chế; Phòng ĐTSĐH..., thông tin ghi nhận và báo cáo của Công đoàn, Đoàn thanh niên, kết quả tự đánh giá của cá nhân, đánh giá của BCN Khoa và Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường đánh giá hiệu quả công việc của mỗi cán bộ, nhân viên hỗ trợ [H7.07.05.03]. Định kỳ hàng tháng và kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường triển khai xếp loại nhân viên dựa trên khối lượng và chất lượng công việc được giao đã hoàn thành và bình xét các danh hiệu thi đua [H7.07.05.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức các đợt lấy ý kiến người học và các bên liên quan về hoạt động phục vụ người học của các phòng ban chức năng và đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Kết quả được tổng hợp thông báo đến từng đơn vị [H7.07.05.05]. Việc đánh giá đúng đắn và khen thưởng hàng năm được triển khai góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tích cực hơn trong công tác.

Tất cả nhân viên có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khối lượng, tiến độ công việc của đội ngũ nhân viên được xác định chủ yếu dựa vào việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ mà đơn vị phân công. Ngoài ra, đầu mỗi năm học, tất cả các nhân viên hỗ trợ đều phải đăng ký danh hiệu thi đua để xác định các mức độ hoàn thành công việc, làm cơ sở cho đánh giá cuối năm. Danh hiệu thi đua cá nhân gồm: Lao động tiên tiến; Chiến

sĩ thi đua cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc. Để quản trị theo kết quả công việc, Nhà trường xây dựng kế hoạch công tác tháng với các yêu cầu rõ ràng, được triển khai, giám sát và đánh giá đến từng đơn vị trong Trường qua hội nghị giao ban cơ quan hàng tháng. Trong các buổi họp Trường Kinh tế, các nhân viên cũng thường xuyên được nhắc nhở, theo dõi tiến độ hoàn thành công việc [H7.07.05.06].

Hàng năm, nhằm đạt sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ NV trong Nhà trường về các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác, trước khi ban hành các văn bản quy định chính thức, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của tất cả cán bộ, nhân viên trong trường góp ý cho các quy chế quy định mà Nhà trường đã ban hành để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp. Qua đó, tất cả cán bộ, nhân viên đều được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Điều đó giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin khách quan xây dựng các quy chế quy định giúp quản trị kết quả công việc của cán bộ, nhân viên được hiệu quả [H7.07.05.07].

Cán bộ, nhân viên trong toàn trường đều hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và các cấp có thẩm quyền. Kết quả đánh giá và bình xét thi đua được thông báo rộng rãi công khai trong toàn Trường, các ý kiến phản hồi từ đội ngũ nhân viên được Trường tiếp thu và giải trình thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng và Hội nghị viên chức toàn trường hằng năm. Cuối năm học, Trường Kinh tế và Nhà trường triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những nhân viên có hiệu quả công việc tốt được xét khen thưởng xứng đáng. Vì vậy, đội ngũ nhân viên luôn thống nhất ý kiến với tập thể, hài lòng về việc quản trị công việc này [H7.07.05.08]. Tuy nhiên, ngoài kênh lấy ý kiến phản hồi trực tiếp trong các cuộc họp đánh giá, hiện nay Trường vẫn chưa có cơ chế khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua, khen thưởng của Nhà trường.

## 2. Điểm mạnh

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ.

## 3. Điểm tồn tại

Việc xác định khối lượng công việc của đội ngũ nhân viên chưa mang tính định lượng rõ ràng. Nhà Trường chưa tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của đội ngũ nhân viên về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của cơ sở giáo dục và các cấp có thẩm quyền.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện hoặc hoàn | Ghi chú |
|----|----------|----------|-------------------------|-------------------------------|---------|
|----|----------|----------|-------------------------|-------------------------------|---------|

|   |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                            | <b>thành</b>     |  |
|---|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------|--|
| 1 | Khắc phục tồn tại  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu xây dựng các định mức, khối lượng công việc cho đội ngũ nhân viên</li> <li>- Định kỳ tiến hành khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng của Khoa và Nhà trường. Trên cơ sở kết quả khảo sát, Trường và Khoa xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc cải tiến công tác quản lý của Trường trong những năm tiếp theo.</li> </ul> | Phòng TCCB, Trường Kinh tế | Định kỳ hàng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Nhà trường tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị; hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch công tác hằng năm của đội ngũ NV. Trong đó, cần thể hiện đầy đủ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết,... để lượng hóa trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá, bình xét, tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng                                                                      | Phòng TCCB, Trường Kinh tế | Định kỳ hàng năm |  |

5. Tự đánh giá: 5/7.

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 7**

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường Kinh tế và của Trường Đại học Vinh đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, được tuyển dụng đúng quy định của Nhà trường một cách công khai, minh bạch, rõ ràng. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện để nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa hiện nay đảm bảo nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo ngành QTKD và NCKH của Khoa và Nhà trường. Tuy nhiên, vẫn còn một vài hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới như mô tả thật cụ thể vị trí việc làm; rà soát tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc và tăng cường bồi dưỡng kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên.

## **Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

### **Mở đầu**

Chính sách tuyển sinh trình độ thạc sĩ ngành QTKD luôn được xác định rõ ràng, công khai, minh bạch và được cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn chuyên ngành theo học. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn học viên cũng được xác định rõ ràng và được đánh giá, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Bên cạnh đó, sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học chuyên ngành QTKD được theo dõi, giám sát một cách có hệ thống bởi đội ngũ bao gồm Ban chủ nhiệm khoa, phụ trách chuyên ngành, giảng viên chủ nhiệm lớp, giảng viên trực tiếp giảng dạy, nhân viên hỗ trợ, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan của nhà trường. Hiệu quả công tác giám sát được nâng cao nhờ ứng dụng phần mềm quản lý đào tạo. Vấn đề chất lượng đào tạo, khả năng có việc làm của học viên sau khi tốt nghiệp luôn được chú trọng thông qua hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ khác. Trường cũng xây dựng môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan thoáng mát nhằm phát huy sự sáng tạo và thoải mái cho học viên khi học tập tại trường.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Chính sách tuyển sinh của Trường Đại học Vinh nói chung và của CTĐT Thạc sĩ ngành QTKD được xác định rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Chính sách tuyển sinh của ngành QTKD được xác định rõ ràng trong Thông báo tuyển sinh [H8.08.01.01]; Kế hoạch tuyển sinh [H8.08.01.02] và có sự điều chỉnh hằng năm. Quy định về tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, thông tin về các điều kiện đảm bảo đều thống nhất theo quy định của Bộ GD&ĐT và Trường Đại học Vinh. Chính sách, đề án tuyển sinh cho chuyên ngành QTKD được cập nhật hằng năm căn cứ vào Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Vinh [H8.08.01.03]; dữ liệu báo cáo của Phòng Đào tạo Sau Đại học về kết quả số liệu tuyển sinh năm trước [H8.08.01.04], dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của năm tới phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chiến lược phát triển của trường [H8.08.01.05].

**Bảng 8.1. Tình hình nhập học của người học chuyên ngành QTKD  
trong giai đoạn đánh giá**

| Năm học | Ứng viên                  |                                             |                     |
|---------|---------------------------|---------------------------------------------|---------------------|
|         | Số lượng nộp đơn dự tuyển | Số lượng được chấp nhận thi tuyển/xét tuyển | Số lượng được tuyển |

|                 |    |    |    |
|-----------------|----|----|----|
| Năm 2019 - 2020 | 23 | 16 | 16 |
| Năm 2020 - 2021 | 38 | 34 | 34 |
| Năm 2021 - 2022 | 46 | 42 | 42 |
| Năm 2022 - 2023 | 24 | 20 | 20 |

Trường Đại học Vinh đã ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ rõ ràng, đầy đủ, chi tiết, được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Khoa QTKD là đơn vị trực thuộc Trường, chính sách tuyển sinh của Khoa được thực hiện theo quy định của Trường Đại học Vinh [H8.08.01.06]. Hàng năm, dựa trên Quy định đào tạo, Quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ, trong đó ghi rõ số lượng tuyển cho từng ngành, điều kiện thi tuyển, xét tuyển, thời gian, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo, môn thi tuyển, xét tuyển cho từng ngành, đối tượng điều kiện dự tuyển, chính sách ưu tiên, tiêu chí xét tuyển cho các ngành đào tạo của trường. Quy trình và kế hoạch tuyển sinh được các đơn vị trong trường góp ý và Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh phê duyệt. Phương thức thi tuyển của trường từ năm 2017 đến 2021: thi viết 3 môn (gồm: môn cơ sở, môn cơ bản và môn ngoại ngữ). Đây là các phương thức phổ biến, tin cậy trong tuyển sinh đào tạo thạc sĩ được các trường đại học trong nước sử dụng [H8.08.01.07]. Từ năm 2022, căn cứ vào kết quả học tập bậc đại học, kết quả học bổ sung kiến thức, kinh nghiệm công tác, năng lực ngoại ngữ của thí sinh, nhà trường chuyển sang hình thức xét tuyển [H8.08.01.01]. Điểm trúng tuyển trong tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh nói chung và chuyên ngành QTKD nói riêng hằng năm đều cao hơn điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD&ĐT quy định. [H8.08.01.08].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Trường tổ chức họp đánh giá, rà soát công tác tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh tiến hành lấy ý kiến của các thành viên về kết quả công tác tư vấn, truyền thông tuyển sinh; chỉ tiêu tuyển sinh; kết quả thí sinh đăng ký xét tuyển; kết quả thí sinh nhập học; Phòng Đào tạo SDH thực hiện khảo sát học viên về công tác tuyển sinh, truyền thông tuyển sinh. Số liệu phản hồi của các bên liên quan về công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh, quy trình nhập học, hướng dẫn nhập học cho học viên được thu thập làm căn cứ xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học sau. Ngoài ra, nhà trường căn cứ vào dữ liệu dự báo nhu cầu nhân lực của chuyên ngành QTKD cũng như ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh chính sách tuyển sinh, đảm bảo sự linh hoạt, phù hợp và cập nhật với tình hình và nhu cầu nhân lực thực tế [H8.08.01.09].

Trải qua 66 năm thành lập và phát triển, Trường Đại học Vinh có một số lượng cựu NH đông đảo, rất nhiều trong số đó là những người thành công, đang làm việc và giữ các vị trí trọng trách trong hệ thống các cơ quan, doanh nghiệp trong cả nước. Tuy

nhien, việc liên kết với cựu NH của Trường Đại học Vinh chưa được thực hiện bài bản, có quy trình và tính hiệu quả chưa cao. Việc kết nối tới cựu NH vừa giúp trường kết nối với nhà tuyển dụng, các cơ quan, doanh nghiệp tạo điều kiện thực tập, việc làm thông qua cơ quan, doanh nghiệp và các mối quan hệ của cựu NH. Trường chưa tận dụng được kênh thông tin từ đội ngũ cựu NH và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của trường cũng như của chuyên ngành QTKD [H8.08.01.10].

## 2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Trường Đại học Vinh được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, phù hợp với bối cảnh của Trường và được công bố công khai trong toàn xã hội. Đặc biệt, chính sách tuyển sinh rõ ràng cụ thể, đáp ứng yêu cầu cần tuyển sinh cho CTĐT thạc sĩ chuyên ngành QTKD được cập nhật và rõ ràng qua các năm trên các phương tiện truyền thông để người học có thể nắm bắt được thông tin kịp thời và đầy đủ nhất về ngành học.

Nhà trường cũng như khoa QTKD luôn hỗ trợ tốt nhất cho các học viên từ khâu làm hồ sơ tuyển sinh trong đào tạo đến sau đào tạo.

## 3. Tồn tại

Việc liên kết với cựu người học của ngành QTKD chưa được thực hiện bài bản, có quy trình và tính hiệu quả chưa cao.

Chưa tận dụng được kênh thông tin từ đội ngũ cựu NH và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của trường cũng như của chuyên ngành QTKD.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị, người thực hiện                                                            | Thời gian thực hiện, hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kế hoạch cụ thể và liên kết với cựu NH của ngành.</li> <li>- Đưa công tác quảng bá tuyển sinh lên trang thông tin thông tin điện tử của tỉnh Nghệ An.</li> <li>- Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cựu người học về chính sách tuyển sinh của chuyên ngành nhằm tận dụng kênh thông tin từ</li> </ul> | Trung tâm DV, HTSV&QHDN, Khoa QTKD<br><br>- Phòng Đào tạo Sau Đại học và Khoa QTKD | Hàng năm                             |         |

|   |                    |                                                                                                 |                                                            |          |  |
|---|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------|--|
|   |                    | đội ngũ cựu NH và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh              |                                                            |          |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Làm tốt công tác truyền thông, quảng bá rộng rãi chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành QTKD | Bộ phận Truyền thông, Phòng Đào tạo Sau Đại học, Khoa QTKD | Hàng năm |  |

.5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

*1. Mô tả hiện trạng*

Tiêu chí tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được quy định tại Thông tư 23/2021/TT- BGDĐT. Trên cơ sở văn bản pháp lý này, Trường xây dựng quy định đào tạo trình độ thạc sĩ, trong đó quy định chi tiết về kế hoạch tuyển sinh hàng năm [H8.08.03.01]

Hàng năm, Trường đều xây dựng và công bố thông báo tuyển sinh. Thông báo tuyển sinh có nêu rõ hình thức xét tuyển và có quy định rõ xét tuyển văn bản và xét tuyển về ngoại ngữ. Bên cạnh đó, trong thông báo tuyển sinh còn quy định đối với thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm đối tượng ưu tiên và các mức ưu tiên [H8.08.02.02].

Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, Trường yêu cầu phải học bổ sung kiến thức, để đảm bảo đủ điều kiện dự thi. Việc thực hiện các nội dung bổ sung kiến thức được diễn ra đầy đủ, nghiêm túc theo Quy chế 2592 [H8.08.02.03]

Trước mỗi đợt tuyển sinh, Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc, trong đó có Ban xét tuyển [H8.08.02.02]. Ban xét tuyển căn cứ vào các điều kiện đã được công bố và chỉ tiêu được tuyển sinh để thực hiện rà soát hồ sơ. Kết quả xét tuyển được công bố công khai trong thời hạn quy định sau khi tổ chức xét tuyển. Thí sinh có quyền được yêu cầu phúc khảo theo các thông báo phúc khảo tuyển sinh được công bố rõ ràng trên website.

**Bảng 8.2: Thống kê tình hình nhập học của HV cao học năm thứ nhất**

| Khóa | Ứng viên                  |                      |                   |
|------|---------------------------|----------------------|-------------------|
|      | Số lượng đăng ký dự tuyển | Số lượng trúng tuyển | Số lượng nhập học |
| K28  | 16                        | 16                   | 16                |
| K29  | 34                        | 34                   | 34                |
| K30  | 42                        | 42                   | 42                |

|     |    |    |    |
|-----|----|----|----|
| K31 | 20 | 20 | 20 |
|-----|----|----|----|

## 2. Điểm mạnh

Có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được cập nhật theo quy định của Bộ GD&ĐT.

## 3. Điểm tồn tại

Chưa lấy ý kiến phản hồi về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đầu vào.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                      | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|
| 1  | Phát huy điểm mạnh | Định kỳ lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về tiêu chí tuyển chọn đầu vào | Phòng Đào tạo SDH       | Trước khi lập kế hoạch tuyển sinh   |
| 2  | Khắc phục tồn tại  | Lấy ý kiến của HV đầu khóa về tiêu chí tuyển chọn đầu vào                     | Phòng Đào tạo SDH       | Hàng năm, ngay sau khi khai giảng   |

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

### 1. Mô tả hiện trạng

Phòng Đào tạo Sau Đại học của Nhà trường và Khoa QTKD có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học mà được quy định đầy đủ trong các văn bản và được các cán bộ, giảng viên thực hiện đầy đủ. Căn cứ vào Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ GD&ĐT [H8.08.03.01] các quy định này được thể hiện chi tiết trong CTĐT thạc sĩ ngành QTKD ban hành theo Quyết định số 886/QĐ-ĐH Vinh, ngày 06/07/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh [H8.08.03.02] và Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo QĐ 2592/QĐ-ĐHVinh ngày 02/11/2021, trong đó có bao gồm các quy định trách nhiệm và quyền hạn về công tác quản lý các hoạt động đào tạo (học tập, thi, nghiên cứu Khoa học, bảng điểm...) cho học viên chủ yếu thuộc về Khoa quản lý chương trình đào tạo thạc sĩ và Phòng Đào tạo Sau Đại học [H8.08.02.03]. Ở cấp Khoa trực tiếp quản lý, hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thực hiện chặt chẽ trên cơ sở đề nghị của Khoa QTKD quản lý chương trình đào tạo Thạc sĩ QTKD, Quyết định phân công nhiệm vụ của Khoa giao nhiệm vụ trợ lý, trợ lý đào tạo sau đại học của các lớp [H8.08.03.03]. Nhiệm vụ của trợ lý đào tạo sau đại học ngành QTKD do Khoa điều động để hỗ trợ, tư vấn trực tiếp cho người học về các vấn đề phát sinh trong quá trình

học và thực hiện các nhiệm vụ đôn đốc, nhắc nhở học viên về tiến độ các công việc do Trường Khoa QTKD và BGH Trường Kinh tế yêu cầu.

Cơ sở dữ liệu về kết quả học tập, rèn luyện của người học được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo, Việc theo dõi và đánh giá kết quả rèn luyện của người học được thực hiện đúng theo quy định về trách nhiệm và chế độ lưu trữ [H8.08.03.04].

Đối với CTĐT thạc sĩ ngành QTKD, người học sẽ phải hoàn thành số tín chỉ quy định trong CTĐT đã được phê duyệt [H8.01.01.07], trong 2 năm (4 kỳ học chính) trong đó có quy định chặt chẽ về ràng buộc thứ tự các môn học (có cụ thể điều kiện tiên quyết), khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi học viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ là 15 tín chỉ. Theo đó, mỗi học kỳ, Nhà trường cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến độ của người học trên phần mềm quản lý đào tạo. Bên cạnh đó, phòng Quản lý đào tạo sau đại học kết hợp với Khoa KT-QTKD quản lý, rà soát học viên đủ điều kiện làm luận văn tốt nghiệp, xét tốt nghiệp, học viên chậm tiến độ, học viên bị buộc thôi học hoặc có những vấn đề trong học tập, chưa hoàn thành được các học phần trong CTĐT thì cố vấn đào tạo sau đại học sẽ trao đổi trực tiếp giúp người học lập kế hoạch học tập tích lũy để có thể đảm bảo tốt nghiệp đúng theo kế hoạch [H8.08.03.05].

**Bảng 8.3: Thống kê tình hình tốt nghiệp của học viên cao học QTKD**

| Thứ tự | Khóa đào tạo | Số HV nhập học | Số TN | Số bảo lưu | Số thôi học | Tỷ lệ thôi học | Tỷ lệ tốt nghiệp |
|--------|--------------|----------------|-------|------------|-------------|----------------|------------------|
| 1      | K28          | 16             | 16    | -          | -           | 0              | 100%             |
| 2      | K29          | 34             | 34    | -          | -           | 0              | 100%             |

Thông tin về quá trình học tập của người học được thông báo đến từng người học sau khi kết thúc từng học kỳ và được cập nhật trong Sổ theo dõi giảng dạy của từng lớp, trên phần mềm quản lý đào tạo, website của Nhà trường, Khoa; ngoài ra, người học có thể nắm bắt thông tin về kết quả học tập và rèn luyện thông qua tự đăng nhập vào phần mềm <http://sinhvien.vinhuni.edu.vn/sinh-vien-dang-nhap.html>, mỗi học viên được cấp một tài khoản riêng có đầy đủ các thông tin cá nhân, điểm, các môn học còn phải học... [H8.08.03.06]. Đối với những học viên có kết quả học tập chưa đảm bảo tiến độ, phòng quản lý đào tạo sau đại học sẽ thông tin về bộ môn và trợ lý đào tạo sau đại học sẽ thông báo cho HV để có giải pháp hỗ trợ học tập cho học viên đáp ứng tiến độ học tập. Trong trường hợp học viên vì lý do cá nhân mà không thể hoặc chưa tham gia học sẽ được tư vấn bảo lưu kết quả học tập hoặc làm đơn xin thôi học. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp các khóa K28, K29 đạt 100%.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa; những quy định về tiến trình học tập

được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần, cách kết quả đào tạo công khai, minh bạch và thực hiện nghiêm túc theo quy định.

### 3. Điểm hạn chế

Hệ thống giám sát mới chỉ ghi nhận thông kê tiến độ học tập của học viên mà chưa thực sự giám sát sự tiến bộ của người học.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                             | Đơn vị, người thực hiện      | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành         |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------|
| 1  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục giám sát kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa; công khai, minh bạch kết quả học theo quy định                                                     | Phòng đào tạo SDH            | Từng học kỳ                                 |
| 2  | Khắc phục tồn tại  | Tăng cường phối hợp với phòng QLĐT sau đại học, nâng cao vai trò trách nhiệm của Bộ môn QTKD, định kỳ rà soát, đánh giá quy trình giám sát tiến độ học tập, rèn luyện của người học. | Khoa QTKD, phòng Đào tạo SDH | Hàng năm, trước khi lập kế hoạch tuyển sinh |

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có quy trình/kế hoạch và thực hiện triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học được quy định cụ thể trong quy chế đào tạo thạc sĩ [H1.01.01.04], cụ thể:

Nhà trường: Đầu khóa học, Phòng đào tạo sau ĐH phổ biến chương trình đào tạo toàn khóa, kế hoạch học tập, kế hoạch thi, thời gian bảo vệ luận văn và các quy định đào tạo trình độ thạc sĩ khác có liên quan cho toàn bộ học viên được biết [H8.08.03.01].

Khoa QTKD quản lý chương trình đào tạo có quyết định giao nhiệm vụ trợ lý giáo vụ sau đại học, cố vấn học tập kiêm giáo viên chủ nhiệm các lớp, phối hợp phòng quản lý đào tạo sau đại học trình Nhà trường ra quyết định danh sách ban cán sự lớp nhằm hỗ trợ, kết nối, tư vấn thường xuyên cho người học trong học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các hoạt động khác trong quá trình học tập của người học [H8.08.04.01], [H8.08.04.02].

Giảng viên: cung cấp đề cương chi tiết học phần cho học viên đầu mỗi môn học nhằm giúp học viên nắm bắt mục tiêu, nội dung kiến thức và hình thức thi ... để có kế hoạch học tập và nghiên cứu phù hợp. Trong đề cương chi tiết các học phần của chương trình Đào tạo Thạc sĩ QTKD có bố trí thời lượng dành cho thực hành, thực tế với các mục tiêu và nội dung cụ thể khi tham quan làm việc tại doanh nghiệp và được thực hiện liên tục trong quá trình dạy học thực tiễn nhằm giúp học viên ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn thông qua quá trình quan sát và trao đổi, thảo luận thực tiễn tại doanh nghiệp nhằm cải thiện chất lượng việc học tập cũng như là tạo cơ hội kết nối việc làm, hợp tác, đầu tư giữa học viên/ doanh nghiệp của học viên và các doanh nghiệp sử dụng lao động [H8.08.04.03]. Với đặc thù 95% người học chương trình thạc sĩ QTKD đang là nhân viên, cán bộ, nhà quản lý các cơ quan doanh nghiệp chủ yếu trên địa bàn tỉnh Nghệ An và khu vực lân cận, do đó vấn đề tìm kiếm việc làm không phải là mục tiêu ưu tiên của người học mà là sự kết nối giữa người học với nhau và với các tổ chức, doanh nghiệp để phát triển các mối quan hệ xã hội và hợp tác cùng phát triển nên Khoa rất quan tâm và ưu tiên tạo các hoạt động ngoại khóa để hỗ trợ học viên được giao lưu với các doanh nghiệp, thăm quan các doanh nghiệp [H8.08.04.04].

Trong các hoạt động tư vấn hỗ trợ, giáo vụ Khoa, giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn hướng dẫn cho người học thực hiện các quy chế, quy định đào tạo; khuyến khích người học tham gia các hoạt động sinh hoạt học thuật, nghiên cứu Khoa học, rèn luyện các kỹ năng: thu thập, xử lý thông tin, thuyết trình, và tham gia các hoạt động văn, thể, mỹ bổ ích như: thăm quan danh lam, thắng cảnh; tham gia các hoạt động từ thiện, văn nghệ, thể thao, bóng đá, [H8.08.04.04]. Đối với những người học làm luận văn tốt nghiệp Khoa và Nhà trường phân công giảng viên hướng dẫn từ khi lựa chọn hướng nghiên cứu đến khi thực hiện và báo cáo kết quả [H8.08.04.05].

Kết quả lấy ý kiến người học của CTĐT Thạc sĩ QTKD cho thấy trên 90% ý kiến hài lòng và rất hài lòng về hoạt động tư vấn, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của CBGV trong Khoa và Nhà trường đã giúp cải thiện việc học tập và khả năng kết nối của người học [H8.08.04.06]. Nhà trường có chính sách khen thưởng cho học viên có thành tích xuất sắc trong học tập và nghiên cứu Khoa học sau mỗi khóa đào tạo [H8.08.04.07; H8.08.04.08]; Tổ chức hội nghị giao ban sau đại học hàng năm để kịp thời đôn đốc nhắc nhở tiến độ thực hiện kế hoạch năm học cũng như giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của người học [H8.08.04.09].

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường, Khoa có bộ phận quản lý đào tạo sau đại học, giao nhiệm vụ trợ lý giáo vụ Khoa, giáo viên chủ nhiệm chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động để hỗ trợ học tập, tham

quan, trao đổi hợp tác cho người học.

### 3. Điểm tồn tại

Công tác tư vấn, hướng dẫn người học chưa thật sự đồng đều nên vẫn còn tình trạng có học viên còn thụ động trong các hoạt động học tập và ngoại khóa.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị, người thực hiện      | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành |
|----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|
| 1  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động để hỗ trợ học tập, tham quan, trao đổi hợp tác cho người học.                                                                                                                                                                                                                                                   | Phòng Đào tạo SDH, Khoa QTKD | Từng học kỳ                         |
| 2  | Khắc phục tồn tại  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường hoạt động tư vấn hỗ trợ, giúp người học tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa.</li> <li>- Tiếp tục lấy ý kiến người học về các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ người học trong học tập, sinh hoạt và kết nối việc làm sau khi tốt nghiệp... để kịp thời điều chỉnh, cải tiến hình thức triển khai</li> </ul> | Phòng Đào tạo SDH, Khoa QTKD | Từng học kỳ                         |

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Vinh có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của học viên. Trường Đại học Vinh đã xây dựng giá trị cốt lõi: *Trung thực - Trách nhiệm - Say mê - Sáng tạo - Hợp tác*, với triết lý giáo dục: *Hợp tác - Sáng tạo*. Với giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục như vậy, cán bộ GV trường đại học Vinh là những con người tâm huyết với nghề nghiệp; luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao với người học, với Nhà trường; đam mê sáng tạo trong công tác. Sinh viên, học viên Trường Đại học Vinh được đào tạo trong môi trường giáo dục chuyên nghiệp, luôn thể hiện sự văn minh, say mê sáng tạo trong học tập và rèn luyện. Cán bộ GV và người học đều hướng tới giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường, tạo nên một môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, hợp tác giữa cán bộ GV và người học; tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu [H8.08.05.01]. Về quy hoạch hệ thống tòa nhà

phục vụ công tác, tổng diện tích đất của Nhà trường là 44,12 ha với tổng diện tích sàn xây dựng 140212 m<sup>2</sup>, trong đó cơ sở 1 tại số 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh có diện tích 14 ha với đầy đủ các tòa nhà cho GV và người học: Khu hiệu bộ, giảng đường, khu làm việc của các Viện, Thư viện, Phòng thí nghiệm, không gian học tập phục vụ cho nhu cầu tự học, Nhà tập luyện và thi đấu thể thao, sân vận động, ký túc xá. Tất cả được quy hoạch, bố trí khoa học, hiện đại, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH. Nhà trường có 6 giảng đường lớn tại các cơ sở chính (Khu nhà A, B, D) bao gồm 221 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 51054 m<sup>2</sup>, bố trí được khoảng 8460 chỗ ngồi trong 1 ca với diện tích bình quân 5,9 m<sup>2</sup>/chỗ ngồi [H8.08.05.02]. Hầu hết phòng học của học viên được trang bị máy điều hòa, quạt, hệ thống chiếu sáng đạt chất lượng cao, có trên 80% các phòng học có các thiết bị hỗ trợ giảng dạy như: projector, loa và 1 số thiết bị khác [H8.08.05.03]. Nhà trường có 4 nhà kí túc xá 5 tầng (tại cơ sở 1) với tổng diện tích sử dụng là 48799 m<sup>2</sup>, với 237 phòng ở với sức chứa 1145 chỗ, bình quân diện tích 8,3 m<sup>2</sup> sử dụng/1 học viên theo định mức 6-8 người/1 phòng; hệ thống điện nước, nóng lạnh, wifi được lắp đặt đầy đủ. Ngoài ra Nhà trường có 6 sân bóng chuyền, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, SV, HV với tổng diện tích 29.589 m<sup>2</sup>, 1 nhà thi đấu đa năng với 1.000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho cán bộ và người học [H8.08.05.04]. Từ năm 2016, Nhà trường tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản theo quy hoạch tổng thể của Trường để hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, kí túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng quy mô đào tạo và NCKH, đặc biệt là đào tạo tiếp cận năng lực CDIO. Tất cả đều tạo nên môi trường làm việc thân thiện, thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường. Với hệ thống thoát nước tốt, trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên trường và thường xuyên phát động phong trào bảo vệ cây xanh, bảo vệ môi trường, đến nay, cảnh quan môi trường của trường Đại học Vinh có sự thay đổi vượt bậc, đạt yêu cầu xanh, sạch, đẹp và phù hợp cho các hoạt động học tập, sinh hoạt, vui chơi của người học [H8.08.05.05]. Nhà trường ban hành các quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn ở Trường Đại học Vinh [H8.08.05.05], các kế hoạch tổ chức Hội nghị - tập huấn công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học và công tác HS, SV, HV [H8.08.05.06]; ban hành bộ quy tắc ứng xử văn hóa của học sinh, sinh viên, học viên trường Đại học Vinh [H8.08.05.07]. Ngoài ra, Nhà trường cũng thực hiện tốt các công tác giáo dục pháp luật về an toàn giao thông [H8.08.05.08], công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường và an toàn vệ sinh thực phẩm [H8.08.05.09]. Trạm Y tế của Trường với đầy đủ cơ sở vật chất có thể thực hiện tốt công tác kiểm tra sức khỏe và chữa bệnh thông thường cho cán bộ GV, SV, HV. Công tác vệ sinh môi trường được thực hiện bởi công ty môi trường ký hợp đồng với Nhà trường, thực hiện dưới sự

kiểm tra và giám sát của phòng Quản trị - Đầu tư. Ngoài ra, Nhà trường còn điều động SV của các Khoa/Viện tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên Trường, với mục đích vừa làm sạch môi trường, vừa giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và rèn luyện ý thức lao động. Đảm bảo an ninh chính trị trong Nhà trường là đội bảo vệ, do Nhà trường ký hợp đồng với công ty vệ sĩ [H8.08.05.10].

Để có những phản biện, góp ý tốt, Nhà trường đã tổ chức khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường, theo phiếu khảo sát chung của Nhà trường, từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể để ngày càng hoàn thiện môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường. Đối với học viên chuyên ngành QTKD được khảo sát, trung bình trên ...% học viên đánh giá ở mức độ “Tốt” (Mức độ đáp ứng từ 80% trở lên), trên .....% học viên đánh giá ở mức độ “Khá” (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%) và khoảng .....% học viên đánh giá ở mức độ “Trung bình” (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%) [H8.08.05.11].

## 2. Điểm mạnh

Trường và Khoa QTKD có môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

## 3. Điểm tồn tại

Một vài phòng học có bàn, ghế và tường nhà còn có vết vẽ bẩn, do ý thức của người học còn chưa tốt.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|
| 1  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục hoàn thiện đề án quy hoạch tổng thể trường ĐH Vinh                                                                                                                                                                                                           | Phòng Quản trị-Đầu tư   | Tiếp tục từ năm 2020                |
| 2  | Khắc phục tồn tại  | + Tuyên truyền, nâng cao ý thức của người học trong việc giữ gìn cơ sở vật chất, cảnh quan, môi trường trong Nhà trường;<br>+ Thực hiện có hiệu quả các hình thức kỷ luật đối với người học viết, vẽ bẩn lên bàn ghế phòng học, cố ý hủy hoại tài sản của Nhà trường. | Đoàn thanh niên         | Hàng năm                            |

## 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

## Kết luận về Tiêu chuẩn 8

\* Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường và Khoa QTKD đã có chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công khai và cập nhật hằng năm, đảm bảo tuyển được số lượng học viên có kết quả và năng lực tốt, thu hút được học viên tham gia thi tuyển vào ngành QTKD. Các hoạt động tư vấn học tập được Khoa... và Phòng Đào tạo SDH triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của học viên. Hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập, về kết quả học tập và khối lượng học tập của học viên tương đối hiệu quả. Môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho học viên. Tuy nhiên, nhà trường chưa tận dụng được kênh thông tin từ đội ngũ cựu người học và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của trường cũng như của ngành QTKD. Trường Kinh tế chưa tận dụng triệt để và hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu để giám sát tốt hơn quá trình học tập, rèn luyện cũng như tiến trình tiến bộ của người học.

## **Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

### **Mở đầu**

Nhà trường và Khoa QTKD luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để cán bộ và học viên ngành QTKD đảm bảo các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, có phòng thí nghiệm thực hành với trang thiết bị hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật. Bên cạnh đó, nhà trường và Khoa QTKD luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho học viên ngành QTKD

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường có diện tích sử dụng đất đáp ứng quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-1985 với diện tích đất tại 05 cơ sở trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh được giao sử dụng với đầy đủ các giấy tờ hợp pháp theo luật định với diện tích trên 44,61 ha trong tổng thể quy hoạch 118 ha. Nhà trường đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Trường. Các quy hoạch đã được phê duyệt bởi các cấp thẩm quyền là Bộ GD&ĐT (8/1989), Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (6/2004), (10/2015) [H9.09.01.01]. Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện chiến lược về phát triển giai đoạn giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 và tiếp tục có sự rà soát, điều chỉnh mục tiêu để phù hợp hơn với tầm nhìn, sứ mạng và tình hình hình thực tiễn [H9.09.01.02].

Cùng với sự mở rộng qui mô đào tạo, Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành QTKD Nhà trường có phòng làm việc cho các đơn vị, với diện tích 15.864 m<sup>2</sup>, đạt xấp xỉ 15m<sup>2</sup>/1 cán bộ, giảng viên, nhân viên; có hệ thống phòng sinh hoạt bộ môn, phòng làm việc cho giảng viên cao cấp, phó giáo sư, giáo sư. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của bộ môn. Hiện trường Đại học Vinh có 280 phòng học, trong đó có 256 phòng được trang bị máy chiếu và hệ thống âm thanh, có 86 phòng thí nghiệm cho các chuyên ngành đào tạo. 100% phòng học và phòng THPTN được trang bị máy điều hòa. Diện tích bình quân 5.9m<sup>2</sup>/1 người học (115,749m<sup>2</sup>/19.629 người học); Cơ sở vật chất cho cán bộ giảng viên, và nhân viên cơ hữu được đầu tư đồng bộ, bao gồm thiết bị văn phòng, thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị văn phòng hiện đại. Bên cạnh đó, phần lớn các thiết bị trong Nhà trường được quản lý theo phương thức dùng chung cơ sở vật

chất giữa các đơn vị và được thống nhất quản lý bởi phòng Quản trị và Đầu tư và được kiểm kê hàng năm. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lý cơ sở vật chất của Nhà trường [H9.09.01.03].

Khoa QTKD có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay, khoa đang sử dụng tầng 2 tòa nhà A0 của trường gồm 01 phòng làm việc (văn phòng khoa). Đồng thời, Khoa được giao sử dụng phòng họp tầng 4 tại nhà A0 sinh hoạt chuyên môn của giảng viên. Phòng sinh hoạt chuyên môn của ngành QTKD hiện tại đang sử dụng phòng học của Nhà trường. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, fax, bàn ghế v.v.. [H9.09.01.03].

Về phòng học, ngành QTKD đảm nhận việc giảng dạy các học phần cho học viên chuyên ngành thạc sĩ QTKD, với số lượng học viên 30 học viên/ lớp. được bố trí tại các phòng học nhà A, B, D, ĐN, được sử dụng linh hoạt theo mục đích của giảng dạy theo từng học phần. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường được đầu tư các trang thiết bị hiện đại phù hợp với việc nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo. Các học phần đặc thù của ngành được bố trí tại A, B, D, ĐN [H9.09.01.03].

Trang thiết bị và các phương tiện học tập được trang bị có chất lượng, sử dụng có hiệu quả, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu dạy học và NCKH cho GV và học viên ngành thạc sĩ QTKD. Các thiết bị hỗ trợ trang bị ở các phòng học đã góp phần nâng cao hiệu quả của dạy - học, góp phần đổi mới phương pháp dạy học bằng các bài giảng điện tử, đáp ứng yêu cầu đào tạo. Ngoài ra, học viên ngành thạc sĩ QTKD còn sử dụng hệ thống phòng học có trang thiết bị hiện đại với hệ thống bảng tương tác và thư viện số kết nối. [H9.09.01.06].

Nhà trường rất chú trọng đến việc bố trí không gian học tập chung, phòng học, phòng họp trực tuyến. Năm 2020, Nhà trường đã thành lập Trung tâm sản xuất học liệu với thiết bị hiện đại để hỗ trợ trong công tác dạy và học trực tuyến. Giai đoạn 2 của tái cấu trúc, Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến được thành lập năm 2021 nhằm quản lý vận hành hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường, hỗ trợ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các bậc học theo hình thức trực tuyến [H9.09.01.06].

Nhà trường đã ban hành các quy định về quản lý tài sản, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT các ngành học, trong đó có ngành thạc sĩ QTKD. Tài sản của Nhà trường được quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị và được thống nhất quản lý bởi phòng Quản trị và Đầu tư. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lý cơ sở vật chất của Nhà trường [H9.09.01.04]. Công tác kiểm

kê tài sản được diễn ra hàng năm sẽ làm căn cứ để Nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung tài sản phục vụ cho công tác đào tạo và phát triển các CTĐT [H9.09.01.05]. Kinh phí dành cho đầu tư, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất và trang thiết bị được lập dự toán đầu tư, mua sắm và rà soát hàng năm nhằm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Nhà trường thực hiện công tác duy tu và bảo trì bảo dưỡng thường xuyên cơ sở vật chất nhằm đảm bảo phục vụ công tác đào tạo được diễn ra thuận lợi [H9.09.01.07].

Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học, giảng đường lớn, thư viện và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành QTKD. Hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị thư viện phục vụ CTĐT ngành QTKD của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của người học. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học qua các năm về cơ bản trên 90% mức độ đáp ứng tốt [H9.09.01.08].

### 2.Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ diện tích lớp học, đủ số phòng học hiện đại, giảng đường lớn, các phòng chức năng phù hợp, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH ngành thạc sĩ QTKD.

- Nhà trường đáp ứng trang thiết bị hiện đại theo yêu cầu của ngành thạc sĩ QTKD, phục vụ NCKH và thực hiện các đề tài, dự án, đáp ứng kịp thời việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi có yêu cầu.

### 3.Điểm tồn tại

Ngành thạc sĩ QTKD chưa có phòng sinh hoạt chuyên môn riêng để phục vụ công tác seminar, sinh hoạt học thuật. Hiện nay, ngành cơ bản sử dụng văn phòng khoa và phòng học nên đôi khi việc bố trí kế hoạch sinh hoạt chuyên môn còn chưa tiện lợi.

### 4.Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                      | Đơn vị, người thực hiện   | Thời gian thực hiện |            |
|----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------|------------|
|    |                   |                                                                                                                                                                               |                           | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Nhà trường cần quy hoạch và bổ sung thêm các phòng sinh hoạt chuyên môn cho GV, học viên ngành thạc sĩ QTKD nói riêng và các bộ môn/ngành trong trường Đại học Vinh nói chung | Phòng QT&ĐT<br>Phòng KHTC | Hàng năm            | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy          | Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo                                                                                                                                                | Phòng                     | Hàng                | Hàng       |

|  |              |                                                                      |                        |     |     |
|--|--------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------|-----|-----|
|  | điểm<br>mạnh | dưỡng trang thiết bị, phòng<br>học, giảng đường, phòng chức<br>năng. | QT&ĐT<br>Phòng<br>KHTC | năm | năm |
|--|--------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------|-----|-----|

### 5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

#### 1. Mô tả hiện trạng

Thư viện của phân hiệu Trường Đại học Sư phạm Vinh được thành lập năm 1959. Trong giai đoạn từ năm 1959 đến 1997, vốn tài liệu, trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế, phương thức hoạt động chủ yếu theo mô hình của thư viện truyền thống.

Năm 2001 cùng với sự kiện đổi tên trường, để đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường Đại học Vinh đa ngành, ngày 04 tháng 9 năm 2001, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số: 4947/QĐ-BGDĐT-TCCB thành lập Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện trên cơ sở đơn vị Thư viện và Xưởng in của trường.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Trường Đại học Vinh, để tỏ lòng tri ân cố Giáo sư Nhà Giáo Nhân dân Nguyễn Thúc Hào - vị Hiệu trưởng đầu tiên của Trường (1959-1973), Trường Đại học Vinh đã có Quyết định số 2327/TCCB ngày 08/10/2009 đổi tên Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện Trường Đại học Vinh thành Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào [H9.09.02.01].

Trung tâm Thông tin - Thư viện là tòa nhà 7 tầng có 3 cầu thang máy với diện tích sàn gần 9000 m<sup>2</sup>, sức chứa khoảng 1.800 bạn đọc. Toàn Thư viện có 8 phòng đọc, 6 phòng máy tính, 01 hội trường và 1 sảnh dùng chung tại tầng 1 [H9.09.02.01].

Các hoạt động tại Thư viện của Nhà trường đều đã được thể chế hóa bằng các quy định cụ thể [H9.09.02.02]. Ngoài ra, vào đầu năm học hàng năm, Thư viện đều tổ chức hướng dẫn sử dụng khai thác thông tin và sử dụng thư viện cho học viên cao học, SV chính quy vừa nhập học. Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực cho học sinh, sinh viên và học viên của Nhà trường trong việc khai thác thông tin và sử dụng thư viện có hiệu quả [H9.09.02.03].

Thư viện trường Đại học Vinh được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho sinh viên khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Thư viện được đầu tư các hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, với đầy đủ trang thiết bị và các phương tiện kỹ thuật như hệ thống mượn - trả tài liệu tự động 24/7; phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến, máy scan - số hóa, đầu kỹ thuật số, điều hòa, hệ thống máy chiếu, máy photocopy, máy vi tính, màn hình ti vi đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học ngành QTKD nói riêng và trường Đại học Vinh nói chung

[H9.09.02.04]. Công tác tổ chức phục vụ bạn đọc được thực hiện từ thứ 2 đến chủ nhật trong tuần từ 7h30 đến 21h30 nhằm phục vụ tốt chương trình đào tạo tiếp cận theo CDIO, đáp ứng nhu cầu về học liệu, nguồn thông tin khoa học của cán bộ, giảng viên và người học [H9.09.02.02].

Cùng với các đơn vị khác trong toàn trường, hằng năm tại trung tâm Thư viện tổ chức kiểm kê tài sản và cơ sở vật chất. Đây là hoạt động thường xuyên nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của Nhà trường [H9.09.02.04]. Căn cứ vào hoạt động kiểm kê, Nhà trường thực hiện đầu tư nâng cấp và bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cơ sở vật chất của các đơn vị [H9.09.02.05].

Thư viện trường cung cấp tương đối đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và học viên ngành QTKD nói riêng và Trường Kinh tế nói chung. Tính đến tháng 06/2022, về tài liệu truyền thống, thư viện có trên 15.000 tên tài liệu với hơn 160.000 cuốn phục vụ cho các ngành đào tạo trong trường, bao gồm luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu khoa học, tài liệu tham khảo và giáo trình. Trong đó, danh sách học liệu phục vụ đào tạo ngành thạc sĩ QTKD được đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học cho giáo viên và sinh viên. Các đầu sách của thư viện đảm bảo theo đề cương chi tiết học phần ngành thạc sĩ QTKD [H9.09.02.06]. Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm thư viện tiến hành lập kế hoạch, dự toán, hoá đơn và thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện (sách, báo, tạp chí, tài liệu...) [H9.09.02.07]. Các nguồn tài liệu, giáo trình phục vụ đào tạo của Nhà trường ở trong thư viện đều đảm bảo tính pháp lý và bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ [H9.09.02.08].

Công tác bổ sung giáo trình, học liệu được tiến hành thường xuyên, khoa học theo đúng quy trình bổ sung học liệu của nhà trường. Các đầu sách của Thư viện được bổ sung căn cứ theo danh mục học liệu có trong ĐCCT các học phần của các ngành đào tạo. Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm Thư viện bổ sung cập nhật nguồn tài liệu mới nhằm đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học [H9.09.02.08]. Nguồn học liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện Kipos. Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học phục vụ tốt CTĐT, Thư viện đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến online và thư viện số giúp giảng viên và người học có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các cơ sở giáo dục khác như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh... [H9.09.02.9].

Hàng năm, Nhà trường theo dõi các hoạt động của thư viện qua các dữ liệu như thống kê số lượt bạn đọc tới thư viện, số lượt mượn tài liệu [H9.09.02.10]. Ngoài ra, Nhà trường còn thực hiện đánh giá hiệu quả các hoạt động của Thư viện qua Phiếu trưng cầu ý kiến bạn đọc và đánh giá phản hồi của người học, giáo viên và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. [H9.09.02.11]. Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp

ứng của thư viện đối với chương trình đào tạo ngành thạc sĩ QTKD cho thấy giảng viên và sinh viên ngành QTKD nói riêng và học viên Khoa QTKD nói chung hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học qua các năm cho thấy có hơn 90% người học đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của các sản phẩm và dịch vụ thông tin của thư viện là tốt và rất tốt; 84% người học đánh giá mức độ phù hợp và rất phù hợp của việc tổ chức các phòng đọc, kho sách hiện tại của Thư viện.

## 2. Điểm mạnh

- Thư viện của Trường hiện nay cơ bản đã có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên.

- Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước.

- Hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

## 3. Điểm tồn tại

Giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu đọc thêm của GV, HV ngành thạc sĩ QTKD chưa đa dạng và cập nhật.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị, người thực hiện  | Thời gian thực hiện |            |
|----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------|------------|
|    |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                          | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại  | Ngoài giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu dạy và học theo khung chương trình, thư viện nên cập nhật, bổ sung thêm các tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc thêm của người đọc.                                                                                                                                                                                          | Trung tâm TTTV Khoa QTKD | Hàng năm            | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiếp tục cập nhật ý kiến của giảng viên, người học để đáp ứng và cập nhật sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt sau mỗi lần rà soát chương trình đào tạo.</li> <li>Tiếp tục thực hiện các buổi hướng dẫn khai thác thông tin thư viện đến các sinh viên, giảng viên, đặc biệt sinh viên năm thứ nhất.</li> </ul> | Trung tâm TTTV Khoa QTKD | Hàng năm            | Hàng năm   |

## 5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

### 1. Mô tả hiện trạng

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm (TH-TN) được thành lập theo Quyết định số 706/QĐ-ĐHV ngày 04/4/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh trên cơ sở sát nhập các phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng, trại trong toàn trường. Có chức năng chính là phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cán bộ, giảng viên, học viên, sinh viên trong trường. Từ đó, Nhà trường đã ban hành các văn bản về quy chế tổ chức và hoạt động của riêng Trung tâm cũng như quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong toàn trường với Trung tâm thực hành thí nghiệm [H9.09.03.01]. Toàn bộ hệ thống phòng thí nghiệm thực hành được bố trí tại 05 tòa nhà, được quy hoạch và xây dựng đúng tiêu chuẩn phòng thực hành thí nghiệm của Bộ GD&ĐT [H9.09.03.02]. Hiện nay, toàn trung tâm THPTN có 86 phòng thực hành thí nghiệm được chia thành 8 nhóm ngành, diện tích bình quân phòng THPTN/người học là  $4,48\text{m}^2/\text{người}$  ( $34.382\text{m}^2/7.667$  người học) [H9.09.03.03].

Hệ thống phòng học máy tính của nhà trường đáp ứng yêu cầu của ngành QTKD Trong các phòng học máy tính, nhà trường trang bị hệ thống máy tính, hệ thống âm thanh, máy chiếu, màn chiếu điện, điều hòa phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên và người học. Hệ thống phòng học được quản lý sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lý, hết tần suất 9h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 40% vào hai ngày cuối tuần.. [H9.09.03.03].

Trung tâm THPTN là đơn vị có hệ thống tài sản và thiết bị phục vụ đào tạo lớn nhất Trường Đại học Vinh, do đó công tác quản lý tài sản rất được chú trọng. Năm 2017, được sự đồng ý của Nhà trường, Trung tâm đã xây dựng và ban hành quy trình quản lý tài sản, máy móc thiết bị tại Trung tâm THPTN. Ngoài ra còn ban hành quy định làm việc tại Phòng thí nghiệm và mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có bản nội quy cụ thể [H9.09.03.04].

Tại mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có bảng công khai tài sản, bên cạnh đó danh mục tài sản tại Trung tâm THPTN còn được công khai trên Website của đơn vị. Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện công tác rà soát và kiểm kê tài sản tại Trung tâm THPTN làm căn cứ để mua sắm bổ sung cho năm học sau [H9.09.03.05].

Bên cạnh đó, các thiết bị của trung tâm thực hành được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng hàng năm theo kế hoạch của nhà trường. Trung tâm THPTN có nhiệm vụ tổng hợp và đề nghị mua sắm tài sản, thiết bị vật tư phục vụ THPTN cũng như đề xuất sửa chữa và thanh lý các tài sản hàng năm tại đơn vị quản lý [H9.09.03.06].

Hiện nay, tại Trung tâm THPTN có 4 tổ chuyên môn, Ban Giám đốc gồm 3 cán bộ, có 28 cán bộ làm việc trực tiếp tại các phòng thí nghiệm, với phương châm 1 người phụ trách ít nhất 02 phòng thí nghiệm, thực hành và 02 học phần THPTN. Cán bộ phụ

trách phòng thực hành được phân công nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý việc sử dụng các trang thiết bị của trung tâm thực hành thí nghiệm. Nhiệm vụ và lịch làm việc cụ thể của từng cán bộ được cập nhật trên Website của đơn vị. Ngoài ra, tại mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có nhật ký ghi lại quá trình làm việc hàng ngày của cán bộ phụ trách và nhật ký sử dụng thiết bị đối với các thiết bị từ 15 triệu đồng trở lên. Tần suất sử dụng, thời gian hoạt động/không hoạt động, số giờ vận hành của phòng học máy tính được theo dõi trong sổ nhật ký phòng máy tính [H9.09.03.07].

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ công tác THPTN cũng như đáp ứng tốt về mặt trang thiết bị phục vụ THPTN, nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống cơ sở vật chất và phòng thí nghiệm, thực hành và công tác phục vụ đào tạo. Kết quả khảo sát hàng năm cho thấy các giảng viên, người học ngành QTKD cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học máy tính của Nhà trường. Các kỹ thuật viên hỗ trợ kịp thời cho công tác đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học [H9.09.03.08].

### 2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng học máy tính cơ bản đáp ứng nhu cầu đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của học viên cao học ngành QTKD. Việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị được đáp ứng kịp thời khi có yêu cầu.

### 3. Điểm tồn tại

Một số máy tính đã cũ ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng trong dạy và học của GV và SV.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                         | Đơn vị, người thực hiện                   | Thời gian thực hiện |            |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------|------------|
|    |                    |                                                                                  |                                           | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại  | Rà soát các máy tính đã cũ để đề xuất bổ sung, thay thế                          | Phòng KHTC, Phòng QT & ĐT.                | Hàng năm            | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phòng thực hành, thí nghiệm | Phòng KHTC, Phòng QT & ĐT Trung tâm THPTN | Hàng năm            | Hàng năm   |

### 5. Tự đánh giá: 5/7

**Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và**

## ***nghiên cứu***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Trung tâm CNTT được thành lập năm 2012 theo Quyết định số 300/QĐ-ĐHV ngày 29/3/2012 của Hiệu trưởng Trường đại học Vinh, với chức năng nhiệm vụ chính là quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin của Trường. Năm 2021, Trung tâm CNTT là một bộ phận của Viện Nghiên cứu và Đào tạo được thành lập với chức năng nhiệm vụ chính là quản lý và vận hành hệ thống công nghệ thông tin của Trường Đại học Vinh; Tổ chức đào tạo các trình độ theo hình thức trực tuyến, trực tuyến kết hợp trực tiếp. Đội ngũ cán bộ của Viện là những người đã được đào tạo chuyên sâu về CNTT và được phân công nhiệm vụ cụ thể phụ trách hệ thống CNTT toàn trường, đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt, đảm bảo các phần mềm quản lý được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu quản lý mới của Nhà trường [H9.09.04.01].

Nhà trường trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Trường hiện có gần 2.000 máy tính tại các phòng thực hành CNTT, có 08 phòng máy chuyên dụng đáp ứng tốt cho việc học ngoại ngữ và thi trắc nghiệm. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. Cán bộ của Nhà trường từ học vị Tiến sĩ trở lên được cấp máy tính xách tay để phục vụ công tác, hỗ trợ cho công việc giảng dạy và các công tác khác [H9.09.04.02].

Công tác tin học hóa trong các hoạt động của Nhà trường rất được chú trọng. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học, sử dụng các phần mềm quản lý để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của trường (quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác) và đáp ứng nhu cầu dạy học của giảng viên, sinh viên trong đổi mới phương pháp dạy học. Các hoạt động dạy học trực tuyến được áp dụng rộng rãi từ hệ chính quy, hệ tại chức; từ bậc đại học và sau đại học của Nhà trường. Công tác quản lý của trường thực hiện thông qua hệ thống thông tin tổng thể phần mềm Trí Nam; e-office, CMC, LMS; các lĩnh vực đều sử dụng các phần mềm quản lý để quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác. Cán bộ giảng viên giảng dạy ngành QTKD nói riêng và cán bộ toàn trường nói chung được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng là @vinhuni.edu.vn. Các hoạt động của nhà trường, được quản lý bằng hệ thống phần mềm một cách khoa học và hợp lý. Các dữ liệu về quản lý nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường đã và đang áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Nhà trường có hệ thống các phòng học trực tuyến gồm 16 phòng, chia 3 cụm có thể đáp ứng cho việc học tập đồng thời cho hơn 1.000 người học. Với hệ thống phòng học trực tuyến đảm bảo sự trao đổi

giao tiếp tốt giữa người dạy và người học và ở tất cả các bậc học được đào tạo của Trường. Nhà trường đang đưa và áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học như giảng viên đưa bài giảng, bài tập, chia nhóm, nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên phần mềm và người học tự tải về bài giảng, bài tập, nhiệm vụ nhóm/cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ và đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên để giảng viên đánh giá. Năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, hệ thống dạy - học trực tuyến cùng phần mềm dạy học Zoom và nền tảng quản lý học tập trực tuyến LMS đã phát huy hiệu quả, đảm bảo tiến độ, kế hoạch đào tạo trong tình hình đại dịch covid hoành hành [H9.09.04.03].

Tất cả hệ thống máy tính trong Nhà trường được nối mạng Internet, mạng Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Nhà trường cũng đã thực hiện triển khai tối ưu hoá hệ thống mạng máy tính toàn trường, lắp đặt camera tại các phòng thực hành thí nghiệm, giảng đường và KTX [H9.09.04.04].

Trường Đại học Vinh quản lý việc vận hành và bảo trì phòng máy tính cũng như cần bổ sung, nâng cấp các hệ thống phần cứng cũng như phần mềm của hệ thống CNTT qua sổ nhật ký làm việc tại các phòng thực hành, qua sổ theo dõi vận hành tại các hệ thống chuyên trách của trung tâm CNTT quản lý [H9.09.04.05].

Nhằm đáp ứng nhu cầu về hệ thống CNTT ngày càng cao của người học và cán bộ, Trường đại học Vinh không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng trang thiết bị CNTT cũng như hệ thống phần mềm qua từng năm học. Năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã thực hiện việc bảo dưỡng và nâng cấp cấu hình hệ thống mạng máy tính cũng như bảo trì, bảo dưỡng máy tính cá nhân và máy in của các đơn vị trong trường [H9.09.04.06].

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và người học về mức độ hài lòng đối với môi trường CNTT, qua đó có kế hoạch cải tiến hệ thống CNTT/môi trường trực tuyến nhằm cập nhật và nâng cấp thường xuyên. Kết quả khảo sát cho thấy, người học, giảng viên và các bên liên quan đều cho rằng hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH [H9.09.04.07].

## *2. Điểm mạnh*

Hệ thống CNTT của Nhà trường được trang bị đầy đủ, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của giảng viên và người học.

## *3. Điểm tồn tại*

- Tốc độ truy cập vào website và hệ thống dữ liệu của nhà trường có lúc còn chậm.
- Chất lượng mạng internet ở một số khu vực phòng học chưa tốt, ảnh hưởng tới hoạt động tương tác trực tuyến của giảng viên và người học.

## *4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện |            |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|------------|
|    |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                         | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu phương thức phân luồng, tổ chức lại quyền truy cập, sử dụng các nội dung của phần mềm để đảm bảo tốc độ truy cập vào dữ liệu, hạn chế tối đa tình trạng nghẽn mạng trong một số thời điểm.</li> <li>- Nâng cao chất lượng đường truyền internet tại hệ thống phòng học, đảm bảo tốc độ truy cập đồng đều ở tất cả các khu vực trong nhà trường.</li> </ul> | Trung tâm CNTT          | Hàng năm            | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống CNTT và hạ tầng CNTT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Trung tâm CNTT          | Hàng năm            | Hàng năm   |

#### 5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

##### 1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Vinh rất chú trọng tới các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho người học và cán bộ của Nhà trường. Điểm ghi nhận đầu tiên là ở công tác thiết kế và xây dựng nhà trường theo đúng tiêu chuẩn thiết kế trường đại học [H9.09.05.01]. Bên cạnh việc nghiêm túc thực hiện Nghị định của Chính phủ về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường, Nhà trường còn ban hành các văn bản riêng áp dụng theo đặc thù của Trường Đại học Vinh. Nhà trường đã tổ chức các cuộc tập huấn các biện pháp ứng phó khẩn cấp và ban hành các văn bản hướng dẫn và sử dụng các hệ thống thiết bị nhằm thực hiện ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn trường học. Đồng thời, trường thực hiện báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về các biện pháp ứng phó khẩn cấp. Nhà trường cũng thành lập Ban chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học, an toàn giao thông, lập kế hoạch và ban hành các công văn triển khai công tác an ninh trường học, tăng cường phòng, chống bạo lực học đường, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trên mạng máy tính [H9.09.05.02].

Trường đã bê tông hóa kiên cố hệ thống đường đi, sân trường giúp khuôn viên trường được thông thoáng, cảnh quan cây xanh được đầu tư chăm sóc và đảm bảo tốt về vệ sinh - môi trường. Kí túc xá cho người học được đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo qui định. Hành lang, khuôn viên giảng đường, nhà làm việc và KTX đều được thiết kế và xây dựng có khu vực cho người khuyết tật. Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch để cải tiến nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học [H9.09.05.03].

Trường có khuôn viên đẹp, có căng tin và nhà ăn phục vụ đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và văn hóa, văn nghệ của người học. Nhà trường có hệ thống sân chơi, phòng tập đa năng gồm 6 sân bóng chuyền, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, sinh viên với diện tích 35.000m<sup>2</sup> và nhà thi đấu với 1000 chỗ ngồi phục vụ cho các nhu cầu vui chơi giải trí và các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao của SV. Bên cạnh đó, Nhà trường có bố trí các nhà để xe và căn tin phục vụ cho người dạy và học ở các hướng rất thuận tiện. Nhằm tạo điều kiện cho người học, Nhà trường có 05 tòa KTX với đầy đủ các trang thiết bị bên trong. Hàng năm các trang thiết bị đều được rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng và bổ sung thay thế nhằm đảm bảo an toàn cho người ở hàng năm. Bên cạnh đó, nhà trường có đội ngũ nhân viên vệ sinh đảm bảo vệ sinh môi trường trong các giảng đường, khu vệ sinh, hội trường, đường bộ, bộ phận phục vụ và công ty dịch vụ vệ sinh thực hiện thường xuyên hàng ngày cho người dạy và học cảm thấy an toàn, thoải mái trong khuôn viên của trường. [H9.09.05.03].

Nhà trường có Trạm y tế đảm bảo tiêu chuẩn theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, được ban hành theo Quyết định số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Trạm y tế được đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị, nhân lực, đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời cho sinh viên khi gặp vấn đề về sức khỏe. Cán bộ và học viên ngành QTKD nói riêng và toàn trường nói chung có thể khám chữa bệnh định kỳ và được cấp phát thuốc tại Trạm y tế. Đây cũng là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, bệnh, tật học đường, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV và AIDS, các bệnh xã hội và các hoạt động khác về y tế trường học. Học viên ngành QTKD được triển khai việc khám sức khỏe định kỳ, được tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản [H9.09.05.04].

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được BGH quan tâm. Nhà trường có đơn vị cung cấp vệ sỹ chuyên nghiệp thường trực 24/24 giờ làm nhiệm vụ bảo vệ tại tất cả các cổng vào ra. Ngoài nhiệm vụ bảo vệ tài sản còn có chức năng hướng dẫn cho người học, cán bộ và người đến làm việc với Nhà trường

những vấn đề về an ninh trong trường học. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có các lực lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ chiến đấu (gồm 27 đồng chí, do Thành đội thành phố Vinh thành lập), Đội Thanh niên xung kích gồm các học viên, sinh viên của Trường. Hệ thống an toàn của Trường đạt qui định hiện hành. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường, trong Tòa nhà Công nghệ cao và trong các phòng thực hành thí nghiệm. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong Trường được bảo đảm, tạo tâm lý yên tâm cho người dạy và người học về một môi trường an toàn, an ninh đảm bảo [H9.09.05.05].

Nhà trường có Ban chỉ huy phòng chống bão lụt - phòng chống cháy nổ. Cán bộ các đơn vị được tập huấn PCCC, an toàn lao động, an toàn PTN, an toàn phóng xạ theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Hàng năm, Nhà trường còn thực hiện đúng các chế độ báo cáo về phân tích chất lượng môi trường của Nhà trường [H9.09.05.05].

Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CSVC và môi trường cảnh quan phục vụ người học. Báo cáo kết quả khảo sát về mức độ hài lòng từ các bên liên quan Trường luôn nhận được các phản hồi tích cực về tính phù hợp của môi trường, sức khỏe, an toàn. Với các ý kiến đóng góp, Nhà trường cũng đã thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng về môi trường và cảnh quan trong Nhà trường [H9.09.05.06].

## 2. Điểm mạnh

- Nhà trường có diện tích sử dụng, cơ sở hạ tầng được xây dựng theo qui định tiêu chuẩn xây dựng trường đại học hiện hành (TCVN: 3981-1985).

- Nhà trường có bộ phận vệ sĩ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho người học, có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường.

- Trạm y tế của Trường đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe cho GV và học viên ngành QTKD nói riêng và toàn trường nói chung.

## 3. Điểm tồn tại

Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe chưa riêng biệt hơn với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu  | Nội dung                                              | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện |            |
|----|-----------|-------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|------------|
|    |           |                                                       |                         | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục | Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức | Trạm y tế               | Hàng năm            | Hàng năm   |

|    |                             |                                                                                                                        |                                                   |             |             |
|----|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------|-------------|
|    | điểm<br>tồn tại             | khỏe cần lưu ý, riêng biệt hơn<br>với nhu cầu đặc thù của người<br>khuyết tật.                                         |                                                   |             |             |
| 2. | Phát<br>huy<br>điểm<br>mạnh | Tiếp tục thực hiện và triển<br>khai các tiêu chuẩn về môi<br>trường an ninh, trật tự, an toàn<br>và chăm sóc sức khỏe. | Trạm y tế,<br>Phòng QT &<br>ĐT, Phòng<br>CTCTHSSV | Hàng<br>năm | Hàng<br>năm |

5. Tự đánh giá: 5/7

### Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Điểm mạnh là Nhà trường đã đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập phục vụ CTĐT sau đại học ngành QTKD bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị. Thư viện và các nguồn học liệu, hệ thống CNTT, hạ tầng trực tuyến, phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp, được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa đã hình thành và xác định cụ thể các điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn nhằm hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động đào tạo và NCKH, đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học, đạt được các mục tiêu đề ra của Nhà trường nói chung và ngành QTKD nói riêng.

Điểm tồn tại: một số máy tính phục vụ cho dạy học chưa được thay thế kịp thời. Đồng thời, Nhà trường cần quan tâm đến việc bố trí các không gian sinh hoạt chuyên môn, seminar cho ngành QTKD.

## **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

### **Mở đầu**

Thương hiệu của Trường Đại học Vinh, của Khoa QTKD ngày nay cũng như sự tin tưởng của người học và của các bên liên quan khác đối với Nhà trường được xây dựng và duy trì thông qua các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng của Trường và của CTĐT. Các hoạt động này giúp đảm bảo rằng CTDH ngành QTKD được thiết kế, theo dõi thường xuyên và định kỳ rà soát, qua đó đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với CDR. Tất cả các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan thu nhận được đều được Khoa sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngành QTKD. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như thư viện, trung tâm Thực hành thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác cho CTDH luôn được đánh giá và cải tiến đã góp phần nâng cao chất lượng chương trình. Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng một hệ thống thu nhận phản hồi ý kiến của các bên liên quan và sử dụng các kết quả phản hồi này để cải tiến chất lượng chương trình và chất lượng Nhà trường.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh trong giai đoạn 2018 - 2023 đã tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, rà soát CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh phù hợp với CDR trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh, nhằm đảm bảo đúng trình tự, thủ tục rà soát, chỉnh sửa CTĐT của Thông tư 07/2015/TT - BGDDT, ngày 16/4/2015 về việc ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [H10.10.01.01]. CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QTKD đã được thực hiện khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan gồm các đối tượng là cán bộ quản lý của Đại học Vinh, giảng viên, đại diện đơn vị sử dụng lao động học viên cao học và cựu học viên cao học. Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó, các đơn vị chức năng (trong quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị) chịu trách nhiệm thu thập thông tin phản hồi từ các các bên liên quan, bao gồm cán bộ quản lý của Đại học Vinh, giảng viên, đại diện đơn vị sử dụng lao động học viên cao học và cựu học viên cao học. Trung tâm Đảm bảo chất lượng phối hợp với Phòng ĐTSĐH,... xây dựng KH tổng thể khảo sát các bên liên quan và triển khai đến các đơn vị đào tạo để thực hiện khảo sát các thông tin liên quan làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học [H10.10.01.02].

Nhà trường thực hiện khảo sát các bên liên quan khi xây dựng và phát triển Mục tiêu, CDR và CTDH thông qua phiếu khảo sát các bên liên quan; Lập kế hoạch,

xác định các đối tượng, dự toán kinh phí khảo sát, tổ chức thảo luận, xin ý kiến chuyên gia về các công việc cần làm để thu thập thông tin nhằm hoàn thiện CDR/CTDH; Tổ chức khảo sát thu thập thông tin; Tổ soạn thảo tập huấn cho cán bộ thực hiện khảo sát; Tổ chức khảo sát các bên liên quan [H10.10.01.03]. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến các bên liên quan, nhóm đã đề xuất điều chỉnh CTĐT [H10.10.01.04].

Phòng Đào tạo SDH có tiến hành khảo sát lấy ý kiến của HV cao học về các học phần được đào tạo theo từng học kỳ và về toàn khóa học. Sau khi HV tốt nghiệp, Trường có tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của người học, của GV, của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng, nội dung CTĐT và các điều kiện hỗ trợ hoạt động đào tạo [H10.10.01.05]. Các thông tin này là nguồn tham khảo quan trọng phục vụ cho việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

Bên cạnh đó, Khoa Quản trị kinh doanh còn thu thập thông tin thực hiện qua các cuộc hội thảo chuyên môn của khoa/viện, qua các cuộc hội thảo với chuyên gia, qua các cuộc tổ chức HV đi kiến tập, thực tập tại DN, qua phỏng vấn trực tiếp tại DN,...[H10.10.01.06].

## 2. Điểm mạnh

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi đảm bảo thu thập các dữ liệu cần thiết làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT. Cơ sở dữ liệu phản hồi được lựa chọn, xử lý làm căn cứ thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển CTĐT. Trường đã tổ chức thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, CTDH bằng nhiều hình thức khác nhau. Các thông tin phản hồi được Nhà trường, Khoa Quản trị kinh doanh phân tích lựa chọn để sử dụng trong xây dựng, điều chỉnh và phát triển chương trình tạo.

## 3. Điểm tồn tại

Ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng, nhà quản lý và các chuyên gia gắn với ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ tuy đã thực hiện nhưng chưa được thường xuyên.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                  | Đơn vị, người thực hiện                | Thời gian thực hiện |            |
|----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|------------|
|    |                   |                                                                                                                                                                                           |                                        | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1  | Khắc phục tồn tại | Nhà trường sẽ xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi hoạt động hiệu quả đảm bảo thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết, có tính khoa học, độ tin cậy làm căn cứ để phát triển CTDH. | Phòng Đào tạo Sau Đại học và Khoa QTKD | Hàng năm            |            |
| 2  | Phát              | Định kỳ tiến hành đánh giá lại                                                                                                                                                            | Phòng Đào                              | Hàng                |            |

|  |                     |                                                                                                       |                                    |     |  |
|--|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----|--|
|  | huy<br>điểm<br>mạnh | CTĐT và điều chỉnh nếu cần<br>thiết. Mở rộng các đối tượng<br>lấy ý kiến trong quá trình khảo<br>sát. | tạo Sau Đại<br>học và Khoa<br>QTKD | năm |  |
|--|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----|--|

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

#### 1. Mô tả hiện trạng

Theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, hoạt động thiết kế và phát triển CTĐT của Trường nói chung và trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh nói riêng trở thành một quá trình được chuẩn hóa từ tổ chức bộ máy, qui trình, thủ tục, hồ sơ. Theo đó, Trường đã ban hành hướng dẫn về thiết kế và phát triển CTĐT, hoàn toàn tuân thủ các quy định liên quan trong việc xây dựng mới và rà soát, đánh giá CTĐT hiện hữu đã có trong Thông tư 07; bao gồm: rà soát mục tiêu, CDR, cấu trúc CTĐT, đối sánh các CTĐT trong nước, quốc tế, thu thập và xử lý ý kiến của các bên liên quan. Cụ thể, các bước thực hiện thiết kế và phát triển chương trình dạy học, đánh giá, cải tiến như sau: Nhà trường đã ban hành văn bản về quy trình thiết kế và phát triển CTDH gồm 2 phần: (1) Quy trình thiết kế và (2) quy trình phát triển. Theo đó, quy trình thiết kế CTDH/CTĐT gồm 7 bước và quy trình phát triển CTDH gồm 5 bước.

(1) Quy trình xây dựng (quy trình thiết kế) CTDH/CTĐT gồm 7 bước như sau:

Bước 1: Thành lập nhóm xây dựng, nghiên cứu CTDH/CTĐT (mục tiêu, CDR, tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình....)

Bước 2: Xây dựng dự thảo CTDH/CTĐT lần 1

Bước 3: Triển khai khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan

Bước 4: Hoàn thiện CTDH/CTĐT lần thứ nhất

Bước 5: Tổ chức xây dựng CDR và đề cương chi tiết các học phần của Dự thảo CTDH/CTĐT lần thứ 2

Bước 6: Tổ chức hội thảo hoàn thiện Dự thảo CTDH/CTĐT lần thứ 2

Bước 7: Hoàn thiện phê duyệt và công bố CTDH/CTĐT.

(2) Quy trình phát triển CTDH/CTĐT gồm 5 bước sau:

Bước 1: Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTDH/CTĐT

Bước 2: Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTDH/CTĐT

Bước 3: Đánh giá và xây dựng đánh giá về tính hiệu quả của CTDH/CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với CDR và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...)

Bước 4: Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTDH/CTĐT và trình Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua

Bước 5: Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTDH/CTĐT và trình Hiệu trưởng ban hành CTDH/CTĐT sửa đổi, bổ sung [H10.10.02.01].

Trường đã thực hiện rà soát, đánh giá lại qui trình thiết kế và phát triển CTĐT năm 2018 và có sự cải tiến qui trình thiết kế và phát triển CTĐT, kèm theo hướng dẫn thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật và bổ sung CTĐT [H10.10.02.02].

Khoa QTKD tiến hành rà soát và chỉnh sửa CTĐT chuyên ngành QTKD trình độ thạc sĩ [H10.10.02.03].

Trong chu kỳ giai đoạn đánh giá, Khoa QTKD từ khi tiến hành đào tạo CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành QTKD đã thực hiện cải tiến CTDH, đã có những hiệu chỉnh, cập nhật liên tục theo yêu cầu của xã hội và có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước, trong đó, CTDH ngành QTKD được rà soát, đánh giá 1 lần vào các năm 2020 để có những cập nhật thay đổi như thay đổi số tín chỉ/học phần và cho toàn CTĐT, thay đổi một số học phần phù hợp [H10.10.02.04].

## 2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được Nhà trường thực hiện một cách bài bản, tiếp cận mô hình tiên tiến của thế giới (CDIO). CTDH được thiết lập, đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Nhà trường đã rất chú trọng và tập trung hướng dẫn, tập huấn xây dựng và đổi mới CTDH tiếp cận CDIO, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho phù hợp cho hoạt động giảng dạy.

## 3. Điểm tồn tại

Chưa lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                | Đơn vị, người thực hiện                | Thời gian thực hiện |            |
|----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|------------|
|    |                   |                                                                                                         |                                        | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Trường sẽ chú trọng việc lấy ý kiến các bên liên quan về dự thảo qui trình thiết kế và phát triển CTĐT. | Phòng Đào tạo Sau Đại học và Khoa QTKD | Hàng năm            |            |
| 2. | Phát huy          | Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học                                                        | Phòng Đào tạo Sau Đại học              | Hàng năm            |            |

|  |              |                                                                                                                                                                                                                                                                     |                  |  |  |
|--|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|--|
|  | điểm<br>mạnh | được Nhà trường thực hiện một cách bài bản, tiếp cận mô hình tiên tiến của thế giới (CDIO). CTDH được thiết lập, đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội. | học và Khoa QTKD |  |  |
|--|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|--|

*5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)*

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

*1. Mô tả hiện trạng*

Để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR, quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên. Theo quy định về công tác ĐBCL của trường, đối với CTĐT được phòng ĐTSĐH thực hiện khảo sát lấy ý kiến của học viên sau khi kết thúc học phần, trong đó có hoạt động dạy - học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Theo đó phòng ĐTSĐH đã tổ chức khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên, xử lý thống kê số liệu báo cáo gửi chủ nhiệm ngành QTKD theo dõi, kiểm tra và đánh giá [H10.10.03.01].

Trường Đại học Vinh đã ban hành quy định đào tạo trình độ thạc sĩ về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của HV, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của học viên trong tất cả các CTĐT đang triển khai để đảm bảo sự tương thích với CDR của CTĐT và của học phần... rất chặt chẽ, để trên cơ sở đó, có biện pháp khắc phục, cải tiến kịp thời [H10.10.03.02].

Bên cạnh công tác dạy và học là công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học viên. Trên đề cương chi tiết của mỗi học phần đều có ghi rõ phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học phần [H10.10.03.03]. Do đặc thù của ĐTSĐH, đa số học viên đều đã đi làm và tốt nghiệp ĐH có ý thức học và tư duy phản biện cao, GV đều là các GS, PGS, TS có uy tín. Do đó, các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV để đáp ứng mục tiêu học phần và CDR, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm... Để đánh giá kết quả học tập của học viên và GV luôn tuân thủ qui định về chất lượng đề thi, đáp án và các hình thức thi. Phòng ĐTSĐH đã xây dựng qui trình kiểm soát hoạt động khảo thí và đánh giá kết quả học tập của HV nhằm đáp

ứng CĐR [H10.10.03.04]. Trường đã thực hiện rà soát để ban hành Quy trình ĐBCL từ đầu vào đến đầu ra được Khoa QTKD quan tâm [H10.10.03.05]. Ngay từ đầu khóa học, học viên được phổ biến các nội dung nhằm giúp học viên chủ động nắm rõ các qui định trong quá trình học tập. phòng ĐHSĐH quản lý và theo dõi tiến độ học tập của học viên qua hệ thống phần mềm của trường, cuối mỗi khóa đều có hội đồng xét tốt nghiệp [H10.10.03.06]. Hàng năm, Khoa đã tiến hành đánh giá kết quả học tập để phân tích kết quả học tập của HV theo từng khóa. Từ báo cáo phân tích kết quả sẽ là một trong những cơ sở định lượng để Khoa rà soát đánh giá quá trình dạy, học và kết quả học tập của HV để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.07].

### 2. Điểm mạnh

Quy trình kiểm tra đánh giá quá trình dạy và học được ban hành và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

### 3. Điểm tồn tại

Chưa tổng hợp các đánh giá mức độ tương thích giữa hoạt động đánh giá kết quả học tập của HV với CĐR.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị, người thực hiện                | Thời gian thực hiện |            |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|------------|
|    |                    |                                                                                                                                                                                                                      |                                        | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại  | Từ năm học 2023 - 2024, Khoa QTKD chủ trương tổng hợp các đánh giá mức độ tương thích giữa hoạt động đánh giá kết quả học tập của học viên cao học với CĐR của các học phần để từ đó có biện pháp cải tiến kịp thời. | Phòng Đào tạo Sau Đại học và Khoa QTKD | Hàng năm            |            |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện Quy trình kiểm tra đánh giá quá trình dạy và học đảm bảo chất lượng và hiệu quả.                                                                                                                  | Phòng Đào tạo Sau Đại học và Khoa QTKD | Hàng năm            |            |

### 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

#### 1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động NCKH của các GV tham gia giảng dạy CTĐT trình độ ThS được Trường chú trọng, theo đó, mỗi GV của Trường tối thiểu mỗi năm phải có một công trình khoa học được công bố dưới dạng đề tài NCKH, bài báo khoa học, tham luận hội thảo... được qui đổi tối thiểu theo định mức giờ hoạt động NCKH [H10.10.04.01].

Trường đã tài trợ kinh phí để các GV chủ trì thực hiện các đề tài NCKH cấp trường, với yêu cầu đầu ra là các bài báo khoa học, hoàn thiện nội dung giảng dạy, đào tạo ThS QTKD [H10.10.04.02]. Trong giai đoạn 2020 – 2023, các GV giảng dạy CTĐT chuyên ngành QTKD trình độ ThS đã hoàn thành nhiều đề tài NCKH các cấp. Có thể kể: TS. Trần Quang Bách – chủ nhiệm đề tài cấp Bộ B2021 – TDV - 05, Liên kết trường đại học công lập ở Việt Nam - trong bối cảnh tự chủ (đã nghiệm thu), PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Phượng – Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ B2021 – TDV – 06, Phát triển chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam (đã nghiệm thu), Giáo trình Thống kê kinh tế (2021) – chủ biên TS. Trần Thị Thanh Thủy; TS. Nguyễn Thị Thuý Quỳnh, Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh (2021) – chủ biên TS. Nguyễn Thị Hạnh Duyên, Giáo trình Kinh tế vĩ mô nâng cao – Chủ biên PGS.TS. Lê Quốc Hội, Giáo trình Quản trị nhân lực (2022) – Chủ biên TS. Hồ Thị Diệu Ánh, Giáo trình Quản trị chiến lược (2017) – Chủ biên TS. Thái Thị Kim Oanh, Giáo trình Phân tích chính sách kinh tế - xã hội (2020) – Chủ biên TS. Thái Thị Kim Oanh, Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp (2017) – Chủ biên TS. Đặng Thành Cường [H10.10.04.03].

Kết quả nghiên cứu các đề tài nêu trên đã được sử dụng làm đề tài thảo luận trong các học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế, Kinh tế học quản lý, Quản trị nguồn nhân lực nâng cao, Quản trị chiến lược nâng cao, Lãnh đạo trong tổ chức, Kế toán cho các nhà quản trị...; đồng thời trở thành các hướng nghiên cứu đề xuất đối với luận văn ThS của các HV cao học [H10.10.04.04].

## 2. Điểm mạnh

Có các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học. Các kết quả NCKH được áp dụng trong các môn học CTĐT

## 3. Điểm tồn tại

Việc phổ biến, áp dụng kết quả NCKH cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của HV chưa được cập nhật kịp thời, chưa đồng bộ giữa các chuyên ngành, các khoa và giữa các GV.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu | Nội dung                     | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện |            |
|----|----------|------------------------------|-------------------------|---------------------|------------|
|    |          |                              |                         | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc     | Triển khai phổ biến, áp dụng | Phòng Đào               | Hàng                | Hàng       |

|    |                             |                                                                                                                         |                                                |             |             |
|----|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------|-------------|
|    | phục<br>điểm<br>tồn tại     | kết quả NCKH cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của HV chưa được cập nhật kịp thời, chưa đồng bộ. | tạo SDH,<br>Trung tâm<br>ĐBCL, Khoa<br>đào tạo | năm         | năm         |
| 2. | Phát<br>huy<br>điểm<br>mạnh | Tiếp tục triển khai các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học. Các kết quả NCKH được áp dụng trong các môn học CTĐT | Phòng Đào<br>tạo SDH,<br>Trung tâm<br>ĐBCL     | Hàng<br>năm | Hàng<br>năm |

### 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

#### 1. Mô tả hiện trạng

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ hoạt động dạy và học trình độ thạc sĩ tại Trường bao gồm thư viện, kết nối internet không dây (wifi) và các dịch vụ hỗ trợ khác. Thư viện Trường cung cấp các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế; các giáo trình, tài liệu học tập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; các luận văn thạc sĩ đã bảo vệ của các khóa... để đáp ứng nhu cầu tham khảo của học viên [H10.10.05.01]. Nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của GV và học viên sau đại học, Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác như Quy định về hoạt động ĐBCL chất lượng giáo dục, Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, các kế hoạch đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài, các quy trình ISO, Sổ tay Đảm bảo chất lượng, các Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, ... Từ đó, Thư viện đã ban hành quy trình khảo sát chất lượng dịch vụ và tiến hành khảo sát định kỳ hàng năm [H10.10.05.02].

Hàng năm, Nhà trường đều lập kế hoạch đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích thông qua kế hoạch năm học, kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học, kế hoạch khảo sát các bên liên quan và triển khai tới các đơn vị chức năng có liên quan để tiến hành thực hiện.

+ Thông qua việc lấy ý kiến NH, CB-GV-NV và các BLQ (thể hiện ở kế hoạch khảo sát và báo cáo dữ liệu về kết quả khảo sát các bên liên quan).

+ Phòng QT&ĐT thực hiện việc kiểm kê tài sản để đánh giá chất lượng các thiết bị và cơ sở vật chất có đáp ứng được yêu cầu

+ Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào cũng triển khai thống kê, tổng hợp đánh giá kết quả ý kiến bạn đọc để có phương án bổ sung học liệu và cải tiến hoạt động hỗ trợ cho người đọc.

+ Nhà trường còn thực hiện tự đánh giá các chương trình đào tạo theo kế hoạch và mời các Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục về đánh giá ngoài để kiểm định, đánh giá hệ thống chất lượng Nhà trường, trong báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài có đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ NH.

+ Phòng Thanh tra - Pháp chế hàng ngày giám sát, đánh giá các hoạt động dạy học và cơ sở vật chất phục vụ dạy học.

+ Ngoài ra, việc đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ còn được thực hiện bằng nhiều kênh khác nhau: tiếp nhận góp ý qua điện thoại, email, facebook, qua các cuộc họp giao ban

Sau khi tiếp nhận thông tin và các kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan, tất cả các đơn vị thực hiện các dịch vụ hỗ trợ như Thư viện, Trung tâm CNTT, Phòng CTSV-HSSV, Phòng ĐTSĐH, Phòng QT&ĐT, Đoàn Thanh niên, ... đều phải thực hiện cải tiến chất lượng các hoạt động dịch vụ hỗ trợ như nâng cấp cơ sở vật chất về hạ tầng công nghệ thông tin, bổ sung nguồn học liệu thư viện,...

Nhà trường đã thiết kế xây dựng mới với các trang bị các thiết bị thư viện hiện đại, các thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu của học viên, cụ thể: trong giai đoạn đánh giá Nhà trường đã cải tạo và phát triển thư viện hiện đại; trang bị các máy tính thực hành mới với; Các trang thiết bị được trang bị phù hợp với từng mảng nghiên cứu được Nhà trường triển khai và nghiệm thu theo đợt với nhiều mức kinh phí khác nhau [H10.10.05.03].

Các trang thiết bị của thực hành cũng thường xuyên được nhà trường kiểm kê định kỳ một năm một lần, đồng thời những thiết bị hư hỏng hoặc cần bảo trì, bảo dưỡng thì cũng được đội ngũ Nhà trường đến sửa chữa và khắc phục [H10.10.05.04]. Để các phòng thực hành đi vào hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả, từ phía Nhà trường đã có những buổi khảo sát về chất lượng phòng cháy chữa cháy trước khi đi vào hoạt động chính thức [H10.10.05.05].

Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường cũng được đầu tư khá khang trang và hiện đại, nhà trường tiếp tục bổ sung và nâng cấp các trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu, cũng như các công tác quản lý khác. Chất lượng của hoạt động CNTT phục vụ cho GV, người học và các hoạt động khác được khảo sát thường xuyên, hình thức khảo sát có thể là sử dụng phiếu khảo sát hoặc khảo sát online nhằm mục đích nâng cao chất lượng dịch vụ. Dịch vụ internet ngày càng được nâng cấp, thể hiện rõ ở tốc độ đăng nhập vào internet của người sử dụng, số lượng truy cập vào internet mỗi ngày khá cao. Hệ thống mạng internet được phân luồng rõ ràng, từ hệ thống mạng cung cấp cho các nhà lãnh đạo trường, hệ thống mạng

của GV và của học viên... Chất lượng dịch vụ này đã được thể hiện rõ trong bảng kết quả khảo sát sự hài lòng của học viên về chất lượng đường truyền internet và hệ thống công nghệ thông tin [H10.10.05.06].

### 2. Điểm mạnh

Trường có văn bản quy định về qui trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác; có thực hiện việc giám sát, đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác; có thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác.

### 3. Điểm tồn tại

Dữ liệu giám sát, đánh giá quá trình thực hiện hỗ trợ và tiện ích ĐTSĐH chưa được tập hợp theo hệ thống.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị, người thực hiện                | Thời gian thực hiện |            |
|----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|------------|
|    |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                        | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại  | Trong năm học 2022 - 2023, phòng ĐHSĐH và các phòng ban liên quan của nhà trường sẽ tăng cường cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích trên cơ sở kết quả giám sát, đánh giá; đồng thời tiến hành tập hợp dữ liệu khảo sát, đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ một cách có hệ thống, ưu tiên sử dụng CNTT và khảo sát trực tuyến. | Phòng Đào tạo Sau Đại học và Khoa QTKD | Hàng năm            |            |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện quy định về qui trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác; có thực hiện việc giám sát, đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác; có thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ                                          | Phòng Đào tạo Sau Đại học và Khoa QTKD | Hàng năm            |            |

|  |  |                                          |  |  |  |
|--|--|------------------------------------------|--|--|--|
|  |  | của Thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác. |  |  |  |
|--|--|------------------------------------------|--|--|--|

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn 2018 - 2022, Trường xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Theo đó, Trường đã ban hành qui định về công tác khảo sát và lấy ý kiến các bên liên quan, qui trình các bước thực hiện thu thập, xử lý sử dụng thông tin phản hồi để cải tiến nâng cao chất lượng các mặt hoạt động toàn trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan của Trường Đại học Vinh có tính hệ thống từ sự phân nhiệm đến quy trình, phương pháp, công cụ thu thập và xử lý kết quả đến việc phân tích đánh giá đến việc sử dụng kết quả để cải tiến chất lượng. Nhà trường có quy định về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm chính trong việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.01]. Đồng thời, nhà trường ban hành các văn bản quy định/hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.02]. Các hình thức khảo sát đa dạng và có tính hệ thống được thể hiện như: Khảo sát bằng phiếu hỏi giấy; Khảo sát trực tuyến qua phần mềm; trao đổi trực tiếp qua các cuộc họp giao ban, hội thảo, gặp mặt; các buổi đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Khoa, Trường tại các hội thảo hội nghị; ngày gặp mặt cựu học viên; các báo cáo tổng hợp tại các cuộc hội thảo, hội nghị với chuyên gia; Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng tại ngày hội việc làm; các báo cáo khảo sát tại các cuộc thực tập của học viên thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; các báo cáo tổng hợp của các diễn đàn của học viên,...

Nội dung và kết quả thực hiện các đợt khảo sát bao gồm:

- + Mục đích khảo sát: Khảo sát chuyên gia/nhà sử dụng lao động/sinh viên/cựu sinh viên với mục tiêu nâng cao chất lượng CTĐT.
- + Đối tượng khảo sát: Tham gia khảo sát là chuyên gia/nhà sử dụng lao động/sinh viên/cựu sinh viên, học viên cao học, phụ huynh, học sinh.
- + Phạm vi khảo sát: Nhà sử dụng lao động trong các DN, trường học,... chuyên gia trong từng lĩnh vực, sinh viên, học viên đang học và cựu sinh viên/học viên...
- + Phương thức khảo sát: Phiếu khảo sát đưa ra các câu hỏi dạng thang đo, câu hỏi ngắn, câu hỏi nhiều lựa chọn...
- + Công cụ khảo sát là: Phiếu giấy, phần mềm quản lý online, khảo sát qua điện thoại,... [H10.10.06.03].

Trên cơ sở hướng dẫn này, phòng ĐTSĐH đã phối hợp với các phòng ban liên quan của Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của

GV theo từng học kỳ; và sau khi khóa học kết thúc, tiến hành khảo sát ý kiến của cựu HV về việc làm và chất lượng khóa học, khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo Thạc sĩ, khảo sát ý kiến GV về CTĐT.

Kết quả tổng hợp qua các đợt khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan được gửi đến cho chủ nhiệm ngành, các đơn vị có liên quan để xem xét, làm cơ sở cho kế hoạch cải tiến chất lượng giảng dạy, và chất lượng đào tạo. Sau khi thực hiện các hoạt động khảo sát, Nhà trường đã xem xét, rà soát, đánh giá tính hiệu quả của cơ chế phản hồi từ việc tổ chức thực hiện đến hình thức, nội dung khảo sát nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy, có giá trị từ ý kiến đóng góp của các bên liên quan và thực hiện tiến hành tập hợp, xử lý, phân tích, tổng hợp và đánh giá sơ bộ trong các báo cáo về kết quả khảo sát

Một số kết quả đánh giá chính trong cơ chế phản hồi:

+ Đối với sinh viên/học viên và cựu sinh viên/cựu học viên: Tỷ lệ phản hồi là tương đối cao. Tuy nhiên, một bộ phận học viên chưa nhận thức đầy đủ về quyền lợi và trách nhiệm của việc tham gia đóng góp ý kiến để nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của Nhà Trường. Các câu trả lời đánh giá của một số học viên còn chung chung, chưa cụ thể.

+ Đối với các chuyên gia: Ý kiến của các nhà khoa học rất quan trọng đối với việc điều chỉnh chương trình đào tạo và mục tiêu của chương trình đào tạo. Tuy nhiên, số lượng các nhà khoa học tham gia lấy ý kiến khảo sát vẫn còn ít.

+ Đối với nhà sử dụng lao động: Ý kiến thu thập được từ phía nhà tuyển dụng có ý nghĩa rất lớn giúp cho Nhà trường trong việc điều chỉnh chương trình, nội dung đào tạo nhằm đáp ứng được các yêu cầu của nhà tuyển dụng. Tuy nhiên, số lượng nhà tuyển dụng tham gia vào các đợt khảo sát là không nhiều, tỷ lệ phản hồi không cao.

+ Đối với giảng viên: Các giảng viên đã thực hiện rất nghiêm túc khi được khảo sát. Ý kiến giảng viên giảng dạy cũng rất quan trọng trong việc điều chỉnh nội dung và chương trình giảng dạy [H10.10.06.04].

Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến đánh giá về cơ chế phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường, đã từng bước thực hiện điều chỉnh, cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan, thể hiện qua việc cải tiến từ sự phân nhiệm đến cải tiến quy trình, phương pháp, công cụ:

+ Về sự phân nhiệm, Việc phụ trách công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan trước đây do các đơn vị liên quan phụ trách xây dựng kế hoạch triển khai và thực hiện, hiện nay do trung tâm ĐBCL chủ trì và phân nhiệm lại cho các đơn vị trực tiếp thực hiện khảo sát [H10.10.06.05].

+ Về quy trình, Nhà trường ban hành quy trình khảo sát tạm thời [H10.10.06.06], do phòng CTCT&HSSV soạn thảo. Năm 2022, việc khảo sát các bên liên quan do Trung tâm ĐBCL chủ trì và phân nhiệm đến các đơn vị có liên quan. Nhà

trường cũng đã ban hành quy trình khảo sát tất cả các bên liên quan [H10.10.06.07], do Trung tâm ĐBCL soạn thảo.

+ Việc xây dựng phiếu khảo sát trước đây đều do các đơn vị có liên quan đảm nhiệm tùy theo đối tượng và mục đích khảo sát. Năm 2023, Nhà trường thành lập Ban xây dựng, tổ hỗ trợ xây dựng và nhóm chuyên trách xây dựng Bộ phiếu khảo sát các bên liên quan bao gồm Ban giám hiệu, trưởng các đơn vị có liên quan và các giảng viên có kinh nghiệm trong hoạt động giảng dạy.

+ Đối tượng khảo sát trước đây chủ yếu là sinh viên, sinh viên tốt nghiệp thì hiện nay, Đối tượng khảo sát là tất cả các bên liên quan bao gồm cả sinh viên và học viên cao học, sinh viên tốt nghiệp, cựu học viên cao học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác.

+ Công cụ khảo sát trước đây chủ yếu là phiếu giấy thì hiện nay việc khảo sát đã kết hợp phiếu giấy lẫn khảo sát trực tuyến, số lượng đối tượng khảo sát tăng lên, hoạt động lấy ý kiến khi rà soát, phát triển chương trình đào tạo đã được thực hiện với sự tham gia của nhiều bên liên quan hơn, số cuộc khảo sát qua các năm tăng lên để đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng.

+ Mẫu phiếu và câu hỏi khảo sát cũng thay đổi định kỳ cho phù hợp với mục tiêu khảo sát và kết hợp nhiều hình thức lấy ý kiến, trong đó tăng cường các hình thức hội nghị trực tuyến, khảo sát trực tuyến... [H10.10.06.08].

## 2. Điểm mạnh

Có quy định cụ thể về cơ chế phản hồi của các bên liên quan. Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng qui trình

## 3. Điểm tồn tại

Chưa đo lường độ tin cậy của các công cụ sử dụng, chưa đối sánh được ý kiến của các bên liên quan.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị, người thực hiện                | Thời gian thực hiện |            |
|----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|------------|
|    |                   |                                                                                                                                                                                                              |                                        | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Phòng ĐTSĐH tiến hành đối sánh ý kiến các bên liên quan về chất lượng khóa học; đo lường độ tin cậy của các công cụ sử dụng; đồng thời đánh giá và cải tiến cơ chế tiếp nhận phản hồi của các bên liên quan. | Phòng Đào tạo Sau Đại học và Khoa QTKD | Hàng năm            |            |

|    |                    |                                                                                                                                                      |                                        |          |  |
|----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------|--|
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan. Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng qui trình | Phòng Đào tạo Sau Đại học và Khoa QTKD | Hàng năm |  |
|----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------|--|

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 10**

Trường Đại học Vinh và Khoa QTKD đã làm đúng theo qui định, qui trình thủ tục trong việc nâng cao chất lượng đào tạo:

- Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến theo nhu cầu xã hội tuy nhiên sẽ hiệu quả hơn trong những năm tới

- Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR: Khoa QTKD đã chủ động, phát huy tính sáng tạo, phát triển các kỹ năng cần có cho người học, trong thời gian tới Khoa QTKD sẽ có qui trình cụ thể chi tiết hơn

- Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học: công tác này Khoa QTKD đã làm khá tốt và sẽ tốt hơn trong năm tới.

+ *Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

- Kênh thu thập thông tin phản hồi từ người học chưa đa dạng; Chưa lấy ý kiến phản hồi của GV và các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT.

- Chưa tổng hợp các đánh giá mức độ tương thích giữa hoạt động đánh giá kết quả học tập của HV với CDR.

- Việc phổ biến, áp dụng kết quả NCKH cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của HV chưa được cập nhật kịp thời, chưa đồng bộ giữa các bộ môn và giữa các GV.

- Dữ liệu giám sát, đánh giá quá trình thực hiện hỗ trợ và tiện ích ĐTSĐH chưa được tập hợp theo hệ thống.

- Chưa đo lường độ tin cậy của các công cụ sử dụng, chưa đối sánh được ý kiến của các bên liên quan.

## Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

### Mở đầu

Kết quả đầu ra là thước đo phản ánh chất lượng đào tạo của Khoa QTKD nói riêng và của thương hiệu Trường Đại học Vinh nói chung. Vì vậy, Nhà trường và Khoa xây dựng hệ thống giám sát việc đạt được các chuẩn đầu ra, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của HV sau khi tốt nghiệp hằng năm của HV. Nhà trường và Khoa cũng đã xây dựng hệ thống quản lý thông tin quá trình đào tạo, phân tích, thống kê và đo lường sự hài lòng của HV, GV và các bên liên quan, làm cơ sở đảm bảo và nâng cao chất lượng mọi hoạt động.

Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

#### 1. Mô tả hiện trạng

Hằng năm, căn cứ quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của trường Đại học Vinh [H11.11.01.01], Phòng Đào tạo SDH thống kê số lượng người học thôi học và tốt nghiệp đây là cơ sở để xác lập tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của Khoa QTKD theo khóa nhập học. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm. Phòng Sau đại học (SDH) là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của người học [H11.11.01.02], cụ thể như sau:

**Bảng 11.1. Tỉ lệ người học tốt nghiệp, thôi học theo các khóa học từ năm 2020 - 2023 ngành Quản trị kinh doanh**

| Khóa      | Số lượng nhập học | Số học viên đến thời điểm tốt nghiệp | Số lượng tốt nghiệp | Tỉ lệ tốt nghiệp (%) | Học viên thôi học |           |
|-----------|-------------------|--------------------------------------|---------------------|----------------------|-------------------|-----------|
|           |                   |                                      |                     |                      | Số lượng          | Tỉ lệ (%) |
| 2020-2022 | 20                | 20                                   | 20                  | 100                  | 0                 | 0         |
| 2021-2023 | 34                | 33                                   | 33                  | 97,06                | 1                 | 2,94      |
| 2022-2024 | 46                |                                      |                     |                      | 4                 | 8,7       |
| 2023-2025 | 22                |                                      |                     |                      | 1                 | 4,5       |

Nguồn: Phòng ĐT SDH

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Kinh tế được Trường Đại học Vinh cho phép đào tạo trình độ Thạc sĩ Quản trị kinh doanh theo Quyết định Số 2476/QĐ-ĐHV ngày 18/9/2020. Được thành lập và tuyển sinh từ khoá 2020-2022 nên số liệu thống kê số lượng người học thôi học, gia hạn của khóa 28 (2020-2022), khóa 29 (2021 - 2023) là chính thức, còn các khóa 30, 31 là số liệu tạm thời do học viên đang trong thời gian đào tạo 2 năm theo Quy chế đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Vinh [H11.11.01.01],

điều này phù hợp với Quy chế đào tạo thạc sĩ được ban hành kèm theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT. Tỷ lệ thôi học của Khoa QTKD khóa 28 (2020-2022) là 0%, khóa 29 (2021 - 2023), là 2,94%. Khóa 30, 31 tỷ lệ người học thôi học tính đến thời điểm hiện tại của khóa 30 là 8,7% và khóa 31 là 4,5%.

Tỷ lệ người học tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành QTKD khóa 28 là 100%, khóa 29 là 97,06%, tỷ lệ tốt nghiệp trung bình 2 khóa là 98,53%.

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được đánh giá, phân tích, giám sát. Việc giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được thực hiện thông qua quy trình quản lý đào tạo theo từng khóa học, từng năm học giúp nhà trường và Khoa đánh giá, phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp [H11.11.01.03].

Tỷ lệ người học thôi học trong đào tạo trình độ thạc sĩ QTKD ở mức từ 0 - 8,7%, có mức trung bình là 4,04%. Nhà trường đã tiến hành phân tích, tìm hiểu nguyên nhân người học thôi học là do công việc quá bận không thể sắp xếp thời gian để tiếp tục học và hoàn thành chương trình học theo quy định.

Tỷ lệ tốt nghiệp Khoa QTKD không có nhiều thay đổi; tỷ lệ tốt nghiệp trung bình 2 khóa (khóa 28 và 29) của Khoa QTKD ở mức cao là 98,53%. Kết quả này đến từ thực tế đội ngũ giảng viên của Khoa được đánh giá có chuyên môn tốt, tận tâm, luôn theo sát và hỗ trợ kịp thời quá trình học tập của người học.

Hàng năm, nhà trường đều tiến hành đối sánh về tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT thông qua các báo cáo tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp của Phòng Đào tạo SDH [H11.11.01.03]; đồng thời đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp ngành QTKD với các ngành gần chuyên môn khác của Trường Kinh tế [H11.11.01.04]. Kết quả đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp trong những năm gần đây giữa ngành QTKD với các ngành gần chuyên môn khác trong Trường được thể hiện qua các bảng số liệu sau:

**Bảng 11.2: Đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế, Kinh tế chính trị Trường Kinh tế**

| Ngành               | Tỷ lệ người học tốt nghiệp |           |            |
|---------------------|----------------------------|-----------|------------|
|                     | 2020-2022                  | 2021-2023 | Trung bình |
| Quản trị kinh doanh | 100%                       | 97,06%    | 98,53%     |
| Quản lý kinh tế     | 94,65%                     | 93,33%    | 94%        |
| Kinh tế chính trị   | 92,31%                     | 100%      | 96,1%      |

*Nguồn: Phòng Đào tạo SDH*

Có thể thấy, tỷ lệ người học tốt nghiệp của ngành QTKD là cao. Tỷ lệ người học tốt nghiệp của ngành QTKD ở mức cao hơn ngành Quản lý kinh tế và ngành Kinh tế chính trị xét trung bình trong 2 khóa 28, 29 của Nhà trường.

**Bảng 11.3: Đối sánh tỷ lệ người học thôi học các ngành tại trường Kinh tế**

| TT | Năm       | QTKD | QLKT  | KTCT  |
|----|-----------|------|-------|-------|
| 1  | 2020-2022 | 0%   | 5,35% | 7,69% |

|                   |           |              |              |              |
|-------------------|-----------|--------------|--------------|--------------|
| 2                 | 2021-2023 | 2,94%        | 6,67%        | 0%           |
| <b>Trung bình</b> |           | <b>1,47%</b> | <b>6,01%</b> | <b>3,85%</b> |

*Nguồn: Phòng Đào tạo SDH*

Tỉ lệ người học thôi học trung bình theo các khoá 28 (2020 - 2022) đến khoá 29 (2021 - 2023) của ngành QTKD (1,47%) thấp hơn ngành QLKT (6,01%) và thấp hơn ngành KTCT (3,85%).

Khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tổng kết đánh giá, phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan người học thôi học, chậm tốt nghiệp giai đoạn 2020 - 2023 và đề xuất các giải pháp khắc phục [H11.11.01.03]. Kết quả tổng hợp, đối sánh, phân tích về tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được nhà trường nghiên cứu, xây dựng giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp. Giải pháp đặt ra là nâng cao chất lượng của công tác giáo viên chủ nhiệm chuyên ngành và trợ lý đào tạo [H11.11.01.05]. Theo đó, giáo viên chủ nhiệm chuyên ngành sẽ tìm hiểu nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp; hướng dẫn người học lập kế hoạch, xây dựng lộ trình học tập hợp lý, nhanh chóng hoàn thành Chương trình đào tạo [H11.11.01.05]. Tuy hoạt động của giáo viên chủ nhiệm chuyên ngành đã mang lại hiệu quả tích cực, góp phần nâng cao chất lượng học tập của người học, giảm tỉ lệ thôi học và tăng tỉ lệ tốt nghiệp của người học nhưng vẫn còn một số học viên do không sắp xếp được công việc nên chưa tốt nghiệp đúng hạn, dẫn đến tăng tỷ lệ tốt nghiệp trễ hạn của của khoa.

## *2. Điểm mạnh*

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học Trường Kinh tế nói chung, của Khoa QTKD nói riêng được xác lập, giám sát và đối sánh. Đây là cơ sở quan trọng để Khoa QTKD và nhà trường xây dựng các giải pháp giúp giảm tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn.

## *3. Điểm tồn tại*

Còn một số người học ngành QTKD chưa sắp xếp được công việc nên vẫn còn những học viên thôi học và một số chưa tốt nghiệp đúng hạn, dẫn đến tăng tỷ lệ tốt nghiệp trễ hạn của của ngành. Nhà trường chưa thực hiện đối sánh với các trường trong và ngoài nước có đào tạo về ngành QTKD.

## *4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                               | Đơn vị thực hiện     | Thời gian thực hiện           |
|----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | Nhà trường giao Phòng Đào tạo SDH và khoa QTKD lên lịch học sớm để người học sắp xếp công việc tham gia học đầy đủ. Giáo viên chủ nhiệm chuyên ngành và giáo viên hướng dẫn đốc thúc người học để hoàn | Phòng SDH, Khoa QTKD | Học kỳ II năm học 2023 - 2024 |

|   |                    |                                                                                |                      |                               |
|---|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------|
|   |                    | thành việc học đúng hạn                                                        |                      |                               |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Thực hiện đối sánh với các trường trong và ngoài nước có đào tạo về ngành QTKD | Phòng SDH, Khoa QTKD | Học kỳ II năm học 2022 - 2023 |

*5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí, mức 5/7*

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Thời gian đào tạo của ngành QTKD được công bố trong bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ của ngành là 2 năm và tối đa không quá 4 năm [H11.11.02.01] theo quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Vinh [H11.11.02.02]. Phòng Đào tạo SDH là đầu mối giám sát thời gian tốt nghiệp của người học toàn trường nói chung cũng như người học ngành QTKD nói riêng. Để đảm bảo thời gian tốt nghiệp đúng hạn cho học viên, Nhà trường và khoa có các hoạt động hỗ trợ người học thông qua thành lập Ban cán sự lớp, chủ nhiệm chuyên ngành, ban hành chế độ học bổng đối với học viên và khen thưởng cho học viên có thành tích xuất sắc trong học tập [H11.11.02.03].

Hằng năm, trường tổ chức các đợt xét tốt nghiệp cho người học đủ điều kiện tốt nghiệp [H11.11.02.04]. Nhà trường ứng dụng CNTT thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để quản lý đồng bộ và lưu trữ CSDL về người học [H11.11.02.05]. CSDL bao gồm số liệu thống kê về các lớp học viên, số lượng và tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp nhằm tăng tính chính xác cũng như thuận tiện trong xử lý dữ liệu, giúp thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của toàn trường, trong đó có ngành QTKD. Kết quả thống kê cụ thể như sau:

**Bảng 11.4: Thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình ngành QTKD**

| Khóa NH   | Số liệu người học nhập học | Số liệu người học tốt nghiệp | Tỉ lệ người học tốt nghiệp (%) | Thời gian tốt nghiệp theo thiết kế CTĐT (năm) | Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm) |
|-----------|----------------------------|------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------|
| 2020-2022 | 20                         | 20                           | 100                            | 2                                             | 1,95                                  |
| 2021-2023 | 34                         | 33                           | 97,06                          | 2                                             | 2,04                                  |

*Nguồn: Phòng Đào tạo SDH*

Số liệu thống kê cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học ngành QTKD tiệm cận với thời gian tốt nghiệp đúng hạn, khoá 28 (2020-2022) thời gian tốt nghiệp trung bình của người học là 1,95 năm do năm này là năm đầu tiên Nhà trường

mở ngành QTKD và chỉ tuyển đợt 2 vào tháng 10 năm 2020. Thống kê về tỉ lệ tốt nghiệp trước hạn và trễ hạn của người học ngành QTKD được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 11.5: Tỉ lệ tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn và trễ hạn của người học ngành QTKD**

| Khóa      | Số lượng nhập học | Số lượng tốt nghiệp | Tỷ lệ tốt nghiệp (%) | Tỷ lệ NHTN (%) |          |         |
|-----------|-------------------|---------------------|----------------------|----------------|----------|---------|
|           |                   |                     |                      | Trước hạn      | Đúng hạn | Trễ hạn |
| 2020-2022 | 20                | 20                  | 100                  | 0              | 100      | 0       |
| 2021-2023 | 34                | 33                  | 97,06                | 0              | 100      | 0       |

*Nguồn: Phòng Đào tạo SDH*

Về tốt nghiệp trước hạn, từ khoá đầu tiên đến nay, khoa QTKD với 2 khóa đã có người học tốt nghiệp thì không có người học nào tốt nghiệp trước hạn. Tỉ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn ở cả 2 khóa đều là 100%, số trễ hạn chiếm 0%; tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn được đảm bảo theo quy định về thời gian đào tạo [H11.11.02.01], [H11.11.02.02].

Nhà trường nói chung và Khoa QTKD nói riêng đã tìm hiểu, phân tích nguyên nhân và đề xuất các biện pháp hỗ trợ người học giảm tối đa thời lượng học tập. Để giúp người học giảm tối đa thời lượng học tập, nhà trường thông qua Phòng SDH, khoa QTKD phổ biến đầy đủ đến người học các văn bản về CTĐT, CDR; kế hoạch đào tạo và lịch học GVCN, lịch học, lịch thi và xét tốt nghiệp của năm học; quy định làm luận văn tốt nghiệp; thông báo CDR đối với người học trong các buổi gặp mặt đầu khóa và trên website trường, trong Quy định về tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ Trường ĐH Vinh [H11.11.02.06].

Bên cạnh việc thống kê tỷ lệ người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn và trễ hạn, nhà trường cũng tiến hành thống kê, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành QTKD với các ngành khác trong trường, cụ thể như sau:

**Bảng 11.6: Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành Quản trị kinh doanh với các ngành khác trong Trường**

| Năm         | Ngành QTKD (năm) | Ngành QLKT (năm) | Ngành KTCT (năm) |
|-------------|------------------|------------------|------------------|
| 2020 - 2022 | 2                | 2,05             | 2                |
| 2021-2023   | 2,04             | 2,1              | 2,1              |
| <b>TB</b>   | <b>2,02</b>      | <b>2,08</b>      | <b>2,05</b>      |

*Nguồn: Phòng Đào tạo SDH*

Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành QTKD biến động từ 2,0 đến 2,04 năm theo từng khóa học. Qua bảng thống kê có thể thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học ngành QTKD với các ngành khác là khá tương đồng.

Khoa và Trường có tổ chức tổng kết/đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Hằng năm, khoa có tổng kết tỷ lệ thôi học, chậm tốt nghiệp và phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp, từ đó đề xuất giải pháp nhằm giảm tỉ lệ người học thôi học, tăng tỉ lệ người học tốt nghiệp và tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.02.07]. Trong đó, giải pháp hỗ trợ hiệu quả nhất đến từ công tác giáo viên chủ nhiệm chuyên ngành, cụ thể giáo viên chủ nhiệm chuyên ngành thường xuyên theo dõi, thông báo đến những người học trễ hạn tốt nghiệp, tư vấn, hướng dẫn cụ thể tiến trình học tập, phương pháp học, hỗ trợ đăng ký học. Vì vậy, những trường hợp người học gặp khó khăn trong học tập được kịp thời phát hiện, góp phần làm giảm tỉ lệ tốt nghiệp chậm tiến độ, nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học [H11.11.02.03].

### 2. Điểm mạnh

Phần mềm quản lý đào tạo đã được Trường xây dựng, phát triển trong nhiều năm, đã được ứng dụng hiệu quả trong việc xác lập, giám sát và đối sánh dữ liệu thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.

### 3. Điểm tồn tại

Trường chưa tiến hành đối sánh chỉ số thời gian tốt nghiệp trung bình với cùng chuyên ngành hay cận chuyên ngành của các trường đại học khác trong nước và nước ngoài để có thêm căn cứ cải tiến chất lượng của ngành QTKD nói riêng và của Trường Kinh tế nói chung.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị thực hiện                  | Thời gian thực hiện           |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Tiến hành đối sánh chỉ số thời gian tốt nghiệp trung bình với cùng chuyên ngành của các trường đại học khác trong nước và nước ngoài để có thêm căn cứ cải tiến chất lượng                                                        | Phòng ĐT SDH, Khoa QTKD           | Học kỳ II năm học 2023 – 2024 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục phát huy hiệu quả phần mềm quản lý đào tạo đã được Trường xây dựng, phát triển trong nhiều năm, đã được ứng dụng hiệu quả trong việc xác lập, giám sát và đối sánh dữ liệu thời gian tốt nghiệp trung bình của người học | Phòng Đào tạo SDH, Phòng CTCTHSSV | Hằng năm                      |

### 5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí, mức 5/7.

Tiêu chí 11.3. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

### 1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy trình khảo sát, thống kê người học tốt nghiệp có việc làm, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác trong thời gian đánh giá. Trung tâm Dịch vụ, hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp là đơn vị chịu trách nhiệm chính, phối hợp với Phòng ĐT SDH và Khoa QTKD tiến hành điều tra tình hình người học có việc làm sau tốt nghiệp [H11.11.03.01].

Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy trình khảo sát việc làm của người học sau khi tốt nghiệp bao gồm: 1) Xây dựng mẫu phiếu khảo sát; 2) Lập danh sách người học cần khảo sát; 3) Gửi phiếu khảo sát; 4) Nhận phiếu trả lời, xử lý số liệu; 5) Lập báo cáo [H11.11.03.02].

Đặc thù của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ nói chung và thạc sĩ chuyên ngành QTKD nói riêng là hầu hết học viên là những người đã có việc làm. Do đó mối quan tâm của nhiều học viên là nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác hoặc thăng tiến, chuyển đổi vị trí công tác sau khi tốt nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy, sau khi tốt nghiệp hầu hết học viên đều có việc làm (đối với những học viên trước khi đi học thạc sĩ chưa có việc làm) [H11.11.03.02].

Thu nhập bình quân/tháng của người học tốt nghiệp ngành QTKD ở mức cao (trung bình 14 triệu đồng) và tăng đều qua các năm do nhu cầu về nguồn nhân lực ngành này ngày càng cao nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế; đồng thời, đa phần người học được khảo sát đều hài lòng về công việc và thu nhập của bản thân. Kết quả này thể hiện sự chăm chỉ, năng động của người học tốt nghiệp ngành QTKD cũng như những kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học được trang bị tại Trường Kinh tế có tính ứng dụng cao, gắn liền với nhu cầu xã hội [H11.11.03.02].

Về khu vực làm việc của người học tốt nghiệp ngành QTKD (có việc làm/phản hồi) được khảo sát có kết quả như sau:

**Bảng 11.7: Khu vực làm việc của người học ngành QTKD**

| TT | Năm  | Khu vực làm việc |       |         |       |           |       |              |       |
|----|------|------------------|-------|---------|-------|-----------|-------|--------------|-------|
|    |      | Nhà nước         |       | Tư nhân |       | Tự tạo VL |       | Có yếu tố NN |       |
|    |      | SL               | Tỷ lệ | SL      | Tỷ lệ | SL        | Tỷ lệ | SL           | Tỷ lệ |
| 1  | 2022 |                  |       |         |       |           |       |              |       |
| 2  | 2023 |                  |       |         |       |           |       |              |       |

*Nguồn: Kết quả khảo sát*

Có thể thấy người học sau khi tốt nghiệp thạc sĩ ngành QTKD làm việc ở khu vực nhà nước, khu vực tư nhân, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tự tạo việc làm. Trong đó NHTN ngành QTKD làm việc ở khu vực nhà nước (trung bình .....%), khu vực tư nhân (trung bình .....%), khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (trung bình .....%) và tự tạo việc làm (trung bình.....%). Tỷ lệ về khu vực

làm việc của người học tốt nghiệp ngành QTKD gần như không có sự dịch chuyển từ năm 2022 đến năm 2023.

Nhà trường đã tiến hành đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của ngành QTKD với các ngành cùng đào tạo trình độ thạc sĩ trong Nhà trường (có việc làm/phản hồi) [H11.11.03.02], kết quả như sau:

**Bảng 11.8: Đối sánh tỉ lệ có việc làm việc của người học ngành QTKD với các ngành khác trong trường**

| TT | Ngành | Tỉ lệ NHTN có việc làm |          |
|----|-------|------------------------|----------|
|    |       | Năm 2022               | Năm 2023 |
| 1  | QTKD  |                        |          |
| 2  | QLKT  |                        |          |
| 3  | KTCT  |                        |          |

*Nguồn: Kết quả khảo sát*

Kết quả khảo sát và đối sánh cho thấy, tỷ lệ người học tốt nghiệp ngành QTKD có việc làm đúng ngành đào tạo ở mức rất cao (trung bình .....%) tương đương với các ngành khác cùng đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường.

Việc đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm đã được thực hiện giữa khoa QTKD với các khoa khác có đào tạo trình độ thạc sĩ trong Trường. Tuy nhiên, nhà trường chưa thực hiện đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm với các trường đại học trong nước và ngoài nước.

## 2. Điểm mạnh

Tỉ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo sau tốt nghiệp là cao, người học làm tốt công việc được giao, hài lòng về mức thu nhập và mức thu nhập khá cao so với xã hội.

## 3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm chưa được thực hiện với các trường đại học trong và ngoài nước.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị thực hiện     | Thời gian thực hiện           |
|----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | Tiến hành đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm giữa CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QTKD của trường với các chuyên ngành đào tạo của các trường đại học trong và ngoài nước để có thêm căn cứ cải tiến chất lượng. | Phòng SDH, Khoa QTKD | Học kỳ II năm học 2023 – 2024 |

|   |                    |                                                                                 |                                   |          |
|---|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------|
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục phát huy tỉ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo sau tốt nghiệp | Phòng Đào tạo SDH, Phòng CTCTHSSV | Hằng năm |
|---|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------|

5. *Tự đánh giá*: Đạt yêu cầu của tiêu chí, mức 4/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. *Mô tả hiện trạng*

Bên cạnh hoạt động NCKH của CB, GV, nhân viên, hoạt động NCKH của người học cũng nhận được sự quan tâm, đầu tư từ Nhà trường. Điều này thể hiện rõ trong nội dung về Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh [H11.11.04.01].

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập. Để khuyến khích cán bộ, giảng viên và người học trong việc nghiên cứu khoa học nhằm phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, Nhà trường đã đưa ra Kế hoạch chiến lược phát triển khoa học công nghệ, thành lập Ban kế hoạch xây dựng kế hoạch triển khai chiến lược phát triển khoa học công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, ban hành những Quy định về hoạt động Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trường Đại học Vinh trong đó có các quy định, hướng dẫn về đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho nghiên cứu khoa học của người học,... Nhà trường cũng đã có quyết định thành lập các nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh trong đó khuyến khích các thành viên của nhóm nghiên cứu hướng dẫn người học tham gia nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, người học ngành QTKD được tham gia hội nghị, hội thảo do nhà trường tổ chức [H11.11.04.02].

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được giám sát, quan tâm, đầu tư đúng mức. Phòng KH&HTQT được nhà trường giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu và quản lý các hoạt động KHCN toàn trường, trong đó có hoạt động NCKH của HV [H11.11.04.03]. Đầu năm học, Phòng KH&HTQT thông báo đến các đơn vị đề xuất kế hoạch NCKH cho cán bộ, giảng viên, người học. Các khoa căn cứ tiềm lực của từng đơn vị xây dựng kế hoạch đăng ký đề tài NCKH, hướng dẫn người học triển khai đề tài NCKH theo đúng quy định. Phòng KH&HTQT, Phòng Đào tạo SDH, khoa QTKD hỗ trợ người học tham gia NCKH qua các hoạt động như: tổ chức hội nghị, hội thảo, các buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho người học, giúp họ định hình hướng nghiên cứu, phân công GV hướng dẫn. Kết hợp với khoa, Phòng SDH theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học. Để duy trì thường xuyên hoạt động NCKH của người học, nhà trường dành khoản kinh phí hỗ trợ thực hiện các đề tài NCKH [H11.11.04.02].

Hiện tại các hoạt động NCKH của người học đều được khuyến khích. Theo Quy định Đào tạo trình độ thạc sĩ, các công trình NCKH đặc biệt là các bài báo liên quan đến đề tài luận văn được người học đăng tải trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước là một yếu tố của điểm thưởng nằm trong phạm vi từ 0 - 1 điểm trong quá trình đánh giá luận văn và những nghiên cứu của người học được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục Scopus hoặc ISI sẽ được nhận thưởng theo quy định [H11.11.04.04].

Nhà trường và khoa QTKD hàng năm có thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học giữa ngành QTKD với các ngành thạc sĩ khác trong trường Kinh tế là ngành Quản lý Kinh tế và Kinh tế Chính trị thông qua thống kê số liệu NCKH các năm. CTĐT trong cùng CSGD, giữa các CSGD khác nhau [H11.11.04.05]

Để khuyến khích sự tham gia tích cực của người học vào hoạt động nghiên cứu khoa học, Nhà trường cần nghiên cứu, áp dụng quy chế về hoạt động nghiên cứu khoa học đối với người học, tăng đầu tư cho hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học. Tiếp tục hoàn thiện các định hướng nghiên cứu cho đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, trình độ thạc sĩ [H11.11.04.06]

## 2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học, Phòng KH&HTQT được nhà trường giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu và quản lý các hoạt động KHCN toàn trường, trong đó có hoạt động NCKH của người học thông qua các quy định, hướng dẫn đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của người học.

## 3. Điểm tồn tại

Học viên cao học ngành QTKD nói chung và học viên cao học các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ trường Kinh tế nói chung chưa có nhiều công trình khoa học trong quá trình học tập. Việc học tập vẫn tập trung chủ yếu ở hoàn thiện những nội dung học phần trong chương trình đào tạo và làm luận văn tốt nghiệp.

Việc đối sánh tỉ lệ người học thực hiện NCKH trong quá trình học tập đã được thực hiện giữa các khoa với nhau nhưng như chưa được thực hiện với các trường đại học trong và ngoài nước.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                               | Đơn vị thực hiện         | Thời gian thực hiện      |
|----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | Nhà trường nghiên cứu và áp dụng quy chế về hoạt động NCKH đối với học viên cao học và có cơ chế chính | Phòng SĐH, Phòng KHHTQT, | Học kỳ II năm học 2023 - |

|   |                    |                                                                                                                             |                                    |                               |
|---|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|
|   |                    | sách khuyến khích sự tham gia tích cực hoạt động NCKH.                                                                      | Khoa QTKD                          | 2024                          |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Nhà trường tiếp tục phát huy hiệu quả hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học. | Phòng SDH, Phòng KHHTQT, Khoa QTKD | Học kỳ II năm học 2023 - 2024 |

5. *Tự đánh giá*: Đạt yêu cầu của tiêu chí, mức 4/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Việc khảo sát, thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ, giảng viên, người học, cơ sở vật chất được thực hiện theo các văn bản và quy trình: (1) Kế hoạch Triển khai tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ, giảng viên, cơ sở vật chất và các hoạt động của Trường Đại học Vinh, (2) Ban hành Phiếu lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, (3) Thông báo Về việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, (4) Thống kê kết quả khảo sát Lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ, giảng viên, cơ sở vật chất và các hoạt động của Trường Đại học Vinh [H11.11.05.01].

Hàng năm, nhà trường tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng hoạt động giảng dạy, NCKH, dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, cơ sở vật chất,... Lấy ý kiến của học viên, cựu học viên về giảng dạy, NCKH, dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, cơ sở vật chất [H11.11.05.02]; Khảo sát cựu học viên về tình hình việc làm, sự phù hợp của công việc, mức độ đáp ứng về kiến thức, kỹ năng của người học với công việc, những kiến thức, kỹ năng cần trang bị cho học viên trước khi tốt nghiệp [H11.11.03.02]; Khảo sát học viên về thư viện, phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm, phòng làm việc, thiết bị CNTT,... [H11.11.05.02]; Khảo sát học viên về đội ngũ giảng viên, CTĐT, môi trường, tài liệu học tập, giá trị cảm nhận và sự hài lòng [H11.11.05.02].

Công cụ sử dụng lấy ý kiến phản hồi là phiếu khảo sát, được thiết kế ở dạng câu hỏi về mức hài lòng/mức đồng ý của người được hỏi được thể hiện qua giá trị thang đo Likert có 5 mức (được mã hoá từ 1, 2, 3, 4, 5); kết quả tính dựa trên mã này nhưng đôi khi quy về thang (0,1) với 0 là “mức thấp nhất” và 1 là “mức cao nhất” (để tiện so sánh với % hay xác suất). Phần mềm xử lý là Exel. Tùy theo đối tượng cần thu thập thông tin phản hồi, việc khảo sát được tiến hành theo các hình thức: gửi phiếu khảo sát, phỏng vấn qua điện thoại, khảo sát qua email...

- Đối với người học đang học và người học đã tốt nghiệp: Lấy ý kiến của người học về các mặt hoạt động của nhà trường [H11.11.05.02], cụ thể như:

- + Đánh giá mức độ hài lòng về CTĐT của người học
- + Đánh giá mức độ hài lòng của người học về giảng viên
- + Đánh giá mức độ hài lòng của người học về nghiên cứu khoa học
- + Đánh giá mức độ hài lòng của người học về dịch vụ hỗ trợ
- + Đánh giá mức độ hài lòng của người học về cơ sở vật chất,...

Sau mỗi đợt khảo sát, Khoa QTKD đều tiến hành xử lý thông tin phản hồi thu thập được, đối sánh và viết báo cáo kết quả, gửi về BGH [H11.11.05.02]. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh được sử dụng làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng. Cụ thể là: khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan được lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo khoa sử dụng để điều chỉnh CDR, CTĐT, đầu tư nâng cấp CSVC và phát triển đội ngũ GV. ... để xây dựng, điều chỉnh, cải tiến CTĐT và CDR, ĐCCT học phần, cập nhật tài liệu học tập [H11.11.05.03].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện việc thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan một cách bài bản và hiệu quả với đầy đủ quy định về quy trình/phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường cũng như CSDL, báo cáo tổng kết của từng đối tượng được khảo sát hằng năm và làm căn cứ để cải tiến chất lượng.

## 3. Điểm tồn tại

Nhà trường chủ yếu dùng phiếu hỏi khảo sát online. Hình thức đánh giá này tuy có mặt thuận tiện như tiết kiệm thời gian, chi phí, linh hoạt, thuận tiện nhưng bị hạn chế về sự giao tiếp nên kết quả khảo sát có thể chưa thật chính xác

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị thực hiện                                              | Thời gian thực hiện         |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Khoa QTKD kết hợp Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trên diện rộng và triển khai khảo sát kết hợp giữa hình thức khảo sát online và khảo sát trực tiếp để thu được kết quả chính xác, khách quan. | Khoa QTKD, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp | Học kỳ II năm học 2023-2024 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện việc thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan một                                                                                                                                                                      | Khoa QTKD, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên                         | Hằng năm                    |

| TT | Mục tiêu | Nội dung                                                                                                          | Đơn vị thực hiện        | Thời gian thực hiện |
|----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|
|    |          | cách bài bản và hiệu quả với đầy đủ quy định về quy trình/phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường cũng như CSDL | và Quan hệ doanh nghiệp |                     |

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí, mức 4/7.

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 11**

- *Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Nhà trường, Phòng QLKH&SDH và Khoa đã xây dựng một hệ thống quản lý tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của HV chặt chẽ và đồng bộ giữa các bộ phận trong Trường, có các biện pháp cải tiến kịp thời giúp giảm thiểu tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ HV tốt nghiệp đúng thời hạn.

Hàng năm, Phòng QLKH&SDH, Khoa và Trường đã tiến hành thống kê, theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của HV ngành QTKD một cách có hệ thống. Phân tích, đối sánh, tìm hiểu nguyên nhân để có nhiều biện pháp đa dạng nhằm hỗ trợ tích cực HV tốt nghiệp đúng tiến độ.

Nhà trường đã xác lập một hệ thống khảo sát ý kiến các bên liên quan với các quy trình, biểu mẫu rõ ràng, có bộ phận chịu trách nhiệm chính; Thông tin thu nhận được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau, có sự hỗ trợ của công nghệ đảm bảo sự tin cậy, khách quan và được thống kê, phân tích, đánh giá hàng năm; Các kết quả khảo sát thu được, được Khoa và Trường sử dụng để khai thác, xử lý, đối sánh làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, SV, cơ sở vật chất, phục vụ cộng đồng,...

- *Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Chưa đề xuất các biện pháp giảm thiểu tỉ lệ thôi học.

Chưa tổ chức tổng kết/đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp

Việc tìm kiếm dữ liệu về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của các trường đại học khác trong và ngoài nước để đối sánh với ngành QTKD của Khoa gặp khó khăn vì vậy việc chọn đối tác để đối sánh chưa rộng và chưa sử dụng tối đa kết quả đối sánh để cải tiến

Chưa thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học giữa các cơ sở đào tạo khác nhau.

Chưa có phương pháp/công cụ giám sát khách quan việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan.

### PHẦN III. KẾT LUẬN

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Kinh tế, Đại học Vinh đã triển khai Tự đánh giá chương trình đào tạo, ý thức rõ tầm quan trọng của hoạt động này Nhà trường đã triển khai đồng bộ và có sự tham gia của tất cả thành viên trong trường nói chung và khoa Kinh tế nói riêng. Với mục đích của nhà trường trong lần tự đánh giá này là có được một bức tranh toàn cảnh được đánh giá chân thực về đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, một trung tâm lớn của quốc gia về đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, hoàn thành trọng trách đối với Đảng, Nhà nước, Bộ GD-ĐT và toàn xã hội.

Trong quá trình thực hiện, Nhà trường và Trường Kinh tế, Khoa QTKD đã nhận được sự đồng thuận cao từ cán bộ, HS, SV của Nhà trường cũng như tất cả các bên liên quan. Quá trình thực hiện tự đánh giá theo đúng hướng dẫn quy định. Trường Kinh tế đã xây dựng, định kỳ rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho các ngành đào tạo trong đó có chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực Bắc Trung bộ và cả nước phù hợp với với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung bộ.

Mục tiêu của CTĐT được xác định khá rõ ràng, có hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của nhà trường và cơ bản phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CDR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CDR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh hàng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 2 năm 1 lần. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin. Đề cương môn học/học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh được thiết kế dựa trên 2 khối kiến thức (khối kiến cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành) Chương trình được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn của cử nhân Quản trị kinh doanh, được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan. Các học phần trong chương trình đào tạo ngành QTKD được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết. Các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ QTKD có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

Trường Kinh tế, Khoa QTKD có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Trường đã có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ giảng viên hiện đang được trẻ hóa, giảng viên được tuyển mới phần lớn có trình độ thạc sĩ trở lên nên tỉ lệ giảng viên có trình độ Tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên đạt gần 65%.

Với mục tiêu giáo dục rõ ràng, Trường Kinh tế, Khoa Quản trị kinh doanh đã đưa ra những phương pháp giảng dạy đúng đắn, tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các bên liên quan để thay đổi cách tiếp cận dạy học phù hợp; tạo ra các chương trình gắn kết sinh viên và rèn các kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tư duy và sự tự tin của sinh viên. Bên cạnh đó, Khoa QTKD cần tạo các môi trường giúp học viên tìm hiểu thêm các mô hình doanh nghiệp, có cái nhìn thực tế về các công ty, doanh nghiệp hoạt động; những cuộc hội nghị, hội thảo về cải tiến chương trình đào tạo cho học viên và cách dạy học cho giảng viên nhiều hơn.

Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản, ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ. Đội ngũ giảng viên của Khoa đạt yêu cầu về trình độ chuyên môn, đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học và nghiệp vụ sư phạm, có tâm huyết với nghề, có kinh nghiệm công tác. Nhà trường có nhiều cách thức đánh giá năng lực giảng viên ở nhiều cấp độ khác nhau đồng thời có các chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích giảng viên giảng dạy và NCKH. Hệ thống đánh giá, đào tạo, phát triển đội ngũ hợp lý có tác động tốt đến tinh thần và sự tích cực trong công việc của cán bộ, giảng viên.

Trường Kinh tế, Khoa QTKD đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Hàng năm, số bài báo công bố quốc tế của Khoa đều tăng chất lượng tốt. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo

ngành Quản trị kinh doanh và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lý bằng phần mềm và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học ngành Quản trị kinh doanh có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, kí túc xá sinh viên đã được xây dựng đúng qui hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Khoa QTKD.

Chất lượng đầu ra của người học được đảm bảo, Trường ĐH Vinh và thạc sĩ Quản trị kinh doanh đã giám sát việc đạt được các chuẩn đầu ra, tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Mặt khác nghiên cứu khoa học của học viên cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư, học viên ra trường đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Tuy nhiên, trong quá trình tự đánh giá bên cạnh những thành tựu đạt được, Trường Đại học Vinh và Trường Kinh tế, Khoa QTKD nói riêng tự nhận thấy vẫn còn một số tồn tại cần phải khắc phục, Nhà trường và Khoa phụ trách sẽ nghiêm túc nhìn nhận, thực hiện tốt các kế hoạch cải tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng thạc sĩ Quản trị kinh doanh, xứng đáng là một ngành đào tạo có vị thế trong sự phát triển của Nhà trường và xã hội.

*Nghệ An, ngày 15 tháng 01 năm 2024*

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**GS.TS. Nguyễn Huy Bằng**

## BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Vinh

Tên chương trình đào tạo: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Mã CTĐT: 8340101

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí    | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo tiêu chuẩn      |                            |                                          |
|----------------------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|-------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|
|                            | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | <i>Mức<br/>trung<br/>bình</i> | <i>Số tiêu<br/>chí đạt</i> | <i>Tỷ lệ số<br/>tiêu chí<br/>đạt (%)</i> |
|                            | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                               |                            |                                          |
| <b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b> |                |   |   |     |   |   |   | 5.00                          | 3                          | 100%                                     |
| Tiêu chí 1.1               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 1.2               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 1.3               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| <b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b> |                |   |   |     |   |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 2.1               |                |   |   |     | 5 |   |   | 5.00                          | 3                          | 100%                                     |
| Tiêu chí 2.2               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 2.3               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| <b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b> |                |   |   |     |   |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 3.1               |                |   |   |     | 5 |   |   | 5.00                          | 3                          | 100%                                     |
| Tiêu chí 3.2               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 3.3               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| <b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b> |                |   |   |     |   |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 4.1               |                |   |   |     | 5 |   |   | 5.00                          | 3                          | 100%                                     |
| Tiêu chí 4.2               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 4.3               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| <b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b> |                |   |   |     |   |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 5.1               |                |   |   |     |   | 6 |   | 6.00                          | 5                          | 100%                                     |
| Tiêu chí 5.2               |                |   |   |     |   | 6 |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 5.3               |                |   |   |     |   | 6 |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 5.4               |                |   |   |     |   | 6 |   |                               |                            |                                          |

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí    | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo tiêu chuẩn      |                            |                                          |
|----------------------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|-------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|
|                            | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | <i>Mức<br/>trung<br/>bình</i> | <i>Số tiêu<br/>chí đạt</i> | <i>Tỷ lệ số<br/>tiêu chí<br/>đạt (%)</i> |
|                            | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 5.5               |                |   |   |     |   | 6 |   |                               |                            |                                          |
| <b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b> |                |   |   |     |   |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 6.1               |                |   |   |     | 5 |   |   | 5.00                          | 6                          | 100%                                     |
| Tiêu chí 6.2               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 6.3               |                |   |   | 4   |   |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 6.4               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 6.5               |                |   |   |     |   | 6 |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 6.6               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 6.7               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| <b><i>Tiêu chuẩn 7</i></b> |                |   |   |     |   |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 7.1               |                |   |   | 4   |   |   |   | 4.6                           | 5                          | 100%                                     |
| Tiêu chí 7.2               |                |   |   | 4   |   |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 7.3               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 7.4               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 7.5               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| <b><i>Tiêu chuẩn 8</i></b> |                |   |   |     |   |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 8.1               |                |   |   |     | 5 |   |   | 5.2                           | 5                          | 100%                                     |
| Tiêu chí 8.2               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 8.3               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 8.4               |                |   |   |     | 6 |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 8.5               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| <b><i>Tiêu chuẩn 9</i></b> |                |   |   |     |   |   |   | 5.2                           | 5                          | 100%                                     |
| Tiêu chí 9.1               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 9.2               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 9.3               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |
| Tiêu chí 9.4               |                |   |   |     | 5 |   |   |                               |                            |                                          |

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí    | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|----------------------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|--------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                            | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức<br>trung<br>bình     | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
|                            | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.5               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b>       |                |   |   |     |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.1              |                |   |   | 4   |   |   |   | 4.16                     | 6                  | 100%                            |
| Tiêu chí 10.2              |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.3              |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.4              |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.5              |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.6              |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b>       |                |   |   |     |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.1              |                |   |   |     | 5 |   |   | 4.8                      | 5                  | 100%                            |
| Tiêu chí 11.2              |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.3              |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.4              |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.5              |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Đánh giá chung CTĐT</b> |                |   |   |     |   |   |   | <b>4,96</b>              |                    |                                 |

Nghệ An, ngày 15 tháng 01 năm 2024


  
**GS.TS. Nguyễn Huy Bằng**

**Phụ lục 7: CƠ SỞ DỮ LIỆU**  
**KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
*Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/12/2023*

**I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục**

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Trường Đại học Vinh
  - Tiếng Anh: Vinh University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
  - Tiếng Việt: TDV
  - Tiếng Anh: VinhUni
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Vinh
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 038 3855 452; Số fax: 038 3855 269
7. E-mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn; Website: www.vinhuni.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1959
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1961
11. Loại hình cơ sở giáo dục:  
 Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

**II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

12. Tên Trường thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Trường Kinh tế
  - Tiếng Anh: Economic Colledge
13. Tên viết tắt của Khoa thực hiện CTĐT:
  - Tiếng Việt: QTKD
  - Tiếng Anh: Business Administratinon
14. Tên trước đây (nếu có): Trường Kinh tế
15. Mã CTĐT: 8.34.01.01
16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành

## QTKD

17. Địa chỉ của Trường thực hiện CTĐT: Tầng 1 Nhà A0 Trường Đại học Vinh số 182 Lê Duẩn Thành Phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

18. Số điện thoại liên hệ: 02383.855.452; E-mail: kinhte@vinhuni.edu.vn; Website: [www/http/kinhte.vinhuni](http://kinhte.vinhuni.edu.vn)

19. Năm thành lập Khoa (theo Quyết định thành lập): 2021

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2020

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2022

**a. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình,... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật)

Ngày 25 tháng 4 năm 2001, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường ĐHSP Vinh thành Trường Đại học Vinh. Sự kiện chính trị quan trọng này đã làm mốc son đánh dấu một thời kỳ phát triển mới đa ngành, đa lĩnh vực của Trường Đại học Sư phạm Vinh trong bối cảnh đã có bề dày 40 năm truyền thống đào tạo đội ngũ giáo viên cho sự nghiệp giáo dục cả nước. Sau gần 2 năm, vào ngày 24/2/2003 theo đề nghị của Trường Đại học Vinh, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Quyết định số 870/BGD&ĐT - TCCB thành lập Trường Kinh tế, tiền thân của Trường Kinh tế hôm nay và được phép tuyển sinh ngành Quản trị kinh doanh đầu tiên (Khóa 44) vào năm học 2003 - 2004.

Ra đời trong hoàn cảnh đất nước đổi mới và nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh đa ngành, Khoa Kinh tế không ngừng phát triển cả về quy đội ngũ cán bộ và số lượng sinh viên và trở thành đơn vị đào tạo nguồn nhân lực khối ngành kinh tế chất lượng cao hàng đầu khu vực Bắc Trung Bộ, tạo dựng được niềm tin, uy tín trong xã hội. Thực hiện chủ trương tái cấu trúc Trường Đại học Vinh, từ tháng 9/2021, Trường Kinh tế thuộc trường Đại học Vinh được thành lập trên cơ sở tổ chức lại các đơn vị đào tạo của khoa Kinh tế. Đến nay Trường có quy mô hơn 4.000 học viên, sinh viên đại học, sau đại học. Nhiều cựu học viên, sinh viên của Trường đã trở thành những nhà quản lý kinh tế giỏi, những giám đốc doanh nghiệp tài ba.

Năm 2021, nằm trong chủ trương tái cấu trúc của trường Đại học Vinh, đề khẳng định vai trò và nâng cao hơn nữa vị thế đào tạo giáo viên của nhà trường, các khoa đào tạo giáo viên được sát nhập thành trường thuộc. Khoa QTKD được thành lập theo Quyết Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 21/7/2021 của Hội đồng Trường ĐH Vinh về việc thành lập Trường Kinh tế thuộc Trường Đại học Vinh.

Khoa QTKD, Trường Kinh tế, Trường ĐH Vinh thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.
- Đào tạo trình độ đại học các ngành: Quản trị kinh doanh, Thương mại điện tử, Quản trị kinh doanh Chất lượng cao.
- Đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành: Quản trị kinh doanh
- NCKH về lĩnh vực giáo dục nhằm phục vụ đào tạo và phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

Trong thời gian qua, Khoa QTKD đã đào tạo trên 3000 Cử nhân hệ chính quy, 62 Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Hiện nay, khoa đang đào tạo hơn 1200 sinh viên, 68 học viên cao học. SV, HV tốt nghiệp từ Khoa QTKD có thể đảm nhận và thành đạt ở nhiều vị trí việc làm khác nhau trong các tổ chức và doanh nghiệp.

Tháng 4 năm 2019, Khoa Quản trị kinh doanh vinh dự được cấp Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-CEA) cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình cử nhân Quản trị kinh doanh (hệ chính quy) đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Tháng 12 năm 2021, chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh được trao quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học và kết quả xếp hạng theo khung xếp hạng Đại học của Việt Nam UPM với đánh giá chất lượng đạt mức 4\* plus

### ***Chức năng, nhiệm vụ***

- *Chức năng*: Trường Kinh tế có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học và Sau đại học khối ngành Kinh tế, nghiên cứu khoa học, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các sinh viên, học viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước.

- *Nhiệm vụ*:

+ Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

+ Đào tạo Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán, Cử nhân TCNH, Cử nhân Kinh tế nông nghiệp, Cử nhân thương mại điện tử.

+ Đào tạo trình độ Thạc sĩ Kinh tế: chuyên ngành Kinh tế chính trị, chuyên ngành Quản lý kinh tế, chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

+ Nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

+ Bồi dưỡng và quảng bá kiến thức về Kinh tế và Quản lý kinh tế.

+ Đào tạo liên thông từ Trung cấp, Cao đẳng lên Đại học.

+ Triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và quốc tế.

### ***Hoạt động đào tạo***

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển của mình, Khoa luôn xác định hoạt động đào tạo là hoạt động cơ bản và có ý nghĩa sống còn. Hoạt động đào tạo của Khoa được biểu hiện ở các nội dung cơ bản như sau:

#### ***- Hệ đại học chính quy:***

Đây được xem là hệ đào tạo xương sống của Khoa. Từ khi thành lập Khoa (2003) đến nay, Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo hệ cử nhân kinh tế với các ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, TCNH, Kinh tế, Kinh tế nông nghiệp, Thương mại điện tử. Khoa đã xây dựng khung chương trình, đề cương chi tiết các học phần cho tất cả 06 mã ngành đào tạo Đại học. Tất cả các chương trình này được xây dựng mang tính khoa học và cập nhật. Từ năm học 2007- 2008, cùng với toàn Trường, các ngành đào tạo chính quy của Khoa đã chuyển sang phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Khoa cũng đã công bố được chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo đại học chính quy do Khoa quản lý và Khoa đang xây dựng chương trình đào tạo hệ đại học chính quy các ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán, TCNH, Kinh tế nông nghiệp theo hướng tiếp cận CDIO. Hoạt động đào tạo hệ đại học chính quy của Khoa luôn được thực hiện đúng quy định. Các hoạt động dạy, học, thi và đánh giá được tổ chức một cách cơ bản, khoa học, công bằng và khách quan.

#### ***- Hệ đào tạo Sau đại học:***

Đây là một mảng đào tạo đang ngày càng phát triển do nhu cầu nâng cao trình độ của xã hội và uy tín, thương hiệu của nhà trường. Hiện tại Khoa đang đào tạo Thạc sĩ các chuyên ngành: Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế và Quản trị kinh doanh; đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế. Để nâng cao chất lượng và đảm bảo uy tín đào tạo, Khoa chú trọng đến việc quản lý học viên cả về thời gian và chất lượng học tập nghiên cứu. Việc kiểm tra, đánh giá, luôn chặt chẽ từ khâu dạy, ra đề thi, coi thi và chấm bài. Các chuyên ngành đã phát triển khá mạnh mẽ các hướng nghiên cứu gắn với yêu cầu phát triển giáo dục, kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước.

Ban chủ nhiệm Khoa, các Bộ môn và đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo sau đại học của Khoa xác định, đây là bậc đào tạo cán bộ có chất lượng cao cho đất nước. Khung chương trình, chương trình chi tiết các ngành Cao học do Khoa quản lý, đào tạo đều được biên soạn công phu, nghiêm túc, khoa học và cập nhật. Từ năm học 2013 - 2014 đến nay, đồng thời với việc đổi mới khung và nội dung chương trình, các cán bộ đào tạo sau đại học của khoa đã biên soạn chương trình chi tiết của hơn 40 chuyên đề đào tạo cao học thạc sĩ theo học chế tín chỉ.

Kể từ đợt tuyển sinh năm 2012, ngoài tuyển sinh 6 mã ngành Đại học chính quy, 03 mã ngành đào tạo vừa làm vừa học và 01 mã ngành từ xa, Trường Kinh tế chính thức đào tạo Thạc sĩ Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế chính trị từ năm 2012, thạc sĩ Quản lý kinh tế từ năm 2016, thạc sĩ quản trị kinh doanh từ năm 2020. Đến nay, Khoa đã và

đang đào tạo và cấp bằng cho 06 khóa Thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị, 03 khóa đã tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế. Số lượng học viên cao học tăng nhanh qua các năm cho thấy nhu cầu học cao học kinh tế ở Nghệ An nói riêng và khu vực Bắc Trung Bộ đang rất lớn.

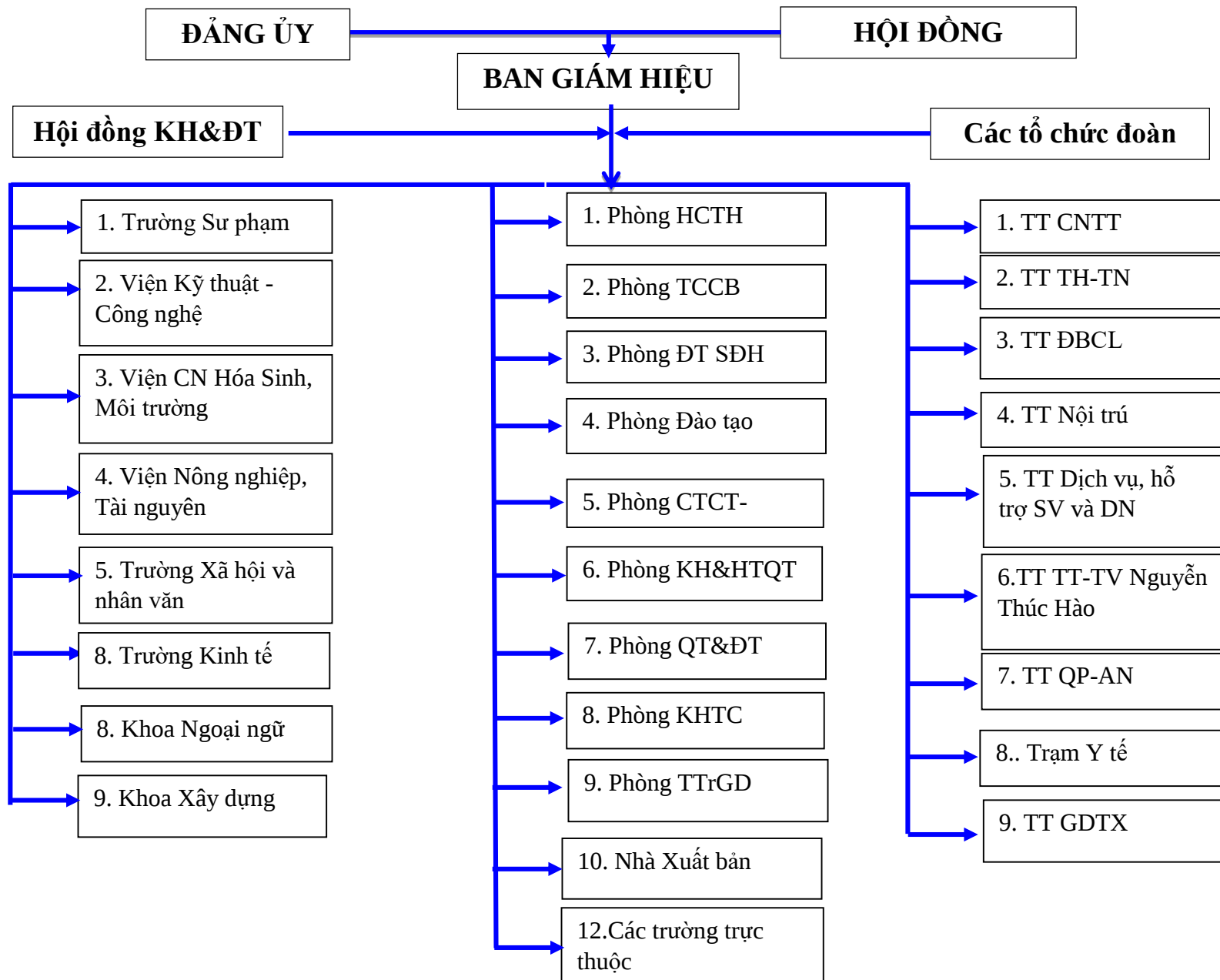
Ngoài việc sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Đại học Vinh, Trường Kinh tế còn có Phòng tư liệu riêng phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên môn của cán bộ và sinh viên của Khoa. Nhà trường cũng đã bố trí cho Khoa hệ thống phòng học, văn phòng khoa, phòng làm việc của Ban chủ nhiệm Khoa, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng thực hành Bộ môn với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên môn.

- Trải qua 18 năm xây dựng và trưởng thành, với những thành tích đạt được trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường Kinh tế đã được khen thưởng:

- + Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc;
- + Tập thể lao động giỏi;
- + 04 Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An; 01 Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- + 05 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- + 04 Bằng khen của TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- + 03 Giấy khen Tỉnh Đoàn cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

Cơ cấu tổ chức trường Đại học Vinh



**SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC TRƯỜNG KINH TẾ****HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. THÁI THỊ KIM OANH

Điện thoại: 0917774489

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. HỒ MỸ HẠNH

Điện thoại: 0912 431741

Email: hanhbm@vinhuni.edu.vn

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

Điện thoại: 0942726777

Email: phuongntm@vinhuni.edu.vn

**DANH SÁCH TRƯỞNG BỘ MÔN**

| TT | HỌ VÀ TÊN                  | TRƯỞNG KHOA/ P.TK   | DIỆN THOẠI  | EMAIL                  |
|----|----------------------------|---------------------|-------------|------------------------|
| 1  | TS. Hồ Thị Diệu Ánh        | Quản trị kinh doanh | 0989 729035 | anhhtd@vinhuni.edu.vn  |
| 2  | TS. Đặng Thành Cương       | Tài chính ngân hàng | 0914 792688 | cuongdt@vinhuni.edu.vn |
| 3  | TS. Nguyễn Thị Thanh Hoà   | Kế toán             | 0915235888  | hoantt@vinhuni.edu.vn  |
| 4  | PGS.TS. Trần Thị Hoàng Mai | Kinh tế             | 0917118846  | maitth@vinhuni.edu.vn  |

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

| TT          | Các bộ phận                                      | Họ và tên              | Năm sinh | Học vị, chức danh, chức vụ | Điện thoại  | Email                    |
|-------------|--------------------------------------------------|------------------------|----------|----------------------------|-------------|--------------------------|
|             | <b>Ban lãnh đạo Trường Đại học Vinh</b>          |                        |          |                            |             |                          |
| 1           | Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐ Trường               | Nguyễn Ngọc Hiền       | 1975     | TS                         | 0912.574484 | hiennn@vinhuni.edu.vn    |
| 2           | Hiệu trưởng                                      | Nguyễn Huy Bằng        | 1977     | GS.TS                      | 038.3733888 | bangnh@vinhuni.edu.vn    |
| 3           | Phó Hiệu trưởng                                  | Trần Bá Tiến           | 1972     | PGS.TS                     | 0943299777  | tientb@vinhuni.edu.vn    |
| 4.          | Phó Hiệu trưởng                                  | Nguyễn Thị Thu Cúc     | 1978     | PGS.TS                     | 0932341 888 | cucntt@vinhuni.edu.vn    |
|             | <b>Trường Kinh tế</b>                            |                        |          |                            |             |                          |
| <b>I.</b>   | <b>Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</b>              |                        |          |                            |             |                          |
| 1           | Hiệu trưởng                                      | Thái Thị Kim Oanh      | 1978     | PGS.TS                     | 0917774489  | oanhttk@vinhuni.edu.vn   |
| 2           | Phó Hiệu trưởng                                  | Hồ Mỹ Hạnh             | 1977     | TS                         | 0912431741  | hanhbm@vinhuni.edu.vn    |
|             | Phó Hiệu trưởng                                  | Nguyễn Thị Minh Phượng |          | PGS.TS                     | 0942726777  | phuongntm@vinhuni.edu.vn |
| <b>II.</b>  | <b>Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</b> |                        |          |                            |             |                          |
| 1           | Đảng bộ BP                                       | Thái Thị Kim Oanh      | 1978     | TS, Bí thư                 | 0917774489  | oanhttk@vinhuni.edu.vn   |
| 2           | Công đoàn                                        | Nguyễn Thị Bích Liên   | 1981     | TS, Chủ tịch               | 0914151057  | lienntb@vinhuni.edu.vn   |
| 3           | Liên chi đoàn                                    | Nguyễn Thanh Huyền     | 1989     | ThS, Bí thư                | 0915253186  | huyentt@vinhuni.edu.vn   |
| 4           | Liên chi hội sinh viên                           | Hồ Lan Trinh           | 1998     | Sinh viên, LCH trưởng      |             |                          |
| <b>III.</b> | <b>Các trợ lý hành chính</b>                     |                        |          |                            |             |                          |

| TT         | Các bộ phận              | Họ và tên            | Năm sinh | Học vị, chức danh, chức vụ | Điện thoại | Email                                                                  |
|------------|--------------------------|----------------------|----------|----------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Trợ lý đào tạo           | Nguyễn Thị Linh      | 1995     | CN                         | 0976773368 | <a href="mailto:linhnt@vinhuni.edu.vn">linhnt@vinhuni.edu.vn</a>       |
| 2          | Trợ lý QLSV              | Đào Thị Lợi          | 1983     | ThS                        | 0989808346 | <a href="mailto:loidt@vinhuni.edu.vn">loidt@vinhuni.edu.vn</a>         |
| 3          | Trợ lý QLSV              | Lê Như Lai           | 1988     | ThS                        | 0979945679 | <a href="mailto:lailn@vinhuni.edu.vn">lailn@vinhuni.edu.vn</a>         |
| 4          | Văn phòng Trường         | Lê Thị Hồng Phương   | 1976     | ThS                        | 0915562586 | <a href="mailto:phuonglth@vinhuni.edu.vn">phuonglth@vinhuni.edu.vn</a> |
| <b>IV.</b> | <b>Các khoa</b>          |                      |          |                            |            |                                                                        |
| 1          | Khoa Quản trị kinh doanh | Hồ Thị Diệu Ánh      | 1979     | PGS,TS, TK                 | 0948983777 | <a href="mailto:anhhtd@vinhuni.edu.vn">anhhtd@vinhuni.edu.vn</a>       |
| 2          | Khoa Kế toán             | Nguyễn Thị Thanh Hoà | 1981     | TS, PTK                    | 0914316268 | <a href="mailto:hoantt@vinhuni.edu.vn">hoantt@vinhuni.edu.vn</a>       |
| 3          | Khoa TCNH                | Đặng Thành Cường     | 1980     | TS, TBM                    | 0914792688 | <a href="mailto:cuongdt@vinhuni.edu.vn">cuongdt@vinhuni.edu.vn</a>     |
| 4          | Khoa Kinh tế             | Trần Thị Hoàng Mai   | 1979     | PGS, TS<br>TBM             | 0942726777 | <a href="mailto:maitth@vinhuni.edu.vn">maitth@vinhuni.edu.vn</a>       |

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 6

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 1

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 4

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 8

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

|                                 | Có                                  | Không                    |
|---------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| Chính quy                       | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Không chính quy                 | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Từ xa                           | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Liên kết đào tạo với nước ngoài | <input type="checkbox"/>            | <input type="checkbox"/> |
| Liên kết đào tạo trong nước     | <input type="checkbox"/>            | <input type="checkbox"/> |

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

32. Tổng số các ngành đào tạo: 6

#### IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (Tiêu chuẩn 6,7)

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

| TT  | Phân loại                                                                                                     | Nam | Nữ | Tổng số |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|---------|
| I   | <b>Đội ngũ cơ hữu<sup>1</sup></b><br><i>Trong đó:</i>                                                         |     |    |         |
| I.1 | Đội ngũ trong biên chế                                                                                        |     |    |         |
| I.2 | Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn                               | 3   | 44 | 47      |
| II  | <b>Các đối tượng khác</b><br>Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng <sup>2</sup> ) |     |    |         |
|     | <b>Tổng số</b>                                                                                                | 3   | 44 | 47      |

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

<sup>1</sup> Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>2</sup> Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

## 34. Thống kê, phân loại giảng viên

| TT  | Trình độ, học vị, chức danh | Số lượng GV | Giảng viên cơ hữu (GV)                |                                                      |                                 | GV thỉnh giảng trong nước | GV quốc tế |
|-----|-----------------------------|-------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------|
|     |                             |             | GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy | GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy | GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |                           |            |
| (1) | (2)                         | (3)         | (4)                                   | (5)                                                  | (6)                             | (7)                       | (8)        |
| 1   | Giáo sư, Viện sĩ            | 4           |                                       |                                                      |                                 | 4                         |            |
| 2   | Phó Giáo sư                 | 9           |                                       | 0                                                    | 5                               | 4                         |            |
| 3   | Tiến sĩ khoa học            |             |                                       |                                                      |                                 |                           |            |
| 4   | Tiến sĩ                     | 49          |                                       | 37                                                   | 5                               | 7                         |            |
| 5   | Thạc sĩ                     | 11          |                                       | 11                                                   |                                 |                           |            |
| 6   | Đại học                     |             |                                       |                                                      |                                 |                           |            |
| 7   | Cao đẳng                    |             |                                       |                                                      |                                 |                           |            |
| 8   | Trình độ khác               |             |                                       |                                                      |                                 |                           |            |
|     | Tổng số                     | 73          |                                       | 48                                                   | 10                              | 15                        |            |

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 47 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 47/64 (73,4%)

## 35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy

<sup>3</sup>Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (*Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT*).

| TT  | Trình độ, học vị, chức danh | Hệ số quy đổi | Số lượng GV | GV cơ hữu                             |                                         |                                 | GV thỉnh giảng | GV quốc tế | GV quy đổi |
|-----|-----------------------------|---------------|-------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------|----------------|------------|------------|
|     |                             |               |             | GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy | GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy | GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |                |            |            |
| (1) | (2)                         | (3)           | (4)         | (5)                                   | (6)                                     | (7)                             | (8)            | (9)        | (10)       |
|     | Hệ số quy đổi               |               |             | 1,0                                   | 1,0                                     | 0,3                             | 0,2            | 0,2        |            |
| 1   | Giáo sư, Viện sĩ            | 5,0           | 4           |                                       |                                         |                                 | 4              |            | 4          |
| 2   | Phó Giáo sư                 | 3,0           | 9           |                                       | 0                                       | 5                               | 4              |            | 6,9        |
| 3   | Tiến sĩ khoa học            | 3,0           |             |                                       |                                         |                                 |                |            |            |
| 4   | Tiến sĩ                     | 2             | 49          |                                       | 37                                      | 5                               | 7              |            | 79,8       |
| 5   | Thạc sĩ                     | 1             | 11          |                                       | 11                                      |                                 |                |            | 11         |
| 6   | Đại học                     | 0,3           |             |                                       |                                         |                                 |                |            |            |
|     | Tổng                        |               | 73          |                                       | 84                                      | 7,5                             | 1,2            |            | 93,7       |

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ

tuổi (số người):

| T<br>T | Trình<br>độ/học vị  | Số<br>lượng | Tỷ<br>lệ<br>(%) | Phân<br>loại theo<br>giới tính<br>(ng) |        | Phân loại theo tuổi (người) |           |           |           |         |
|--------|---------------------|-------------|-----------------|----------------------------------------|--------|-----------------------------|-----------|-----------|-----------|---------|
|        |                     |             |                 | Na<br>m                                | N<br>ữ | <<br>30                     | 30-<br>40 | 41-<br>50 | 51-<br>60 | ><br>60 |
| 1      | Giáo sư,<br>Viện sĩ |             |                 |                                        |        |                             |           |           |           |         |
| 2      | Phó Giáo sư         | 5           |                 | 0                                      | 5      |                             |           | 4         | 1         |         |
| 3      | Tiến sĩ khoa<br>học |             |                 |                                        |        |                             |           |           |           |         |
| 4      | Tiến sĩ             | 42          |                 | 3                                      | 39     |                             | 30        | 12        |           |         |
| 5      | Thạc sĩ             | 11          |                 | 2                                      | 9      |                             | 11        |           |           |         |
| 6      | Đại học             |             |                 |                                        |        |                             |           |           |           |         |
|        | <b>Tổng</b>         | 58          |                 | 5                                      | 53     |                             | 41        | 16        | 1         |         |

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 47/58 (81%)

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 11/58 (19%)

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

| TT | Tần suất sử dụng                                     | Tỷ lệ (%) GV cơ hữu<br>sử dụng ngoại ngữ và<br>tin học |         |
|----|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------|
|    |                                                      | Ngoại ngữ                                              | Tin học |
| 1  | Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)      | 32                                                     | 100     |
| 2  | Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc) | 61                                                     |         |

|   |                                                                     |            |            |
|---|---------------------------------------------------------------------|------------|------------|
| 3 | Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)               | 7          |            |
| 4 | Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)                |            |            |
| 5 | Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc) |            |            |
|   |                                                                     | <b>100</b> | <b>100</b> |

#### **V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)**

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh (5,8)

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

| <b>Năm học</b> | <b>Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)</b> | <b>Số trúng tuyển (người)</b> | <b>Tỷ lệ cạnh tranh</b> | <b>Số nhập học thực tế (người)</b> | <b>Điểm tuyển đầu vào/thang điểm</b> | <b>Điểm trung bình của sinh viên được tuyển</b> | <b>Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)</b> |
|----------------|---------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 2019-2020      | 16                                          | 16                            |                         | 16                                 |                                      |                                                 | 04                                                 |
| 2020-2021      | 34                                          | 34                            |                         | 34                                 |                                      |                                                 | 0                                                  |
| 2021-2022      | 42                                          | 42                            |                         | 42                                 |                                      |                                                 | 0                                                  |
| 2022-2023      | 20                                          | 20                            |                         | 20                                 |                                      |                                                 | 0                                                  |

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy. (Tiêu chuẩn 5.8)

*Đơn vị: người*

| <b>Các tiêu chí</b>   | <b>2019-2020</b> | <b>2020-2021</b> | <b>2021-2022</b> | <b>2022-2023</b> |
|-----------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| 1. Nghiên cứu sinh    |                  |                  |                  |                  |
| 2. Học viên cao học   | 16               | 34               | 42               | 20               |
| 3. Sinh viên đại học  |                  |                  |                  |                  |
| Trong đó:             |                  |                  |                  |                  |
| Hệ chính quy          | 0                | 0                | 0                |                  |
| Hệ không chính quy    |                  |                  |                  |                  |
| 4. Sinh viên cao đẳng |                  |                  |                  |                  |
| Trong đó:             |                  |                  |                  |                  |
| Hệ chính quy          | 0                | 0                | 0                |                  |
| Hệ không chính quy    | 0                | 0                | 0                |                  |
| 5. Học sinh TCCN      |                  |                  |                  |                  |
| Trong đó:             |                  |                  |                  |                  |
| Hệ chính quy          | 0                | 0                | 0                |                  |
| Hệ không chính quy    | 0                | 0                | 0                |                  |
| 6. Khác ...           |                  |                  |                  |                  |

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

|                                  | <b>Năm học</b>   |                  |                  |                  |
|----------------------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
|                                  | <b>2019-2020</b> | <b>2020-2021</b> | <b>2021-2022</b> | <b>2022-2023</b> |
| Số lượng (người)                 | 4                | 0                | 0                | 0                |
| Tỷ lệ (%) trên tổng số người học |                  |                  |                  |                  |

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

| <b>Các tiêu chí</b> | <b>2019-</b> | <b>2020-</b> | <b>2021-</b> | <b>2022-</b> |
|---------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
|---------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|

|                                                                                 | 2020              | 2021              | 2022              | 2023 |
|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|------|
| 1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )                                     | 48.799            | 48.799            | 48.799            |      |
| 2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)           | 16                | 34                | 42                | 20   |
| 3. Người học được ở trong ký túc xá (người)                                     | 16                | 34                | 42                | 20   |
| 4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người) | 8.3m <sup>2</sup> | 8.3m <sup>2</sup> | 8.3m <sup>2</sup> |      |

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

|                                  | Năm học   |           |           |           |
|----------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|                                  | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 | 2023-2024 |
| Số lượng (người)                 |           |           |           |           |
| Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên |           |           |           |           |

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

*Đơn vị: người*

| Các tiêu chí                                                | Năm tốt nghiệp |           |           |           |
|-------------------------------------------------------------|----------------|-----------|-----------|-----------|
|                                                             | 2019-2020      | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 |
| <b>1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ</b> | 0              | 0         | 0         | 0         |
| 2. Học viên tốt nghiệp cao học                              | 16             | 34        | 42        | 20        |
| 3. Sinh viên tốt nghiệp đại học                             | 0              | 0         | 0         | 0         |
| Trong đó:                                                   |                |           |           |           |
| Hệ chính quy                                                | 0              | 0         | 0         | 0         |

| Các tiêu chí                                  | Năm tốt nghiệp |           |           |           |
|-----------------------------------------------|----------------|-----------|-----------|-----------|
|                                               | 2019-2020      | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 |
| Hệ không chính quy                            | 0              | 0         | 0         | 0         |
| 4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng<br>Trong đó: | 0              | 0         | 0         | 0         |
| Hệ chính quy                                  |                |           |           |           |
| Hệ không chính quy                            |                |           |           |           |
| 5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp<br>Trong đó: | 0              | 0         | 0         | 0         |
| Hệ chính quy                                  |                |           |           |           |
| Hệ không chính quy                            |                |           |           |           |
| 6. Khác...                                    | 0              | 0         | 0         | 0         |

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

| Các tiêu chí                                                                              | Năm tốt nghiệp |           |           |           |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|                                                                                           | 2018-2019      | 2019-2020 | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 |
| 1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).                                                 |                |           |           |           |           |
| 2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).                                    |                |           |           |           |           |
| 3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:                                  |                |           |           |           |           |
| A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 |                |           |           |           |           |
| B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện                                                        |                |           |           |           |           |

| Các tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                             | Năm tốt nghiệp |           |           |           |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2018-2019      | 2019-2020 | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 |
| CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:                                                                                                                                                                                                            |                |           |           |           |           |
| 3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).                                                                                                                                                   |                |           |           |           | -         |
| 3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).                                                                                                                                        |                |           |           |           | -         |
| 3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp                                                                                                                                              |                |           |           |           | -         |
| 4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:<br><br>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5<br><br>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây: |                |           |           |           |           |
| 4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).                                                                                                                                                                                                                 |                |           |           |           |           |
| - Sau 6 tháng tốt nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                |                |           |           |           | -         |
| - Sau 12 tháng tốt nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                               |                |           |           |           |           |
| 4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).                                                                                                                                                                                                                 |                |           |           |           | -         |
| 4.3. Thu nhập bình quân/tháng của                                                                                                                                                                                                                                        |                |           |           |           |           |

| Các tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Năm tốt nghiệp |           |           |           |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2018-2019      | 2019-2020 | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 |
| người học có việc làm.                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                |           |           |           | -         |
| <p>5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p> |                |           |           |           |           |
| 5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).                                                                                                                                                                                                                                   |                |           |           |           | -         |
| 5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).                                                                                                                                                                                                                             |                |           |           |           | -         |
| 5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).                                                                                                                                                                                                                                |                |           |           |           | -         |

*Ghi chú:*

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (Tiêu chuẩn 10,11)

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

| TT  | Phân loại đề tài    | Hệ số** | Số lượng       |                |                |                |                | Tổng (đã quy đổi) |
|-----|---------------------|---------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|-------------------|
|     |                     |         | 1/2019-12/2019 | 1/2020-12/2020 | 1/2021-12/2021 | 1/2022-12/2022 | 1/2023-12/2023 |                   |
| (1) | (2)                 | (3)     | (4)            | (5)            | (6)            | (7)            | (8)            | (9)               |
| 1   | Đề tài cấp NN       | 2,0     | 1              | 1              |                | 1              |                | 6,0               |
| 2   | Đề tài cấp Bộ/Tỉnh* | 1,0     | 1              | 2              | 2              | 2              | 2              | 9,0               |
| 3   | Đề tài cấp trường   | 0,5     |                |                | 6              |                | 4              | 2,0               |
|     | Tổng                |         | 2              | 3              | 8              | 3              | 6              | 17,0              |

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 22

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 20/55

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

| TT | Năm  | Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ) | Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%) | Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người) |
|----|------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 2019 | Xxx + 467                                              |                                                                                                             |                                                                                        |

| TT | Năm  | Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VND) | Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%) | Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VND/ người) |
|----|------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | 2020 | Xxx + 800                                              |                                                                                                             |                                                                                        |
| 3  | 2021 | 720 + xxx                                              |                                                                                                             |                                                                                        |
| 4  | 2022 | 638 + 610,56                                           |                                                                                                             |                                                                                        |
| 5  | 2023 | 750 + 299,9                                            |                                                                                                             |                                                                                        |

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

| Số lượng đề tài         | Số lượng cán bộ tham gia |                |                   | Ghi chú |
|-------------------------|--------------------------|----------------|-------------------|---------|
|                         | Đề tài cấp NN            | Đề tài cấp Bộ* | Đề tài cấp trường |         |
| Từ 1 đến 3 đề tài       | 08                       | 20             | 25                |         |
| Từ 4 đến 6 đề tài       | 0                        | 5              | 10                |         |
| Trên 6 đề tài           | 0                        | 5              | 0                 |         |
| Tổng số cán bộ tham gia | 08                       | 30             | 35                |         |

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

| TT | Phân loại sách   | Hệ số* | Số lượng |      |      |      |      | Tổng (đã quy đổi) |
|----|------------------|--------|----------|------|------|------|------|-------------------|
|    |                  |        | 2019     | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 |                   |
| 1  | Sách chuyên khảo | 2,0    |          |      | 1    |      | 3    | 8,0               |
| 2  | Sách giáo trình  | 1,5    | 3        | 3    | 3    | 1    |      | 10,5              |

|   |                |     |          |          |          |          |          |             |
|---|----------------|-----|----------|----------|----------|----------|----------|-------------|
| 3 | Sách tham khảo | 1,0 | 2        | 2        |          |          | 1        | 5,0         |
| 4 | Sách hướng dẫn | 0,5 |          |          |          |          |          |             |
|   | <b>Tổng</b>    |     | <b>5</b> | <b>5</b> | <b>4</b> | <b>1</b> | <b>4</b> | <b>23,5</b> |

**\*\*Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 19

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 19/55

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

| Số lượng sách                  | Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách |                 |                |                |
|--------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------|----------------|
|                                | Sách chuyên khảo                          | Sách giáo trình | Sách tham khảo | Sách hướng dẫn |
| Từ 1 đến 3 cuốn sách           | 10                                        | 15              | 15             |                |
| Từ 4 đến 6 cuốn sách           | 8                                         | 10              | 10             |                |
| Trên 6 cuốn sách               | 3                                         | 5               | 5              |                |
| <b>Tổng số cán bộ tham gia</b> | <b>21</b>                                 | <b>30</b>       | <b>30</b>      |                |

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

| TT | Phân loại tạp chí                     | Hệ số** | Số lượng |      |      |      |      | Tổng (đã quy đổi) |
|----|---------------------------------------|---------|----------|------|------|------|------|-------------------|
|    |                                       |         | 2019     | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 |                   |
| 1  | Tạp chí khoa học quốc tế              | 1,5     | 10       | 15   | 34   | 30   | 37   | 189               |
| 2  | Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước | 1,0     | 44       | 40   | 40   | 41   | 27   | 192               |
| 3  | Tạp chí / tập san của cấp             | 0,5     | 5        | 8    | 6    | 12   | 83   | 57                |

| TT | Phân loại tạp chí | Hệ số** | Số lượng |      |      |      |      |                   |
|----|-------------------|---------|----------|------|------|------|------|-------------------|
|    |                   |         | 2019     | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | Tổng (đã quy đổi) |
|    | trường            |         |          |      |      |      |      |                   |
|    | Tổng              |         | 59       | 60   | 80   | 83   | 147  | 438               |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 438

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 438/55

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

| Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí | Nơi đăng                                   |                                       |                              |
|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------|
|                                                     | Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...) | Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước | Tạp chí / tập san cấp trường |
| Từ 1 đến 5 bài báo                                  | 20                                         | 55                                    | 55                           |
| Từ 6 đến 10 bài báo                                 | 15                                         | 50                                    | 55                           |
| Từ 11 đến 15 bài báo                                | 10                                         | 25                                    | 15                           |
| Trên 15 bài báo                                     | 10                                         | 15                                    | 10                           |
| Tổng số cán bộ tham gia                             | 55                                         | 145                                   | 135                          |

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

| T T | Phân loại hội thảo | Hệ số** | Số lượng |      |      |      |      | Tổng (đã quy đổi) |
|-----|--------------------|---------|----------|------|------|------|------|-------------------|
|     |                    |         | 2019     | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 |                   |
| 1   | Hội thảo quốc tế   | 1,0     | 14       | 8    | 10   | 4    | 66   | 102               |

|   |                     |      |    |    |    |    |    |       |
|---|---------------------|------|----|----|----|----|----|-------|
| 2 | Hội thảo trong nước | 0,5  | 12 | 8  | 20 | 4  | 17 | 30,5  |
| 3 | Hội thảo cấp trường | 0,25 | 3  | 3  | 4  | 5  | 5  | 5     |
|   | <b>Tổng</b>         |      | 29 | 19 | 34 | 13 | 88 | 137,5 |

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**\*\*Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 137,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 137,5/55

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

| <b>Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo</b> | <b>Cấp hội thảo</b>     |                            |                          |
|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|--------------------------|
|                                                                              | <b>Hội thảo quốc tế</b> | <b>Hội thảo trong nước</b> | <b>Hội thảo ở trường</b> |
| Từ 1 đến 5 báo cáo                                                           | 10                      | 10                         | 25                       |
| Từ 6 đến 10 báo cáo                                                          | 08                      | 08                         | 10                       |
| Từ 11 đến 15 báo cáo                                                         | 02                      | 02                         | 0                        |
| Trên 15 báo cáo                                                              | 0                       | 0                          | 0                        |
| <b>Tổng số cán bộ tham gia</b>                                               | <b>20</b>               | <b>20</b>                  | <b>35</b>                |

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

| <b>Năm học</b> | <b>Số bằng phát minh, sáng chế được cấp<br/>(ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)</b> |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20...-20...    |                                                                                                 |
| 20...-20...    |                                                                                                 |
| 20...-20...    |                                                                                                 |
| 20...-20...    |                                                                                                 |

|             |  |
|-------------|--|
| 20...-20... |  |
|-------------|--|

### 55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

| Số lượng đề tài            | Số lượng người học tham gia |                |                   | Ghi chú |
|----------------------------|-----------------------------|----------------|-------------------|---------|
|                            | Đề tài cấp NN               | Đề tài cấp Bộ* | Đề tài cấp trường |         |
| Từ 1 đến 3 đề tài          |                             | 16             |                   |         |
| Từ 4 đến 6 đề tài          |                             |                |                   |         |
| Trên 6 đề tài              |                             |                |                   |         |
| Tổng số người học tham gia |                             | 16             |                   |         |

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

### 55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

*(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)*

| TT | Thành tích nghiên cứu khoa học                | Số lượng |      |      |      |      |
|----|-----------------------------------------------|----------|------|------|------|------|
|    |                                               | 2019     | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 |
| 1  | Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo  | 3        | 3    | 8    | 8    | 10   |
| 2  | Số bài báo được đăng, công trình được công bố | 2        | 2    | 8    | 8    | 12   |

## VII. Cơ sở vật chất, thư viện (Tiêu chuẩn 9)

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 446.100 m<sup>2</sup>

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): 15.864 m<sup>2</sup>

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

Nơi làm việc: ..... Nơi học: ..... Nơi vui chơi giải trí: .....

59. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học: 115,794 m<sup>2</sup>

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 115,794 m<sup>2</sup> / 19.629 người học

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 15.000

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có)

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: .....

- Dùng cho người học học tập: 2.000 máy tính

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 2.000 máy tính / 19.629 người học

### **VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng**

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên: (Tiêu chuẩn 6,7)

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 58

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 90,63%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 81%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 19%

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3263/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 27 tháng 12 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều 21 của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;*

*Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-ĐHV ngày 22/4/2022 của Trường Đại học Vinh về việc tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2025;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh của Trường Đại học Vinh gồm các ông (bà) có tên sau đây (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đảm bảo chất lượng, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐBCL



**GS.TS. Nguyễn Huy Bằng**



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học  
ngành Quản trị kinh doanh

(Kèm theo Quyết định số: 5263 /QĐ-ĐHV ngày 27 tháng 12 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| TT | Họ và tên                 | Chức danh, chức vụ                  | Nhiệm vụ     |
|----|---------------------------|-------------------------------------|--------------|
| 1  | Ông Nguyễn Huy Bằng       | Hiệu trưởng                         | Chủ tịch     |
| 2  | Nguyễn Thị Thu Cúc        | Phó Hiệu trưởng                     | Phó Chủ tịch |
| 3  | Bà Nguyễn Thị Minh Phượng | Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế      | Phó Chủ tịch |
| 4  | Ông Nguyễn Thanh Diệu     | Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL      | Thư ký       |
| 5  | Bà Hoàng Phan Hải Yến     | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL          | Thành viên   |
| 6  | Ông Đinh Phan Khôi        | Trưởng phòng Đào tạo SDH            | Thành viên   |
| 7  | Ông Hoàng Vĩnh Phú        | Trưởng phòng Đào tạo                | Thành viên   |
| 8  | Ông Thiệu Đình Phong      | Trưởng phòng TCCB                   | Thành viên   |
| 9  | Bà Đặng Thị Thu           | Trưởng phòng CTCT-HSSV              | Thành viên   |
| 10 | Ông Mai Văn Chung         | Trưởng phòng KH&HTQT                | Thành viên   |
| 11 | Ông Hoàng Việt Dũng       | Trưởng phòng KH-TC                  | Thành viên   |
| 12 | Ông Nguyễn Đức Bình       | Giám đốc Trung tâm TT-TV NTH        | Thành viên   |
| 13 | Ông Trần Đình Luân        | Trưởng phòng QT&ĐT                  | Thành viên   |
| 14 | Bà Hồ Thị Diệu Ánh        | Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh     | Thành viên   |
| 15 | Ông Trần Quang Bách       | Phó Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh | Thành viên   |
| 16 | Bà Trần Thị Lê Na         | Phó Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh | Thành viên   |
| 17 | Ông Đặng Thành Cương      | Trưởng Khoa Tài chính - Ngân hàng   | Thành viên   |
| 18 | Bà Hồ Mỹ Hạnh             | Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế      | Thành viên   |
| 19 | Ông Trần Xuân Hòa         | HVCH Khóa 29, Quản trị kinh doanh   | Thành viên   |

Danh sách này gồm có 19 người./

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### DANH SÁCH

**Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học  
ngành Quản trị kinh doanh**

(Kèm theo Quyết định số: 3263/QĐ-ĐHV ngày 27 tháng 12 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| TT | Họ và tên                | Chức danh, chức vụ                  | Nhiệm vụ   |
|----|--------------------------|-------------------------------------|------------|
| 1  | Ông Nguyễn Thanh Diệu    | Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL      | Trưởng ban |
| 2  | Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc   | Phó Trưởng phòng TCCB               | Thành viên |
| 3  | Bà Nguyễn Thị Hương      | Phó Trưởng phòng Đào tạo SDH        | Thành viên |
| 4  | Ông Nguyễn Tiến Cường    | Chuyên viên phòng Đào tạo SDH       | Thành viên |
| 5  | Bà Phan Thị Thu Hiền     | Chuyên viên phòng QT&ĐT             | Thành viên |
| 6  | Ông Lê Trần Nam          | Chuyên viên phòng CTCT-HSSV         | Thành viên |
| 7  | Bà Lâm Thu Trang         | Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH     | Thành viên |
| 8  | Bà Đinh Thị Nga          | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL          | Thành viên |
| 9  | Ông Nguyễn Hoàng An      | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL          | Thành viên |
| 10 | Bà Nguyễn Mai Phương     | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL          | Thành viên |
| 11 | Ông Nguyễn Lê Ái Vinh    | Phó Trưởng phòng Đào tạo            | Thành viên |
| 12 | Bà Trần Thị Thái         | Chuyên viên Phòng KH&HTQT           | Thành viên |
| 13 | Bà Nguyễn Thị Bích Thủy  | Phó Trưởng Khoa Tài chính-Ngân hàng | Thành viên |
| 14 | Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa  | Phó Trưởng Khoa Kế toán             | Thành viên |
| 15 | Bà Ngô Thị Hồng Nhung    | Giảng viên Khoa Tài chính-Ngân hàng | Thành viên |
| 16 | Bà Trần Thị Hoàng Mai    | Phó Trưởng Khoa Kinh tế             | Thành viên |
| 17 | Bà Lê Vũ Sao Mai         | Trưởng Khoa Kinh tế                 | Thành viên |
| 18 | Bà Phạm Thị Thúy Hằng    | Trưởng Khoa Kế toán                 | Thành viên |
| 19 | Bà Hoàng Thị Việt        | Giảng viên Khoa Tài chính-Ngân hàng | Thành viên |
| 20 | Bà Đặng Thúy Anh         | Giảng viên Khoa Kế toán             | Thành viên |
| 21 | Bà Hoàng Thị Cẩm Thương  | Giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh | Thành viên |
| 22 | Bà Nguyễn Thị Bích Liên  | Giảng viên Khoa Kinh tế             | Thành viên |
| 23 | Bà Nguyễn Thị Thúy Quỳnh | Giảng viên Khoa Kinh tế             | Thành viên |
| 24 | Bà Trần Thanh Huyền      | Văn phòng Trường Kinh tế            | Thành viên |

Danh sách này gồm có 24 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**  
(Ngành Quản trị kinh doanh)

(Kèm theo Quyết định số: 5263/QĐ-ĐHV ngày 27 tháng 12 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| TT                                                                      | Họ và tên                 | Chức danh, chức vụ                  | Nhiệm vụ      |
|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------|---------------|
| <b>NHÓM 1:</b>                                                          |                           |                                     |               |
| <b>Tiêu chuẩn 1:</b> Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. |                           |                                     | (6 tiêu chí)  |
| <b>Tiêu chuẩn 2:</b> Bản mô tả chương trình đào tạo.                    |                           |                                     |               |
| 1                                                                       | Bà Hồ Thị Diệu Ánh        | Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh     | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Hoàng Thị Cẩm Thương   | Giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Đặng Thúy Anh          | Giảng viên Khoa Kế toán             | Thành viên    |
| 4                                                                       | Ông Đinh Phan Khôi        | Trưởng phòng Đào tạo SDH            | Thành viên    |
| 5                                                                       | Ông Nguyễn Tiến Cường     | Chuyên viên phòng Đào tạo SDH       | Thành viên    |
| <b>NHÓM 2:</b>                                                          |                           |                                     |               |
| <b>Tiêu chuẩn 3:</b> Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.         |                           |                                     | (6 tiêu chí)  |
| <b>Tiêu chuẩn 4:</b> Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.             |                           |                                     |               |
| 1                                                                       | Ông Trần Quang Bách       | Phó Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Hoàng Thị Việt         | Giảng viên Khoa Tài chính-Ngân hàng | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Trần Thị Hoàng Mai     | Phó Trưởng Khoa Kinh tế             | Thành viên    |
| 4                                                                       | Ông Đinh Phan Khôi        | Trưởng phòng Đào tạo SDH            | Thành viên    |
| 5                                                                       | Ông Nguyễn Lê Ái Vĩnh     | Phó Trưởng phòng Đào tạo            | Thành viên    |
| <b>NHÓM 3:</b>                                                          |                           |                                     |               |
| <b>Tiêu chuẩn 5:</b> Đánh giá kết quả học tập của người học.            |                           |                                     | (10 tiêu chí) |
| <b>Tiêu chuẩn 8:</b> Người học và hoạt động hỗ trợ người học.           |                           |                                     |               |
| 1                                                                       | Bà Trần Thị Lê Na         | Phó Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Lê Vũ Sao Mai          | Trưởng Khoa Kinh tế                 | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Phạm Thị Thúy Hằng     | Trưởng Khoa Kế toán                 | Thành viên    |
| 4                                                                       | Ông Lê Trần Nam           | Chuyên viên phòng CTCT-HSSV         | Thành viên    |
| 5                                                                       | Bà Nguyễn Mai Phương      | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL          | Thành viên    |
| <b>NHÓM 4:</b>                                                          |                           |                                     |               |
| <b>Tiêu chuẩn 6:</b> Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.               |                           |                                     | (12 tiêu chí) |
| <b>Tiêu chuẩn 7:</b> Đội ngũ nhân viên.                                 |                           |                                     |               |
| 1                                                                       | Bà Hồ Mỹ Hạnh             | Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế      | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Ngô Thị Hồng Nhung     | Giảng viên Khoa Tài chính-Ngân hàng | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc    | Phó Trưởng phòng TCCB               | Thành viên    |
| 4                                                                       | Ông Nguyễn Hoàng An       | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL          | Thành viên    |
| 5                                                                       | Bà Trần Thị Thái          | Chuyên viên phòng KH&HTQT           | Thành viên    |
| <b>NHÓM 5:</b>                                                          |                           |                                     |               |
| <b>Tiêu chuẩn 9:</b> Cơ sở vật chất và trang thiết bị.                  |                           |                                     | (5 tiêu chí)  |
| 1                                                                       | Bà Nguyễn Thị Minh Phương | Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế      | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Nguyễn Thị Bích Thủy   | Phó Trưởng Khoa Tài chính-Ngân hàng | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa   | Phó Trưởng Khoa Kế toán             | Thành viên    |
| 4                                                                       | Bà Phan Thị Thu Hiền      | Chuyên viên phòng QT&ĐT             | Thành viên    |
| 5                                                                       | Bà Đinh Thị Nga           | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL          | Thành viên    |
| <b>NHÓM 6:</b>                                                          |                           |                                     | (11 tiêu chí) |

|                                                                                                                                                                            |                           |                                 |              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|--------------|
| <b>Tiêu chuẩn 10:</b> Nâng cao chất lượng.                                                                                                                                 |                           |                                 |              |
| <b>Tiêu chuẩn 11:</b> Kết quả đầu ra.                                                                                                                                      |                           |                                 |              |
| 1                                                                                                                                                                          | Bà Nguyễn Thị Minh Phượng | Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế  | Trưởng nhóm  |
| 2                                                                                                                                                                          | Bà Nguyễn Thị Bích Liên   | Giảng viên Khoa Kinh tế         | Thư ký       |
| 3                                                                                                                                                                          | Bà Nguyễn Thị Thúy Quỳnh  | Giảng viên Khoa Kinh tế         | Thành viên   |
| 4                                                                                                                                                                          | Ông Nguyễn Hoàng An       | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL      | Thành viên   |
| 5                                                                                                                                                                          | Bà Hoàng Phan Hải Yến     | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL      | Thành viên   |
| <b>NHÓM 7:</b><br>- Viết báo cáo tự đánh giá.<br>- Lập danh mục minh chứng kèm theo Báo cáo tự đánh giá.<br>- Lập cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. |                           |                                 | (3 sản phẩm) |
| 1                                                                                                                                                                          | Bà Hồ Thị Diệu Ánh        | Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh | Trưởng nhóm  |
| 2                                                                                                                                                                          | Bà Trần Thanh Huyền       | Văn phòng Trường Kinh tế        | Thư ký       |
| 3                                                                                                                                                                          | Bà Nguyễn Thị Hương       | Phó Trưởng phòng Đào tạo SĐH    | Thành viên   |
| 4                                                                                                                                                                          | Ông Nguyễn Thanh Diệu     | Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL  | Thành viên   |
| 5                                                                                                                                                                          | Bà Đinh Thị Nga           | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL      | Thành viên   |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 126 /KH-ĐHV

Nghệ An, ngày 28 tháng 12 năm 2022

### KẾ HOẠCH

**Tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học Công nghệ thông tin,  
Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non),  
LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học,  
LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh**

Căn cứ Quyết định số 3263/QĐ-ĐHV ngày 27/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh. Nhà trường xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo các ngành như sau:

#### 1. Mục đích, yêu cầu tự đánh giá

##### 1.1. Mục đích

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, giải trình với cơ quan chức năng, xã hội về các chương trình đào tạo sau đại học: Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh và để đăng ký kiểm định chất lượng chương trình đào tạo giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/12/2022.

##### 1.2. Yêu cầu

- Các đơn vị, cá nhân được phân công nhiệm vụ chủ động kết nối, triển khai, giám sát việc thực hiện công việc được giao đúng tiến độ.
- Các đơn vị, cá nhân được giao chủ trì chịu trách nhiệm chính trong việc lập kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể, triển khai, giám sát việc thực hiện phần việc được giao.

#### 2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của các ngành sau đại học: Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng (01/01/2018 đến 30/12/2022).

### **3. Công cụ tự đánh giá**

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

### **4. Nội dung tự đánh giá**

Tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh Trường Đại học Vinh theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **5. Hội đồng tự đánh giá**

#### **5.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá**

Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh được thành lập theo Quyết định số 3263/QĐ-ĐHV ngày 27/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh gồm có các thành viên (có danh sách kèm theo Quyết định thành lập).

#### **5.2. Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách**

Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 3263/QĐ-ĐHV ngày 27/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh gồm có các thành viên (có danh sách kèm theo Quyết định thành lập).

#### **5.3. Tổ chức thực hiện**

### 5.3.1. Hội đồng tự đánh giá

- Chủ tịch Hội đồng: chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội đồng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, trong đó xác định những công việc phải thực hiện tương ứng với từng tiêu chuẩn đánh giá, thời gian bắt đầu và kết thúc, người chịu trách nhiệm chính và những người phối hợp; triệu tập và điều hành các phiên họp của Hội đồng; phê duyệt kế hoạch tự đánh giá; chỉ đạo quá trình thu thập thông tin, minh chứng, xử lý, phân tích và viết báo cáo tự đánh giá; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá.

- Phó Chủ tịch Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng uỷ quyền, có nhiệm vụ điều hành Hội đồng và chịu trách nhiệm về công việc được uỷ quyền.

- Các thành viên khác của Hội đồng có nhiệm vụ thực hiện những công việc do Chủ tịch Hội đồng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được giao.

### 5.3.2. Ban thư ký

Trưởng ban thư ký: Chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo dự thảo, báo cáo chính thức và trình Hội đồng tự đánh giá.

Các ủy viên thư ký: Chịu trách nhiệm tổng hợp bản thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn của nhóm mình phụ trách. Góp ý cho dự thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung

### 5.3.3. Các nhóm chuyên trách

Trưởng nhóm: Điều hành chung, chủ động tổ chức họp nhóm để phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm tìm thông tin, minh chứng, viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công. Chịu trách nhiệm đối với các tiêu chuẩn của nhóm mình phụ trách, kế hoạch triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng tự đánh giá.

Thư ký nhóm: Giúp trưởng nhóm quản lý các hoạt động của nhóm, góp ý các báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo tổng hợp, lập biên bản, phân loại và lưu trữ minh chứng, phác thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn do nhóm mình phụ trách.

Các thành viên: Chịu trách nhiệm hoàn thành hồ sơ các Phụ lục theo Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD, ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng, bao gồm: Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng (Phụ lục 3); Phiếu đánh giá tiêu chí (Phụ lục 4a). Viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn thuộc nhóm mình phụ trách và phân biện các nhóm khác theo phân công.

| TT | Tiêu chuẩn                   | Nhóm công tác chuyên trách | Thời gian thu thập thông tin và MC | Ghi chú |
|----|------------------------------|----------------------------|------------------------------------|---------|
| 1  | Tiêu chuẩn 1<br>Tiêu chuẩn 2 | Nhóm 1                     | 27/12/2022-21/6/2023               |         |
| 2  | Tiêu chuẩn 3                 | Nhóm 2                     | 27/12/2022-21/6/2023               |         |

|   |                                                                                   |        |                      |  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------------|--|
|   | Tiêu chuẩn 4                                                                      |        |                      |  |
| 3 | Tiêu chuẩn 5<br>Tiêu chuẩn 8                                                      | Nhóm 3 | 27/12/2022-21/6/2023 |  |
| 4 | Tiêu chuẩn 6<br>Tiêu chuẩn 7                                                      | Nhóm 4 | 27/12/2022-21/6/2023 |  |
| 5 | Tiêu chuẩn 9                                                                      | Nhóm 5 | 27/12/2022-21/6/2023 |  |
| 6 | Tiêu chuẩn 10<br>Tiêu chuẩn 11                                                    | Nhóm 6 | 27/12/2022-21/6/2023 |  |
| 7 | Báo cáo tự đánh giá,<br>Danh mục MC<br>Cơ sở dữ liệu kiểm định<br>chất lượng CTĐT | Nhóm 7 | 27/12/2022-21/6/2023 |  |

#### 6. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

- Thời gian: Dự kiến thời gian tập huấn là 1 ngày.
- Thành phần: Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký giúp việc Hội đồng tự đánh giá và các cán bộ, giảng viên,... trong trường có quan tâm.
- Nội dung chương trình tập huấn: Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ triển khai công tác tự đánh giá và kỹ thuật viết báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 7. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

- Nguồn nhân lực chính: Bao gồm các thành viên Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách. Hội đồng có thể huy động thêm nhân sự từ các đơn vị (phòng, khoa, trung tâm).
- Tài chính: Kinh phí phục vụ công tác tự đánh giá thực hiện theo dự toán được duyệt.

| TT | Tiêu chuẩn        | Các hoạt động                                                                                                                                                           | Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp                                                             | Thời gian                |
|----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1  | Tiêu chuẩn 1 và 2 | - Phân tích tiêu chí (1-6);<br>- Dự kiến TT-MC;<br>- Thu thập TT-MC;<br>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;<br>- Đánh giá tiêu chí (1-6);<br>- Viết báo cáo tiêu chuẩn. | - Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa, phòng Đào tạo;<br>- Kinh phí theo Qui chế chi tiêu nội bộ. | 27/12/2022<br>-21/6/2023 |
| 2  | Tiêu chuẩn        | - Phân tích tiêu chí (7-12);<br>- Dự kiến TT-MC;                                                                                                                        | - Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa, phòng                                                      | 27/12/2022<br>-21/6/2023 |

| TT | Tiêu chuẩn          | Các hoạt động                                                                                                                                                               | Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp                                                                                                 | Thời gian                |
|----|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
|    | 3 và 4              | - Thu thập TT-MC;<br>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;<br>- Đánh giá tiêu chí (7-12);<br>- Viết báo cáo tiêu chuẩn.                                                       | Đào tạo;<br>- Kinh phí theo Qui chế chi tiêu nội bộ.                                                                                          |                          |
| 3  | Tiêu chuẩn 5 và 8   | - Phân tích tiêu chí (13-34);<br>- Dự kiến TT-MC;<br>- Thu thập TT-MC;<br>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;<br>- Đánh giá tiêu chí (13-34);<br>- Viết báo cáo tiêu chuẩn. | - Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa, phòng Đào tạo, phòng CTCT-HSSV, TT DV, HTSV& QHDN;<br>- Kinh phí theo Qui chế chi tiêu nội bộ. | 27/12/2022<br>-21/6/2023 |
| 4  | Tiêu chuẩn 6 và 7   | - Phân tích tiêu chí (18-29);<br>- Dự kiến TT-MC;<br>- Thu thập TT-MC;<br>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;<br>- Đánh giá tiêu chí (18-29);<br>- Viết báo cáo tiêu chuẩn. | - Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng TCCB;<br>- Kinh phí theo Qui chế chi tiêu nội bộ.                                                        | 27/12/2022<br>-21/6/2023 |
| 5  | Tiêu chuẩn 9        | - Phân tích tiêu chí (35-39);<br>- Dự kiến TT-MC;<br>- Thu thập TT-MC;<br>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;<br>- Đánh giá tiêu chí (35-39);<br>- Viết báo cáo tiêu chuẩn. | - Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng QT&ĐT, Trung tâm TT-TV, Trung tâm TH - TN<br>- Kinh phí theo Qui chế chi tiêu nội bộ.                    | 27/12/2022<br>-21/6/2023 |
| 6  | Tiêu chuẩn 10 và 11 | - Phân tích tiêu chí (40-50);<br>- Dự kiến TT-MC;<br>- Thu thập TT-MC;<br>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;<br>- Đánh giá tiêu chí (40-50);<br>- Viết báo cáo tiêu chuẩn. | - Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng, phòng Đào tạo, TT ĐBCL;<br>- Kinh phí theo Qui chế chi tiêu nội bộ.                                 | 27/12/2022<br>-21/6/2023 |

#### **8. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài Trường và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

#### **9. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai tự đánh giá**

Thuê chuyên gia (1 người) tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ triển khai công tác tự đánh giá và kỹ thuật viết báo cáo tự đánh giá theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (1 ngày).

#### **10. Lập bảng danh mục mã minh chứng và xây dựng hồ sơ minh chứng online**

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định được nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hóa các minh chứng thu được. Hội đồng tự đánh giá thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được, lập bảng danh mục mã minh chứng và xây dựng hồ sơ minh chứng online.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo tự đánh giá).

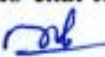
#### **11. Thời gian và nội dung hoạt động**

Thời gian và nội dung hoạt động triển khai thực hiện tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh theo lịch trình sau:

| <b>Thời gian</b>                                                                                            | <b>Các hoạt động</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tuần 1 - 2</b><br>(27/12/2022 - 09/01/2023)                                                              | <ol style="list-style-type: none"> <li>Họp Lãnh đạo Trường và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</li> <li>Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</li> <li>Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> <li>Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</li> <li>Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;</li> <li>Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</li> <li>Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.</li> </ul> </li> </ol>                        |
| <b>Tuần 3-4</b><br>(10/01/2023 - 01/02/2023;<br>Từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/01/2023 nghỉ tết nguyên đán) | <ol style="list-style-type: none"> <li>Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.</li> <li>Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan.</li> <li>Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> <li>Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT;</li> <li>Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT);</li> <li>Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.</li> </ul> </li> </ol> |
| <b>Tuần 5 - 8</b>                                                                                           | <ol style="list-style-type: none"> <li>Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công</li> </ol>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| Thời gian                                        | Các hoạt động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (02/02/2023 - 28/02/2023)                        | nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.<br>2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.<br>3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.<br>4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được.<br>5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.<br>6. Xây dựng hồ sơ minh chứng online. |
| <b>Tuần 9 - 15</b><br>(01/03/2023 - 19/04/2023)  | 1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).<br>2. Trường các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>Tuần 16</b><br>(20/04/2023 - 26/04/2023)      | Hội đồng tự đánh giá CTĐT:<br>- Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;<br>- Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá;<br>- Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được;<br>- Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;<br>- Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.                                                    |
| <b>Tuần 17 - 18</b><br>(27/04/2023 - 10/05/2023) | 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).<br>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, trung tâm... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>Tuần 19 - 21</b><br>(11/05/2023 - 31/05/2023) | 1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban ...) trong Nhà trường và đơn vị thực hiện CTĐT.<br>2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>Tuần 22 - 23</b><br>(01/06/2023 - 14/06/2023) | 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện;<br>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét.<br>3. Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.                                                                                                                                                                                                              |
| <b>Tuần 24</b><br>(15/06/2023 - 21/06/2023)      | 1. Trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo.<br>2. Trường bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá.                                                                                                                                                                                                                                                    |

Trên đây là Kế hoạch tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/12/2022,

Nhà trường yêu cầu các tập thể, cá nhân liên quan nghiêm túc, triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần giải quyết, đề nghị phản ánh về Trường qua Trung tâm Đảm bảo chất lượng, trực tiếp qua đồng chí: Nguyễn Thanh Diệu - Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Đảm bảo chất lượng (điện thoại: 0913.007.332; email: [ttdbcl@vinhuni.edu.vn](mailto:ttdbcl@vinhuni.edu.vn)) để được xử lý. 

**Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: HCTH, ĐBCL. 



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~2763~~/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày ~~11~~ tháng 10 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo trình độ sau đại học Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh, Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng và Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều 21 của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;*

*Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-ĐHV ngày 22/4/2022 của Trường Đại học Vinh về việc tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2025;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo trình độ sau đại học: Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh, Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng và Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật của Trường Đại học Vinh gồm các ông (bà) có tên sau đây (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đảm bảo chất lượng, Đào tạo Sau đại học, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐBCL.

**HIỆU TRƯỞNG**



**GS.TS. Nguyễn Huy Bằng**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học  
ngành Quản trị kinh doanh

(Kèm theo Quyết định số 2763/QĐ-ĐHV ngày 11 tháng 10 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| TT | Họ và tên                 | Chức danh, chức vụ                   | Nhiệm vụ     |
|----|---------------------------|--------------------------------------|--------------|
| 1  | Ông Nguyễn Huy Bằng       | Hiệu trưởng                          | Chủ tịch     |
| 2  | Nguyễn Thị Thu Cúc        | Phó Hiệu trưởng                      | Phó Chủ tịch |
| 3  | Bà Nguyễn Thị Minh Phương | Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế       | Phó Chủ tịch |
| 4  | Ông Nguyễn Thanh Diệu     | Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL       | Thư ký       |
| 5  | Bà Hoàng Phan Hải Yến     | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL           | Thành viên   |
| 6  | Ông Nguyễn Văn Phú        | Trưởng phòng Đào tạo SDH             | Thành viên   |
| 7  | Ông Thiều Đình Phong      | Trưởng phòng TCCB                    | Thành viên   |
| 8  | Ông Nguyễn Hồng Soa       | Trưởng phòng CTCT-HSSV               | Thành viên   |
| 9  | Ông Mai Văn Chung         | Trưởng phòng KH&HTQT                 | Thành viên   |
| 10 | Ông Hoàng Việt Dũng       | Trưởng phòng KH-TC                   | Thành viên   |
| 11 | Ông Nguyễn Đức Bình       | Giám đốc Trung tâm TT-TV NTH         | Thành viên   |
| 12 | Ông Trần Đình Luân        | Trưởng phòng QT&ĐT                   | Thành viên   |
| 13 | Ông Lê Công Đức           | Giám đốc Trung tâm DV, HTSV & QHDN   | Thành viên   |
| 14 | Bà Hồ Thị Diệu Anh        | Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh      | Thành viên   |
| 15 | Ông Trần Quang Bách       | Phó Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh  | Thành viên   |
| 16 | Bà Trần Thị Lê Na         | Phó Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh  | Thành viên   |
| 17 | Ông Đặng Thành Cương      | Trưởng Khoa Tài chính - Ngân hàng    | Thành viên   |
| 18 | Bà Hồ Mỹ Hạnh             | Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế       | Thành viên   |
| 19 | Ông Lê Thanh Tùng         | HVCH Khóa 30 A2, Quản trị kinh doanh | Thành viên   |

Danh sách này gồm có 19 người./

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### DANH SÁCH

**Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học  
ngành Quản trị kinh doanh**

(Kèm theo Quyết định số 2763 /QĐ-ĐHV ngày 11 tháng 10 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| TT | Họ và tên                | Chức danh, chức vụ                  | Nhiệm vụ   |
|----|--------------------------|-------------------------------------|------------|
| 1  | Ông Nguyễn Thanh Diệu    | Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL      | Trưởng ban |
| 2  | Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc   | Phó Trưởng phòng TCCB               | Thành viên |
| 3  | Bà Nguyễn Thị Hương      | Phó Trưởng phòng Đào tạo SDH        | Thành viên |
| 4  | Ông Nguyễn Tiến Cường    | Chuyên viên phòng Đào tạo SDH       | Thành viên |
| 5  | Bà Phan Thị Thu Hiền     | Chuyên viên phòng QT&ĐT             | Thành viên |
| 6  | Ông Lê Trần Nam          | Chuyên viên phòng CTCT-HSSV         | Thành viên |
| 7  | Bà Lâm Thu Trang         | Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH     | Thành viên |
| 8  | Bà Đinh Thị Nga          | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL          | Thành viên |
| 9  | Ông Nguyễn Hoàng An      | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL          | Thành viên |
| 10 | Bà Nguyễn Mai Phương     | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL          | Thành viên |
| 11 | Ông Nguyễn Lê Ái Vĩnh    | Phó Trưởng phòng Đào tạo            | Thành viên |
| 12 | Bà Trần Thị Thái         | Chuyên viên Phòng KH&HTQT           | Thành viên |
| 13 | Bà Nguyễn Thị Bích Thủy  | Phó Trưởng Khoa Tài chính-Ngân hàng | Thành viên |
| 14 | Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa  | Phó Trưởng Khoa Kế toán             | Thành viên |
| 15 | Bà Ngô Thị Hồng Nhung    | Giảng viên Khoa Tài chính-Ngân hàng | Thành viên |
| 16 | Bà Trần Thị Hoàng Mai    | Phó Trưởng Khoa Kinh tế             | Thành viên |
| 17 | Bà Lê Vũ Sao Mai         | Trưởng Khoa Kinh tế                 | Thành viên |
| 18 | Bà Phạm Thị Thúy Hằng    | Trưởng Khoa Kế toán                 | Thành viên |
| 19 | Bà Hoàng Thị Việt        | Giảng viên Khoa Tài chính-Ngân hàng | Thành viên |
| 20 | Bà Đặng Thúy Anh         | Giảng viên Khoa Kế toán             | Thành viên |
| 21 | Bà Hoàng Thị Cẩm Thương  | Giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh | Thành viên |
| 22 | Bà Nguyễn Thị Bích Liên  | Giảng viên Khoa Kinh tế             | Thành viên |
| 23 | Bà Nguyễn Thị Thúy Quỳnh | Giảng viên Khoa Kinh tế             | Thành viên |
| 24 | Bà Trần Thanh Huyền      | Văn phòng Trường Kinh tế            | Thành viên |

Danh sách này gồm có 24 người./

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**  
(Ngành Quản trị kinh doanh)

(Kèm theo Quyết định số: 2763/QĐ-ĐHV ngày 11 tháng 10 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| TT                                                                      | Họ và tên                 | Chức danh, chức vụ                  | Nhiệm vụ      |
|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------|---------------|
| <b>NHÓM 1:</b>                                                          |                           |                                     |               |
| <b>Tiêu chuẩn 1:</b> Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. |                           |                                     | (6 tiêu chí)  |
| <b>Tiêu chuẩn 2:</b> Bản mô tả chương trình đào tạo.                    |                           |                                     |               |
| 1                                                                       | Bà Hồ Thị Diệu Anh        | Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh     | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Hoàng Thị Cẩm Thương   | Giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Đặng Thủy Anh          | Giảng viên Khoa Kế toán             | Thành viên    |
| 4                                                                       | Ông Nguyễn Văn Phú        | Trưởng phòng Đào tạo SDH            | Thành viên    |
| 5                                                                       | Ông Nguyễn Tiến Cường     | Chuyên viên phòng Đào tạo SDH       | Thành viên    |
| <b>NHÓM 2:</b>                                                          |                           |                                     |               |
| <b>Tiêu chuẩn 3:</b> Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.         |                           |                                     | (6 tiêu chí)  |
| <b>Tiêu chuẩn 4:</b> Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.             |                           |                                     |               |
| 1                                                                       | Ông Trần Quang Bách       | Phó Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Hoàng Thị Việt         | Giảng viên Khoa Tài chính-Ngân hàng | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Trần Thị Hoàng Mai     | Phó Trưởng Khoa Kinh tế             | Thành viên    |
| 4                                                                       | Ông Nguyễn Văn Phú        | Trưởng phòng Đào tạo SDH            | Thành viên    |
| 5                                                                       | Ông Nguyễn Lê Ái Vinh     | Phó Trưởng phòng Đào tạo            | Thành viên    |
| <b>NHÓM 3:</b>                                                          |                           |                                     |               |
| <b>Tiêu chuẩn 5:</b> Đánh giá kết quả học tập của người học.            |                           |                                     | (10 tiêu chí) |
| <b>Tiêu chuẩn 8:</b> Người học và hoạt động hỗ trợ người học.           |                           |                                     |               |
| 1                                                                       | Bà Trần Thị Lê Na         | Phó Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Lê Vũ Sao Mai          | Trưởng Khoa Kinh tế                 | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Phạm Thị Thủy Hằng     | Trưởng Khoa Kế toán                 | Thành viên    |
| 4                                                                       | Ông Lê Trần Nam           | Chuyên viên phòng CTCT-HSSV         | Thành viên    |
| 5                                                                       | Bà Nguyễn Mai Phương      | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL          | Thành viên    |
| <b>NHÓM 4:</b>                                                          |                           |                                     |               |
| <b>Tiêu chuẩn 6:</b> Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.               |                           |                                     | (12 tiêu chí) |
| <b>Tiêu chuẩn 7:</b> Đội ngũ nhân viên.                                 |                           |                                     |               |
| 1                                                                       | Bà Hồ Mỹ Hạnh             | Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế      | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Ngô Thị Hồng Nhung     | Giảng viên Khoa Tài chính-Ngân hàng | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc    | Phó Trưởng phòng TCCB               | Thành viên    |
| 4                                                                       | Ông Nguyễn Hoàng An       | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL          | Thành viên    |
| 5                                                                       | Bà Trần Thị Thái          | Chuyên viên phòng KH&HTQT           | Thành viên    |
| <b>NHÓM 5:</b>                                                          |                           |                                     |               |
| <b>Tiêu chuẩn 9:</b> Cơ sở vật chất và trang thiết bị.                  |                           |                                     | (5 tiêu chí)  |
| 1                                                                       | Bà Nguyễn Thị Minh Phượng | Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế      | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Nguyễn Thị Bích Thủy   | Phó Trưởng Khoa Tài chính-Ngân hàng | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa   | Phó Trưởng Khoa Kế toán             | Thành viên    |
| 4                                                                       | Bà Phan Thị Thu Hiền      | Chuyên viên phòng QT&ĐT             | Thành viên    |
| 5                                                                       | Bà Đinh Thị Nga           | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL          | Thành viên    |
| <b>NHÓM 6:</b>                                                          |                           |                                     | (11 tiêu chí) |

|                                                                                                                                                                            |                           |                                 |              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|--------------|
| <b>Tiêu chuẩn 10:</b> Nâng cao chất lượng.                                                                                                                                 |                           |                                 |              |
| <b>Tiêu chuẩn 11:</b> Kết quả đầu ra.                                                                                                                                      |                           |                                 |              |
| 1                                                                                                                                                                          | Bà Nguyễn Thị Minh Phương | Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế  | Trưởng nhóm  |
| 2                                                                                                                                                                          | Bà Nguyễn Thị Bích Liên   | Giảng viên Khoa Kinh tế         | Thư ký       |
| 3                                                                                                                                                                          | Bà Nguyễn Thị Thúy Quỳnh  | Giảng viên Khoa Kinh tế         | Thành viên   |
| 4                                                                                                                                                                          | Ông Nguyễn Hoàng An       | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL      | Thành viên   |
| 5                                                                                                                                                                          | Bà Hoàng Phan Hải Yến     | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL      | Thành viên   |
| <b>NHÓM 7:</b><br>- Viết báo cáo tự đánh giá.<br>- Lập danh mục minh chứng kèm theo Báo cáo tự đánh giá.<br>- Lập cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. |                           |                                 | (3 sản phẩm) |
| 1                                                                                                                                                                          | Bà Hồ Thị Diệu Ánh        | Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh | Trưởng nhóm  |
| 2                                                                                                                                                                          | Bà Trần Thanh Huyền       | Văn phòng Trường Kinh tế        | Thư ký       |
| 3                                                                                                                                                                          | Bà Nguyễn Thị Hương       | Phó Trưởng phòng Đào tạo SDH    | Thành viên   |
| 4                                                                                                                                                                          | Ông Nguyễn Thanh Diệu     | Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL  | Thành viên   |
| 5                                                                                                                                                                          | Bà Đinh Thị Nga           | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL      | Thành viên   |

